

**BẢN SAO CÁC CÔNG VĂN GÓP Ý
ĐỐI VỚI DỰ THẢO BÁO CÁO
QUY HOẠCH TỔNG THỂ QUỐC GIA
THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

DANH SÁCH CÔNG VĂN GÓP Ý

CƠ QUAN ĐẢNG

1. Ban Kinh tế Trung ương

CƠ QUAN CỦA QUỐC HỘI

2. Ủy ban Xã hội

CÁC BỘ, NGÀNH

1. Bộ Quốc phòng
2. Bộ Công an
3. Bộ Ngoại giao
4. Bộ Nội vụ
5. Bộ Công Thương
6. Bộ Giao thông vận tải
7. Bộ Giáo dục và đào tạo
8. Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội
9. Bộ Thông tin và Truyền thông
10. Bộ Văn hóa, Thể thao, Du lịch
11. Bộ Xây Dựng
12. Bộ Y tế
13. Bộ Tư Pháp
14. Ủy ban Dân tộc

UBND CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

1. An Giang
2. Bắc Giang
3. Bạc Liêu
4. Bắc Ninh
5. Bến Tre
6. Bình Định
7. Bình Dương
8. Bình Phước
9. Bình Thuận
10. Cà Mau
11. Cần Thơ
12. Đà Nẵng

- 13.Đắk Lắk
- 14.Đắk Nông
- 15.Đồng Tháp
- 16.Gia Lai
- 17.Hà Nam
- 18.Hà Nội
- 19.Hải Phòng
- 20.Hậu Giang
- 21.Hòa Bình
- 22.Khánh Hòa
- 23.Kiên Giang
- 24.Kon Tum
- 25.Lai Châu
- 26.Lâm Đồng
- 27.Lạng Sơn
- 28.Lào Cai
- 29.Long An
- 30.Nam Định
- 31.Nghệ An
- 32.Ninh Bình
- 33.Ninh Thuận
- 34.Phú Thọ
- 35.Phú Yên
- 36.Quảng Bình
- 37.Quảng Nam
- 38.Quảng Ngãi
- 39.Quảng Ninh
- 40.Quảng Trị
- 41.Sóc Trăng
- 42.Sơn La
- 43.Thái Nguyên
- 44.Thanh Hóa
- 45.Thừa Thiên - Huế
- 46.Tiền Giang
- 47.Trà Vinh
- 48.Tuyên Quang
- 49.Vĩnh Long
- 50.Yên Bái

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
BAN KINH TẾ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2022

Số 2399 - CV/BKTTW

VIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN	
Dự thảo "Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050"	
Số: 138	ĐẾN
Ngày: 19/8/2022	Ngày: 08/8/2022
Chuyển:	Chuyển:
Số và ký hiệu HS:	Số và ký hiệu HS:

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	
Số: 33000	ĐẾN
Ngày: 08/8/2022	Ngày: 08/8/2022
Chuyển:	Chuyển:
Số và ký hiệu HS:	Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Phức tạp Công văn số 5091/BKHĐT-CLPT. ngày 25/07/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến đối với Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Ban Kinh tế Trung ương có ý kiến như sau:

I. NHẬN XÉT CHUNG

Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây gọi tắt là Báo cáo) về cơ bản đã được xây dựng bám theo các yêu cầu tại Nghị quyết số 143/NQ-CP ngày 04/10/2020 của Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ lập quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050. Dự thảo Báo cáo đến thời điểm này đã tổng hợp công phu, đầy đủ các ngành, lĩnh vực và bám sát Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2030 và Luật Quy hoạch năm 2017.

Tuy nhiên, việc lập Quy hoạch tổng thể quốc gia cần dựa trên các chủ trương chính sách lớn của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế xã hội; chính sách ngành, chính sách đất đai, dân số... Vì vậy, Quy hoạch tổng thể quốc gia cần tích hợp các chủ trương chính sách có liên quan. Theo đó, đề nghị Báo cáo bổ sung và cập nhật các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng: Nghị quyết 11-NQ/TW ngày 03/6/2017 về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Nghị quyết 12-NQ/TW ngày 03/6/2021 về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước; Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/6/2017 về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Nghị quyết 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới; cùng với các Nghị quyết về các ngành, lĩnh vực như: Nghị quyết 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 về định hướng phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cách mạng công nghiệp lần thứ 4; Nghị quyết 55-NQ/TW ngày 27/2/2020 về định hướng chính sách năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022 về chính sách đất đai; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 về công tác dân số trong tình hình mới...

Tại các nội dung của Báo cáo, đề nghị trích dẫn về định hướng phát triển đã được nêu tại các Nghị quyết của Đảng để đảm bảo định hướng Quy hoạch phù hợp với đường lối chủ trương của Đảng đề ra.

II. MỘT SỐ GÓP Ý CỤ THỂ

1. Đề nghị điều chỉnh lại về quan điểm xây dựng Quy hoạch tổng thể quốc gia cho phù hợp với quan điểm phát triển chung, không chỉ gói gọn trong phạm vi quan điểm phát triển và tổ chức không gian phát triển đất nước; bởi vì Quy hoạch liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực cũng như tất cả các vùng, các địa phương. Các quán điểm cần thể hiện ở các nội dung như: Vai trò của Quy hoạch tổng thể; Vai trò, trách nhiệm của các chủ thể trong việc thực hiện quy hoạch; nguồn lực thực hiện Quy hoạch (nhân lực, tài chính, công nghệ...)...

2. Nội dung Dự thảo Báo cáo có tính kế thừa trên cơ sở tích hợp các hợp phần đã được nghiên cứu, tuy nhiên chưa làm rõ và nổi bật các yếu tố mới của một Báo cáo tổng hợp để làm luận cứ có tính thuyết phục đối với các đề xuất, định hướng mới.

- Trông phần thực trạng, Báo cáo mới sử dụng những số liệu có tính tổng quát của nền kinh tế, chưa đi sâu tách bạch rõ bản chất và đóng góp của các khu vực kinh tế. Trong số các yếu tố và điều kiện phát triển của quốc gia có các nhân tố ở trạng thái tĩnh (đánh giá về tiềm năng vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, thổ nhưỡng...) nhưng có các nhân tố ở trạng thái động (như dân số, phân bố dân cư; nguồn nhân lực đào tạo....). Ngược lại, quy hoạch quốc gia sẽ tác động đến các yếu tố này: Phân bố dân cư sẽ thay đổi theo quy hoạch, lợi thế so sánh, lợi thế cạnh tranh của các địa phương cũng sẽ chịu thay đổi sau khi có quy hoạch.... Do đó, cần có đánh giá chuyên sâu để có thể lượng hoá (một cách tương đối) về sự tác động tới phát triển kinh tế, phân bố ngành kinh tế của các nhân tố trạng thái động.

- Công nghệ đang phát triển rất nhanh và đang thay đổi cách thức tổ chức sản xuất, cách thức tiêu dùng... Trong khi, Quy hoạch có tính ổn định trong thời gian khá dài. Vì vậy, rất cần có đánh giá và dự báo ngắn hạn, dài hạn về xu hướng thay đổi cách thức tổ chức sản xuất, chính sách công nghiệp hóa, phương thức và mô hình tiêu dùng trong tương lai để làm căn cứ đặt ra các định hướng quy hoạch đón đầu xu hướng này. Ví dụ, đề nghị cân nhắc bổ sung đánh giá về sự phát triển nhanh chóng của các ngành công nghiệp chiến lược mới nổi như tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường; công nghệ thông tin thế hệ tiếp theo; nghiên cứu bổ sung không gian cho những ngành, lĩnh vực mới phát triển và trở thành động lực phát triển cho tương lai của nền kinh tế Việt Nam như: Công nghệ chuyển đổi số, nền tảng công nghệ sinh học mới, ứng phó với biến đổi khí hậu, thúc đẩy làn sóng phát triển xanh và các-bon thấp; quy mô ứng dụng công nghệ sản xuất sạch hơn tiếp tục được mở rộng; cuộc cách mạng năng lượng mới đang thay đổi nhu cầu về tài nguyên và năng lượng hiện

có; công nghiệp sáng tạo và kỹ thuật số dần trở thành một ngành công nghiệp chuyên sâu về trí tuệ, thúc đẩy việc cung cấp hiệu quả các sản phẩm và dịch vụ chất lượng.

- Trong dự thảo Báo cáo mới chỉ nêu một số ngành dịch vụ cơ bản, nhưng cùng với sự phát triển của Đất nước trong giai đoạn tới sẽ có những ngành mới xuất hiện. Do đó, đề nghị nghiên cứu, bổ sung quan điểm và định hướng phát triển các ngành mới này trong cơ cấu các ngành dịch vụ nói riêng và cơ cấu kinh tế Việt Nam nói chung.

3. Trong Quy hoạch nhấn mạnh nhiều đến *Hành lang kinh tế*. Tuy nhiên, Dự thảo Báo cáo Quy hoạch mới chỉ đơn thuần đề cập *Hành lang kinh tế* là một trục đường vận tải mà chưa làm rõ được nội hàm của *Hành lang kinh tế*. Do đó, đề nghị làm rõ nội hàm của *Hành lang kinh tế*, những yếu tố cần thiết và điều kiện để hình thành *Hành lang kinh tế*. Thêm vào đó, cần làm nổi bật khả năng kết nối quốc tế và khu vực, tính tương thích với 02 chiến lược lớn: Chiến lược vành đai con đường của Trung Quốc và Chiến lược Ấn Độ Dương Thái Bình Dương của Mỹ của các hành lang kinh tế này.

4. Quy hoạch cần cụ thể hơn về phát triển kinh tế biển.

5. Đề nghị bổ sung thêm một chương về kinh tế rừng, làm cơ sở cho việc xây dựng các chính sách phát triển kinh tế rừng một cách bền vững.

Trên đây là một số ý kiến của Ban Kinh tế Trung ương, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Đồng chí Trưởng Ban (để b/c),
- Vụ Kinh tế tổng hợp,
- Lưu Văn phòng Ban.



Số: 961/UBXH15

Hà Nội, ngày 03 tháng 8 năm 2022

V/v ý kiến đối với Quy hoạch tổng thể
quốc gia thời kỳ 2021-2030,
tầm nhìn đến năm 2050

VIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

ĐẾN Số: 703
Ngày: 04/8/2022
Chuyên:
Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Phức đáp Công văn số 5091/BKHĐT-CLPT ngày 25/7/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc tham gia ý kiến đối với dự thảo báo cáo Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, qua nghiên cứu hồ sơ, Thường trực Ủy ban Xã hội cơ bản nhất trí với dự thảo Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Đồng thời, đề nghị cần làm rõ thêm một số vấn đề như sau:

1. Những vấn đề chung

(1) Quy hoạch tổng thể quốc gia là quy hoạch có phạm vi rộng, tính vĩ mô cao, liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực, khu vực, vùng miền, là cơ sở để lập các quy hoạch quốc gia khác, các quy hoạch “cấp dưới”¹ và có ảnh hưởng sâu sắc đến quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Việc lập quy hoạch tổng thể quốc gia là cần thiết để định hướng phân vùng và liên kết vùng trên lãnh thổ quốc gia nhằm bố trí không gian phát triển đồng bộ, hướng tới thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững.

(2) Định hướng quy hoạch tổng thể quốc gia, cần lưu ý thêm về vấn đề phân vùng để bảo đảm tính hợp lý. Việc phân vùng cần đánh giá, tìm ra tiềm năng khác biệt, cơ hội nổi trội, lợi thế cạnh tranh để xác định các lĩnh vực phát triển theo từng vùng trọng điểm. Đề nghị cần làm rõ hơn tích chất phân vùng *Trung du và miền núi phía Bắc, đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung, Đông Nam Bộ và Tây Nguyên*. trong các quy hoạch cơ sở y tế, bảo trợ xã hội và người có công với cách mạng, hiện nay, tính chất vùng trong các quy hoạch cụ thể còn thấp hoặc không rõ trong Quy hoạch tổng thể quốc gia. Đặc biệt, quy hoạch tổng thể quốc gia không chỉ tập trung vào phát triển kinh tế mà còn phải cân đối hài hòa với phát triển văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế... Quy hoạch tổng thể quốc gia phải gắn với phát triển khu vực Đông Nam Á, Châu Á và quốc tế, lựa chọn lĩnh vực có tiềm năng khác biệt để phát triển có lợi thế cạnh tranh. Do vậy, cũng cần quan tâm đến vấn

¹ Theo khoản 1 Điều 6 Luật Quy hoạch: Quy hoạch tổng thể quốc gia là cơ sở để lập quy hoạch không gian biên quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn trên cả nước.

đề nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người nước ngoài tại Việt Nam, sự phát triển các cơ sở chăm sóc người già là người nước ngoài tại Việt Nam... Bên cạnh đó, quy hoạch tổng thể quốc gia hiện nay đang thiên về quy hoạch đối với các khu vực nhà nước hoặc được đầu tư từ ngân sách nhà nước, chưa thể hiện rõ sự tham gia của tư nhân trong phát triển các dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe, trợ giúp xã hội, chăm sóc người cao tuổi... Đây là điểm hạn chế đối với phát triển tổng thể quốc gia khi công tác lập quy hoạch chưa có dành “không gian” hoặc “chưa rõ” vị trí của khu vực tư nhân tham gia các dịch vụ xã hội trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

(3) Công tác dự báo trong quá trình lập quy hoạch mới đã dựa trên cơ sở khoa học, đảm bảo sự linh hoạt trong quản lý kinh tế vĩ mô đáp ứng những thay đổi nhanh chóng của xã hội và của nền kinh tế, đồng thời cũng gắn với thực tiễn và dự báo được các vấn đề kinh tế - xã hội trong tương lai. Do vậy, các nội dung của quy hoạch liên quan đến lĩnh vực xã hội, y tế cũng cần gắn với các dự báo về nhu cầu trợ giúp xã hội, chăm sóc sức khỏe của người dân, già hóa dân số... đến năm 2030, 2050 thì mới có đủ cơ sở khoa học và thực tiễn phát triển mạng lưới cơ sở y tế, cơ sở trợ giúp xã hội, nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng. Hiện nay, việc dự báo các nhu cầu này chưa có/chưa rõ trong các quy hoạch mạng lưới các cơ sở của lĩnh vực xã hội và y tế giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến 2050, do vậy còn nhiều băn khoăn về tính khả thi của các nội dung này trong quy hoạch quốc gia.

(4) Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII xác định các mục tiêu với các mốc thời gian cụ thể là:

- Đến năm 2025: Là nước đang phát triển có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp.

- Đến năm 2030: Là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao.

- Đến năm 2045: Trở thành nước phát triển, thu nhập cao.

Do đó, đề nghị nghiên cứu kết cấu các giai đoạn trong Quy hoạch tổng thể quốc gia gắn với các mục tiêu và mốc thời gian nêu trên.

(5) Đề nghị cần rà soát, xử lý kỹ một số vấn đề phát sinh do một số quy hoạch ngành quốc gia lần đầu được lập và lập trước Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng nên gặp nhiều khó khăn trong việc lập quy hoạch này, đã được nêu ra trong Báo cáo số 166/BC-ĐGS ngày 27/5/2022 của Đoàn giám sát tối cao của Quốc hội khóa XV như: Quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập... Danh mục quy hoạch chưa phù hợp với phạm vi quản lý của Bộ, ngành: Có quy hoạch được lập ở cấp quốc gia nhưng đối tượng của quy hoạch đã được phân cấp cho địa

phương quản lý²; Có quy hoạch ngành quốc gia có nội dung lại trùng với nội dung quy hoạch cấp quốc gia khác³ hoặc quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành⁴.

(6) Đề nghị cần lấy ý kiến đóng góp của Nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, đặc biệt là các hội nghề nghiệp (đảm bảo về thời gian, hình thức lấy ý kiến phù hợp, khả thi theo quy định của pháp luật) vào dự thảo quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2050; đồng thời cung cấp đầy đủ, minh bạch kết quả tiếp thu, giải trình của cơ quan lập quy hoạch về các ý kiến góp ý của người dân, của các cơ quan, tổ chức nhằm tránh tình trạng quy hoạch được lập một chiều, mang nặng ý chí của cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực.

(7) Đề nghị cần rà soát, tiếp thu nghiêm túc, có trách nhiệm cao về các ý kiến của Đoàn giám sát chuyên đề “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về công tác quy hoạch kể từ khi Luật Quy hoạch có hiệu lực thi hành” để khắc phục tồn tại, hạn chế của công tác quy hoạch, nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về công tác quy hoạch, góp phần hoàn thiện thể chế về quy hoạch (Báo cáo số 166/BC-ĐGS ngày 27/5/2022 của Đoàn giám sát tối cao của Quốc hội khóa XV).

(8) Các thông tin đầu vào và căn cứ thực tiễn để xây dựng Quy hoạch là lấy đến năm 2020, đến nay đã gần 2 năm, nhiều số liệu đã thay đổi gần với thực tiễn 02 năm qua, nhất là sau đại dịch COVID-19. Do đó, đề nghị cập nhật hơn số liệu cho đồng bộ với thời điểm xây dựng Báo cáo.

2. Một số vấn đề cụ thể

2.1. Về phân thứ nhất của dự thảo báo cáo

(1) Theo Luật Quy hoạch, quy hoạch tổng thể quốc gia là cơ sở để lập quy hoạch sử dụng đất quốc gia. Tuy nhiên Nghị quyết về Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025 đã được ban hành năm 2021. Đồng thời, trong Quy hoạch tổng thể quốc gia cũng có nội dung định hướng sử dụng đất quốc gia (trang 479-488). Như vậy, việc thực hiện quy trình như thế này có đảm bảo mối quan hệ chung-riêng, bộ phận-toàn thể, ngành-vùng-quốc gia trong Quy hoạch

² Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội; Quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập; Quy hoạch hệ thống cơ sở chính hình, phục hồi chức năng và cơ sở chăm sóc người khuyết tật; Quy hoạch cơ sở chăm sóc người cao tuổi; Quy hoạch hệ thống cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng.

³ Quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập trùng nội dung với Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp và Quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội

⁴ Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế trùng nội dung với Quy hoạch hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. Quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội trùng nội dung với Quy hoạch hệ thống cơ sở chính hình, phục hồi chức năng và cơ sở chăm sóc người khuyết tật; Quy hoạch cơ sở chăm sóc người cao tuổi.

tổng thể quốc gia và Quy hoạch sử dụng đất quốc gia cũng như các quy hoạch ngành, lĩnh vực không? Đề nghị cần chỉ rõ các tồn tại, hạn chế và giải pháp xử lý vấn đề phát sinh liên quan đến quy hoạch ngành, lĩnh vực khi tích hợp vào Quy hoạch tổng thể quốc gia .

(2) Mục I.2.1.1 về dân số, dân tộc:

- Tại điểm a về quy mô, cơ cấu dân số: (i) Về cơ cấu giới tính, nên diễn đạt theo tỷ số giới tính (nam/nữ), cần chỉ ra nguyên nhân tỷ số giới tính của dân số Việt Nam liên tục tăng; ngoài ra đề nghị nghiên cứu bổ sung phân tích tỷ số giới tính theo vùng, khu vực thành thị, nông thôn và giữa các nhóm tuổi. (ii) Đề nghị chuyển nội dung phân tích quá trình đô thị hóa tại điểm a sang điểm b về phân bố dân cư để logic với nội dung của đề mục. (iii) Đề nghị bổ sung theo dự báo thời điểm Việt Nam sẽ kết thúc thời kỳ dân “cơ cấu dân số vàng”. Bên cạnh đó, nên phân tích bổ sung thêm chỉ số già hóa (là tỷ số giữa dân số từ 60 tuổi trở lên so với dân số dưới 15 tuổi tính theo phần trăm).

- Tại điểm d về chất lượng dân số: Đề nghị nghiên cứu bổ sung phân tích số liệu về sức khỏe tinh thần và về thể chất như chiều cao trung bình, tỷ lệ suy dinh dưỡng, tỷ lệ khuyết tật...

(3) Mục I.6.3 về hiện trạng phân bố dân cư các vùng lãnh thổ: Nên chuyển mục này về mục 2.1.1 về dân số, dân tộc để phân tích tập trung hơn, tránh gián trải nội dung giống nhau.

(4) Mục I.7.8 về hiện trạng phát triển, phân bố không gian mạng lưới cơ sở y tế: (i) Đề nghị bổ sung thêm các phân tích, số liệu về số bác sỹ, số giường bệnh trên 10.000 dân dựa trên chỉ tiêu được nêu trong các Nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm. (ii) Mục 7.8.1.4 nên sửa đề mục thành “khả năng tiếp cận dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của người dân”. (iii) Báo cáo mới chỉ phân tích đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến trung ương mà chưa đề cập đến mạng lưới y tế tuyến cơ sở để làm căn cứ cho nội dung phát triển của mạng lưới y tế cơ sở ở phần hai.

(5) Mục III về đánh giá chung về hiện trạng phát triển và tổ chức không gian phát triển đất nước giai đoạn 2011-2020 chưa có các nhận định liên quan đến hiện trạng phát triển, phân bố không gian mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội và hệ thống cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng. Đề nghị Bộ nghiên cứu bổ sung để làm đậm nét thêm các yếu tố xã hội bên cạnh nhiều nhận định về mặt kinh tế.

2.2. Về phần thứ hai của dự thảo báo cáo

(1) Mục I.2 về bối cảnh trong nước, đề nghị nghiên cứu bổ sung thêm các định hướng phát triển về chính sách xã hội, an sinh xã hội tầm nhìn đến năm 2030, 2050.

(2) Ý thứ (5) trong mục II.2 về hạn chế, yếu kém (trang 331): Bên cạnh hạn chế về chất lượng lao động, đề nghị nghiên cứu bổ sung thêm nội dung hạn chế về năng suất lao động.

(3) Bối cảnh quốc tế và trong nước có đề cập đến dịch bệnh như một nguy cơ có tác động tiêu cực đến phát triển kinh tế - xã hội, do vậy đề nghị nghiên cứu bổ sung thêm nội dung thách thức về cú sốc hay khủng hoảng do dịch bệnh tại ý thứ (5) trong mục II.4 về các thách thức đối với phát triển (trang 335). Bên cạnh đó, có ý kiến cho rằng, trước tình hình thế giới diễn ra rất nhanh và phức tạp hiện nay, cần cập nhật đánh giá kỹ hơn về tình hình thế giới. Đồng thời, đề nghị bổ sung đánh giá việc Việt Nam tham gia vào Khuôn khổ Kinh tế Ấn Độ - Thái Bình Dương (IPEF) trong Dự thảo.

(4) Mục II.8 về mạng lưới y tế cơ sở: Đề nghị nghiên cứu bổ sung thêm trích dẫn tài liệu tham khảo đối với những số liệu đã sử dụng trong báo cáo nhằm tăng tính thuyết phục.

(5) Mục III đưa ra 2 kịch bản phát triển, tuy nhiên các mục tiêu, nhất là các mục tiêu cụ thể tại Mục IV chưa bám sát các kịch bản phát triển đã nêu. Do đó, đề nghị bổ sung thêm các mục tiêu phát triển theo từng kịch bản phát triển. Bên cạnh đó, có ý kiến cho rằng với tầm nhìn dài đến 2050 thì việc chỉ chia ra 2 kịch bản phát triển là khó khả thi, cần tính đến kịch bản thứ ba. (6) Mục V về trọng tâm, trọng điểm chưa xác định rõ động lực chính cho sự phát triển của Việt Nam trong thời kỳ quy hoạch là gì? Thứ tự ưu tiên thế nào? Mục này cũng chưa đề cập đến yếu tố con người là thế mạnh của Việt Nam là trung tâm của quá trình phát triển. Do đó, đề nghị nghiên cứu, bổ sung.

2.3. Về một số nội dung khác

(1) Về hợp phần Quy hoạch, theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 143/NQ-CP ngày 04/10/2020 của Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ lập quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, có 42 hợp phần để tích hợp vào Quy hoạch tổng thể quốc gia. Tuy nhiên, báo cáo Quy hoạch tổng thể quốc gia chỉ xây dựng 41 hợp phần tích hợp (trang 2), đề nghị làm rõ sự khác biệt này.

(2) Về thủ tục xây dựng Quy hoạch, đề nghị bổ sung thời gian thực hiện các công việc trong quá trình tổ chức xây dựng Quy hoạch (trang 2) để có thể đánh giá việc bảo đảm về thời hạn lập quy hoạch được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch⁵. Bên cạnh đó, đề nghị khẩn trương đẩy nhanh tiến độ để bảo đảm các thủ tục thẩm định, hoàn

⁵ Thời hạn lập quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch vùng không quá 30 tháng tính từ ngày nhiệm vụ lập quy hoạch được phê duyệt, trong đó thời hạn lập hợp phần quy hoạch không quá 18 tháng đối với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch vùng.

thành Quy hoạch tổng thể quốc gia trong năm 2022 theo Nghị quyết 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội cũng như hoàn thiện đầy đủ hồ sơ quy hoạch theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Nghị quyết số 143/NQ-CP.

Trên đây là một số ý kiến của Thường trực Ủy ban Xã hội đối với báo cáo Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, tiếp thu trong quá trình hoàn thiện báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
 - Đ/c CNUB (để báo cáo);
 - TTUBXH;
 - Lưu: HC, XH
- e-Pas: 63022

TM. THƯỜNG TRỰC ỦY BAN
KT. CHỦ NHIỆM
PHÓ CHỦ NHIỆM



Lâm Văn Đoàn



Cơ quan: Bộ Quốc phòng
Thời gian ký: 29.07.2022
10:57:22 +07:00

BỘ QUỐC PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do - Hạnh phúc

Số: **2480** /BQP-TM

Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2022

V/v tham gia ý kiến đối với Quy
hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ
2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050



Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Phúc đáp Công văn số 4583/BKHĐT-CLPT ngày 07/7/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc tham gia ý kiến đối với Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Bộ Quốc phòng có ý kiến như sau:

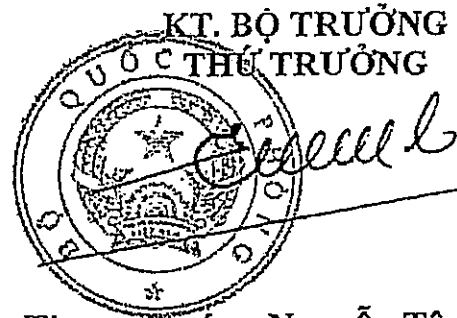
1. Quy hoạch tổng thể quốc gia được lập phù hợp với Nghị quyết số 143/NQ-CP ngày 04/10/2020 của Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Quá trình tổ chức thực hiện, Cơ quan lập Quy hoạch tổng thể quốc gia đã tuân thủ đầy đủ quy trình lập quy hoạch được xác định tại Điều 16, Luật Quy hoạch và Điều 9, Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Báo cáo tổng hợp đã tích hợp cơ bản đầy đủ các nội dung theo quy định, trong đó Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã chủ động phối hợp với Bộ Quốc phòng trong việc thực hiện lập và tích hợp nội dung các Hợp phần quy hoạch của Bộ Quốc phòng được xác định tại Nghị quyết số 143/NQ-CP ngày 04/10/2020 của Chính phủ vào Quy hoạch tổng thể quốc gia. Các quan điểm, mục tiêu, phương hướng phát triển của Quy hoạch phù hợp với Chiến lược bảo vệ Tổ quốc và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ 2021 - 2030; các giải pháp, tổ chức thực hiện về tổng quan bảo đảm tính khả thi.
2. Đối với 04 hợp phần quy hoạch của Bộ Quốc phòng được Chính phủ giao tại Nghị quyết số 143/NQ-CP ngày 04/10/2020 của Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Bộ Quốc phòng đã phê duyệt Nhiệm vụ lập Hợp phần quy hoạch, tổ chức lập, thẩm định và đã hoàn tất các thủ tục còn lại để gửi Hồ sơ Hợp phần quy hoạch sử dụng đất quốc phòng về Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong tháng 7/2022. Hợp phần Quy hoạch hệ thống công trình quốc phòng và khu quân sự, kho đạn dược và công nghiệp quốc phòng và Hợp phần quy hoạch quản lý vùng trời quốc gia sẽ hoàn tất Hồ sơ và gửi về Bộ kế hoạch và Đầu tư trước 15/8/2022. Đối với Hợp phần quy hoạch Trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh: Bộ Quốc phòng đang khẩn trương phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Giáo dục và Đào tạo để hoàn thành trong thời gian sớm nhất.
3. Để bảo đảm bí mật nhà nước và bí mật quân sự, quốc phòng, trong quá trình tiến hành tích hợp quy hoạch; cung cấp thông tin; quản lý và sử dụng cơ sở

dữ liệu liên quan đến các Hợp phần do Bộ Quốc phòng lập, thẩm định và bàn giao cho Cơ quan lập Quy hoạch tổng thể quốc gia, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Viện Chiến lược Phát triển/Bộ Kế hoạch và Đầu tư tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước và Pháp lệnh bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự.

Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư bổ sung, hoàn thiện./. *V/N*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Bộ trưởng (để b/c);
- BTTM;
- Cục Tác chiến;
- Lưu: VT, NCTH; Hoe06.



Thượng tướng Nguyễn Tân Cương

BỘ CÔNG AN**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2718/BCA-H01

Hà Nội, ngày 03 tháng 8 năm 2022

V/v tham gia ý kiến đối với Quy
hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ
2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯSố: 325.1A.....
ĐẾN Ngày: 05.8.2022

Chuyên:.....

Số và ký hiệu HS:.....

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Bộ Công an nhận được Văn bản số 4583/BKHĐT-CLPT ngày 07/7/2022 và Văn bản số 4980/BKHĐT-CLPT ngày 21/7/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến đối với Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Sau khi nghiên cứu, Bộ Công an xin tham gia về một số nội dung dự thảo Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Dự thảo Báo cáo quy hoạch) như sau:

Theo quy định của Luật Quy hoạch, nội dung Quy hoạch tổng thể quốc gia bao gồm xác định việc phân bố và tổ chức không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường có tầm quan trọng cấp quốc gia, quốc tế và có tính liên vùng mang tính chiến lược trên lãnh thổ bao gồm đất liền, các đảo, quần đảo, vùng biển, vùng trời. Phân tích, đánh giá hiện trạng phát triển quốc gia, xu thế phát triển của quốc tế... là một nội dung quan trọng của quy hoạch tổng thể quốc gia, trong đó cần có các nội dung đánh giá về quốc phòng, an ninh. Dự thảo quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã có nêu các nội dung về *kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh; định hướng sử dụng đất an ninh; Hệ thống trung tâm giáo dục quốc phòng, an ninh...* Tuy nhiên, dự thảo quy hoạch tổng thể quốc gia chưa có các nội dung đánh giá hiện trạng và định hướng về công tác quốc phòng, an ninh. Do đó, đề nghị nghiên cứu, bổ sung các nội dung đánh giá thực trạng và quan điểm, định hướng đối với công tác quốc phòng, an ninh trong quy hoạch.

Tại mục VII (trang 464) về *Kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh*, đề nghị nghiên cứu, bổ sung nội dung: Cụ thể hóa các nội dung về kết hợp giữa phát triển kinh tế, xã hội với đảm bảo quốc phòng an ninh; lồng ghép các nội dung về đảm bảo quốc phòng, an ninh trong quá trình xây dựng, triển khai các chiến lược, chương trình, kế hoạch, đề án, dự án phát triển kinh tế, xã hội.

Tại mục II.9 (trang 393) về *Hệ thống trung tâm giáo dục quốc phòng, an ninh* có nêu "Nội dung này được trình bày trong Báo cáo riêng". Tuy nhiên, hồ sơ không kèm theo dự thảo Báo cáo về nội dung *Hệ thống trung tâm giáo dục quốc phòng, an ninh* nên chưa có cơ sở để tham gia ý kiến.

Về hiện trạng hệ thống hạ tầng phòng cháy, chữa cháy: Dự thảo Báo cáo quy hoạch đánh giá hiện trạng hệ thống hạ tầng phòng cháy và chữa cháy theo 04 đối tượng quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2231/QĐ-TTg ngày 28/12/2020. Tuy nhiên, một số số liệu chưa được cập nhật đầy đủ. Đề nghị Ban soạn thảo cập nhật thông tin về hiện trạng hệ thống hạ tầng PCCC theo Báo cáo tổng hợp Quy hoạch hạ tầng phòng cháy và chữa cháy thời

kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đang được đăng tải tại website của Cục Cảnh sát PCCC và CNCH (<http://canhsatpccc.gov.vn/ArticlesDetail/tabid/193/cateid/1186/id/10748/language/vi-VN/Default.aspx>).

Về định hướng và tổ chức không gian phát triển hệ thống hạ tầng phòng cháy và chữa cháy: Phương án quy hoạch hệ thống hạ tầng phòng cháy, chữa cháy trong Dự thảo Báo cáo quy hoạch mang tính chất liên vùng là phù hợp với nội dung, tính chất của Quy hoạch tổng thể quốc gia; các nội dung quy hoạch cụ thể sẽ được xây dựng trong “Quy hoạch hạ tầng phòng cháy và chữa cháy thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050” do Bộ Công an làm Cơ quan tổ chức lập quy hoạch. Đề nghị Ban soạn thảo cập nhật thông tin về định hướng phát triển hệ thống hạ tầng PCCC trong Báo cáo tổng hợp Quy hoạch hạ tầng phòng cháy và chữa cháy thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đang được đăng tải tại website của Cục Cảnh sát PCCC và CNCH (<http://canhsatpccc.gov.vn/ArticlesDetail/tabid/193/cateid/1186/id/10748/language/vi-VN/Default.aspx>) để hoàn thiện nội dung mục 7 Hệ thống hạ tầng phòng cháy và chữa cháy; trong đó cần có các nội dung mang tính định hướng phát triển như sau:

- Đối với nội dung quy hoạch mạng lưới trụ sở, doanh trại, công trình phục vụ phòng cháy và chữa cháy, cần bố trí quỹ đất trong giai đoạn 2021-2030 đảm bảo mỗi quận, huyện có tối thiểu 01 đội chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; đồng thời đảm bảo bố trí địa điểm đất xây dựng tại trung tâm các huyện, thành phố, các cụm công nghiệp, địa bàn trọng điểm nguy hiểm cháy nổ thuận tiện về giao thông, nguồn nước, thông tin liên lạc;

- Quy hoạch giao thông phục vụ cho PCCC căn cứ vào Quy chuẩn Việt Nam 06:2021/BXD ban hành kèm theo Thông tư số 02/2021 ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng về ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình;

- Quy hoạch hệ thống cung cấp nước phục vụ cho công tác PCCC theo ⁽¹⁾Quy chuẩn Việt Nam QCVN 01:2021/BXD ban hành kèm theo Thông tư 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng về ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng; ⁽²⁾Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật số QCVN 07:2016/BXD; ⁽³⁾Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về An toàn cháy cho nhà và công trình số 06: 2021/BXD; ⁽⁴⁾Tiêu chuẩn thiết kế về Cấp nước-Mạng lưới đường ống và công trình số 33:2006 và ⁽⁵⁾Thông tư liên tịch số 04/TTLT/BXD-BCA ngày 10/4/2009 giữa Bộ Xây dựng và Bộ Công an về hướng dẫn thực hiện việc cấp nước phòng cháy, chữa cháy tại đô thị và khu công nghiệp;

- Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc phục vụ phòng cháy và chữa cháy tuân thủ theo quy định của Luật Viễn thông, Luật Tần số vô tuyến điện và Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ (Điều 5) và Thông tư 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an (Điều 11, Điều 12).

Tại khoản 2 Mục I Phần thứ năm (Giải pháp về cơ chế, chính sách): Để tăng cường vai trò dẫn dắt, “vốn môi” của đầu tư công nhằm thu hút tư nhân tham gia đầu tư, đề nghị nghiên cứu, bổ sung giải pháp nâng cao hiệu quả đầu tư công và vai trò dẫn dắt nền kinh tế của kinh tế nhà nước.

Tại Khoản 4 Mục I Phần thứ năm chủ yếu mang tính định hướng, thiếu cụ thể. Vì vậy, đề nghị hiệu chỉnh, bổ sung theo hướng các giải pháp đưa ra phải đảm

bảo khả thi, giải quyết các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể về phát triển nguồn nhân lực. Bổ sung giải pháp về sử dụng nguồn nhân lực tại các vùng động lực, các vùng khó khăn.

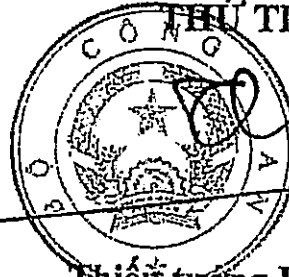
Bộ Công an trao đổi để Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, tổng hợp. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Bộ trưởng (để b/c);
- V01, A04, H02, C07;
- Lưu: VT, H01(P3).

KT. BỘ TRƯỞNG

THỦ TRƯỞNG



Thiếu tướng Lê Văn Tuyền

BỘ NGOẠI GIAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3012/BNG-UBBG

V/v góp ý Báo cáo tổng hợp quy hoạch

Hà Nội, ngày 21 tháng 7 năm 2022

VIỆN CHIẾN LƯỢC VÀ PHÁT TRIỂN
kỳ 2021 - 2030,
tầm nhìn đến năm 2050ĐẾN Số: 677
Ngày: 25/7/2022
Chuyên:

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

ĐẾN Số: 30055
Ngày: 22.7.2022
Chuyên:

Số và ký hiệu HS: Phúc công văn số 4583/BKHĐT-CLPT ngày 07/7/2022 của quý Bộ về việc...

góp ý đối với dự thảo Báo cáo quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Bộ Ngoại giao cơ bản nhất trí đối với Dự thảo Báo cáo nêu trên và đề nghị chỉnh sửa, bổ sung một số nội dung liên quan đến hợp phần quy hoạch cửa khẩu do Bộ Ngoại giao chủ trì xây dựng như sau:

1. Về hiện trạng cửa khẩu biên giới trên đất liền (mục II.9, trang 264 - 271):

"9.1.1. Biên giới Việt Nam - Trung Quốc

Đường biên giới trên đất liền giữa Việt Nam và Trung Quốc ... Vân Nam.

Theo Hiệp định về cửa khẩu và quy chế quản lý cửa khẩu biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc (năm 2009), trên tuyến biên giới Việt Nam - Trung Quốc có 22 cặp cửa khẩu, trong đó 09 cặp cửa khẩu đã mở và 13 cặp cửa khẩu còn lại sẽ được mở khi đủ điều kiện hai Bên xác nhận đã mở 09 cặp cửa khẩu và thỏa thuận sẽ mở thêm 13 cặp cửa khẩu nữa khi đủ điều kiện. Đến nay, hai Bên đã mở 13 cặp cửa khẩu (06 cặp cửa khẩu quốc tế và 06 cặp cửa khẩu song phương, 01 cặp cửa khẩu hai Bên đã thỏa thuận nhưng chưa tổ chức lễ khai trương). Để đáp ứng nhu cầu giao thương ngày càng tăng, ta và Trung Quốc đã thống nhất mở 04 05 lối thông quan, đường chuyên dụng vận chuyển hàng hóa thuộc cửa khẩu quốc tế gồm: lối thông quan Kim Thành thuộc cửa khẩu quốc tế Lào Cai (tỉnh Lào Cai); lối thông quan cầu Bắc Luân II thuộc cặp cửa khẩu quốc tế Móng Cái - Đông Hưng (tỉnh Quảng Ninh), lối thông quan/đường chuyên dụng vận chuyển hàng hóa khu vực mốc 1119-1120, đường chuyên dụng vận chuyển hàng hóa khu vực mốc 1088/2-1089 thuộc cặp cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị - Hữu Nghị Quan (tỉnh Lạng Sơn) và lối thông quan Nà Đổng - Nà Ráy thuộc cặp cửa khẩu Trà Lĩnh - Long Bang (tỉnh Cao Bằng)¹.

Đã có các tuyến quốc lộ đi qua 07 tỉnh biên giới ... Một số dự án cầu đường bộ đã và đang được xúc tiến đầu tư (cầu Tà Lùng II, cầu Hoàng Mô, cầu Bản Vược...) nhưng còn khó khăn trong bố trí vốn²... cửa khẩu phụ, lối mở có lưu lượng người, hàng hóa lớn."

¹ Hiện đường chuyên dụng vận chuyển hàng hóa khu vực mốc 1088/2-1089 thuộc cặp cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị - Hữu Nghị Quan (tỉnh Lạng Sơn) và lối thông quan Nà Đổng - Nà Ráy thuộc cặp cửa khẩu Trà Lĩnh - Long Bang đang vận hành theo hình thức tạm thời do phía Trung Quốc chưa hoàn thành thủ tục nội bộ.

² Hiện dự án cầu Tà Lùng II và Hoàng Mô đã cơ bản hoàn thành, dự án cầu Bản Vược hiện đang được hai bên trao đổi, thống nhất để xây dựng.

9.1.3. Biên giới Việt Nam - Campuchia

...

Trong giai đoạn 2010 - 2020, lưu lượng người xuất nhập cảnh qua hệ thống cửa khẩu đạt 49.741.095 lượt (trong đó xuất cảnh: 23.806.775 lượt, nhập cảnh: 25.934.320 lượt); lưu lượng phương tiện qua lại cửa khẩu đạt 5.427.554 lượt (trong đó xuất cảnh: 2.885.049 lượt, nhập cảnh: 2.542.495 lượt)³.

...

9.2.2. Về việc mở, nâng cấp cửa khẩu, lối mở biên giới

...Trên tuyến biên giới Việt Nam - Trung Quốc, trong tổng số 13 cặp cửa khẩu được xác định sẽ mở tại kể từ khi Hiệp định về cửa khẩu và quy chế quản lý cửa khẩu biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc có hiệu lực (năm 2010) ký năm 2009, đến nay sau hơn 10 năm mới mở chính thức được 03 cặp cửa khẩu song phương, nâng cấp 01 cặp cửa khẩu song phương lên cửa khẩu quốc tế...

9.2.3. Về quản lý các hoạt động xuất nhập khẩu qua lại biên giới...

2. Về định hướng phát triển hệ thống cửa khẩu biên giới đất liền quốc gia (phần VII.3, trang 525):

“Đến năm 2030 dự kiến hệ thống cửa khẩu biên giới đất liền quốc gia có 44 cửa khẩu quốc tế, 40 cửa khẩu chính và 43 cửa khẩu phụ (tăng 1,5 lần so với năm 2021); đến năm 2050 dự kiến hệ thống cửa khẩu biên giới đất liền quốc gia có 61 cửa khẩu quốc tế, 45 cửa khẩu chính và 30 cửa khẩu phụ (tăng gấp 1,6 lần so với năm 2021 và gấp 1,1 lần so với năm 2030). Cơ bản 25 tỉnh biên giới trên đất liền đều có đủ các loại hình cửa khẩu, đặc biệt là cửa khẩu quốc tế, để đáp ứng nhu cầu đi lại, giao thương, góp phần quan trọng trong chiến lược phát triển - kinh tế xã hội của đất nước theo các vùng trọng điểm và các hành lang kinh tế.

Bảng: Quy mô số lượng, loại hình phân bố cửa khẩu biên giới đất liền quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

TT	Tỉnh	Giai đoạn 2021 - 2030				Tầm nhìn 2050			
		Cửa khẩu Quốc tế	Cửa khẩu Song phương	Cửa khẩu phụ	Lối mở/lối thông quan	CK Quốc tế	CK song phương	Cửa khẩu phụ	Lối mở/lối thông quan
I. Biên giới Việt Nam - Trung Quốc									
1	Quảng Ninh	01	03		03	02	02		03
2	Lạng Sơn	03	01		05	03	01		05
3	Cao Bằng	01	05		07	02	04		06

³ Số liệu tổng hợp từ báo cáo của các tỉnh gửi Bộ Ngoại giao tháng 8/2021.

4	Hà Giang	01	02		03	02	03		01
5	Lào Cai	02	02		05	02	02		04
6	Lai Châu	01	02		01	02	02		0
7	Điện Biên	0	01		0	01	0		0
CỘNG (I)		09	16		24	14	14		19
II. Biên giới Việt Nam - Lào									
1	Điện Biên	2	1	2		2	1	2	
2	Sơn La	1	1	3		2	1	2	
3	Thanh Hóa	2	1	4		3	4		
4	Nghệ An	2	1	3	3	2	3	2	3
5	Hà Tĩnh	1		2	1	1		2	1
6	Quảng Bình	2	1	2		3	1	1	
7	Quảng Trị	3	1	3	6	3	2	2	6
8	Thừa Thiên Huế	2		1		2		1	
9	Quảng Nam	1	1			2			
10	Kon Tum	1	2			2	1		
CỘNG (II)		17	9	20	10	22	13	12	10
III. Biên giới Việt Nam - Campuchia									
1	Kon Tum			2			2		
2	Gia Lai	1		3		1	3		
3	Đắk Lắk		1			1			
4	Đắk Nông	1	1			2			
5	Bình Phước	3	3	1		4	2	1	
6	Tây Ninh	5	3	10		7	3	9	
7	Long An	2		2		2		2	
8	Đồng Tháp	2	4	1		3	3	1	
9	An Giang	3	2	3		3	4	2	
10	Kiên Giang	1	1	1		2	1	3	
CỘNG (III)		18	15	23		25	18	18	
CỘNG (I,II,III)		44	40	43		61	45	30	
127					136				

- Tuyến biên giới Việt Nam - Trung Quốc: Đến năm 2030, nâng cấp 03 cặp cửa khẩu quốc tế, mở 12 cặp cửa khẩu song phương. Đến năm 2050, nâng cấp 06 cặp cửa khẩu quốc tế, mở 04 cửa khẩu song phương. Bên cạnh đó, trong từng giai

đoạn sẽ xem xét mở thêm các lối mở/lối thông quan để đáp ứng nhu cầu qua lại, giao thương của hai bên.

- Tuyến biên giới Việt Nam - Lào: Đến năm 2030, nâng cấp 06 cửa khẩu quốc tế (trong đó có 05 cửa khẩu đường bộ, 01 cửa khẩu đường sắt), 08 cửa khẩu chính, 10 cửa khẩu phụ, mở thêm các lối mở. Đến năm 2050, mở, nâng cấp 06 cửa khẩu quốc tế (trong đó có 05 cửa khẩu đường bộ, 01 cửa khẩu đường sắt), 09 cửa khẩu chính, 01 cửa khẩu phụ; mở thêm các lối mở.

- Tuyến biên giới Việt Nam - Campuchia: Đến năm 2030, mở, nâng cấp 07 cửa khẩu quốc tế (trong đó có 04 cửa khẩu đường bộ, 02 cửa khẩu đường bộ và đường sông, 01 cửa khẩu đường sắt), 07 cửa khẩu chính, mở 10 cửa khẩu phụ. Đến năm 2050, mở, nâng cấp 09 cửa khẩu quốc tế (trong đó có 07 cửa khẩu đường bộ, 01 cửa khẩu đường bộ và đường sông, 1 cửa khẩu đường sắt), 10 cửa khẩu chính, 05 cửa khẩu phụ.

(Định hướng quy hoạch phát triển cửa khẩu biên giới đất liền quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 tại Phụ lục kèm theo)."

3. Một số góp ý khác:

Tại mục VII.1 phân thứ tư (trang 524), đề quan điểm định hướng phát triển hệ thống cửa khẩu biên giới đất liền quốc gia được đầy đủ và toàn diện hơn, đề nghị bổ sung thêm nội dung: *"Phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội kết hợp bảo đảm quốc phòng - an ninh, chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ biên giới quốc gia; pháp luật của Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam và nước láng giềng là thành viên"*.

4. Dự thảo Hợp phần quy hoạch cửa khẩu đang được Bộ Ngoại giao xin ý kiến đóng góp của các bộ, ngành, địa phương liên quan và tổ chức thẩm định theo quy định. Sản phẩm cuối cùng sẽ được Bộ Ngoại giao hoàn thiện và chuyển đến Quý Bộ vào đầu tháng 8/2022.

Bộ Ngoại giao xin trao đổi để Quý Bộ tổng hợp, báo cáo Chính phủ. */MB*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Bùi Thanh Sơn (để b/c);
- Viện NCCL - Học viện Ngoại giao;
- Lưu: HC, UBBG (VT, PT, V-T, CSPL).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG THƯỜNG TRỰC



Nguyễn Minh Vũ
Nguyễn Minh Vũ

**ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN
HỆ THỐNG CỬA KHẨU BIÊN GIỚI ĐẤT LIỀN QUỐC GIA
GIAI ĐOẠN 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN 2050**
(Kèm theo công văn số /BNG-UBBG ngày /7/2022)

I. BIÊN GIỚI VIỆT NAM - TRUNG QUỐC

TT	Tên cửa khẩu		Loại hình cửa khẩu		
	Việt Nam	Đối diện	Hiện trạng	Quy hoạch 2021-2030	Quy hoạch đến 2050
I. Quảng Ninh					
1	Móng Cái	Đồng Hưng	Quốc tế	Quốc tế	Quốc tế
2	Hoành Mô	Động Trung	Sẽ mở khi đủ điều kiện	Song phương	Quốc tế
3	Ka Long	Biên mậu Đông Hưng	Lối mở chưa chính thức	Song phương	Song phương
4	Km 3+4 (cầu phao tạm)		Lối mở chưa chính thức	Song phương	Song phương
5	Bắc Phong Sinh	Lý Hòa	Lối mở	Đường chuyên dụng vận chuyển hàng hóa thuộc cửa khẩu Hoành Mô	Đường chuyên dụng vận chuyển hàng hóa thuộc cửa khẩu Hoành Mô
6	Lục Lâm	Trúc Sơn	Lối mở	Lối mở	Lối mở
7	Pò Hèn	Thán Sán	Lối mở	Lối mở	Lối mở
II. Lạng Sơn					
8	Hữu Nghị	Hữu Nghị Quan	Quốc tế (đường bộ)	Quốc tế	Quốc tế
9	Đồng Đăng	Bằng Tường	Quốc tế (đường sắt)	Quốc tế	Quốc tế
10	Chi Ma	Ái Diễm	Song phương	Quốc tế	Quốc tế
11	Bình Nghi	Bình Nhi Quan	Sẽ mở khi đủ điều kiện	Song phương (bao gồm đường chuyên dụng vận chuyển hàng hóa khu vực mốc 1035)	Song phương (bao gồm đường chuyên dụng vận chuyển hàng hóa khu vực mốc 1035)
12	Đường chuyên dụng vận chuyển hàng hóa khu vực mốc 1088/2-1089	Khu vực mốc 1088/2-1089	Đang mở tạm thời	Đường chuyên dụng vận chuyển hàng hóa thuộc cửa khẩu Hữu Nghị	Đường chuyên dụng vận chuyển hàng hóa thuộc cửa khẩu Hữu Nghị

13	Tân Thanh	Pò Chải	Lối mờ	Đường chuyên dụng vận chuyển hàng hóa thuộc cửa khẩu Hữu Nghị	Đường chuyên dụng vận chuyển hàng hóa thuộc cửa khẩu Hữu Nghị
14	Cốc Nam	Lũng Nhị	Lối mờ	Đường chuyên dụng vận chuyển hàng hóa thuộc cửa khẩu Hữu Nghị	Đường chuyên dụng vận chuyển hàng hóa thuộc cửa khẩu Hữu Nghị
15	Co Sâu	Bắc Sơn	Lối mờ	Lối mờ	Lối mờ
16	Nà Căng	Vượng Anh	Lối mờ	Lối mờ	Lối mờ
III. Cao Bằng					
17	Tà Lùng	Thủy Khẩu	Song phương	Song phương	Quốc tế
18	Trà Lĩnh	Long Bang	Song phương	Quốc tế	Quốc tế
19	Sóc Giang	Bình Mãng	Song phương	Song phương	Song phương
20	Lý Vạn	Thạc Long	Song phương	Song phương	Song phương
21	Hạ Lang	Khoa Giáp	Sẽ mở khi đủ điều kiện	Song phương	Song phương
22	Pò Peo	Nhạc Vu	Sẽ mở khi đủ điều kiện	Song phương	Song phương
23	Nà Đòng	Nà Ráy	Lối thông quan	Lối thông quan thuộc cửa khẩu Trà Lĩnh	Lối thông quan thuộc cửa khẩu Trà Lĩnh
24	Đình Phong	Tân Hưng	Lối mờ chưa chính thức	Lối mờ	Lối mờ
25	Bản Giốc	Đức Thiên	Lối mờ đặc biệt	Lối mờ đặc biệt	Lối mờ đặc biệt
26	Nà Lạn	Bố Cục	Lối mờ chưa chính thức	Lối mờ	Lối mờ
27	Bản Khoòng	Nham Ứng	Lối mờ	Lối thông quan hàng hóa thuộc cửa khẩu Lý Vạn	Lối thông quan hàng hóa thuộc cửa khẩu Lý Vạn
28	Đường chuyên dụng vận chuyển hàng hóa cửa khẩu Sóc Giang	Đường chuyên dụng vận chuyển hàng hóa cửa khẩu Bình Mãng	Chưa hoạt động	Đường chuyên dụng vận chuyển hàng hóa cửa khẩu Sóc Giang	Đường chuyên dụng vận chuyển hàng hóa cửa khẩu Sóc Giang

IV. Hà Giang					
29	Thanh Thủy	Thiên Bảo	Quốc tế	Quốc tế	Quốc tế
30	Xín Mần	Đô Long	Song phương	Song phương	Quốc tế
31	Phó Bảng	Đồng Cán	Sẽ mở khi đủ điều kiện	Sẽ mở khi đủ điều kiện	Song phương
32	Săm Pun	Điền Bồng	Sẽ mở khi đủ điều kiện	Song phương	Song phương
33	Lũng Làn	Lộng Bình	Lối mở chưa chính thức	Lối mở	Song phương
34	Lối thông quan hàng hóa thuộc cửa khẩu Thanh Thủy	Lối thông quan hàng hóa thuộc cửa khẩu Thiên Bảo	Lối mở chưa chính thức	Lối thông quan hàng hóa thuộc cửa khẩu Thanh Thủy	Lối thông quan hàng hóa thuộc cửa khẩu Thanh Thủy
V. Lào Cai					
35	Lào Cai	Hà Khẩu	Quốc tế (đường bộ)	Quốc tế (đường bộ)	Quốc tế (đường bộ)
36	Lào Cai	Hà Khẩu	Quốc tế (đường sắt)	Quốc tế (đường sắt)	Quốc tế (đường sắt)
37	Mường Khương	Kiều Đầu	Sẽ mở khi đủ điều kiện	Song phương	Quốc tế
38	Bản Vược	Pà Sa	Lối mở chưa chính thức	Song phương	Song phương
39	Y Tý	Ma Ngán Tý	Lối mở chưa chính thức	Lối mở	Song phương
40	Bản Quẩn	Sơn Yêu	Lối mở chưa chính thức	Điểm thông quan hàng hóa thuộc cửa khẩu Lào Cai (đường bộ)	Điểm thông quan hàng hóa thuộc cửa khẩu Lào Cai (đường bộ)
41	Lò Cô Chín	Lào Kha	Lối mở chưa chính thức	Lối mở	Lối mở
42	Hóa Chư Phủng	Seo Pá Chư	Lối mở chưa chính thức	Lối mở	Lối mở
VI. Lai Châu					
43	Ma Lù Thàng	Kim Thủy Hà	Song phương	Quốc tế	Quốc tế
44	U Ma Tu Khoòng	Bình Hà	Sẽ mở khi đủ điều kiện	Song phương	Song phương
45	Kèng Mỏ	Pắc Po	Lối mở chưa chính thức	Song phương	Quốc tế
46	Pô Tô	Cửa Cải	Lối mở chưa chính thức	Lối mở	Song phương

VII. Điện Biên					
47	A Pa Chải	Long Phú	Sẽ mở khi đủ điều kiện	Song phương	Quốc tế

* Các lối mở “dự phòng”: Tùy thuộc vào nhu cầu và sự phát triển của giao thương để đưa vào mở, nâng cấp cửa khẩu trên cơ sở thống nhất giữa hai nước Việt Nam - Trung Quốc

TT	Tên lối mở phía Việt Nam	Địa phương Việt Nam	Tên lối mở phía Trung Quốc	Địa phương Trung Quốc	Khu vực mốc
1.	Pa Thắng	Mường Tè, Lai Châu	Ya Khẩu Suối Thàng	Lục Xuân, Vân Nam	24-25
2.	Lùng Than	Phong Thổ, Lai Châu	Lùng Sủ	Kim Bình, Vân Nam	69
3.	Sì Choang	Phong Thổ, Lai Châu	Dề Suối Thàng	Kim Bình, Vân Nam	70
4.	Gia Khâu	Phong Thổ, Lai Châu	Seo Cô San	Kim Bình, Vân Nam	71-72
5.	Lũng Pô	Bát Xát, Lào Cai	Lũng Pô Chải	Hà Khẩu, Vân Nam	92(2)
6.	Na Lốc 4	Mường Khương, Lào Cai	Mã Hồng Pao	Hà Khẩu, Vân Nam	107(2)
7.	Mốc 144-300m	Mường Khương, Lào Cai	Kiên Đầu	Hà Khẩu, Vân Nam	144
8.	Pà Vây Sủ	Xín Mần, Hà Giang	Chín Sang	Mã Quan, Vân Nam	172
9.	Chí Cà	Xín Mần, Hà Giang	Chín Sang	Mã Quan, Vân Nam	188
10.	Bản Máy	Hoàng Su Phì, Hà Giang	Đô Long	Mã Quan, Vân Nam	219
11.	Thàng Tín	Hoàng Su Phì, Hà Giang	Mãnh Động	Malypho, Vân Nam	227
12.	Lao Chải	Vị Xuyên, Hà Giang	Mãnh Động	Malypho, Vân Nam	238

13.	Cao Mã Pờ	Quản Bạ, Hà Giang	Ma Ly	Malypho, Vân Nam	291/2
14.	Nghĩa Thuận	Quản Bạ, Hà Giang	Bát Bô	Malypho, Vân Nam	325
15.	Bạch Đích	Yên Minh, Hà Giang	Dương Vạn	Malypho, Vân Nam	358
16.	Lũng Táo	Đồng Văn, Hà Giang	Mã Lâm	Malypho, Vân Nam	409
17.	Ma Lé	Đồng Văn, Hà Giang	Mã Lâm	Malypho, Vân Nam	413
18.	Xín Cái	Mèo Vạc, Hà Giang	Điền Bông	Phú Ninh, Vân Nam	476
19.	Nà Quân	Hà Quảng, Cao Bằng	Nậm Chính	Nà Po, Quảng Tây	626
20.	Trúc Long	Hà Quảng, Cao Bằng	Nà Ngạc	Nà Po, Quảng Tây	641-642
21.	Kỷ Sộc	Hạ Lang, Cao Bằng	Khy Rót	Đại Tân, Quảng Tây	890
22.	Pắc Ty	Hạ Lang, Cao Bằng	Nà Cuối	Đại Tân, Quảng Tây	895
23.	Cốc Sâu	Phục Hòa, Cao Bằng	Thủy Khẩu	Long Châu, Quảng Tây	942-943
24.	Pò Tập	Phục Hòa, Cao Bằng	Thủy Khẩu	Long Châu, Quảng Tây	944
25.	Mốc 675	Hà Quảng, Cao Bằng		Quảng Tây	675
26.	Nà Nưa	Tràng Định, Lạng Sơn	Nà Hoa	Bằng Tường, Quảng Tây	971-972
27.	Na Hình	Văn Lãng, Lạng Sơn	Kéo Ái	Bằng Tường, Quảng Tây	1055-1056
28.	Pò Nhùng	Cao Lộc, Lạng Sơn	Dầu Ái	Bằng Tường, Quảng Tây	1140-1141
29.	Co Sa	Lộc Bình, Lạng Sơn	Nà Ủ	Ninh Minh, Quảng Tây	1232-1233
30.	Bản Chắt	Đình Lập, Lạng Sơn	Bản Lạn	Ninh Minh, Quảng Tây	1269-1270

31.	Mốc 1306	Bình Liêu, Quảng Ninh		Ninh Minh, Quảng Tây	1306
32.	Đồng Văn	Bình Liêu, Quảng Ninh		Khu Phòng Thành Quảng Tây	1321(2)
33.	Mốc 1322-500 (Nhà Kép)	Bình Liêu, Quảng Ninh		Khu Phòng Thành Quảng Tây	1322(2)-500
34.	Mốc 1342(2)+300	Hải Hà, Quảng Ninh		Khu Phòng Thành Quảng Tây	1342(2)+300
35.	Mốc 1342 (2)+300m	Hải Hà, Quảng Ninh		Khu Phòng Thành Quảng Tây	1342(2)+300
36.	Lục Chấn	Móng Cái, Quảng Ninh		Khu Phòng Thành Quảng Tây	1348/1(2)
37.	Đại Vải	Móng Cái, Quảng Ninh		Đông Hưng, Quảng Tây	1363(2)
38.	Thành Đạt Km3+4	Móng Cái, Quảng Ninh	Bến biên mậu Đông Hưng	Đông Hưng, Quảng Tây	1366(2)

II. BIÊN GIỚI VIỆT NAM - LÀO

TT	Tên cửa khẩu		Loại hình, tính chất cửa khẩu		
	Việt Nam	Đối diện	Hiện trạng	Quy hoạch 2021-2030	Quy hoạch đến 2050
I. Điện Biên					
1	Tây Trang	Pang Hóc	Quốc tế	Quốc tế	Quốc tế
2	Huổi Puốc	Na Son	Chính	Quốc tế	Quốc tế
3	Si Pa Phìn	Huội La	Phụ	Chính	Chính
4	Nà Bùng	La Phu Chải	Lối mở chưa chính thức	Phụ	Phụ
5	Nậm Đích	Huổi Hịa	Lối mở	Phụ	Phụ
II. Sơn La					
6	Lóng Sập	Pa Háng	Chính	Quốc tế	Quốc tế

7	Chiềng Khương	Bản Đán	Chính	Chính	Quốc tế
8	Nậm Lạnh	Mường Pơ	Phụ	Phụ	Phụ
9	Na Cài	Sốp Đung	Phụ	Phụ	Phụ
10	Huổi Lạ	Nong Nhang	Chưa hoạt động	Phụ	Chính
III. Thanh Hóa					
11	Na Mèo	Nậm Sỏi	Quốc tế	Quốc tế	Quốc tế
12	Tén Tàn	Xôm Vảng	Chính	Quốc tế	Quốc tế
13	Kheo	Tha Lầu	Phụ	Chính	Quốc tế
14	Cang	Bản Pó	Lỗi mở chưa chính thức	Phụ	Chính
15	Kéo Hượn	Khảm Nàng	Lỗi mở chưa chính thức	Phụ	Chính
16	Bản Kham	Bản Piềng Phưa	Lỗi mở chưa chính thức	Phụ	Chính
17	Yên Khương	Bản Cản	Lỗi mở chưa chính thức	Phụ	Chính
IV. Nghệ An					
18	Nậm Cẩn	Nậm Cẩn	Quốc tế	Quốc tế	Quốc tế
19	Thanh Thủy	Nậm On	Phụ	Quốc tế	Quốc tế
20	Thông Thụ	Nậm Tạy	Phụ	Chính	Chính
21	Tam Hợp	Thoong My Xay	Phụ	Phụ	Chính
22	Cao Vều	Thoong Phi La	Phụ	Phụ	Chính
23	Huổi Khe	Loong Hô	Lỗi mở chưa chính thức	Phụ	Phụ
24	Huổi Mới	Đen Đín	Lỗi mở chưa chính thức	Lỗi mở	Phụ
25	Keng Đu		Lỗi mở chưa chính thức	Lỗi mở	Lỗi mở
26	Tha Đo		Lỗi mở chưa chính thức	Lỗi mở	Lỗi mở

27	Xếp Dương	Cánh Cò	Lối mở chưa chính thức	Lối mở chưa chính thức	Lối mở
V. Hà Tĩnh					
28	Cầu Treo	Nậm Phao	Quốc tế	Quốc tế	Quốc tế
29	Sơn Hồng	Nậm Xắc	Phụ	Phụ	Phụ
30	Kim Quang	Ma La Đốc	Phụ	Phụ	Phụ
31	Bản Giàng		Lối mở chưa chính thức	Lối mở	Lối mở
VI. Quảng Bình					
32	Cha Lo	Na Phậu	Quốc tế (đường bộ)	Quốc tế (đường bộ)	Quốc tế (đường bộ)
33	Cha Lo	Na Phậu	Chưa hoạt động	Quốc tế (đường sắt)	Quốc tế (đường sắt)
34	Cà Roòng	Noòng Mạ	Phụ	Phụ	Phụ
35	Chút Mút	Lạ Vin	Lối mở chưa chính thức	Chính	Quốc tế
36	Dốc Mây	Lù Nghi	Chưa hoạt động	Phụ	Chính
VII. Quảng Trị					
37	Lao Bảo	Đen Sạ Văn	Quốc tế (đường bộ)	Quốc tế (đường bộ)	Quốc tế (đường bộ)
38	Lao Bảo	Đen Sạ Văn	Chưa hoạt động	Quốc tế (đường sắt)	Quốc tế (đường sắt)
39	La Lay	La Lay	Quốc tế	Quốc tế	Quốc tế
40	Tà Rùng	La Cồ	Phụ	Phụ	Chính
41	Bản Cheng	Bản Mây	Phụ	Phụ	Phụ
42	Thanh	Đen Vi Lay	Phụ	Phụ	Phụ
43	Cóc	A Xóc	Phụ	Chính	Chính
44	Cù Bai	Cheng Túp	Lối mở chưa chính thức	Lối mở	Lối mở
45	A Rông	Xa Đu	Lối mở chưa chính thức	Lối mở	Lối mở

46	Tân Kim	Ka Túp	Lối mở chưa chính thức	Lối mở	Lối mở
47	Đô Thành	Mỹ Yên	Lối mở chưa chính thức	Lối mở	Lối mở
48	Xy	Bản Ổi	Lối mở chưa chính thức	Lối mở	Lối mở
49	A Dơi	Tân Du			
VIII. Thừa Thiên - Huế					
50	Hồng Vân	Cô Tài	Chính	Quốc tế	Quốc tế
51	A Đót	Tà Vàng	Chính	Quốc tế	Quốc tế
52	Hồng Thái	Bản Sê Sáp	Lối mở chưa chính thức	Phụ	Phụ
IX. Quảng Nam					
53	Nam Giang	Đắc Ta Oọc	Quốc tế	Quốc tế	Quốc tế
54	Tây Giang	Kà Lùm	Phụ	Chính	Quốc tế
X. Kon Tum					
55	Bờ Y	Phu Cua	Quốc tế	Quốc tế	Quốc tế
56	Đăk Blô	Đăk Bar	Phụ	Chính	Chính
57	Đăk Long	Văng Tất	Phụ	Chính	Quốc tế

III. BIÊN GIỚI VIỆT NAM - CAMPUCHIA

TT	Tên cửa khẩu		Loại cửa khẩu		
	Việt Nam	Đối diện	Hiện trạng	Quy hoạch 2021-2030	Quy hoạch đến 2050
I. Kon Tum					
1	Đăk Kôi	Kon Tuyneak	Chưa hoạt động	Phụ	Chính
2	Hồ Le	Đồn Công an 505	Lối mở chưa chính thức	Phụ	Chính

II. Gia Lai					
3	Lệ Thanh	O Za Dao	Quốc tế	Quốc tế	Quốc tế
4	Trạm KSBP K3	Đồn CSBP 603	Lỗi mở chưa chính thức	Phụ	Chính
5	Trạm KSBP Phà 6		Lỗi mở chưa chính thức	Phụ	Chính
6	Trạm KSBP Phà 8	Đồn CSBP 507	Lỗi mở chưa chính thức	Phụ	Chính
III. Đắk Lắk					
7	Đăk Ruê	Chi Miết	Chưa hoạt động	Chính	Quốc tế
IV. Đắk Nông					
8	Đăk Peur	Bu Sara	Chính	Quốc tế	Quốc tế
9	Pu Prăng	Đăk Đam	Chính	Chính	Quốc tế
V. Bình Phước					
10	Hoa Lư	Trapeang Sre	Quốc tế (đường bộ)	Quốc tế (đường bộ)	Quốc tế (đường bộ)
11	Hoa Lư	Trapeang Sre	Quốc tế (đường sắt)	Quốc tế (đường sắt)	Quốc tế (đường sắt)
12	Khu vực X16	Khu vực X16	Chưa hoạt động	Quốc tế	Quốc tế
13	Hoàng Diệu	Lapakhê	Chính	Chính	Quốc tế
14	Lộc Thịnh	Tôn Lé Cham	Chính	Chính	Chính
15	Tân Tiến	Chay Khlang	Phụ	Chính	Chính
16	Đăk Ô (ngầm Ô Huýt)	Senmonorum	Lỗi mở chưa chính thức	Phụ	Phụ
VI. Tây Ninh					
17	Xa Mát	Trapeang Phlong	Quốc tế	Quốc tế	Quốc tế
18	Mộc Bài	Bà Vét	Quốc tế (đường bộ)	Quốc tế (đường bộ)	Quốc tế (đường bộ)

19	Mộc Bài	Bà Vét	Quốc tế (đường sắt)	Quốc tế (đường sắt)	Quốc tế (đường sắt)
20	Tân Nam	Mon Chây	Quốc tế	Quốc tế	Quốc tế
21	Kà Tum	Chăn Mùn	Chính	Chính	Quốc tế
22	Chàng Riệc	Đa	Chính	Quốc tế	Quốc tế
23	Phước Tân	Bố Môn	Chính	Chính	Quốc tế
24	Tổng Lê Chân	Sa Tum	Phụ	Chính	Chính
25	Vạc Sa	Phum Soty	Phụ	Phụ	Chính
26	Cây Gõ	Bos Cheesk	Phụ	Phụ	Phụ
27	Tân Phú	Kọ	Phụ	Phụ	Phụ
28	Vàm Trảng Trâu	Đôn	Phụ	Phụ	Phụ
29	Tà Nông	Kompong Th'ngong	Phụ	Phụ	Phụ
30	Long Phước	Tà Y	Phụ	Phụ	Phụ
31	Cây Me	Phum Thonouk	Phụ	Phụ	Phụ
32	Long Thuận	Kompông S'Piên	Phụ	Phụ	Phụ
33	Phước Chi	Brasat	Phụ	Phụ	Phụ
34	Hòa Hiệp	Khser Dek	Lối mở chưa chính thức	Phụ	Chính
35	Gò Nổi	Com Pôk Túk	Lối mở chưa chính thức	Lối mở chưa chính thức	Phụ
VII. Long An					
36	Bình Hiệp	Prây Vò	Quốc tế	Quốc tế	Quốc tế
37	Mỹ Quý Tây	Xòm Rông	Chính	Quốc tế	Quốc tế
38	Long Khốt	Xòm Đông	Phụ	Phụ	Phụ
39	Tân Hưng	Cơ Rúa	Phụ	Phụ	Phụ

VIII. Đồng Tháp

40	Dinh Bà	Bontia Chăk Crây	Quốc tế	Quốc tế	Quốc tế
41	Thường Phước	Côk Rôca	Quốc tế (đường sông)	Quốc tế (đường bộ)	Quốc tế (đường bộ, đường sông)
42	Ba Nguyên	Koos Xâm Pư	Phụ	Chính	Chính
43	Mộc Rá	Koos Xâm Pư	Phụ	Chính	Quốc tế
44	Á Đôn	Gò Đồn	Phụ	Phụ	Phụ
45	Bình Phú	Bontia Chak Crây	Phụ	Chính	Chính
46	Thông Bình	Pèm Tia	Phụ	Chính	Chính

IX. An Giang

47	Vĩnh Xương	KaOmSamnor	Quốc tế (đường bộ, đường sông)	Quốc tế (đường bộ, đường sông)	Quốc tế (đường bộ, đường sông)
48	Tịnh Biên	PhnomDen	Quốc tế	Quốc tế	Quốc tế
49	Vĩnh Hội Đông	KamPong KraSang	Chính (đường sông)	Chính (đường sông)	Chính (đường sông)
50	Khánh Bình	Chrey Thum	Chính (đường bộ)	Quốc tế (đường bộ, đường sông)	Quốc tế (đường bộ, đường sông)
51	Bắc Đai	Bak Day	Phụ	Chính	Chính
52	Vĩnh Gia	TaOu	Lối mở chưa chính thức	Phụ	Chính
53	Vĩnh Ngươn	Kompong Krasang	Lối mở chưa chính thức	Phụ	Chính
54	Khánh An	Preh Chrey	Lối mở chưa chính thức	Phụ	Phụ
55	Vật Lái	Prek Sbov	Lối mở chưa chính thức	Lối mở chưa chính thức	Phụ

X. Kiên Giang					
56	Hà Tiên	Prek Chak	Quốc tế	Quốc tế	Quốc tế
57	Giang Thành	Ton Hon	Chính	Chính	Quốc tế
58	Vàm Hàng	On Long Pring	Lối mở chưa chính thức	Lối mở chưa chính thức	Phụ
59	Rạch Gổ	Đom Sô Sngâu	Lối mở chưa chính thức	Lối mở chưa chính thức	Phụ
60	Chợ Đình	Thnôt Choong Srong	Lối mở chưa chính thức	Lối mở chưa chính thức	Phụ
61	Nha Sáp	Rư Xây Pi Cum	Lối mở chưa chính thức	Phụ	Chính



Số:3396 /BNV - CQĐP*Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2022*

V/v góp ý Quy hoạch tổng thể
quốc gia thời kỳ 2021-2030,
tầm nhìn đến năm 2050.

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Trả lời Văn bản số 4595/BKHĐT-CLPT ngày 07/7/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc góp ý Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:

I. VỀ HỒ SƠ QUY HOẠCH TỔNG THỂ

Theo quy định tại Điều 31 Luật Quy hoạch, Hồ sơ trình thẩm định quy hoạch phải có Tờ trình và Dự thảo văn bản quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch của cấp có thẩm quyền. Vì vậy, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư bổ sung các văn bản này trong Hồ sơ Quy hoạch khi trình Hội đồng thẩm định.

II. VỀ NỘI DUNG CỦA BÁO CÁO TỔNG HỢP

1. Nội dung đề nghị bổ sung

Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã đặt ra nhiệm vụ: “tiếp tục đẩy mạnh sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và nghiên cứu triển khai thực hiện ở cấp tỉnh phù hợp với quy hoạch tổng thể đơn vị hành chính các cấp”¹; Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã đã yêu cầu: “Xây dựng và phê duyệt Quy hoạch tổng thể đơn vị hành chính của quốc gia và từng địa phương phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội”; Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã giao Ban Cán sự đảng Chính phủ “xây dựng và triển khai Quy hoạch tổng thể đơn vị hành chính các cấp giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”; Nghị quyết số 63/2022/QH15 ngày 16/6/2022 về kỳ họp thứ 3 Quốc hội khóa XV đã giao Chính phủ “nghiên cứu xây dựng Quy hoạch tổng thể đơn vị hành chính của quốc gia và từng địa phương (đến đơn vị hành chính cấp xã) phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội”. Theo đó, đề nghị bổ sung định hướng về quy hoạch tổng thể đơn vị hành chính và sắp xếp đơn vị hành chính các cấp trong quy hoạch tổng thể quốc

¹ Điểm 2.4 Mục III Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tổng kết công tác xây dựng Đảng và thi hành điều lệ Đảng.

gia để làm căn cứ xây dựng quan điểm và định hướng Quy hoạch tổng thể đơn vị hành chính các cấp theo phân công của Đảng và Quốc hội nêu trên.

2. Các nội dung góp ý

a) Khoản 6.1 Mục II Phần 1 “Hiện trạng phát triển hệ thống đô thị”: Đề nghị bổ sung đánh giá những ưu điểm, thuận lợi và khó khăn, hạn chế của quá trình phát triển hệ thống đô thị nước ta trong thời gian qua. Đồng thời, nội dung đánh giá tại khoản này cần thống nhất với nội dung đánh giá về hệ thống đô thị của 06 vùng kinh tế - xã hội tại khoản 5.2 Mục II Phần 1 “Hiện trạng phát triển các vùng và liên kết vùng”.

b) Khoản 2.1 Mục VI Phần 4 “Định hướng tổng thể hệ thống đô thị”: Đề nghị bổ sung nội dung định hướng hình thành và phát triển các đô thị lớn, đô thị vừa và đô thị nhỏ, trong đó có dự kiến số lượng các đô thị của cả nước theo từng loại đô thị và đơn vị hành chính đô thị trong thời kỳ quy hoạch. Đồng thời, bổ sung tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2025 và năm 2030 của cả nước theo định hướng tại Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị.

c) Khoản 2 Mục I Phần 5 “Giải pháp về cơ chế, chính sách”: Đề nghị bổ sung giải pháp “Đẩy mạnh cải cách hành chính” theo hướng bám sát các nội dung, định hướng về công tác cải cách hành chính trong Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030 ban hành kèm theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ.

d) Về các số liệu trong Hồ sơ Quy hoạch: Đề nghị thống nhất thời điểm tính số liệu đến ngày 31/12/2020 (trong Hồ sơ Quy hoạch nhiều số liệu, ví dụ như số liệu về vận tải hành khách, vận tải hàng hóa,... chỉ tính đến thời điểm năm 2019).

Trên đây là ý kiến của Bộ Nội vụ về Hồ sơ Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, hoàn thiện theo đúng quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Duy Thăng;
- Lưu: VT, Vụ CQĐP.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Duy Thăng



Số: **4794**/BCT-KH

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2022

V/v tham gia ý kiến đối với dự thảo Báo cáo Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Trả lời đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 4980/BKHĐT-CLPT ngày 21 tháng 7 năm 2022 và Văn bản số 4583/BKHĐT-CLPT ngày 07 tháng 7 năm 2022 về việc tham gia ý kiến đối với dự thảo Báo cáo Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, Bộ Công Thương có ý kiến như sau:

1. Ý kiến chung

- Theo Luật quy hoạch, Quy hoạch tổng thể quốc gia là quy hoạch cấp quốc gia, mang tính chiến lược theo hướng phân vùng và liên kết vùng của lãnh thổ bao gồm đất liền, các đảo, quần đảo, vùng biển và vùng trời; hệ thống đô thị và nông thôn; kết cấu hạ tầng; sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường; phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế. Quy hoạch tổng thể quốc gia là cơ sở để lập quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn trên cả nước. Trong nội dung quy hoạch tổng thể quốc gia có nội dung của các hợp phần quy hoạch. Vì vậy, đề nghị cân nhắc việc đưa các mục tiêu quá cụ thể trong các quy hoạch ngành quốc gia.

- Hiện nay, theo đề nghị của Bộ Kế hoạch và đầu tư, Bộ Công Thương đang nghiên cứu và tham gia ý kiến đối với các hợp phần quy hoạch. Đề nghị làm rõ về nội dung của hợp phần quy hoạch và việc tích hợp các nội dung này vào Quy hoạch tổng thể quốc gia như thế nào để đảm bảo tính tổng thể và thống nhất với các quy hoạch ngành quốc gia.

2. Ý kiến cụ thể

2.1. Về công nghiệp

- Đối với phần hiện trạng ngành công nghiệp, đề nghị bổ sung, làm rõ hơn về tăng trưởng toàn ngành công nghiệp giai đoạn 2016-2020 (dự thảo báo cáo quy hoạch mới chỉ đề cập đến công nghiệp chế biến, chế tạo, quy mô và năng lực sản xuất công nghiệp, lao động công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp (số lượng, chất lượng, cơ cấu), trình độ công nghệ, tình hình và hiệu quả đầu tư lĩnh vực công nghiệp; Bổ sung nội dung đánh giá chung về kết quả đạt được, những hạn chế, nguyên nhân của những hạn chế.

- Đối với hạ tầng công nghiệp, đề nghị bổ sung hiện trạng đất cụm công nghiệp (dự thảo báo cáo quy hoạch mới chỉ đề cập đến khu công nghiệp)

- Đối với nội dung dự báo, để có cơ sở xác định mục tiêu và định hướng phát triển công nghiệp, đề nghị bổ sung, làm rõ xu hướng phát triển công nghiệp trên thế giới, tập trung vào các xu hướng công nghiệp năng lượng, công nghiệp vật liệu xây dựng, công nghiệp chế biến nông thủy sản, công nghiệp dệt may-da giày, linh kiện, điện tử...; dự báo thị trường trong nước và quốc tế, khả năng cạnh tranh đối với một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu.

- Về định hướng phát triển công nghiệp, đề nghị bổ sung định hướng phát triển các ngành công nghiệp có tính chất nền tảng, công nghiệp có công nghệ, giá trị gia tăng cao, giá trị xuất khẩu lớn trong chuỗi giá trị của từng ngành công nghiệp; gắn kết sản xuất với phát triển dịch vụ công nghiệp; khuyến khích phát triển các ngành công nghiệp tiêu thụ ít năng lượng và có hiệu quả về kinh tế - xã hội; Phát triển, phân bố các khu, cụm công nghiệp với quy mô hợp lý, theo hướng tập trung chuyên ngành (như khu, tổ hợp công nghiệp và logistic về hóa chất).

- Đề nghị bổ sung, làm rõ hơn thế mạnh của mỗi vùng và định hướng phát triển công nghiệp theo vùng, lãnh thổ làm cơ sở để lập các quy hoạch vùng.

2.2. Về thương mại

- Đối với phần hiện trạng, đề nghị làm rõ thực trạng hoạt động thương mại trong thời gian qua. Trong đó, thương mại nội địa đánh giá qua các chỉ tiêu về quy mô và tăng trưởng thương mại nội địa, giá trị gia tăng của ngành, tỷ lệ đóng góp với tăng trưởng kinh tế, lao động trong ngành (số lượng, chất lượng), thành phần doanh nghiệp tham gia hoạt động thương mại; hoạt động xuất nhập khẩu đánh giá qua các chỉ tiêu về quy mô và tăng trưởng xuất nhập khẩu hàng hóa; cơ cấu hàng hóa xuất nhập khẩu, thị trường xuất nhập khẩu, cơ cấu thành phần kinh tế tham gia xuất nhập khẩu, năng lực cạnh tranh của hàng hóa và doanh nghiệp xuất khẩu; hạ tầng thương mại đánh giá qua các chỉ tiêu về số lượng, quy mô, phân bố mạng lưới chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, trung tâm logistics và kho hàng hóa, trung tâm hội chợ triển lãm....

- Đề nghị rà soát, thống nhất về đối tượng quy hoạch liên quan đến hệ thống hạ tầng thương mại phục vụ bán buôn. Theo đó, đề nghị cân nhắc không đưa sở giao dịch hàng hóa là đối tượng quy hoạch hạ tầng thương mại phục vụ bán buôn; thống nhất về tên gọi chợ phục vụ bán buôn là chợ đầu mối thay cho chợ bán buôn.

- Đối với loại hình bán lẻ truyền thống, đề nghị nghiên cứu, bổ sung đánh giá về chợ hạng 3; Đối với loại hình bán lẻ hiện đại, đề nghị nghiên cứu, bổ sung đánh giá về chuỗi cửa hàng tiện lợi.

- Đối với nội dung dự báo, đề nghị bổ sung việc đánh giá, làm rõ được xu hướng lưu chuyển hàng hóa, dự báo các khu vực tập trung lưu chuyển để xác định các vị trí nơi sẽ quy hoạch các kết cấu hạ tầng quan trọng quốc gia, cấp khu vực, cấp vùng cho phù hợp.

- Đối với quan điểm, mục tiêu phát triển: dự thảo quy hoạch mới chỉ đề cập theo các quy hoạch được ban hành trước đây, chưa được xây dựng trên cơ sở

đánh giá hiện trạng và dự báo xu hướng trong thời gian tới. Vì vậy, đề nghị làm rõ hơn về cơ sở xây dựng quan điểm, mục tiêu và định hướng quy hoạch thời kỳ 2021-2030 và đảm bảo sự phù hợp với các chiến lược phát triển liên quan đến lĩnh vực thương mại, trong đó có Chiến lược phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 được ban hành tại Quyết định số 1163/QĐ-TTg ngày 13 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Đối với phương hướng phát triển và tổ chức không gian, đề nghị làm rõ sự gắn kết với các quy hoạch khác, đặc biệt là quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch đô thị.

- Đối với hệ thống bảng biểu về số lượng chợ đầu mối phân theo vùng và địa phương năm 2020 (Bảng 25, trang 122), đề nghị sửa lại nguồn là “Báo cáo của các địa phương”.

2.3. Về lĩnh vực năng lượng, điện lực

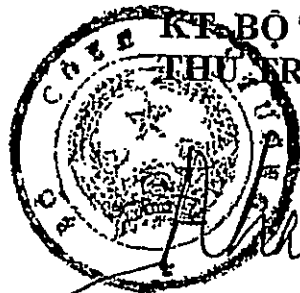
- Tại điểm 8.2.2, Mục II về hiện trạng lĩnh vực dầu khí, dự thảo quy hoạch mới đề cập đến nội dung liên quan lĩnh vực khai thác dầu khí. Do đó, đề nghị xem xét bổ sung các thông tin liên quan đến lĩnh vực công nghiệp chế biến dầu khí; vận chuyển, tồn trữ và phân phối các sản phẩm dầu mỏ; Bổ sung hiện trạng lĩnh vực khai thác và chế biến than vào điểm 8.2, Mục II. Về định hướng phát triển năng lượng, đề nghị rà soát, bám sát dự thảo Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 để đảm bảo thống nhất.

- Đối với nội dung về phát triển điện lực, cơ bản phù hợp với các nội dung Tờ trình số 2279/TTr-BCT ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Bộ Công Thương trình Thủ tướng Chính phủ xem xét phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia thời kỳ 2021-2030. Tuy nhiên, hiện nay dự thảo Quy hoạch vẫn tiếp tục hoàn thiện theo chỉ đạo của Chính phủ. Vì vậy, đề nghị tiếp tục theo dõi, cập nhật. Ngoài ra, đề nghị cân nhắc việc đưa chỉ tiêu quá chi tiết về điện gió, điện mặt trời trong quy hoạch tổng thể quốc gia.

Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- CN, HC, ĐL, CTĐP, DKT, TTTN, VCL;
- Lưu: VT, KHMth.



Nguyễn Sinh Nhật Tân

Số: 8075 /BGTVT-KHĐT

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2022

V/v góp ý đối với Quy hoạch tổng
thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030,
tầm nhìn đến năm 2050

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Bộ Giao thông vận tải (GTVT) nhận được văn bản số 4980/BKHĐT-CLPT ngày 21/7/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư lấy ý kiến đối với Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Sau khi nghiên cứu, Bộ GTVT tham gia ý kiến như sau:

1. Bộ GTVT nhận thấy kết cấu, nội dung chung của Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 kèm theo văn bản số 4583/BKHĐT-CLPT ngày 07/7/2022 cơ bản bám sát nhiệm vụ lập quy hoạch tổng thể quốc gia được Chính phủ phê duyệt tại Nghị quyết số 143/NQ-CP ngày 04/10/2020.

2. Đề hoàn chỉnh dự thảo Báo cáo tổng hợp, đề nghị chỉnh sửa nội dung sau:

- Về phạm vi nghiên cứu của quy hoạch (trang 4): theo Báo cáo, *phạm vi nghiên cứu của quy hoạch bao gồm lãnh thổ trên đất liền, các đảo, quần đảo, vùng biển, vùng trời*". Tuy nhiên, đề nghị tách thành 2 nội dung: phạm vi quy hoạch *gồm lãnh thổ trên đất liền, các đảo, quần đảo, vùng biển, vùng trời*; phạm vi nghiên cứu cần mở rộng hơn để nghiên cứu thêm những vấn đề của quốc tế, của khu vực, những vấn đề có tính thời đại mà có ảnh hưởng trực tiếp hoặc có ảnh hưởng lớn tới quy hoạch tổng thể quốc gia, định vị nền kinh tế của Việt Nam trong nền kinh tế toàn cầu, làm tăng khả năng linh hoạt, có tính thích nghi cao và tính khả thi của quy hoạch tổng thể quốc gia.

- Đối với từng phần trong đánh giá về điều kiện tự nhiên, hiện trạng phát triển quốc gia (dân số, phân bố dân số, cơ cấu các ngành, phát triển các hành lang, vùng kinh tế trọng điểm, các khu công nghiệp, các ngành kinh tế...), đề nghị nghiên cứu bổ sung vào phần cuối của từng mục các kết luận rút ra để lưu ý trong quá trình lập, thực hiện quy hoạch. Các bảng biểu, số liệu đánh giá cần bổ sung nguồn trích dẫn để bảo đảm độ tin cậy; thống nhất giai đoạn phân tích, đánh giá là giai đoạn 2010 - 2020 hay 2000 - 2020 để bảo đảm tính khoa học, đồng bộ về số liệu (thống kê khối lượng tăng trưởng vận tải, tăng trưởng công suất điện là giai đoạn 2010 - 2020; sản lượng khai thác dầu giai đoạn 1986 - 2019; tỷ lệ đô thị hóa 2000 - 2020,...).

- Phần hiện trạng, bổ sung nghiên cứu phân tích đánh giá các điều kiện cần để phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế so sánh và lợi thế cạnh tranh từng ngành, của lãnh thổ Việt Nam, trong đó phải xác định được mức độ ưu tiên và việc lựa chọn những lãnh thổ động lực cho phát triển, các điểm kết nối đối ngoại,...

- Nghiên cứu bổ sung đánh giá phát triển các cực tăng trưởng (Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, ...) giai đoạn vừa qua; nội dung về kết cấu hạ tầng giao thông giữa 6 vùng kinh tế - xã hội chưa có sự tương đồng (vùng có, vùng không) về số làn xe,

năm đưa vào khai thác, mô tả quốc lộ, đường sắt,... nên cần thống nhất nội dung đánh giá.

- Về hiện trạng phát triển, phân bổ không gian mạng lưới kết cấu hạ tầng giao thông (từ trang 231): phần hiện trạng giao thông trong báo cáo chủ yếu đánh giá riêng lẻ theo từng lĩnh vực, theo nội dung quy hoạch ngành lĩnh vực giao thông. Đề nghị cần đánh giá tổng quan trong đó bổ sung hiện trạng về vận tải để đánh giá sự phù hợp thị phần vận tải của các phương thức vận tải; hiện trạng về đầu tư để đánh giá việc huy động nguồn lực,...; bổ sung đánh giá về giao thông đô thị, giao thông kết nối quốc tế, kết nối đến các đầu mối vận tải,...

- Về đánh giá hạn chế, yếu kém (trang 314): đề nghị bổ sung đánh giá các hạn chế trong việc thu hút nguồn lực, chưa đáp ứng được nhu cầu cũng như không tạo được đột phá về phát triển kết cấu hạ tầng giao thông.

- Về quan điểm phát triển (trang 339): các quan điểm trong dự thảo báo cáo còn trùng lặp (quan điểm 1, 4 và 6 đều là quan điểm về tổ chức không gian), đề nghị thiết kế quan điểm về phát triển quốc gia trong thời kỳ quy hoạch theo các nhóm vấn đề: (1) Quan điểm về phát triển bảo đảm cân bằng tổng thể (bao trùm), phù hợp với các quan điểm của Chiến lược phát triển; (2) Quan điểm về phát triển kinh tế; (3) Quan điểm về phát triển bảo đảm các mặt văn hóa, xã hội; (4) Quan điểm về bảo vệ môi trường và các vấn đề cảnh báo môi trường; (5) Quan điểm về bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- Về mục tiêu (từ trang 340): đề nghị xem xét bổ sung mục tiêu liên quan đến tổng thể của 5 phương thức vận tải, tránh nêu chi tiết từng lĩnh vực như quy hoạch ngành quốc gia đã được phê duyệt để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của ngành giao thông vận tải trong quy hoạch ngành quốc gia; bổ sung mục tiêu về thị phần vận tải của các phương thức vận tải, các mục tiêu về vận tải cần gắn với định hướng phát triển không gian theo vùng, lãnh thổ, tổ chức không gian các ngành lĩnh vực được đề cập trong dự thảo.

- Về định hướng phát triển và phân bổ không gian các ngành, lĩnh vực:

+ Về định hướng phát triển và tổ chức không gian mạng lưới kết cấu hạ tầng giao thông (trang 394): do cách trình bày lấy theo các kết quả của quy hoạch ngành quốc gia lĩnh vực giao thông nên nội dung về phương hướng phát triển và phân bổ không gian chưa có định hướng phát triển không gian theo vùng, lãnh thổ, đề nghị rà soát nghiên cứu bổ sung phương hướng phát triển và phân bổ không gian mạng lưới kết cấu hạ tầng giao thông theo hướng tổng quan, bảo đảm yêu cầu hoạch định và phát triển trên toàn bộ không gian lãnh thổ quốc gia hướng đến mục tiêu phát triển bền vững gắn với bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.

+ Về định hướng phân vùng và liên kết vùng: đề nghị bổ sung các điều kiện, tiêu chí phân vùng và xây dựng phương án phân vùng, xác định lợi thế so sánh của từng vùng và định hướng phát triển vùng, đề xuất phương án liên kết về kết cấu hạ tầng và các hoạt động kinh tế, xã hội, môi trường, phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.

+ Bổ sung định hướng phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu; xác định các khu vực dễ bị tổn thương do thiên tai, biến đổi khí hậu và nước biển dâng; phân vùng rủi ro thiên tai, đặc biệt là các thiên tai liên quan đến bão, nước biển dâng do bão, lũ, lũ quét, sạt lở đất đá, sạt lở bờ sông, bờ biển, hạn hán, xâm nhập mặn

Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, KHĐT (02) LONGPV.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Lê Đình Thọ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 3561 /BGDDĐT - KHTC

V/v góp ý đối với Quy hoạch tổng thể
quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn
đến năm 2050

Hà Nội, ngày 01 tháng 08 năm 2022

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Phúc đáp Công văn số 4583/BKHĐT-CLPT ngày 07/7/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc góp ý đối với Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Bộ Giáo dục và Đào tạo có ý kiến như sau:

1. Đề nghị bổ sung căn cứ pháp lý lập quy hoạch.
2. Về hiện trạng phát triển, phân bố không gian mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm (Mục 7.4 trang 198):

- Đề nghị bổ sung chỉnh sửa, cập nhật số liệu cơ sở giáo dục đại học như sau: *"Hiện nay, cả nước có 242 trường Đại học, Học viện trong đó có 150 trường Đại học công lập (trong đó có 70 trường Đại học do địa phương quản lý), 62 trường Đại học tư thục và dân lập, 5 trường có 100% vốn nước ngoài. Số Viện nghiên cứu có đào tạo tiến sĩ là 36. Có 23 trường cao đẳng sư phạm, 20 trường cao đẳng có sư phạm mầm non (Số liệu thống kê của Bộ Giáo dục và Đào tạo tháng 5/2022)".*

- Đề nghị rà soát, cập nhật số liệu về quy mô sinh viên, số lượng giảng viên, số lượng giảng viên có trình độ tiến sĩ cả nước theo Niên giám thống kê Giáo dục và Đào tạo năm 2021, cụ thể về quy mô sinh viên cả nước (năm học 2020-2021 là 1.905.956 sinh viên), số lượng giảng viên cả nước (năm học 2020-2021 là 76.576 giảng viên), số lượng giảng viên có trình độ tiến sĩ (năm học 2020-2021 là 23.956 giảng viên). Ngoài ra, Báo cáo Quy hoạch nêu có 7 khối ngành trọng điểm nhưng lại chỉ đưa ra số liệu của 5 nhóm ngành đồng thời chưa có sự thống nhất về tên gọi của các khối ngành. Một số nội dung còn trùng lặp như tỉ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ, khó khăn về nguồn lực của các trường đại học ngoài công lập.... Do vậy, đề nghị rà soát, chỉnh sửa.

- Về cơ sở vật chất, Báo cáo Quy hoạch nêu *"diện tích các nhà trường còn thiếu nhiều, đào tạo xây dựng/mỗi sinh viên thấp, diện tích đất quá nhỏ..."*. Đề nghị bổ sung làm rõ nội dung này dựa trên nguồn báo cáo nào, theo quan sát thực tế hay theo các quy định của nhà nước về cơ sở vật chất đối với các cơ sở giáo dục đại học.

- Về phân bố, cơ cấu các cơ sở giáo dục đại học: Đề nghị rà soát, nhấn mạnh hơn việc phải phân bố các cơ sở giáo dục đại học theo vùng kinh tế và ngành lĩnh vực phục vụ phát triển kinh tế vùng miền.

- Về liên kết, hội nhập quốc tế: Đề nghị bổ sung số lượng các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài và sự phát triển trong giai đoạn từ 2005 đến 2022.

- Đề nghị nghiên cứu bổ sung số liệu về chỉ số tiếp cận giáo dục đại học trong độ tuổi học đại học của Việt Nam và có sự so sánh với thế giới và khu vực.

3. Về hiện trạng phát triển, phân bố không gian hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập (Mục 7.5 trang 205):

Đề nghị chỉnh sửa, biên tập lại như sau:

“ Đến tháng 5, năm 2022, Việt Nam có 15 trung tâm hỗ trợ phát triển GDHN cấp Tỉnh; 16 cơ sở giáo dục chuyên biệt (GDCB) cấp Tỉnh công lập tập trung ở 31 Tỉnh/thành phố¹. Còn 32/63 tỉnh/thành phố chưa có cơ sở GDCB hay trung tâm hỗ trợ phát triển GDHN công lập cấp tỉnh hoặc huyện².

Các trung tâm hỗ trợ phát triển GDHN với số lượng hạn chế, hầu hết đều mới được thành lập, hoặc chuyển đổi từ trường chuyên biệt, chưa có quy chế hoạt động nên chưa phát huy hết được vai trò, thực hiện tốt chức năng hỗ trợ GDHN tại các địa phương³. Các trường và trung tâm GDCB công lập, về cơ bản, chỉ tiếp nhận học sinh khuyết tật là người địa phương, thậm chí không đáp ứng hết được nhu cầu của địa phương. Những học sinh khuyết tật là người địa phương khác có tham gia giáo dục tại đây nhưng chỉ là những trường hợp đặc biệt.

Hầu hết các cơ sở GDCB và trung tâm hỗ trợ phát triển GDHN tập trung tại thành phố, vùng đô thị. Trong khi đó, nhiều địa phương, đặc biệt tại các vùng nông thôn, vùng khó khăn, vùng xa không có cơ sở giáo dục dành cho người khuyết tật⁴. Các trung tâm hỗ trợ phát triển GDHN tư thục/ngoài công lập phát triển song chỉ mang tính tự phát, tập trung vào một số hoạt động chứ không hoạt động đầy đủ như một trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập theo đúng nghĩa. Nhiều năm trở lại đây không có thêm mới các trường chuyên biệt được thành lập dành cho người khuyết tật.

Một số Trung tâm Giáo dục và Trường chuyên biệt mặc dù đã và đang thực hiện chức năng, nhiệm vụ, có tầm ảnh hưởng về giáo dục đối với người khuyết tật cấp Quốc gia, cấp Vùng nhưng chưa được định danh là cơ sở giáo dục dành cho người khuyết tật cấp Quốc gia, cấp Vùng. Cụ thể như sau:

¹ Ngoài ra còn có 05 trung tâm hỗ trợ phát triển GDHN cấp quận/huyện; 18 cơ sở GDCB cấp quận/huyện; và hàng trăm trung tâm, phòng can thiệp, hỗ trợ giáo dục đặc biệt của tư nhân.

² PGS.TS. Lê Văn Tạc, Nghiên cứu luận cứ Khoa học về sắp xếp các cơ sở giáo dục chuyên biệt và trung tâm hỗ trợ phát triển Giáo dục hòa nhập cho người khuyết tật, B2020 – VKG – 01NV

³ Đó cũng là một trong những lý do mà nhiều trường phổ thông chưa thể tiếp nhận dạy học trẻ khuyết tật (do không đảm bảo điều kiện dạy học - quản lý, giáo viên, cán bộ hỗ trợ, cơ sở vật chất phương tiện, thiết bị, đồ dùng, sự sẵn sàng của cộng đồng... và đặc biệt là vấn đề an toàn của trẻ).

⁴ Báo cáo Ban chỉ đạo giáo dục trẻ khuyết tật và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, Bộ GD – ĐT 2019

- Trung tâm Giáo dục Đặc biệt Quốc gia-Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam: Với lịch sử phát triển 45 năm, Trung tâm là đơn vị giáo dục thực hiện chức năng phát triển chương trình, nghiên cứu và sản xuất thử thiết bị, tài liệu dạy và học dành cho người khuyết tật; cung cấp các khóa tập huấn phát triển năng lực cho Chuyên gia, giáo viên, phụ huynh tham gia giáo dục người khuyết tật trên toàn quốc. Từ tháng 12/2018, Trung tâm có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng.

- Trường phổ thông đặc biệt Nguyễn Đình Chiểu, Tp Hồ Chí Minh. Trường hiện tổ chức giáo dục khoảng 300 học sinh mù, đả tật từ nhiều tỉnh khu vực phía Nam. Từ năm 2011 đến nay, trường đã dịch nhiều tài liệu, tư vấn, hỗ trợ Chuyên môn cho nhiều cơ sở giáo dục hòa nhập và Chuyên biệt trên toàn quốc. Trường phổ thông cơ sở Nguyễn Đình Chiểu Hà Nội đang tổ chức giáo dục cho khoảng 200 học sinh khuyết tật nhìn và hơn 1500 học sinh không khuyết tật.

- Trung tâm Nghiên cứu văn hóa Điếc, Trường Đại học Đồng Nai, được thành lập từ năm 2014. Hiện nay, bên cạnh chức năng Nghiên cứu văn hóa Điếc trung tâm còn tổ chức giáo dục học sinh điếc cấp tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông từ nhiều tỉnh thành trên cả nước. Bên cạnh đó Trung tâm hỗ trợ Chuyên môn về giáo dục người điếc cho nhiều cơ sở giáo dục Chuyên biệt và hòa nhập”.

- Đề nghị chỉnh sửa Bảng 40 như sau:

“Bảng 1. Mạng lưới Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập và cơ sở giáo dục chuyên biệt cấp tỉnh (công lập)

STT	Vùng	Trung tâm HTPT GDHN	CSGD chuyên biệt
1	Trung du và miền núi phía Bắc	4	0
2	Đồng bằng sông Hồng	1	4
3	Bắc Trung Bộ và Duyên hải Miền Trung	4	3
4	Tây Nguyên	2	2
5	Đông Nam Bộ	3	4
6	Đồng bằng sông Cửu Long	3	7
	Tổng số	17	20

Nguồn: Lê Văn Tạc (2022), Nghiên cứu luận cứ Khoa học về sắp xếp các cơ sở giáo dục chuyên biệt và trung tâm hỗ trợ phát triển Giáo dục hòa nhập cho người khuyết tật.

4. Về mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm (Mục 4 trang 378):

4.1. Về quan điểm (Mục 4.1 trang 384)

Đề nghị chỉnh sửa, bổ sung như sau:

“- Quy hoạch để thực hiện mục tiêu Chiến lược phát triển giáo dục, Khung chiến lược phát triển giáo dục đại học đến 2030, tầm nhìn đến năm 2045; phù

hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia, các quy hoạch vùng và các chiến lược, quy hoạch khác có liên quan.

- Quy hoạch để rà soát, sắp xếp lại hệ thống cơ sở giáo dục đại học và sự phạm bảo đảm hợp lý về quy mô, cơ cấu đào tạo và phân bố vùng miền, gia tăng khả năng tiếp cận giáo dục đại học của người dân, đáp ứng nhu cầu nhân lực phát triển kinh tế - xã hội của cả nước và của các địa phương.

- Quy hoạch theo hướng mở, linh hoạt; phát triển hệ thống giáo dục đại học thống nhất trong đa dạng, thúc đẩy hợp tác và cạnh tranh; khuyến khích phát triển các đại học lớn đủ năng lực cạnh tranh, hội nhập quốc tế; sáp nhập, hợp nhất hoặc giải thể các trường đại học hoạt động kém hiệu quả, kém chất lượng.

- Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học để hình thành hệ sinh thái đại học tại mỗi vùng kinh tế, phục vụ đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao gắn với phát triển, ứng dụng khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất lao động và năng lực cạnh tranh, phát huy lợi thế của từng vùng kinh tế và của cả nước.

- Quy hoạch để tăng cường huy động và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực cho giáo dục đại học; ưu tiên ngân sách Nhà nước để phát triển các cơ sở giáo dục đại học trọng điểm làm nòng cốt và dẫn dắt hệ thống; tạo điều kiện thuận lợi để đầu tư phát triển các cơ sở giáo dục đại học tư thục, nhất là cơ sở giáo dục đại học tư thục không vì lợi nhuận”

4.2. Về mục tiêu (Mục 4.2 trang 385):

Đề nghị chỉnh sửa, bổ sung như sau:

“Mục tiêu tổng quát:

Củng cố và phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đại học (và sự phạm) đủ năng lực đáp ứng về quy mô, cơ cấu, chất lượng và hiệu quả phục vụ nhu cầu học tập của người dân, nhu cầu nhân lực trình độ cao (và đội ngũ giáo viên), phát triển và ứng dụng khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo cho từng giai đoạn phát triển của đất nước.

Mục tiêu cụ thể:

a) Đến năm 2030

Mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sự phạm⁵ được sắp xếp, tổ chức lại hợp lý, mở rộng không gian và tăng cường nguồn lực; đủ năng lực đáp ứng nhu cầu nhân lực trình độ cao của nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao. Người dân được tiếp cận dễ dàng, công bằng với giáo dục đại học chất lượng tốt. Việt Nam được xếp vào nhóm quốc gia có hệ thống giáo dục đại học tiên tiến trong khu vực Châu Á.

- Tăng quy mô đào tạo đạt 260 sinh viên/vạn dân; số sinh viên theo học các trường đại học tư thục tăng 1,5 lần so với năm 2021.

⁵ Bao gồm cả phân hiệu của các cơ sở giáo dục đại học và sự phạm

- Giảm số cơ sở giáo dục đại học và sư phạm công lập; hoàn thành sắp xếp, tổ chức lại các trường cao đẳng sư phạm;

- 100% cơ sở giáo dục đại học đạt chuẩn (tính cả tiêu chí về diện tích đất sử dụng và diện tích xây dựng), trong đó 10 cơ sở giáo dục đại học đạt chuẩn đại học trọng điểm quốc gia và 20 đạt chuẩn cơ sở giáo dục đại học trọng điểm ngành, phân bổ hợp lý theo các vùng kinh tế trọng điểm”.

4.3. Về phương hướng phát triển, phân bố không gian mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm (Mục 4.3 trang 386):

Đề nghị chỉnh sửa, bổ sung như sau:

“1. Phân loại các cơ sở đào tạo theo chuẩn

- Đại học trọng điểm quốc gia⁶, cơ sở giáo dục đại học trọng điểm ngành⁷.

- Các cơ sở giáo dục đại học khác (yêu cầu đạt chuẩn tối thiểu).

2. Định hướng sắp xếp, tổ chức lại mạng lưới cơ sở giáo dục đại học công lập

- Rà soát, sắp xếp lại hệ thống cơ sở giáo dục đại học và sư phạm bảo đảm hợp lý về quy mô, cơ cấu ngành nghề và phân bố vùng miền, đáp ứng nhu cầu nhân lực phát triển kinh tế - xã hội của cả nước và của các địa phương.

- Sáp nhập, hợp nhất hoặc giải thể các trường đại học quy mô nhỏ, đơn ngành hoạt động kém hiệu quả, kém chất lượng dựa trên chuẩn cơ sở giáo dục đại học; giảm số cơ sở GDDH công lập.

- Sắp xếp, tổ chức lại các trường cao đẳng sư phạm theo hướng sáp nhập thành phân hiệu của các cơ sở giáo dục đại học, hoặc hợp nhất với cơ sở giáo dục nghề nghiệp...

3. Định hướng phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đại học tư thực

- Đẩy mạnh phát triển hệ thống cơ sở giáo dục đại học ngoài công lập; tạo sự bình đẳng, cơ hội cho các loại hình cơ sở giáo dục đại học; quy hoạch theo hướng mở, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước thành lập mới các cơ sở giáo dục đại học tư thực, nhất là các cơ sở giáo dục đại học hoạt động không vì lợi nhuận. Ưu tiên hình thành cơ sở giáo dục đại học ngoài công lập tại các khu vực ngoài đô thị, hình thành các khu đô thị đại học nhằm giảm tải cho quá trình đô thị hóa và áp lực hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị, tạo các cơ hội phát triển cho các vùng ngoại ô.

- Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ, khuyến khích đầu tư và tài trợ cho GDDH bao gồm cả thực hiện cơ chế hợp tác công tư, nhất

⁶ là các đại học đạt chuẩn ở mức cao nhất trong một số lĩnh vực, có năng lực cạnh tranh quốc tế về đào tạo chất lượng cao, nghiên cứu và đổi mới sáng tạo; được tập trung nguồn lực đầu tư để trở thành đại học đẳng cấp khu vực và thế giới, làm nòng cốt và dẫn dắt sự phát triển của hệ thống.

⁷ là các cơ sở giáo dục đại học đạt chuẩn ở mức cao nhất ở một lĩnh vực ngành ưu tiên (nhưng không nằm trong nhóm đại học trọng điểm), được tập trung nguồn lực đầu tư để ngành đào tạo đạt đẳng cấp khu vực và thế giới, làm nòng cốt và dẫn dắt sự phát triển của lĩnh vực ngành (Y dược, Luật, Sư phạm, Nông nghiệp...).

là chính sách ưu đãi thuế, sử dụng đất.

4. Định hướng phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đại học theo các vùng kinh tế

Các cơ sở giáo dục đại học và sư phạm được quy hoạch phù hợp với nhu cầu nguồn nhân lực theo định hướng phát triển, phát huy lợi thế các vùng kinh tế - xã hội⁸ và đất nước tại Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam 10 năm (2021-2030); có tính đến không gian mạng, xu thế phát triển giáo dục đại học trong khu vực và trên thế giới.

Có chính sách ưu tiên, tập trung đầu tư phát triển giáo dục đại học để mở rộng cơ hội tiếp cận giáo dục đại học và phục vụ nhu cầu học tập suốt đời của nhân dân tại các vùng khó khăn (vùng trung du và miền núi phía Bắc, vùng Tây Nguyên); lựa chọn một số cơ sở giáo dục đại học để đầu tư trọng tâm, trọng điểm làm động lực, lan tỏa phát triển giáo dục đại học trong vùng”.

5. Về Hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập (Mục 5 trang 381)

5.1. Về quan điểm (Mục 5.1 trang 381):

Đề nghị chỉnh sửa, bổ sung như sau:

“- Cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước về phát triển giáo dục cho người khuyết tật; phù hợp, thống nhất với định hướng Chiến lược phát triển đất nước thời kỳ 2021-2030; quy hoạch tổng thể quốc gia và các quy hoạch ngành quốc gia khác có liên quan, quy hoạch vùng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và từng giai đoạn quy hoạch.

- Phù hợp với đặc điểm từng vùng lãnh thổ, cơ cấu dân số và số lượng người có các dạng, mức độ khuyết tật khác nhau; tạo điều kiện thuận lợi cho người khuyết tật có cơ hội công bằng trong tiếp cận và thụ hưởng dịch vụ giáo dục có chất lượng, học tập suốt đời.

- Phù hợp với khả năng đầu tư của nhà nước và khả năng huy động nguồn lực xã hội và quy hoạch sử dụng đất quốc gia để phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục chuyên biệt (GDCB) đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập (GDHN); thực hiện đa dạng hóa các hình thức đầu tư, hình thức quản lý theo hướng đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích, huy động nguồn lực của cộng đồng, xã hội để tạo điều kiện cho người khuyết tật được tiếp cận dịch vụ giáo dục, góp phần thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

- Có tính mở, linh hoạt, tùy thuộc vào tình hình và nhu cầu thực tế của cả nước, các vùng, địa phương để xác định số lượng, quy mô của hệ thống cơ sở GDCB đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển GDHN trên cả nước, từng địa bàn cho phù hợp, đáp ứng tốt nhất nhu cầu học tập suốt đời của người khuyết tật”.

⁸ 06 vùng: Vùng trung du và miền núi phía Bắc; đồng bằng sông Hồng; Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung; Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung; Tây Nguyên; Đông Nam bộ; Đồng bằng sông Cửu Long.

5.2. Về Mục tiêu tổng quát (Mục 5.2.1 trang 381):

Đề nghị chỉnh sửa, bổ sung như sau:

“Phát triển mạng lưới các cơ sở giáo dục (chuyên biệt và trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập) bảo đảm quyền và đáp ứng nhu cầu được học tập và học tập có chất lượng đối với người khuyết tật theo hướng nâng cao chất lượng chất lượng giáo dục đối với người khuyết tật, tiếp cận trình độ các nước tiên tiến trong khu vực”.

5.3. Về Mục tiêu tổng quát (Mục 5.2.2 trang 381):

Đề nghị chỉnh sửa, bổ sung như sau:

“- 80% trẻ em từ sơ sinh đến 6 tuổi được can thiệp sớm giáo dục các dạng khuyết tật. 90% trẻ khuyết tật ở độ tuổi mầm non và phổ thông được tiếp cận giáo dục.

- Đến năm 2030: 70% các tỉnh có ít nhất 01 trung tâm hỗ trợ giáo dục hòa nhập hoặc 01 cơ sở giáo dục chuyên biệt do Tỉnh quản lý. Đến năm 2050: 100% các tỉnh có mạng lưới các cơ sở GD chuyên biệt đối với người khuyết tật và trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập cơ bản đáp ứng được nhu cầu tiếp cận giáo dục có chất lượng cho học sinh khuyết tật.

- Xây dựng được ít nhất 01 trung tâm giáo dục đặc biệt đóng vai trò dẫn dắt cho cả hệ thống, ít nhất 03 trung tâm hỗ trợ giáo dục hòa nhập đủ điều kiện về cơ sở vật chất, nhân lực thực hiện vai trò hỗ trợ chuyên môn cho các cơ sở giáo dục trong vùng và khu vực lân cận; có ít nhất 03 cơ sở giáo dục có đủ điều kiện về cơ sở vật chất, nhân lực đáp ứng nhu cầu giáo dục chất lượng cao cho người khuyết tật (đơn tật, đa khuyết tật) đặc biệt nặng”.

5.4. Về phương hướng phát triển, phân bố không gian hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập (Mục 5.3 trang 382):

Đề nghị chỉnh sửa, bổ sung như sau:

“- Căn cứ vào quy mô dân số để phát triển mạng lưới các cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập, bao gồm các cơ sở công lập và ngoài công lập. Liên kết chặt chẽ giữa các cơ sở cơ sở giáo dục chuyên biệt và trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập trong từng tỉnh, giữa các vùng và cả nước trong công tác giáo dục trẻ khuyết tật về: đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực; chia sẻ kinh nghiệm trong công tác giáo dục trẻ khuyết tật và hỗ trợ người khuyết tật.

- Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập đáp ứng nhu cầu học tập, hòa nhập của người khuyết tật thuộc mọi tầng lớp xã hội. Ngân sách nhà nước tập trung cho mạng lưới tối thiểu các cơ sở, trung tâm ở các địa phương. Đồng thời tăng cường xã hội hóa, huy động các nguồn lực phát triển hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập để đáp ứng nhu cầu đa dạng của người học”.

Trên đây là ý kiến của Bộ Giáo dục và Đào tạo, kính gửi Quý Cơ quan để nghiên cứu, tổng hợp.

Trân trọng./ 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**




Phạm Ngọc Thường

Số: 2706/LĐTBXH-KHTC
V/v tham gia ý kiến đối với Quy hoạch
tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030,
tầm nhìn đến năm 2050

Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2022

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Phúc đáp Công văn số 4583/BKHĐT-CLPT ngày 07/7/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến đối với Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội có ý kiến như sau:

1. Phần thứ nhất: Các yếu tố, điều kiện phát triển và hiện trạng phát triển quốc gia

a) Mục I. Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên và các yếu tố phát triển

- Tại điểm 2.1.2. Nguồn nhân lực (từ trang 54-57): Đề nghị bổ sung số liệu về quy mô lực lượng lao động trong độ tuổi, cơ cấu lực lượng lao động theo các nhóm tuổi; tỷ lệ lao động qua đào tạo nói chung; lao động khu vực phi chính thức, lao động tự sản, tự tiêu.

- Tại điểm 2.1.3. Giải quyết việc làm (từ trang 57-59): Đề nghị bổ sung số liệu về tỷ lệ thiếu việc làm, tỷ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động trong độ tuổi, thất nghiệp của lao động trong độ tuổi thanh niên; mức tăng tiền lương, thu nhập của người lao động giai đoạn 2011-2020.

- Đề nghị bổ sung dự báo về dân số, lực lượng lao động, cung - cầu lao động, nhu cầu về nhân lực có kỹ năng nhằm bảo đảm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, nhất là đáp ứng nhu cầu của các ngành, lĩnh vực quan trọng, mũi nhọn, các địa phương kinh tế trọng điểm trong thời kỳ quy hoạch, đặc biệt là lao động chất lượng cao, có kỹ năng nghề.

b) Mục II. Hiện trạng phát triển quốc gia

- Tại điểm 7.7.1. Mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội (từ trang 214-218): Đề nghị rà soát, cập nhật theo phụ lục 1 kèm theo công văn này.

- Tại điểm 7.7.2. Mạng lưới cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng (từ trang 219-222): Đề nghị rà soát, cập nhật theo phụ lục 2 kèm theo công văn này.

2. Phần thứ hai: Quan điểm, mục tiêu và kịch bản phát triển

- Điểm 1. Quan điểm (trang 339-340): Đề nghị nghiên cứu, bổ sung quan điểm lấy con người là trung tâm của quá trình phát triển, tăng trưởng kinh tế đi đôi với bảo đảm an sinh xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; nâng cao

chất lượng dân số, phát triển con người, huy động và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, bảo đảm an sinh xã hội, an ninh con người...

- Điểm 2.3. Một số chỉ tiêu cụ thể (trang 341): Đề nghị bổ sung chỉ tiêu tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2025 đạt 70%; tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ đạt 28-30%; đến năm 2030, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ đạt 35-40%.

- Đề nghị nghiên cứu, bổ sung định hướng nâng cao chất lượng và sử dụng nguồn nhân lực để đáp ứng các yêu cầu quy hoạch.

3. Phần thứ ba: Định hướng và tổ chức không gian phát triển các ngành, lĩnh vực

a) Tại điểm 6. Mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp (trang 383-384):

- Tại điểm 6.2.2. Mục tiêu cụ thể (trang 383-384) đề nghị sửa mục tiêu hình thành các trung tâm đào tạo quốc gia, trung tâm vùng như sau: Đến năm 2030 hình thành *06 trường cao đẳng thực hiện chức năng trung tâm quốc gia đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao, 12 trường cao đẳng thực hiện chức năng trung tâm vùng đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao.*

- Chi tiết đề nghị rà soát, bổ sung theo phụ lục 3 kèm theo công văn này.

b) Tại điểm 7. Mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội và hệ thống cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng (từ trang 385-389)

- Tại điểm 7.1. Mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội (từ trang 385-387)

+ Đề nghị sửa cụm từ "*mạng lưới cơ sở bảo trợ xã hội*" thành "*mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội*".

- Về phương hướng phát triển các cơ sở trợ giúp xã hội thuộc quyền quản lý của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội tại trang 387 đề nghị sửa như sau:

+ Về tên gọi: Cơ sở trợ giúp xã hội toàn diện, thực hiện cả chức năng y tế - điều dưỡng, phục hồi chức năng và trợ giúp xã hội.

+ Về quy mô: Từ 300-500 đối tượng/01 cơ sở.

- Chi tiết đề nghị rà soát, bổ sung một số nội dung theo phụ lục 4 kèm theo công văn này.

4. Phần thứ năm: Các giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch và các dự án quan trọng quốc gia

- Tại điểm 2. Giải pháp về cơ chế, chính sách (trang 529-530): Đề nghị nghiên cứu, bổ sung giải pháp chung về hoàn thiện thể chế, cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh... và các giải pháp về cơ chế, chính sách đặc thù cho các ngành, lĩnh vực, địa phương (nếu có).

- Tại điểm 4. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực, đề nghị bổ sung, sửa khổ thứ tư từ dưới lên (trang 536) như sau: "Ưu tiên đầu tư cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tại các thành phố lớn, các vùng kinh tế trọng điểm để hình thành các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao, tiếp cận trình độ các

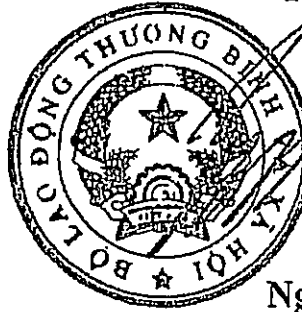
nước thuộc nhóm ASEAN-4 và G20, hình thành các trung tâm quốc gia đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao, trung tâm thực hành vùng” thành “Ưu tiên đầu tư cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp... hình thành các trung tâm quốc gia, trung tâm vùng đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao.”

Trên đây là ý kiến tham gia của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư./.

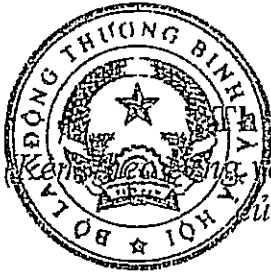
Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Đào Ngọc Dung (để b/c);
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Văn Hồi



Phụ lục 1

Phụ lục 1: Trang mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội

Số 2706/LĐTBXH-KHTC ngày 26 tháng 7 năm 2022

Của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

1. Tại điểm 7.7.1.1. Về số lượng và phân bố không gian, trang 214-215, đề nghị rà soát, sửa như sau:

- Mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội đã được hình thành và phát triển trên phạm vi cả nước với 425 cơ sở trợ giúp xã hội, trong đó có 195 cơ sở công lập và 230 cơ sở ngoài công lập, gồm: 73 cơ sở chăm sóc người khuyết tật, 149 cơ sở chăm sóc trẻ em, 102 cơ sở tổng hợp, 32 cơ sở chăm sóc người tâm thần và 23 trung tâm công tác xã hội.

- Mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quản lý có sự phát triển ổn định. Hiện nay cả nước có 4 cơ sở trợ giúp xã hội thuộc quản lý của Bộ LĐTBXH, gồm:

+ Trung tâm điều dưỡng phục hồi chức năng tâm thần Việt Trì là cơ sở chuyên biệt, cung cấp các dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, điều trị và PHCN cho đối tượng người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí thuộc ngành LĐTBXH và các đối tượng ngoài cộng đồng có nhu cầu.

+ Trung tâm phục hồi chức năng và trợ giúp trẻ em tàn tật thành phố Hồ Chí Minh là cơ sở cung cấp dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, điều trị và PHCN cho nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ em, người khuyết tật...

+ Trung tâm Phục hồi chức năng người khuyết tật Thụy An là cơ sở tổng hợp, cung cấp các dịch vụ....tại cộng đồng

+ Trung tâm Chính hình và Phục hồi chức năng Hồ Chí Minh thực hiện chức năng, nhiệm vụ “Khám bệnh, điều trị, phẫu thuật chỉnh hình, PHCN vận động cho người có công với cách mạng, các đối tượng chính sách xã hội, người khuyết tật, người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và các đối tượng khác trên toàn quốc; tổ chức quản lý, nuôi dưỡng, điều trị PHCN và thực hiện các chính sách xã hội...”

- Mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội được bảo phủ trên phạm vi cả nước, đảm bảo tối thiểu mỗi tỉnh, thành phố có ít nhất tối thiểu 01 cơ sở trợ giúp xã hội công lập và ngoài công lập phù hợp với quy mô, cơ cấu dân số cũng như nhu cầu cung cấp các dịch vụ công tác xã hội, xã hội của người dân; tạo điều kiện tốt nhất để mọi đối tượng dễ dàng tiếp cận và thụ hưởng dịch vụ trợ giúp xã hội, nhất là người cao tuổi, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, người khuyết tật, người tâm thần, trẻ em tự kỷ và người rối nhiễu tâm trí và đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp. Đồng thời, hệ thống mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội bảo đảm tính liên kết, liên vùng đặc biệt là liên kết với hệ thống....

Đề nghị bỏ đoạn “Cụ thể phân bố theo 6 vùng.... thành phố”.

Riêng đối với 03...đề nghị bổ sung như sau: Riêng đối với 04 cơ sở thuộc ngành Lao động – Thương binh và Xã hội quản lý được phân bố theo 3 vùng: (i) Vùng Trung du và Miền núi phía Bắc có 01 cơ sở; (ii) Vùng Đồng bằng Sông

Hồng có 01 cơ sở; (iii) Vùng Đông Nam Bộ có 02 cơ sở. Các cơ sở có chức năng, nhiệm vụ tương đối tách biệt...

2. Tại điểm 7.7.1.2. Về quy mô, công suất tiếp cận trang 216-218

- Đề nghị bổ sung thêm nguồn trích dẫn các số liệu này tại đây,
- Mạng lưới cơ sở bảo trợ xã hội, đề nghị sửa thành *mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội*.

Tại bảng 42, đề nghị bổ sung thêm 01 Trung tâm Chính hình và PHCN thành phố Hồ Chí Minh

STT	Tên cơ sở	Quy mô	Tổng số NLY T	Tổng số BS, Được sỹ	Tổng số điều dưỡng, ktv	Vị trí	Quỹ đất
	Trung tâm Chính hình, Phục hồi chức năng Thành phố Hồ Chí Minh	80	70	20	50	70 Bà Huyện Thanh Quan, Quận 3, Tp.HCM	14.000 m2



Phụ lục 2

hệ thống cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng
người có công với cách mạng

Quyết định số 2706/LĐTBXH-KHTC ngày 26 tháng 7 năm 2022

Của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)

1. Về số lượng, phân bố không gian và kết quả hoạt động

- Về số lượng và kết quả hoạt động chung:

Tính đến năm 2020, cả nước có 65 cơ sở điều dưỡng và nuôi dưỡng người có công (NCC) công lập trên phạm vi cả nước, tăng thêm 8 cơ sở so với năm 2015. Trong đó, có 8 cơ sở cấp trung ương (Bộ LĐTB&XH quản lý) và 57 cơ sở cấp tỉnh/thành phố (Sở LĐTB&XH quản lý), bao gồm: 5 cơ sở đảm nhiệm chức năng nuôi dưỡng NCC; 32 cơ sở điều dưỡng NCC; 15 cơ sở tổng hợp nuôi dưỡng và điều dưỡng NCC; 4 cơ sở tổng hợp điều dưỡng NCC kết hợp với nuôi dưỡng NCC và đối tượng BTXH; 6 cơ sở nuôi dưỡng NCC và đối tượng BTXH và 3 cơ sở tổng hợp điều dưỡng NCC kết hợp nuôi dưỡng đối tượng BTXH. Ngoài ra, một số địa phương đang thực hiện nuôi dưỡng NCC trong các cơ sở BTXH do có số lượng NCC có nhu cầu được nuôi dưỡng tại cơ sở tương đối ít (dưới 5 người/cơ sở), bao gồm các tỉnh: Quảng Bình, Long An, Đồng Tháp, Tiền Giang, Bến Tre, Kiên Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau.

Giai đoạn 2010-2020, việc tập trung đầu tư phát triển về số lượng và mở rộng quy mô của hệ thống cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng NCC đã góp phần tăng đáng kể quy mô công suất tiếp nhận của các cơ sở, năm 2020, đạt 7.933 giường, trong đó, 6.528 giường phục vụ điều dưỡng phục hồi chức năng và 1.405 giường phục vụ nuôi dưỡng NCC. Trong năm 2020, 65 cơ sở đã tiếp nhận 64.796 lượt NCC vào điều dưỡng tập trung, đạt hiệu suất sử dụng bình quân 9,9 lần/giường/năm; tiếp nhận nuôi dưỡng 1.329 NCC, đạt hiệu suất 94,6% công suất thiết kế.

Riêng đối với 8 cơ sở điều dưỡng và nuôi dưỡng NCC do Bộ LĐTBXH quản lý, có 4 cơ sở đảm nhiệm chức năng tiếp nhận nuôi dưỡng NCC; 3 cơ sở tiếp nhận điều dưỡng NCC; 01 cơ sở tổng hợp tiếp nhận nuôi dưỡng và điều dưỡng NCC. Quy mô, công suất tiếp nhận nuôi dưỡng và điều dưỡng NCC của 8 cơ sở cấp Trung ương cũng tăng đáng kể, đạt 1.000 giường năm 2020 (gồm: 630 giường phục vụ điều dưỡng và 370 giường phục vụ nuôi dưỡng NCC).

- Về phân bố theo vùng:

Hiện tại, 65 cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng NCC được đặt tại 46/63 tỉnh, thành phố, còn 17/63 tỉnh, thành phố đến nay chưa có cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng NCC¹. Hệ thống cơ sở nuôi dưỡng và điều dưỡng NCC được phân bố

¹ Có 17 tỉnh, thành phố hiện tại không có cơ sở điều dưỡng và nuôi dưỡng NCC gồm: 1) Vùng Trung du và miền núi phía Bắc (Hà Giang và Tuyên Quang); 2) Vùng Tây Nguyên (Gia Lai và Đắk Nông); 3) Vùng Đông Nam Bộ (Bình Dương, Bình Phước và Đồng Nai); 4) Vùng Đồng bằng sông Cửu Long (An Giang, Bạc Liêu, Cà Mau, Cần Thơ, Đồng Tháp, Hậu Giang, Long An, Sóc Trăng, Tiền Giang, Trà Vinh).

chưa đồng đều so với số lượng NCC được hưởng các chế độ nuôi dưỡng và điều dưỡng của từng vùng, cụ thể:

+ Vùng Trung du và miền núi phía Bắc: Tổng số 13 cơ sở, gồm: 1 cơ sở đảm nhiệm chức năng nuôi dưỡng NCC; 10 cơ sở điều dưỡng NCC và 2 cơ sở nuôi dưỡng và điều dưỡng NCC. Tổng công suất tiếp nhận theo thiết kế năm 2020 là 1.236 giường (1.141 giường phục vụ điều dưỡng NCC và 95 giường nuôi dưỡng NCC). Trong năm 2020, các cơ sở đã tiếp nhận 9.145 lượt NCC vào điều dưỡng tập trung, đạt hiệu suất sử dụng bình quân 8 lần/giường; tiếp nhận nuôi dưỡng 92 NCC, đạt hiệu suất 96,8% công suất thiết kế.

+ Vùng Đồng bằng sông Hồng: Tổng số có 22 cơ sở, gồm: 4 cơ sở đảm nhiệm chức năng nuôi dưỡng NCC; 9 cơ sở điều dưỡng NCC; 5 cơ sở nuôi dưỡng và điều dưỡng NCC; 3 cơ sở nuôi dưỡng NCC và đối tượng BTXH; và 1 cơ sở điều dưỡng NCC kết hợp nuôi dưỡng đối tượng BTXH. Tổng công suất tiếp nhận theo thiết kế năm 2020 là 2.738 giường (2.143 giường phục vụ điều dưỡng NCC và 595 giường nuôi dưỡng NCC). Trong năm 2020, các cơ sở đã tiếp nhận 27.369 lượt NCC vào điều dưỡng tập trung, đạt hiệu suất sử dụng bình quân 12,8 lần/giường; tiếp nhận nuôi dưỡng 582 NCC, đạt hiệu suất 97,8% công suất thiết kế.

+ Vùng Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung: Tổng số có 19 cơ sở, gồm: 1 cơ sở đảm nhiệm chức năng nuôi dưỡng NCC; 5 cơ sở điều dưỡng NCC; 6 cơ sở nuôi dưỡng và điều dưỡng NCC; 1 cơ sở điều dưỡng NCC và nuôi dưỡng đối tượng BTXH; và 5 cơ sở điều dưỡng NCC kết hợp nuôi dưỡng NCC và đối tượng BTXH. Tổng công suất tiếp nhận theo thiết kế năm 2020 là 2.754 giường (2.159 giường phục vụ điều dưỡng NCC và 595 giường nuôi dưỡng NCC). Trong năm 2020, các cơ sở đã tiếp nhận 25.942 lượt NCC vào điều dưỡng tập trung, đạt hiệu suất sử dụng bình quân 12 lần/giường; tiếp nhận nuôi dưỡng 565 NCC, đạt hiệu suất 95% công suất thiết kế.

+ Vùng Tây Nguyên: Tổng số có 3 cơ sở, gồm: 2 cơ sở điều dưỡng NCC và 1 cơ sở điều dưỡng NCC kết hợp nuôi dưỡng đối tượng BTXH. Năm 2020, tổng công suất tiếp nhận theo thiết kế năm 2020 là 550 giường, trong đó có 308 giường phục vụ điều dưỡng NCC. Trong năm 2020, các cơ sở đã tiếp nhận 1.720 lượt NCC vào điều dưỡng tập trung, đạt hiệu suất sử dụng bình quân 5,6 lần/giường.

+ Vùng Đông Nam bộ: Tổng số có 5 cơ sở, gồm: 1 cơ sở đảm nhiệm chức năng nuôi dưỡng NCC; 3 cơ sở điều dưỡng NCC; 1 cơ sở nuôi dưỡng và điều dưỡng NCC. Năm 2020, tổng công suất tiếp nhận theo thiết kế đạt 578 giường (458 giường phục vụ điều dưỡng NCC và 120 giường nuôi dưỡng NCC). Tuy nhiên, hiệu suất sử dụng chưa đạt hiệu quả như mong muốn bởi trong năm không tiếp nhận điều dưỡng NCC tại cơ sở và chỉ tiếp nhận nuôi dưỡng 90 người có công, đạt 75,0% công suất thiết kế.

+ Vùng Đồng bằng sông Cửu Long: Tổng số có 3 cơ sở đảm nhiệm chức năng điều dưỡng NCC. Năm 2020, tổng công suất tiếp nhận theo thiết kế là 319

giường điều dưỡng NCC và thực tế tiếp nhận trong năm 2020 đạt hiệu suất thấp với tổng số 350 lượt NCC điều dưỡng.

Tính riêng hệ thống cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng NCC cấp Trung ương, có 8 cơ sở được đặt tại 7/63 tỉnh, thành phố, phân bố theo 6 vùng như sau: i) Vùng Trung du và miền núi phía Bắc có 01 cơ sở đặt tại tỉnh Bắc Giang; ii) Vùng Đồng bằng sông Hồng có 03 cơ sở đặt tại Bắc Ninh (01 cơ sở) và Hà Nam (02 cơ sở); iii) Vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung có 02 cơ sở được đặt tại Thanh Hóa (01 cơ sở) và Đà Nẵng (01 cơ sở); iv) Vùng Đông Nam Bộ có 02 cơ sở được đặt tại TP. Hồ Chí Minh (01 cơ sở) và tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (01 cơ sở). Có 02 vùng không có cơ sở cấp Trung ương gồm vùng Tây Nguyên và vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Bảng 1. Công suất tiếp nhận theo thiết kế và tổng số NCC được tiếp nhận nuôi dưỡng, điều dưỡng tại cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng NCC năm 2020 chia theo vùng

Vùng	Công suất tiếp nhận NCC năm 2020 (giường)		Tổng số NCC được tiếp nhận vào cơ sở năm 2020 (người)	
	Tổng số giường điều dưỡng NCC	Tổng số giường nuôi dưỡng NCC	Điều dưỡng	Nuôi dưỡng
Tổng cộng	6.528	1.405	64.796	1.329
Vùng TDMNPB	1.141	95	9.145	92
Vùng đồng bằng sông Hồng	2.143	595	27.369	582
Vùng BTBDHMT	2.159	595	25.942	565
Vùng Tây Nguyên	308	0	1.720	0
Vùng Đông Nam Bộ	458	120	-	90
Vùng ĐBSCL	319	0	350	0

Nguồn: Cục Người có công, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội

2. Về cơ sở vật chất

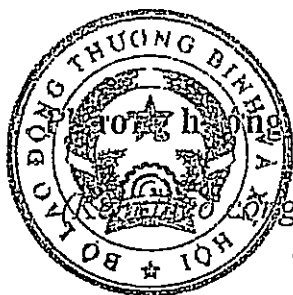
Năm 2020, 65 cơ sở nuôi dưỡng và điều dưỡng NCC công lập được bố trí quỹ đất tự nhiên hơn 1,9 triệu m², bình quân mỗi cơ sở sở hữu gần 29,8 nghìn m². So với công suất thiết kế hiện tại, diện tích đất tự nhiên bình quân đạt

khoảng 182 m²/1 giường nên đảm bảo đáp ứng tốt yêu cầu về phát triển các dịch vụ nghỉ dưỡng tại cơ sở dành cho NCC.

Tính riêng hệ thống cơ sở nuôi dưỡng và điều dưỡng NCC cấp Trung ương, 8 cơ sở được bố trí quỹ đất khoảng 234 nghìn m² (tăng khoảng 82 nghìn m² so với năm 2010 do tăng thêm 01 cơ sở so với năm 2016); công suất thiết kế, diện tích đất bình quân đạt khoảng 234 m²/1 giường năm.

Nhìn chung, việc phân bổ quỹ đất như hiện nay cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển các dịch vụ nghỉ dưỡng và chăm sóc phục hồi chức năng dành cho NCC. Hầu hết các cơ sở được xây dựng ở nơi có danh lam thắng cảnh, cảnh quan thiên nhiên, khí hậu thuận lợi cho công tác nuôi dưỡng và điều dưỡng NCC. Tuy nhiên, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ nuôi dưỡng, điều dưỡng NCC của các cơ sở vẫn chưa đáp ứng yêu cầu đảm bảo cung cấp đầy đủ các dịch vụ nghỉ dưỡng cho NCC trong thời gian điều dưỡng tại cơ sở cũng như các dịch vụ nuôi dưỡng, khám chữa và điều trị bệnh cho NCC tại cơ sở. Từ năm 2013 đến nay, đã có 6/8 cơ sở được đầu tư nâng cấp và mở rộng². Các cơ sở còn lại được xây dựng từ những năm 70 nên có thiết kế, hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật,... xuống cấp và lạc hậu./.

² Trung tâm điều dưỡng thương binh Thuận Thành (đầu tư giai đoạn 2013-2015); Trung tâm điều dưỡng NCC Miền Trung (Đầu tư giai đoạn 2013-2017); Trung tâm điều dưỡng thương binh và NCC Long Đất (Đầu tư giai đoạn 2016-2018); Trung tâm điều dưỡng thương binh Lạng Giang (Đầu tư giai đoạn 2016-2020), Trung tâm điều dưỡng người có công và phục hồi chức năng TP. Hồ Chí Minh (Đầu tư giai đoạn 2017 - 2021) và Trung tâm điều dưỡng NCC Sầm Sơn (Đầu tư giai đoạn 2018-2021).



Phụ lục 3

phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ
2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045

Quyết định số 2706/LĐTBXH-KHTC ngày 26 tháng 7 năm 2022
của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Quy hoạch để thực hiện mục tiêu Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia và các chiến lược, quy hoạch khác có liên quan.

- Quy hoạch theo hướng mở, linh hoạt, tạo cơ hội cho mọi người dân tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ giáo dục nghề nghiệp theo nhu cầu học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập; bảo đảm quy mô, cơ cấu, chất lượng đào tạo đáp ứng yêu cầu thị trường lao động và hội nhập quốc tế.

- Phát triển các cơ sở GDNN chất lượng cao; ngành, nghề trọng điểm; hình thành cơ sở giáo dục nghề nghiệp có tính chất hạt nhân, dẫn dắt, lan tỏa, thực hiện liên kết vùng hiệu quả; quan tâm phát triển cơ sở giáo dục nghề nghiệp ở vùng khó khăn, đào tạo các nhóm ngành nghề và đối tượng đặc thù.

- Sắp xếp, tổ chức lại cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, hiệu quả, có phân tầng chất lượng; thống nhất đầu mối quản lý một số trường chất lượng cao, trường thực hiện chức năng trung tâm vùng đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao, trường thực hiện chức năng trung tâm quốc gia đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao.

- Ưu tiên ngân sách nhà nước để phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp đáp ứng các tiêu chí, tiêu chuẩn quy định; đẩy mạnh xã hội hóa, tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân đầu tư phát triển giáo dục nghề nghiệp.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp đa dạng về loại hình, phân bố hợp lý về cơ cấu ngành, nghề, cơ cấu trình độ, cơ cấu vùng, miền; chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, phân tầng chất lượng; đủ năng lực đáp ứng nhu cầu nhân lực qua đào tạo nghề, nhất là nhân lực có kỹ năng nghề cao cho phát triển đất nước trong từng giai đoạn.

2.2. Mục tiêu cụ thể

a) Đến năm 2025

Mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp đủ năng lực đáp ứng nhu cầu nhân lực qua đào tạo nghề của nước đang phát triển, có công nghiệp theo

hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp. Giảm ít nhất 20% cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập so với năm 2020, trong đó: giảm khoảng 40% trường trung cấp công lập; nâng tỷ lệ cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thực, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài lên khoảng 45%. Hoàn thành sáp nhập trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục hướng nghiệp, trung tâm dạy nghề thành một cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn cấp huyện.

b) Đến năm 2030

Mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp đủ năng lực đáp ứng nhu cầu nhân lực qua đào tạo nghề của nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao. Giảm ít nhất 30% cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập so với năm 2020, trong đó: giảm khoảng 50% trường trung cấp công lập; nâng tỷ lệ cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thực, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài lên khoảng 50%.

c) Định hướng đến năm 2045

Mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp đủ năng lực đáp ứng nhu cầu nhân lực qua đào tạo nghề của nước phát triển, thu nhập cao; chất lượng đào tạo thuộc nhóm dẫn đầu trong khu vực ASEAN; một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp bắt kịp trình độ tiên tiến của thế giới, có năng lực cạnh tranh vượt trội ở một số lĩnh vực, ngành, nghề đào tạo.

II. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH

1. Cơ cấu mạng lưới và quy mô đào tạo

1.1. Cơ cấu mạng lưới

a) Cơ sở giáo dục nghề nghiệp

- Đến năm 2025: có 1.800 cơ sở giáo dục nghề nghiệp, bao gồm 400 trường cao đẳng, 400 trường trung cấp, 1.000 trung tâm giáo dục nghề nghiệp. Trong đó, có 03 trường cao đẳng thực hiện chức năng trung tâm quốc gia đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao, 06 trường cao đẳng thực hiện chức năng trung tâm vùng đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao.

- Đến năm 2030: có 1.700 cơ sở giáo dục nghề nghiệp, bao gồm 380 trường cao đẳng, 390 trường trung cấp, 930 trung tâm giáo dục nghề nghiệp. Trong đó, có 06 trường cao đẳng thực hiện chức năng trung tâm quốc gia đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao, 12 trường cao đẳng thực hiện chức năng trung tâm vùng đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao.

b) Loại hình sở hữu

- Đến năm 2025, có 980 cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, bao gồm: 290 trường cao đẳng, 130 trường trung cấp, 560 trung tâm giáo dục nghề nghiệp; 820 cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thực và có vốn đầu tư nước ngoài, bao gồm: 110 trường cao đẳng, 270 trường trung cấp, 440 trung tâm giáo dục nghề nghiệp.

- Đến năm 2030, có 850 cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, bao gồm: 260 trường cao đẳng, 110 trường trung cấp, 480 trung tâm giáo dục nghề nghiệp; 850 cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thực và có vốn đầu tư nước ngoài, bao gồm: 120 trường cao đẳng, 280 trường trung cấp, 450 trung tâm giáo dục nghề nghiệp.

c) Trường cao đẳng chất lượng cao

- Đến năm 2025: Có khoảng 70 trường chất lượng cao, trong đó 40 trường tiếp cận trình độ các nước ASEAN-4, có 03 trường tiếp cận trình độ các nước phát triển trong nhóm G20.

- Đến năm 2030: Có khoảng 90 trường chất lượng cao, trong đó 60 trường tiếp cận trình độ các nước ASEAN-4 và 06 trường tiếp cận trình độ các nước phát triển trong nhóm G20.

1.2. Quy mô tuyển sinh, đào tạo

a) Theo trình độ đào tạo

- Đến năm 2025, đạt khoảng 2.500.000 đến 2.700.000 lượt người/năm, trong đó: trình độ cao đẳng, trung cấp chiếm khoảng 25%.

- Đến năm 2030, đạt khoảng 3.800.000 đến 4.000.000 lượt người/năm, trong đó: trình độ cao đẳng, trung cấp chiếm khoảng 25-30%.

b) Theo ngành, nghề

- Đến năm 2025: Khu vực công nghiệp và xây dựng đạt 1.030.000 lượt người, chiếm 38%; Nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 670.000 lượt người, chiếm 25%; Dịch vụ đạt 1.000.000 lượt người, chiếm 37%.

- Đến năm 2030: Khu vực công nghiệp và xây dựng đạt 1.800.000 lượt người, chiếm 45%; Nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 600.000 người, chiếm 15%; Dịch vụ đạt 1.600.000 lượt người, chiếm 40%.

2. Phân bố mạng lưới theo vùng đến năm 2030

a) Vùng Trung du và Miền núi phía Bắc: Chiếm khoảng 14% cơ sở giáo dục nghề nghiệp cả nước, tập trung đào tạo các ngành, nghề theo quy hoạch vùng được phê duyệt. Trong đó có 01 trường cao đẳng thực hiện chức năng trung tâm vùng đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao.

b) Vùng Đồng bằng Sông Hồng: Chiếm khoảng 26% cơ sở giáo dục nghề nghiệp cả nước, tập trung đào tạo các ngành, nghề theo quy hoạch vùng được phê duyệt. Trong đó có 02 trường cao đẳng thực hiện chức năng trung tâm quốc gia đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao, 03 trường cao đẳng thực hiện chức năng trung tâm vùng đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao.

c) Vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung: Chiếm khoảng 26% cơ sở giáo dục nghề nghiệp cả nước, tập trung đào tạo các ngành, nghề theo quy hoạch vùng được phê duyệt. Trong đó có 01 trường cao đẳng thực hiện chức năng trung tâm quốc gia đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao, 02

trường cao đẳng thực hiện chức năng trung tâm vùng đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao.

d) Vùng Tây Nguyên: Chiếm khoảng 06% cơ sở giáo dục nghề nghiệp cả nước, tập trung đào tạo các ngành, nghề theo quy hoạch vùng được phê duyệt. Trong đó có 01 trường cao đẳng thực hiện chức năng trung tâm vùng đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao.

đ) Vùng Đông Nam Bộ: Chiếm khoảng 17% cơ sở giáo dục nghề nghiệp cả nước, tập trung đào tạo các ngành, nghề theo quy hoạch vùng được phê duyệt. Trong đó có 02 trường cao đẳng thực hiện chức năng trung tâm quốc gia đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao, 03 trường cao đẳng thực hiện chức năng trung tâm vùng đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao.

e) Vùng Đồng bằng Sông Cửu Long: Chiếm khoảng 11% cơ sở giáo dục nghề nghiệp cả nước, tập trung đào tạo các ngành, nghề theo quy hoạch vùng được phê duyệt. Trong đó có 01 trường cao đẳng thực hiện chức năng trung tâm quốc gia đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao, 02 trường cao đẳng thực hiện chức năng trung tâm vùng đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao.

3. Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp

3.1. Đội ngũ nhà giáo giáo dục nghề nghiệp

a) Về số lượng

- Đến năm 2025: Có khoảng 70.000 nhà giáo; phần đầu thu hút khoảng 14.000 nghệ nhân, chuyên gia, người dạy nghề tham gia vào giảng dạy các cấp trình độ của giáo dục nghề nghiệp.

- Đến năm 2030: Có khoảng 67.000 nhà giáo; phần đầu thu hút khoảng 50.000 nghệ nhân, chuyên gia, người dạy nghề tham gia vào giảng dạy các cấp trình độ của giáo dục nghề nghiệp.

b) Phân bố theo vùng, địa phương

- Vùng Trung du và miền núi phía Bắc:

+ Đến năm 2025: Có khoảng 7.500 nhà giáo; phần đầu thu hút khoảng 1.500 nghệ nhân, chuyên gia, người dạy nghề.

+ Đến năm 2030: Có khoảng 6.800 nhà giáo; phần đầu thu hút khoảng 5.200 nghệ nhân, chuyên gia, người dạy nghề.

- Vùng Đồng bằng sông Hồng:

+ Đến năm 2025: Có khoảng 26.500 nhà giáo; phần đầu thu hút khoảng 5.200 nghệ nhân, chuyên gia, người dạy nghề.

+ Đến năm 2030: Có khoảng 25.000 nhà giáo; phần đầu thu hút khoảng 19.000 nghệ nhân, chuyên gia, người dạy nghề.

- Vùng Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung:

+ Đến năm 2025: Có khoảng 13.500 nhà giáo; phần đầu thu hút khoảng 2.700 nghệ nhân, chuyên gia, người dạy nghề.

+ Đến năm 2030: Có khoảng 12.500 nhà giáo; phần đầu thu hút khoảng 9.500 nghệ nhân, chuyên gia, người dạy nghề.

- Vùng Tây Nguyên:

+ Đến năm 2025: Có khoảng 2.000 nhà giáo; phần đầu thu hút khoảng 500 nghệ nhân, chuyên gia, người dạy nghề.

+ Đến năm 2030: Có khoảng 2.300 nhà giáo; phần đầu thu hút khoảng 1.700 nghệ nhân, chuyên gia, người dạy nghề.

- Vùng Đông Nam Bộ:

+ Đến năm 2025: Có khoảng 14.000 nhà giáo; phần đầu thu hút khoảng 2.800 nghệ nhân, chuyên gia, người dạy nghề.

+ Đến năm 2030: Có khoảng 14.200 nhà giáo; phần đầu thu hút khoảng 9.800 nghệ nhân, chuyên gia, người dạy nghề.

- Vùng Đồng bằng sông Cửu Long:

+ Đến năm 2025: Có khoảng 6.500 nhà giáo; phần đầu thu hút khoảng 1.300 nghệ nhân, chuyên gia, người dạy nghề.

+ Đến năm 2030: Có khoảng 6.200 nhà giáo; phần đầu thu hút khoảng 4.800 nghệ nhân, chuyên gia, người dạy nghề.

c) Về chất lượng

- Đến năm 2025: Khoảng 50% nhà giáo giảng dạy các ngành, nghề trọng điểm, mũi nhọn có trình độ thạc sỹ trở lên; 20% nhà giáo giảng dạy các ngành, nghề trọng điểm, mũi nhọn có trình độ kỹ năng nghề cao hơn một bậc so với yêu cầu chuẩn kỹ năng nghề đối với nhà giáo. Khoảng 60% nhà giáo đạt chuẩn để giảng dạy các ngành, nghề trọng điểm tiếp cận trình độ các nước ASEAN-4; khoảng 4% nhà giáo đạt chuẩn giảng dạy các ngành, nghề trọng điểm tiếp cận trình độ các nước phát triển trong nhóm G20.

- Đến năm 2030: Khoảng 70% nhà giáo giảng dạy các ngành, nghề trọng điểm, mũi nhọn có trình độ thạc sỹ trở lên; 30% nhà giáo giảng dạy các ngành, nghề trọng điểm, mũi nhọn có trình độ kỹ năng nghề cao hơn một bậc so với yêu cầu chuẩn kỹ năng nghề đối với nhà giáo. Khoảng 65% nhà giáo đạt chuẩn để giảng dạy các ngành, nghề trọng điểm tiếp cận trình độ các nước ASEAN-4; khoảng 5% nhà giáo đạt chuẩn giảng dạy các ngành, nghề trọng điểm tiếp cận trình độ các nước phát triển trong nhóm G20.

3.2. Cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp

a) Về số lượng

- Đến năm 2025: khoảng 26.000 cán bộ quản lý tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trong đó: 400 cán bộ quản lý tại các trường cao đẳng chất lượng

cao thực hiện chức năng trung tâm quốc gia, trung tâm vùng đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao.

- Đến năm 2030: khoảng 25.000 cán bộ quản lý tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trong đó: 800 cán bộ quản lý tại các trường cao đẳng chất lượng cao thực hiện chức năng trung tâm quốc gia, trung tâm vùng đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao.

b) Về cơ cấu

Bảo đảm cơ cấu hợp lý, gắn với vị trí việc làm; nâng cao vai trò, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ quản lý, nhất là người đứng đầu; phát huy năng lực, sở trường của đội ngũ cán bộ quản lý trong đổi mới, phát triển cơ sở giáo dục nghề nghiệp thích ứng trong tình hình mới. Phần đầu đến năm 2025 đạt 60% và đến năm 2030 đạt 75% cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp tại các cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền địa phương các cấp có lãnh đạo chủ chốt là nữ.

c) Về chất lượng

- Đến năm 2025: Khoảng 50% cán bộ quản lý các trường cao đẳng chất lượng cao thực hiện chức năng trung tâm quốc gia, trung tâm vùng đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao đạt chuẩn tiếp cận trình độ các nước ASEAN-4; khoảng 02% cán bộ quản lý đạt chuẩn tiếp cận trình độ các nước phát triển trong nhóm G20. Phần đầu 80% cán bộ quản lý có trình độ thạc sĩ trở lên.

- Đến năm 2030: Khoảng 60% cán bộ quản lý các trường cao đẳng chất lượng cao thực hiện chức năng trung tâm quốc gia, trung tâm vùng đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao đạt chuẩn tiếp cận trình độ các nước ASEAN-4; khoảng 04% cán bộ quản lý đạt chuẩn tiếp cận trình độ các nước phát triển trong nhóm G20. Phần đầu 90% cán bộ quản lý có trình độ thạc sĩ trở lên.

4. Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo

a) Về diện tích đất xây dựng cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Bảo đảm đồng bộ, thống nhất với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia, cụ thể:

- Đến năm 2025: Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tăng diện tích đất xây dựng khoảng 30% so với năm 2020.

- Đến năm 2030: Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tăng diện tích đất xây dựng khoảng 60% so với năm 2020 (tăng khoảng 20% so với năm 2025).

b) Về tiêu chuẩn cơ sở vật chất, các công trình thuộc cơ sở giáo dục nghề nghiệp

- Đến năm 2025: khoảng 80% cơ sở giáo dục nghề nghiệp bảo đảm đủ số lượng và diện tích các công trình; đáp ứng tiêu chuẩn xây dựng, thiết kế và tiêu chuẩn cơ sở vật chất trong thực hành, thực nghiệm, thí nghiệm theo ngành, nghề đào tạo, trong đó có khoảng 30% cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao tiếp cận các chuẩn của khu vực ASEAN và quốc tế.

- Đến năm 2030: 100% cơ sở giáo dục nghề nghiệp bảo đảm đủ số lượng và diện tích các công trình; đáp ứng tiêu chuẩn xây dựng, thiết kế và tiêu chuẩn cơ sở vật chất trong thực hành, thực nghiệm, thí nghiệm, trong đó có khoảng 50% cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao tiếp cận các chuẩn của khu vực ASEAN và quốc tế.

c) Thiết bị đào tạo

- Đến năm 2025: Khoảng 85% ngành, nghề trọng điểm, mũi nhọn thiết bị đào tạo được đầu tư theo hướng hiện đại, thông minh, xanh phù hợp với công nghệ, kỹ thuật của thực tiễn sản xuất.

- Đến năm 2030: Khoảng 95% ngành, nghề trọng điểm, mũi nhọn thiết bị đào tạo được đầu tư theo hướng hiện đại, thông minh, xanh phù hợp với công nghệ, kỹ thuật của thực tiễn sản xuất, đáp ứng yêu cầu của những ngành nghề mới, kỹ năng mới.

IV. DANH MỤC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2021-2030

1. Dự án Đầu tư trường cao đẳng thực hiện chức năng trung tâm quốc gia đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao.

2. Dự án Đầu tư trường cao đẳng thực hiện chức năng Trung tâm vùng đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao.

3. Dự án Đầu tư trường cao đẳng tiếp cận trình độ các nước ASEAN-4 và G20.

4. Dự án Đầu tư trường cao đẳng chất lượng cao.

5. Dự án Đầu tư trường đào tạo cho đối tượng, ngành nghề đặc thù.

6. Dự án Đầu tư trung tâm Văn hóa - Thể dục thể thao giáo dục nghề nghiệp.

7. Dự án Nâng cao năng lực cho đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý.

V. GIẢI PHÁP

1. Giải pháp về cơ chế, chính sách

- Rà soát, hoàn thiện chính sách đầu tư nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo quy hoạch.

- Rà soát, hoàn thiện chính sách khuyến khích, tạo điều kiện để các doanh nghiệp, tổ chức cá nhân trong và ngoài nước thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp và tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

- Rà soát, hoàn thiện các quy định của pháp luật về tiêu chí phân loại, điều kiện thành lập, sáp nhập, giải thể các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách tài chính phù hợp đối với các loại hình cơ sở giáo dục nghề nghiệp để huy động mọi nguồn lực xã hội đầu tư cho lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, kể cả hình thức hợp tác công - tư, liên doanh, liên kết. Có chính sách ưu tiên về đất đai, thuế, tín dụng; chính sách đối với cán bộ quản lý, nhà giáo, nghệ nhân, chuyên gia, người dạy nghề; chính sách cho

thuê cơ sở vật chất, thiết bị để tạo điều kiện hỗ trợ cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập, thu hút nhà đầu tư tham gia đầu tư, nâng cao chất lượng dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

2.1. Về phát triển, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, nghệ nhân, chuyên gia và người dạy nghề

- Tổ chức, sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp đảm bảo việc làm phù hợp và các chế độ, chính sách, quyền lợi đối với nhà giáo.

- Ưu tiên, tập trung nguồn lực định kỳ thường xuyên tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuẩn hóa và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhà giáo, nhất là đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo giảng dạy các ngành, nghề trọng điểm tiếp cận trình độ các nước ASEAN-4 và các nước phát triển trong nhóm G20 ở các nước có hệ thống giáo dục nghề nghiệp phát triển; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn cho nhà giáo, đáp ứng yêu cầu giảng dạy ngành, nghề mới mà xã hội có nhu cầu. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, đảm bảo linh hoạt, đáp ứng nhu cầu của nhà giáo.

- Phát triển mạnh đội ngũ nghệ nhân, chuyên gia, người dạy nghề đủ năng lực tham gia đào tạo các cấp trình độ trong giáo dục nghề nghiệp. Hình thành mạng lưới kết nối đội ngũ nhà giáo, nghệ nhân, chuyên gia và người dạy nghề trong giáo dục nghề nghiệp.

- Tăng cường năng lực các cơ sở thực hiện đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp theo hướng phù hợp với cơ cấu các ngành, nghề, lĩnh vực đào tạo và phân bổ hợp lý theo vùng miền, đáp ứng nhu cầu phát triển đội ngũ nhà giáo.

2.2. Về phát triển đội ngũ cán bộ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp

- Đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên để nâng cao năng lực đối với đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp theo phân tầng chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Hỗ trợ đào tạo phát triển đội ngũ cán bộ quản lý đào tạo tại doanh nghiệp.

- Bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý tại các nước có hệ thống giáo dục nghề nghiệp phát triển về mô hình tổ chức bộ máy, năng lực quản trị...

- Thu hút, phát triển đội ngũ các nhà khoa học, chuyên gia trong nước và nước ngoài tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học và quản lý tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp ở Việt Nam.

3. Giải pháp về tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo

- Bảo toàn và phát triển quỹ đất cho giáo dục nghề nghiệp. Trường hợp dôi dư quỹ đất sau sáp nhập, giải thể các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập và quỹ đất được bổ sung, tăng thêm phải được bố trí ở khu vực có hạ tầng giao thông thuận lợi, gần các khu công nghiệp, khu chế xuất để thu hút đầu tư, thúc

đẩy xã hội hóa giáo dục nghề nghiệp.

- Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia xây dựng và thiết kế theo các loại hình cơ sở giáo dục nghề nghiệp, theo phân tầng chất lượng, theo cấp độ và trình độ đào tạo cho phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật.

- Nâng cao hiệu quả và hiệu suất sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo, nhất là đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên cơ sở chia sẻ tài nguyên và tối ưu hóa quy trình đào tạo.

- Hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo đạt chuẩn theo quy định, phù hợp với công nghệ sản xuất của doanh nghiệp; hợp tác với doanh nghiệp trong việc sử dụng thiết bị để phục vụ đào tạo tại doanh nghiệp; tăng cường đầu tư các thiết bị mô phỏng cho thực hành, thực tập; phát triển mô hình “nhà trường thông minh, hiện đại”, “nhà trường xanh”.

4. Giải pháp về môi trường, khoa học và công nghệ

- Tăng cường kiểm soát, phòng ngừa và hạn chế gia tăng ô nhiễm môi trường do hoạt động đào tạo giáo dục nghề nghiệp nhất là xử lý nước thải, chất thải sinh hoạt và chất thải công nghiệp. Hạn chế thành lập mới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp ở khu vực nhạy cảm về môi trường; trường hợp bắt buộc phải thành lập mới thì cần có phương án bồi hoàn hệ sinh thái phù hợp.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, sử dụng năng lượng hiệu quả, sử dụng nhiên liệu sạch, năng lượng điện, năng lượng tái tạo và các dạng năng lượng thay thế khác trong hoạt động đào tạo giáo dục nghề nghiệp.

- Nghiên cứu chính sách khuyến khích việc ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ mới, vật liệu mới, hiện đại trong nghiên cứu, sửa chữa, đầu tư xây dựng cơ sở giáo dục nghề nghiệp và trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

- Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ trong đào tạo tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đặc biệt là những ứng dụng của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư như công nghệ số, công nghệ thực tế ảo, Internet vạn vật...

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về mạng lưới GDNN và phát triển, công nhận trình độ kỹ năng; từng bước số hóa, xây dựng các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thông minh, có khả năng kết nối, chia sẻ tài nguyên; có cơ chế quản trị và chia sẻ thông tin giữa các đối tác, đặc biệt giữa cơ sở GDNN và doanh nghiệp.

5. Giải pháp về liên kết, hợp tác phát triển

- Đẩy mạnh liên kết giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp về nhà giáo, thiết bị đào tạo, xây dựng chương trình... trong đó phát huy vai trò kết nối của các trường cao đẳng thực hiện chức năng trung tâm quốc gia đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao, trường cao đẳng thực hiện chức năng trung tâm vùng đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao. Đẩy mạnh liên kết giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong nước với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong khu vực ASEAN và thế giới về đào tạo nâng cao trình độ nhà giáo, cán bộ; công

nghệ đào tạo; từng bước tiến tới công nhận kết quả đào tạo giữa các cơ sở GDNN.

- Tăng cường liên kết giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp với các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông, cơ sở đào tạo đại học và sau đại học trên cơ sở tăng cường hiệu quả liên thông dựa trên khung trình độ quốc gia, chuẩn đầu ra quốc gia, phát triển chương trình đào tạo theo chuẩn đầu ra, lượng hóa giá trị đơn vị học tập, công nhận kết quả học tập theo cả trình độ và đơn vị học tập.

- Tăng cường các hoạt động hợp tác giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp một cách thực chất thông qua các hoạt động liên kết cụ thể, trong đó, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chủ động trong việc kết nối. Xây dựng, triển khai các mô hình đào tạo theo chuỗi, gắn kết với các trung tâm khởi nghiệp, trung tâm đổi mới sáng tạo, gắn với các doanh nghiệp, tập đoàn lớn, hoạt động đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia và hướng tới đổi mới sáng tạo trong giáo dục nghề nghiệp.

6. Giải pháp về giáo dục, tuyên truyền

- Nâng cao nhận thức của các cấp lãnh đạo, cán bộ quản lý, nhà giáo giáo dục nghề nghiệp và toàn xã hội về tầm quan trọng, vị trí, vai trò của việc quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong đào tạo, phát triển nguồn nhân lực giữa các vùng miền, nhân lực chất lượng cao, đảm bảo quyền lợi học tập suốt đời, mọi lúc, mọi nơi cho người học.

- Đẩy mạnh truyền thông về chủ trương, chính sách, cơ chế, đặc biệt là chủ trương, cơ chế, chính sách xã hội hóa nhằm thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư vào giáo dục nghề nghiệp.

- Phát triển hệ sinh thái truyền thông gắn với mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các đối tác liên kết, hợp tác với giáo dục nghề nghiệp. Hướng nghiệp, định hướng nghề nghiệp theo cơ cấu nguồn nhân lực, việc làm sau đào tạo, vùng kinh tế, lĩnh vực ngành nghề, đảm bảo công tác phân luồng hợp lý gắn với nhu cầu của thị trường lao động, thúc đẩy tăng quy mô tuyển sinh, đào tạo thông qua hệ thống giáo dục nghề nghiệp.

7. Giải pháp về hợp tác quốc tế

- Tăng cường hợp tác giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Việt Nam với các cơ sở đào tạo trong khu vực ASEAN, các nước thuộc nhóm G20 đặc biệt là các cơ sở có thế mạnh về các ngành, nghề mới, trọng điểm; khuyến khích liên kết đào tạo và thành lập các cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

- Đẩy mạnh thu hút đầu tư tài chính và kỹ thuật, chia sẻ kinh nghiệm, chuyển giao công nghệ từ các nước có hệ thống giáo dục nghề nghiệp phát triển trong khu vực và trên thế giới, các tổ chức giáo dục, đào tạo quốc tế, đặc biệt trong quá trình xây dựng, vận hành và phát triển mô hình các trường cao đẳng thực hiện chức năng trung tâm quốc gia đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao, trường cao đẳng thực hiện chức năng trung tâm vùng đào tạo và thực hành

ngành chất lượng cao.

- Đẩy mạnh thực hiện các hiệp định, thỏa thuận song phương với các đối tác phát triển trong việc đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp tiếp cận trình độ khu vực và quốc tế; đẩy nhanh quá trình công nhận kỹ năng nghề nghiệp lẫn nhau giữa Việt Nam và các nước.

8. Giải pháp về huy động và phân bổ vốn đầu tư

- Ưu tiên nguồn vốn ngân sách nhà nước cho các dự án đầu tư các trường chất lượng cao, trường cao đẳng thực hiện chức năng trung tâm quốc gia và trung tâm vùng đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao có tính chất lan tỏa và kết nối tại địa phương, vùng; đồng thời tập trung cho các dự án không có khả năng xã hội hóa như các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tại các vùng đặc biệt khó khăn, cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo cho các đối tượng đặc thù.

- Tiếp tục thu hút và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ quốc tế. Đẩy mạnh thu hút đầu tư tư nhân phát triển các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thông qua hỗ trợ về thuế, ưu đãi vốn vay, hỗ trợ mặt bằng.

- Đa dạng hóa nguồn lực xã hội, đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư theo phương thức đối tác công - tư (PPP) trong giáo dục nghề nghiệp, đặc biệt trong việc hình thành các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tiếp cận trình độ các nước phát triển trong nhóm ASEAN-4 và G20.

9. Giải pháp về mô hình quản lý, phương thức hoạt động

- Đa dạng hóa mô hình, phương thức quản lý cơ sở GDNN công lập dựa trên tính chất, quy mô của cơ sở giáo dục nghề nghiệp gắn với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực và đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia.

- Các bộ, ngành Trung ương chỉ giữ lại các trường cao đẳng đào tạo chuyên sâu, đặc thù, gắn với chức năng, nhiệm vụ của bộ, ngành Trung ương đáp ứng đầy đủ tiêu chí, điều kiện thành lập theo quy định; các tổ chức chính trị - xã hội chủ động sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trực thuộc. Đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp còn lại, thực hiện chuyển giao về Bộ LĐTBXH hoặc về địa phương để thống nhất đầu mối quản lý và sắp xếp, tổ chức lại mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập theo quy hoạch.

- Đẩy mạnh phân cấp về trách nhiệm, quyền hạn từ cơ sở giáo dục nghề nghiệp đến các cơ quan quản lý các cấp; từng bước xóa bỏ cơ chế cơ quan chủ quản đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập.

- Đổi mới chương trình và công tác tổ chức, quản lý đào tạo trên cơ sở chuẩn "đầu ra". Bảo đảm liên thông thuận lợi giữa các cấp trình độ đào tạo trong cùng ngành, nghề hoặc với các ngành, nghề khác hoặc liên thông lên trình độ cao hơn trong hệ thống giáo dục quốc dân.

- Triển khai mô hình quản lý, quản trị, vận hành các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng tinh gọn, hiệu quả, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong vận hành các trung tâm giáo dục nghề nghiệp công lập.

10. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát, thực hiện quy hoạch

- Rà soát, sắp xếp, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập vào trường cao đẳng công lập; sáp nhập các trường cao đẳng công lập trên cùng địa bàn có ngành, nghề đào tạo trùng nhau; giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoạt động không hiệu quả, không có phương án tổ chức lại; duy trì hoạt động các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập tự bảo đảm 100% chi thường xuyên. Không thành lập mới cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, trường hợp cần thiết phải thành lập mới thì cơ sở đó phải tự đảm bảo toàn bộ về tài chính. Về cơ bản đến năm 2030, trên địa bàn cấp tỉnh có 01 trường cao đẳng công lập trực thuộc UBND tỉnh. Đối với các thành phố trực thuộc Trung ương, các địa phương có điều kiện KTXH phát triển, số lượng cơ sở GDNN công lập thực hiện theo phương án phát triển đào tạo nghề được xác định trong quy hoạch cấp tỉnh.

- Hỗ trợ tạo điều kiện phát triển, từng bước nâng cao chất lượng đối với các trường đào tạo cho người dân tộc thiểu số, người khuyết tật, trường đào tạo các ngành, nghề đặc thù hoạt động hiệu quả.

- Rà soát, sắp xếp, sáp nhập trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục hướng nghiệp, trung tâm dạy nghề thành một cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn cấp huyện hoặc bổ sung thêm chức năng, nhiệm vụ cho các trung tâm hiện có. Không hình thành trung tâm giáo dục nghề nghiệp tại các đơn vị hành chính cấp huyện đã có trường cao đẳng hoặc trường trung cấp công lập hoặc phân hiệu/cơ sở của trường cao đẳng hoặc trung cấp công lập đóng trên địa bàn.

- Đẩy mạnh phát triển các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục và cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thông qua việc thu hút sự tham gia của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước. Ưu tiên hình thành cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục và cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đào tạo các ngành, nghề kỹ thuật - công nghệ cao tại các khu vực ngoài đô thị.

- Tổ chức công bố công khai quy hoạch bằng nhiều hình thức khác nhau, tạo sự đồng thuận, nhất trí cao trong các tổ chức, doanh nghiệp, nhà đầu tư, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và nhân dân khi triển khai thực hiện.

- Tổ chức thực hiện quy hoạch theo lộ trình, theo chương trình, đề án, kế hoạch đồng thời tranh thủ các hoạt động liên quan đến phát triển hệ thống mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp để tối ưu nguồn lực phục vụ mục tiêu phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã được đặt ra trong quy hoạch.

- Xây dựng và ban hành hệ thống quy chế, quy định, tiêu chuẩn nhằm cụ thể hóa các yêu cầu của pháp luật về tổ chức triển khai các hoạt động sau khi quy hoạch được phê duyệt.

- Thường xuyên kiểm tra, thanh tra hoạt động của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp để kịp thời chấn chỉnh, xử lý các hành vi vi phạm những nội dung đã được quy hoạch./.



Phụ lục 4

phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội và hệ thống cơ sở xã
nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng thời kỳ 2021-2030,
tầm nhìn đến năm 2050

*theo văn số 2706/LĐTBXH-KHTC ngày 26 tháng 7 năm 2022
của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)*

I. Hệ thống cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng

1. Quan điểm phát triển

- Quy hoạch hệ thống cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng được lập nhằm cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước về đảm bảo ưu đãi người có công với cách mạng; phát huy năng lực, hiệu quả của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công hiện có, góp phần thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, nâng cao mức sống vật chất, tinh thần của người có công với cách mạng, khẳng định quan điểm “đền ơn đáp nghĩa” của Đảng và Nhà nước, truyền thống “uống nước nhớ nguồn”, nhằm tri ân công lao của các thế hệ người có công với cách mạng.

- Quy hoạch hệ thống cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng phù hợp theo đặc điểm kinh tế - xã hội, truyền thống văn hóa từng vùng lãnh thổ, cơ cấu dân số và số lượng người có công với cách mạng; tạo điều kiện thuận lợi cho người có công với cách mạng tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng bảo đảm ổn định đời sống, cải thiện sức khỏe và nâng cao đời sống tinh thần, đáp ứng được nhu cầu, tiêu chí, tiêu chuẩn, chất lượng dịch vụ nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng. Quy hoạch hệ thống cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng đảm bảo phù hợp và hiệu quả trong phân công xây dựng, quản lý các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng giữa các địa phương và vùng lãnh thổ, giữa trung ương và địa phương.

- Quy hoạch hệ thống cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng phải bảo đảm phù hợp với khả năng đầu tư của nhà nước và khả năng huy động nguồn lực xã hội, cộng đồng, người dân để phát triển công tác chăm sóc người có công với cách mạng. Quan điểm, định hướng phát triển đối với mô hình nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng khi số lượng người có công giảm dần sẽ linh hoạt, tùy thuộc vào tình hình, nhu cầu thực tế của các vùng, địa phương sẽ chuyển đổi chức năng của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng sang thực hiện chức năng khác.

- Quy hoạch hệ thống cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng phải bảo đảm tính kế thừa, tính khoa học, thực tiễn; phù hợp với bản sắc văn hóa dân tộc, yêu cầu phát triển và hội nhập quốc tế. Quy hoạch phải đảm bảo sự liên kết và đồng bộ giữa các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có

công, cũng như giữa các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với các cơ sở xã hội khác của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội, tăng cường hiệu quả khai thác, sử dụng các cơ sở. Liên kết chặt chẽ giữa các cơ sở điều dưỡng, nuôi dưỡng người có công trong cả nước; đặc biệt là các cơ sở có tính chất cấp vùng, để tạo điều kiện cho người có công được đến nghỉ dưỡng tại các địa phương khác, qua đó thụ hưởng đầy đủ, có chất lượng các giá trị văn hóa, tinh thần, truyền thống của dân tộc..., nhằm nâng cao hơn nữa đời sống vật chất, tinh thần người có công.

- Quy hoạch hệ thống cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng là quy hoạch mở, linh hoạt; tùy thuộc vào tình hình, nhu cầu thực tế của các vùng, địa phương để xác định số lượng, quy mô của hệ thống các cơ sở trên từng địa bàn cho phù hợp, đáp ứng tốt nhất nhu cầu của đối tượng.

2. Mục tiêu phát triển

Hình thành hệ thống cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng, đảm bảo nuôi dưỡng, chăm sóc cả về mặt thể chất và tinh thần dựa trên việc quản lý hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước.

Quy hoạch được lập dựa trên cơ sở hiện trạng và phát triển phù hợp nhằm hình thành hệ thống cơ sở có đủ quy mô, năng lực đáp ứng yêu cầu nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công; đảm bảo người có công được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ chăm sóc toàn diện cả về thể chất và tinh thần. Quy hoạch là công cụ quản lý hiệu quả, hiệu lực của nhà nước để phục vụ việc hoạch định chính sách phát triển lĩnh vực chăm sóc người có công; tổ chức không gian, quản lý hệ thống cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng của ngành thiết thực, hiệu quả đồng thời là cơ sở để xây dựng lộ trình và triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn trên địa bàn cả nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước về ưu đãi người có công, bảo đảm tính khách quan, khoa học, minh bạch và hiệu quả.

3. Phương hướng phát triển và phân bố không gian:

- Nâng cao chất lượng dịch vụ nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công, bảo đảm người có công được chăm lo toàn diện cả về thể chất và tinh thần.

- Đầu tư hệ thống cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng có cơ sở vật chất, hệ thống trang thiết bị đồng bộ, hiện đại để nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc người có công với cách mạng.

- Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ điều dưỡng người có công với cách mạng tương đương tiêu chuẩn của khách sạn 3 sao và phục vụ nuôi dưỡng người có công với cách mạng tương đương tiêu chuẩn của bệnh viện tuyến huyện.

- Bảo đảm cơ sở vật chất để thực hiện nuôi dưỡng 100% thương binh, bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên có thương tật, bệnh tật đặc biệt nặng sống cô đơn không nơi nương tựa có nguyện vọng vào vào sống ở trung tâm.

- Hình thành đội ngũ người lao động có trình độ, đạo đức, tâm huyết phù hợp với vị trí việc làm được phê duyệt, có chính sách thu hút cán bộ, viên chức, người lao động có chuyên môn, nghiệp vụ giỏi vào làm việc trong các cơ sở nuôi dưỡng điều dưỡng.

- Về nguồn lực tài chính: Nhà nước ưu tiên bố trí đủ nguồn đầu tư từ NSNN hàng năm, trung hạn và dài hạn theo Luật NSNN để xây dựng hạ tầng cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật,... cho các cơ sở nuôi dưỡng và điều dưỡng NCC với cách mạng theo quy hoạch, đảm bảo tuân thủ nghiêm ngặt thiết kế được duyệt. Đẩy mạnh xã hội hóa trong lĩnh vực nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng, dịch vụ hỗ trợ đối tượng; thu hút các thành phần kinh tế. Các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư nâng cấp, mở rộng hoặc xây dựng cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng được hưởng các chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật (các chính sách về thuế, về đất đai,...).

- Tăng cường liên kết giữa các địa phương, các cơ sở trong thực hiện công tác điều dưỡng người có công với cách mạng. Đẩy mạnh việc phối hợp giữa các địa phương, các cơ sở điều dưỡng trong việc thực hiện điều dưỡng để đối tượng có điều kiện giao lưu và thụ hưởng chế độ điều dưỡng tập trung ở nhiều địa danh khác nhau đáp ứng nguyện vọng của đối tượng.

- Đến năm 2030, cả nước có 09 cơ sở nuôi dưỡng và điều dưỡng NCC cấp Trung ương quản lý. Phát triển mới 08 trung tâm thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng người có công thuộc quản lý của cấp tỉnh/thành phố, gồm: vùng Đồng bằng sông Cửu Long (07 cơ sở) và vùng Trung du miền núi phía Bắc (01 cơ sở tại tỉnh Tuyên Quang).

- Sau năm 2030, tiến hành cải tạo, nâng cấp các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng bị hư hỏng, xuống cấp. Tiến hành rà soát, điều chỉnh linh hoạt mô hình hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và định hướng phát triển của Đảng và Nhà nước.

II. Mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội

1. Quan điểm phát triển

- Cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước về đảm bảo an sinh xã hội; phù hợp, thống nhất với Chiến lược phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2021-2030, quy hoạch tổng thể quốc gia và các quy hoạch ngành quốc gia liên quan.

- Quy hoạch phù hợp với đặc điểm từng vùng, lãnh thổ, cơ cấu dân số và số lượng người dân có nhu cầu trợ giúp xã hội; tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận và thụ hưởng dịch vụ trợ giúp xã hội, nhất là người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, người tâm thần, người nhiễm HIV/AIDS và đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp; coi trọng công tác cai nghiện ma túy, tăng số lượng cơ sở cai nghiện ma túy tập trung, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước; bảo đảm người nghiện ma túy được cai nghiện và

gắn kết với cộng đồng.

- Tăng cường huy động nguồn lực của xã hội, tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp để phát triển mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội; thực hiện đa dạng hóa các hình thức đầu tư, hình thức quản lý cơ sở trợ giúp xã hội theo hướng đẩy mạnh xã hội hóa, phát triển công tác trợ giúp xã hội, góp phần thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, nâng cao mức sống vật chất, tinh thần của đối tượng; đầu tư cho công tác trợ giúp xã hội, công tác cai nghiện ma túy là đầu tư cho sự phát triển bền vững của đất nước; coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, vừa cấp bách, thường xuyên và lâu dài, đòi hỏi sự kiên trì, bền bỉ, quyết liệt, quyết tâm rất cao và sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ của các cấp, các ngành và các tổ chức chính trị - xã hội.

- Quy hoạch có tính mở, linh hoạt, khoa học, thực tiễn, kế thừa; tùy thuộc vào tình hình và nhu cầu thực tế của các vùng, địa phương để xác định số lượng, quy mô của các cơ sở trợ giúp xã hội trên từng địa bàn cho phù hợp, bảo đảm đủ năng lực cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội đa dạng, toàn diện đối với đối tượng. Giai đoạn trước mắt, Nhà nước ưu tiên đầu tư, bảo đảm và trợ giúp xã hội cho đối tượng yếu thế và cai nghiện, bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội.

- Nâng cao chất lượng dịch vụ trợ giúp xã hội theo hướng tiếp cận các tiêu chuẩn quốc tế; tạo cơ hội để đối tượng tiếp cận các chính sách an sinh xã hội và hòa nhập cộng đồng.

2. Mục tiêu phát triển

- Phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội đủ năng lực, quy mô, đáp ứng nhu cầu tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ về trợ giúp xã hội, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đối tượng; cai nghiện; điều trị; phục hồi chức năng cho người khuyết tật; nâng cao chất lượng, hiệu quả trợ giúp xã hội, bảo đảm thi hành kịp thời áp dụng các biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc; góp phần phòng ngừa người dân rơi vào hoàn cảnh khó khăn, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, nâng cao mức sống vật chất, tinh thần của đối tượng cần được trợ giúp và nâng cao sức khỏe nhân dân.

- Là cơ sở để Nhà nước hoạch định chính sách phát triển dịch vụ trợ giúp xã hội; tổ chức không gian, quản lý mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội của ngành; xây dựng giải pháp phát triển đối với từng loại cơ sở trợ giúp xã hội, phù hợp với từng địa phương, từng giai đoạn quy hoạch; bảo đảm công khai, minh bạch và hiệu quả.

- Là cơ sở để xây dựng lộ trình và triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn trong lĩnh vực trợ giúp xã hội, bảo đảm tính khách quan, khoa học và pháp lý.

- Là cơ sở để huy động nguồn lực của cộng đồng, xã hội trong phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội, nâng cao chất lượng dịch vụ trợ giúp xã hội tiếp cận các nước tiên tiến trong khu vực và quốc tế, đáp ứng nhu cầu trợ giúp của người dân, hướng tới mục tiêu phát triển xã hội công bằng và hiệu quả.

3. Phương hướng phát triển và phân bố không gian

- Đề nghị sửa cụm từ “mạng lưới cơ sở bảo trợ xã hội” thành “mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội”.

- Đến năm 2030, phát triển 04 cơ sở trợ giúp xã hội tại 03 vùng hiện tại thuộc quản lý của Bộ LĐTBXH thành 04 cơ sở trợ giúp xã hội toàn diện, trọng điểm, thực hiện cả chức năng y tế - điều dưỡng, phục hồi chức năng và trợ giúp xã hội. Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, nâng cấp, mở rộng quy mô của 04 cơ sở với quy mô nuôi dưỡng, chăm sóc từ 300-500 đối tượng/01 cơ sở.

- Tầm nhìn đến năm 2050

+ Phát triển mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội quốc gia đảm bảo mỗi vùng kinh tế - xã hội có tối thiểu 01 cơ sở trợ giúp xã hội toàn diện, trọng điểm.

+ Đối với 04 cơ sở trợ giúp xã hội thuộc Bộ LĐTBXH quản lý: Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, nâng cấp, mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng./.

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4038/BTTTT-VCL

V/v góp ý kiến đối với Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

Hà Nội, ngày 02 tháng 8 năm 2022

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Số: 32402/LCm.QL

Ngày: 04.08.2022

Chuyên:

Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Phức đáp công văn số 4980/BKHĐT-CLPT ngày 21/7/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc góp ý kiến đối với Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Bộ Thông tin và Truyền thông có ý kiến như sau:

1. Đối với nội dung tích hợp vào Quy hoạch tổng thể quốc gia của hợp phần số 15, Bộ Thông tin và Truyền thông xin gửi nội dung “*Báo cáo tích hợp của hợp phần số 15: Thực trạng và phương hướng phát triển mạng lưới cơ sở báo chí, xuất bản, phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử, thông tin đối ngoại, thông tin cơ sở quốc gia giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050*” để Bộ Kế hoạch và Đầu tư tích hợp vào Quy hoạch tổng thể quốc gia.

2. Đối với nội dung tích hợp vào Quy hoạch tổng thể quốc gia của hợp phần số 16, Bộ Thông tin và Truyền thông xin gửi nội dung “*Báo cáo tích hợp của hợp phần số 16: Thực trạng và phương hướng phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông quốc gia giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050*” để Bộ Kế hoạch và Đầu tư tích hợp vào Quy hoạch tổng thể quốc gia.

(Kèm theo Báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt đã được thẩm định của các hợp phần quy hoạch).

Trên đây là nội dung góp ý của Bộ Thông tin và Truyền thông đối với Quy hoạch tổng thể quốc gia. Kính gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét và tổng hợp.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Phạm Anh Tuấn;
- Lưu: VT, VCL (5).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Phạm Anh Tuấn

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2772 /BVHTTDL-KHTC
V/v ý kiến đối với Quy hoạch tổng thể quốc gia
thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

Hà Nội, ngày 27 tháng 7 năm 2022

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Phúc đáp Công văn số 4583/BKHĐT-CLPT ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến đối với Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, sau khi nghiên cứu dự thảo kèm theo, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có ý kiến như sau:

I. Cơ bản thống nhất với dự thảo Báo cáo tổng hợp “Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050” do Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, soạn thảo.

II. Để hoàn thiện dự thảo Báo cáo tổng hợp, đề nghị nghiên cứu, chỉnh sửa, bổ sung một số nội dung sau:

1. Về văn hóa:

1.1. Tại mục “2.2. Tài nguyên nhân văn (trang 60)”, đề nghị chỉnh sửa, bổ sung cụ thể như sau:

“Theo số liệu thống kê, cả nước có hơn 4 vạn di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh trong Danh mục được kiểm kê; 29 di sản văn hóa được UNESCO ghi danh (08 di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, 14 di sản văn hóa phi vật thể và 07 di sản tư liệu được UNESCO ghi danh); 13 di sản văn hóa phi vật thể trong Danh sách đại diện của nhân loại, 01 di sản văn hóa phi vật thể trong Danh sách cần được bảo vệ khẩn cấp, 04 di sản tư liệu cấp khu vực Châu Á - Thái Bình Dương và 03 di sản tư liệu thế giới; 238 bảo vật quốc gia; 123 di tích quốc gia đặc biệt; 3.599 di tích quốc gia; hơn 10.000 di tích cấp tỉnh, thành phố; 433 di sản văn hóa phi vật thể được đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.”.

1.2. Tại tiểu mục “7.2.1. Mạng lưới cơ sở văn hóa”, mục “7.2. Hiện trạng phát triển, phân bố không gian mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao” (các trang 185-191):

- Tại phần 7.2.1.1. Tổng quan (đoạn 4, trang 186), đề nghị chỉnh sửa thành “*Riêng mạng lưới cơ sở trung tâm văn hóa Việt Nam tại nước ngoài do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý, có 02 cơ sở đặt tại thủ đô của Cộng hòa Pháp và Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào*”.

- Tại phần “7.2.1.2. Mạng lưới cơ sở bảo tàng quốc gia” (trang 186), đề nghị thay thế nội dung tại phần này để đảm bảo sự phù hợp với nội dung Quy hoạch đã được phê duyệt, cụ thể như sau:

“Theo Quyết định số 156/2005/QĐ-TTg ngày 23 tháng 06 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể hệ thống bảo tàng Việt Nam đến năm 2020, các bảo tàng cấp quốc gia và định hướng phát triển, nâng cấp, hoàn thiện, mở rộng phạm vi hoạt động một số bảo tàng cấp quốc gia, cụ thể:

+ Bảo tàng cấp quốc gia gồm có: Bảo tàng Lịch sử Việt Nam, Bảo tàng Cách mạng Việt Nam, Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam, Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam, Bảo tàng Văn hoá các dân tộc Việt Nam, Bảo tàng Hồ Chí Minh, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam.

+ Ngày 26/9/2011, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1674/QĐ-TTg phê duyệt thành lập Bảo tàng lịch sử quốc gia trên cơ sở sáp nhập Bảo tàng lịch sử Việt Nam và Bảo tàng Cách mạng Việt Nam.

+ Từng bước phát triển một số bảo tàng mới cấp quốc gia như: Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam, Bảo tàng Lịch sử quốc gia Việt Nam, Bảo tàng Sinh thái Hạ Long.

+ Từng bước hoàn thiện nâng cao chất lượng và mở rộng phạm vi hoạt động cấp quốc gia đối với một số bảo tàng chuyên ngành có các bộ sưu tập quý hiếm có giá trị nghiên cứu khoa học, trưng bày và giới thiệu nhằm thu hút khách tham quan và phát triển du lịch, như: Bảo tàng Lịch sử thành phố Hồ Chí Minh, Bảo tàng Hải dương học, Bảo tàng Địa chất Việt Nam và Bảo tàng Điêu khắc Chăm.

Các bảo tàng quốc gia (bảo tàng đầu hệ) đều có trụ sở tại Hà Nội. Các bảo tàng chi nhánh phân bố rải rác từ Bắc vào Nam.

Các cơ sở bảo tàng ngoài công lập được thành lập, từng bước phát huy vai trò, đóng góp trong quá trình gìn giữ, bảo tồn di sản văn hoá dân tộc, đồng thời đây là điểm tham quan hấp dẫn thu hút khách du lịch trong nước và nước ngoài góp phần nâng cao mức hưởng thụ văn hóa cho nhân dân và tuyên truyền, quảng bá những nét đặc sắc về lịch sử, văn hóa, con người Việt Nam”.

- Tại phần “7.2.1.4. Mạng lưới cơ sở di sản văn hóa thế giới được UNESCO ghi danh và di tích quốc gia đặc biệt” (trang 187-188), đề nghị chỉnh sửa như sau:

+ Đoạn 4, trang 187: “Việt Nam có 08 di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới vật thể được UNESCO vinh danh phân bố ở 06 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là: Quần thể di tích cố đô Huế (Thừa Thiên Huế), Khu phố cổ Hội An, Khu di tích đền tháp Thánh địa Mỹ Sơn (Quảng Nam); Khu Trung tâm Hoàng thành Thăng Long (Hà Nội); Thành nhà Hồ (Thanh Hóa); Vịnh Hạ Long (Quảng

Ninh); Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng (Quảng Bình), Quần thể danh thắng Tràng An - Ninh Bình (Ninh Bình)”.

+ Đoạn 5, trang 187: “Cả nước có 123 di tích quốc gia đặc biệt sau 12 đợt xếp hạng (trong đó có 2 di tích lịch sử, kiến trúc nghệ thuật và khảo cổ; 8 di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh; 1 di tích lịch sử và khảo cổ; 18 di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật; 3 di tích khảo cổ và kiến trúc nghệ thuật; 9 danh lam thắng cảnh đơn thuần; 4 di tích khảo cổ đơn thuần; 24 di tích kiến trúc nghệ thuật đơn thuần; 53 di tích còn lại là các di tích lịch sử đơn thuần) phân bố ở trên 80% tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trực tiếp quản lý Khu Di tích quốc gia đặc biệt Chủ tịch Hồ Chí Minh”. Đồng thời, rà soát số liệu đảm bảo thống kê đầy đủ số lượng 123 di tích quốc gia đặc biệt.

+ Đoạn 1, trang 188: “~~Mạng lưới di sản văn hóa thế giới, di tích quốc gia đặc biệt có xu hướng ngày càng mở rộng, có mặt ở hầu hết các tỉnh, thành phố trong cả nước.~~ Các di sản văn hóa thế giới và nhiều di tích quốc gia đặc biệt trở thành môi trường tổ chức các hoạt động văn hóa nghệ thuật, thực hành di sản văn hóa phi vật thể và thu hút mạnh mẽ khách du lịch đến tham quan, trải nghiệm văn hóa. Các danh hiệu này đã góp phần nâng cao nhận thức, sự quan tâm của cộng đồng và xã hội về giá trị của di sản; tăng cường công tác bảo tồn, phát huy giá trị các di sản; tạo các sản phẩm văn hóa-du lịch hấp dẫn, việc làm cho hàng vạn lao động; góp phần thu hút đầu tư, thương mại của các địa phương, nâng cao đời sống vật chất của cộng đồng dân cư”.

- Tại phần “7.2.1.7. Mạng lưới cơ sở nghệ thuật biểu diễn” (đoạn 2, trang 188), đề nghị chỉnh sửa như sau:

“Mạng lưới cơ sở nghệ thuật biểu diễn cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có vị trí và vai trò quan trọng trong việc bảo tồn, phát huy di sản nghệ thuật truyền thống, trong đó có một số nghệ thuật trình diễn được UNESCO đưa vào danh sách di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại...”.

- Tại phần “7.2.1.12. Mạng lưới cơ sở trung tâm văn hóa Việt Nam tại nước ngoài” (trang 191), đề nghị bổ sung như sau:

“Các trung tâm văn hóa Việt Nam ở nước ngoài trở thành cầu nối quan trọng về hợp tác văn hóa không chỉ tại Pháp và Lào, mà còn mở rộng ra nhiều địa bàn lân cận, góp phần hỗ trợ cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc Việt Nam, là điểm đến tin cậy cho kiều bào đang sinh sống và làm việc tại nước ngoài”.

1.3. Tại tiêu mục “2.1.3. Định hướng phát triển mạng lưới cơ sở văn hóa” (các trang 370-375), đề nghị chỉnh sửa, bổ sung cụ thể như sau:

- Về phát triển mạng lưới cơ sở bảo tàng quốc gia, bảo tàng đầu hệ, bảo tàng chuyên ngành:

~~“Hoàn thiện tổ chức sắp xếp lại hệ thống các bảo tàng quốc gia đảm bảo tính khoa học và hệ thống. Xây dựng mới, nâng cấp các bảo tàng quốc gia (Bảo tàng Lịch sử quốc gia; Bảo tàng Hồ Chí Minh; Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam; Bảo tàng Văn hoá Các dân tộc Việt Nam; Bảo tàng lịch sử quân sự Việt Nam; Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam) theo hướng đồng bộ, hiện đại. Đầu tư xây dựng, nâng cấp một số bảo tàng tỉnh có không gian trưng bày, giới thiệu các bộ sưu tập, hiện vật, dữ liệu văn hóa vùng. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu số hóa các tài liệu, hiện vật, bảo vật quốc gia của các bảo tàng quốc gia theo hướng đồng bộ, có sự chia sẻ, kết nối với nhau và kết nối với các bảo tàng địa phương. Hình thành hệ thống sản phẩm, dịch vụ của các bảo tàng quốc gia có thương hiệu, năng lực cạnh tranh, có tính sáng tạo, đa dạng và độc đáo, nhằm đáp ứng nhu cầu khám phá, trải nghiệm của các đối tượng công chúng khán giả, khách du lịch.~~

+ Hoàn thành xây dựng Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam và Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam.

+ Chính lý nội dung và hình thức trưng bày, hoàn thiện cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật của các bảo tàng: Lịch sử quốc gia; Hồ Chí Minh; Mỹ thuật Việt Nam, Văn hoá các dân tộc Việt Nam; Dân tộc học Việt Nam.

+ Hoàn thiện, nâng cao chất lượng và mở rộng phạm vi hoạt động cấp quốc gia đối với một số bảo tàng chuyên ngành có các sưu tập quý hiếm và có tiềm năng phát triển, như: Điêu khắc Chăm, Hải Dương học, Địa chất, Lịch sử Thành phố Hồ Chí Minh, Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh, Chứng tích chiến tranh, Phụ nữ Việt Nam.

- Từng bước phát triển một số bảo tàng chuyên ngành mới như: Tiền Việt Nam, Kiến trúc Việt Nam, Giáo dục Việt Nam, Nông nghiệp vùng Đồng bằng sông Cửu Long. ”.

- Về bảo vệ và phát huy các di sản thế giới, di tích quốc gia đặc biệt, đề nghị bổ sung di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO ghi danh để có cơ sở tạo điều kiện và cơ chế thực hiện việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa một cách hiệu quả nhất.

- Đề nghị bổ sung thêm nội dung “Về phát triển mạng lưới thiết chế văn hóa cơ sở” vào tiêu mục này, cụ thể như sau:

“Tiếp tục phát triển thiết chế văn hóa, thể thao các cấp đồng bộ về cơ sở vật chất; trang thiết bị; tổ chức bộ máy, cán bộ; tổ chức các hoạt động; thu hút và tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân thường xuyên đến sinh hoạt, hưởng thụ văn hóa, luyện tập thể dục, thể thao và vui chơi giải trí. Đa dạng hóa các phương

thức hoạt động, sử dụng hiệu quả hệ thống thiết chế văn hóa từ trung ương tới địa phương; phát huy vai trò của chủ thể văn hóa trong xây dựng, tổ chức hoạt động tại các thiết chế văn hóa cơ sở; khuyến khích thành lập và tạo điều kiện thuận lợi cho các thiết chế văn hóa ngoài công lập; phát huy vai trò và tính tích cực của hệ thống thiết chế văn hóa truyền thống, các nhân tố tích cực trong văn hóa tôn giáo và tín ngưỡng; nâng cao chất lượng, hiệu quả các cuộc vận động văn hóa, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”.”.

Lý do: Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở có vai trò, vị trí quan trọng trong việc tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước và tổ chức các hoạt động văn hóa-nghệ thuật, thể dục-thể thao góp phần xây dựng đời sống văn hóa cơ sở, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. Bên cạnh đó, thiết chế văn hóa, thể thao các cấp cũng là cầu nối trực tiếp giữa Đảng, nhà nước với nhân dân, qua đó góp phần thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội của đất nước. Ngày 11 tháng 11 năm 2013, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2164/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013 - 2020, định hướng đến năm 2030 (Quyết định số 2164/QĐ-TTg) với mục tiêu phát triển đồng bộ hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở, từng bước khắc phục tình trạng chênh lệch về mức hưởng thụ văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí của nhân dân ở các vùng, miền, khu vực trong cả nước. Tuy nhiên, chỉ có hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao các cấp (do ngành văn hóa, thể thao và du lịch quản lý) đạt được mục tiêu đến năm 2020, còn thiết chế văn hóa, thể thao do Đoàn Thanh niên và Công đoàn quản lý chưa đạt được. Vì vậy, việc đưa nội dung định hướng phát triển mạng lưới thiết chế văn hóa cơ sở vào Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 góp phần tiếp tục hoàn thiện đối với hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở.

1.4. Về thư viện:

a) Tại phần “7.2.1.11 Mạng lưới cơ sở thư viện quốc gia”, đề nghị đổi tên gọi thành “*Mạng lưới cơ sở thư viện*” và bổ sung, chỉnh sửa như sau: *Hệ thống thư viện cả nước hiện có: Thư viện Quốc gia Việt Nam là thư viện trung tâm của cả nước. Hệ thống thư viện công cộng... Hệ thống thư viện lực lượng vũ trang nhân dân gồm Thư viện Quân đội, Thư viện Công an nhân dân, hơn 500 thư viện và 4.500 phòng đọc sách lực lượng vũ trang nhân dân... Hệ thống thư viện cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác là thư viện có tài nguyên thông tin phục vụ người học và người dạy trong cơ sở giáo dục. Hiện có khoảng 25.000 thư viện trường phổ thông các cấp. Thư viện cộng đồng là thư viện, có tài nguyên thông tin tổng hợp do cộng đồng dân cư thành lập tại trung tâm học tập cộng đồng, trung tâm văn hóa, thể thao xã, phường, thị trấn; điểm bưu điện văn hóa xã; nhà văn hóa thôn, ấp, bản, làng, buôn,*

phum, sóc; khu chung cư; nơi sinh hoạt chung của cộng đồng. Hiện nay trên cả nước có khoảng 19.881 phòng đọc, tủ sách cơ sở. Thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng... hiện tại cả nước có 178 thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng.

b) Về nội dung phát triển mạng lưới cơ sở thư viện (các trang 371-372), đề nghị bổ sung nội dung: *“Ưu tiên đầu tư, đảm bảo kinh phí cho thực hiện chuyển đổi số ngành thư viện đồng bộ trên cả nước”*.

c) Về danh mục dự án ưu tiên đầu tư phát triển mạng lưới cơ sở văn hóa quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, đề nghị bổ sung các dự án phát triển mạng lưới cơ sở thư viện, cụ thể như sau: Dự án Đầu tư cải tạo nâng cấp Thư viện Quốc gia Việt Nam (Giai đoạn 2021-2025); Dự án Xây dựng Trung tâm bảo quản số Quốc gia (Giai đoạn 2026-2030).

2. Về định hướng phát triển mạng lưới cơ sở thể dục thể thao (trang 376):

Đề nghị nghiên cứu bổ sung nội dung đầu tư xây dựng các trung tâm huấn luyện thể thao theo chức năng hoặc chuyên sâu từng nhóm môn như Trung tâm huấn luyện thể thao trên núi cao; Trung tâm huấn luyện thể thao biển; Trung tâm huấn luyện các môn võ thuật; Trung tâm huấn luyện các môn bắn súng - bắn cung; Trung tâm huấn luyện các môn thể thao quân sự; Trung tâm huấn luyện thể thao điện tử. Khuyến khích, tạo điều kiện cho Liên đoàn, Hiệp hội thể thao quốc gia, các doanh nghiệp, tập đoàn lớn tham gia xây dựng, vận hành các cơ sở huấn luyện thể thao theo chức năng hoặc chuyên sâu. Trong trường hợp sử dụng vốn ngân sách nhà nước để đầu tư, thì các cơ sở huấn luyện thể thao này được bố trí trực thuộc các trung tâm huấn luyện thể thao quốc gia hiện có, đảm bảo nguyên tắc không tăng bộ máy quản lý.

3. Về du lịch:

- Tiểu mục “1.2.5. Cảnh quan thiên nhiên và đa dạng sinh học” (trang 15) chưa có nội dung nào đề cập, đánh giá về cảnh quan tự nhiên, trong đó các cảnh quan tự nhiên nước ta hết sức đa dạng, phong phú, đặc sắc; là những nguồn tài nguyên quý giá và có sức cạnh tranh cao để phát triển du lịch. Đề nghị nghiên cứu bổ sung.

- Nội dung tại khổ thứ ba (trang 118), đề nghị chỉnh sửa thành *“Tốc độ tăng trưởng bình quân số buồng lưu trú đạt khoảng 12,3%/năm, công suất sử dụng buồng trung bình đạt khoảng 58%”*.

- Điểm “b) Hiện trạng hệ thống sản phẩm du lịch” (trang 118 - 119), đề nghị chỉnh sửa thành:

“+ Trong giai đoạn 2011-2019, các sản phẩm du lịch đặc sắc tiêu biểu như tham quan Vịnh Hạ Long, Sa Pa, Cố đô Huế, Phố cổ Hội An, Đền tháp Mỹ Sơn; tìm hiểu các giá trị văn hóa dân tộc đã trở thành những điểm đến thu hút khách

trong và ngoài nước, tạo nên thương hiệu, dấu ấn riêng của địa phương có di sản (Lễ hội Đền Sóc, Chùa Hương ở Hà Nội, Lễ hội Đền Hùng ở Phú Thọ, Lễ hội Côn Sơn - Kiếp Bạc ở Hải Dương, Lễ hội Yên Tử ở Quảng Ninh, Ca Huế, Đua Ghe ngo ở Sóc Trăng, Lễ hội Bà Chúa Xứ ở An Giang, Lễ hội Ouk Om Bok ở Trà Vinh, Lễ hội Kate hay Gốm Chăm ở Bà Rịa - Vũng Tàu, Ninh Thuận...) hoặc tham gia du lịch sông nước tại vùng đồng bằng sông Cửu Long... ngày càng được khẳng định giá trị. Đặc biệt, vịnh Hạ Long ngày càng thu hút khách du lịch, là sản phẩm du lịch có thương hiệu quốc tế với khả năng cạnh tranh cao.

+ Hệ thống sản phẩm du lịch từng bước được hình thành trên cơ sở tổ chức không gian du lịch cả nước theo 7 vùng du lịch với những sản phẩm đặc thù riêng cho mỗi vùng đã làm nổi lên từng vùng du lịch khá rõ rệt.

+ Tại nhiều địa bàn như Khánh Hòa, Bình Thuận đã phát triển mạnh những khu du lịch nghỉ dưỡng biển cao cấp ở các giai đoạn trước thì nay đang dần hình thành thêm những sản phẩm mới có khả năng cạnh tranh quốc tế cao tại Phú Quốc, Côn Đảo... và nhiều địa phương ven biển.

+ Các giá trị di sản, di tích văn hóa lịch sử, cách mạng được nghiên cứu, xây dựng thành các tour tham quan, tìm hiểu đa dạng, hấp dẫn.

+ Các sản phẩm lễ hội như Festival Huế, Pháo hoa Đà Nẵng; Lễ hội hoa Đà Lạt... đã khẳng định được thương hiệu và khả năng cạnh tranh.

+ Các tỉnh vùng núi cũng hình thành các sản phẩm mới như du lịch sinh thái, thưởng ngoạn cảnh quan, du lịch địa chất cao nguyên đá Đồng Văn, lễ hội hoa Tam giác mạch (Hà Giang), lễ hội hái quả Mộc Châu (Sơn La), Hoa ban (Tây Bắc) thu hút lượng lớn khách du lịch.

+ Tiếp theo hướng phát triển du lịch sinh thái trong giai đoạn trước, các sản phẩm du lịch cộng đồng, du lịch có trách nhiệm cũng được quan tâm phát triển.

+ Du lịch MICE, du lịch đô thị phát triển sôi động ở các đô thị lớn như Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Nha Trang.

+ Các sản phẩm du lịch chăm sóc sức khỏe đang ngày càng thu hút được sự chú ý của thị trường và các nhà đầu tư và dự kiến sẽ phát triển mạnh trong thời gian tới.

+ Hệ thống sản phẩm đang được đẩy mạnh khai thác trên cả nước hầu hết các tài nguyên du lịch đều đã được nghiên cứu và đưa vào khai thác, phát triển du lịch đã thu hút sự quan tâm của toàn xã hội.”

- Điểm “c) Tác động của đại dịch COVID-19 tới phát triển du lịch” (trang 119) ghép chung vào phần cuối của điểm “a) Hiện trạng khách du lịch và hạ tầng du lịch (trang 117)” và chỉnh sửa thành:

“Từ đầu năm 2020, đại dịch COVID-19 bùng phát trên quy mô toàn cầu gây ra những tác động hết sức to lớn đối với ngành du lịch”.

+ Năm 2020, cả nước chỉ đón được 3,8 triệu lượt khách quốc tế (khách quốc tế chỉ có trong 3 tháng đầu năm), khách nội địa đạt 56 triệu lượt.

+ Từ ngày 15/3/2022, thực hiện chính sách mở cửa hoàn toàn du lịch, thị trường du lịch nội địa đã phục hồi nhanh chóng, tăng trưởng mạnh mẽ tại nhiều khu, điểm du lịch trong cả nước. Thị trường khách quốc tế bắt đầu hồi phục. Đến hết tháng 6/2022, lượng khách du lịch nội địa đạt 60,8 triệu lượt, vượt hơn cùng kỳ năm 2019; khách du lịch quốc tế đạt 413.400 lượt, dự kiến cả năm đạt hơn 100 triệu lượt khách nội địa và 3,5 triệu lượt khách quốc tế.”.

- Tiểu mục “2.3.2. Thực trạng sử dụng không gian biển” (trang 131), đề nghị lược bỏ loại hình (ii) du lịch tắm biển cuối tuần vì loại hình du lịch này đã thuộc loại hình (i) du lịch nghỉ dưỡng biển - đảo.

- Mục “2.4. Vùng biển và ven biển Đồng bằng sông Cửu Long (Tiền Giang - Kiên Giang)” (trang 133), đề nghị bổ sung loại hình du lịch sinh thái sông nước miệt vườn, nghỉ dưỡng biển - đảo.

- Mục “7.9. Hiện trạng phát triển, phân bố không gian hệ thống du lịch quốc gia” (trang 230), đề nghị chỉnh sửa như sau:

“- Các vùng du lịch:

Trong giai đoạn 2011 - 2019, trong tổ chức không gian lãnh thổ du lịch đã cơ bản hình thành 7 vùng với sản phẩm đặc trưng:

+ Vùng Trung du miền núi Bắc Bộ gắn với việc khai thác cảnh quan núi, các giá trị sinh thái và văn hoá các dân tộc Đông và Tây Bắc.

Đã đầu tư phát triển, công nhận 02 khu du lịch quốc gia là Sa Pa (Lào Cai) và Đền Hùng (Phú Thọ). Các địa bàn khác đang phát triển theo định hướng thành khu du lịch quốc gia gồm: Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn (tỉnh Hà Giang); thác Bản Giốc (tỉnh Cao Bằng); Mẫu Sơn (tỉnh Lạng Sơn); hồ Ba Bể (tỉnh Bắc Kạn); Tân Trào (tỉnh Tuyên Quang); hồ Núi Cốc (tỉnh Thái Nguyên); Thác Bà (tỉnh Yên Bái); Mộc Châu (tỉnh Sơn La); Điện Biên Phủ - Pá Khoang (tỉnh Điện Biên); hồ Hòa Bình (tỉnh Hòa Bình).

+ Vùng Đồng bằng sông Hồng và duyên hải Đông Bắc gắn với văn minh lúa nước sông Hồng và tài nguyên biển.

Đã đầu tư phát triển, công nhận khu du lịch quốc gia đối với 02 khu du lịch quốc gia là Trà Cổ (Quảng Ninh) và Tam Đảo (Vĩnh Phúc). Các địa bàn khác đang phát triển theo định hướng thành khu du lịch quốc gia gồm: Hạ Long (tỉnh Quảng Ninh); Cát Bà (thành phố Hải Phòng); Côn Sơn - Kiếp Bạc (tỉnh Hải

Dương); Ba Vì - Suối Hai (Hà Nội); Tam Chúc (tỉnh Hà Nam); Quần thể danh thắng Tràng An (tỉnh Ninh Bình).

+ Vùng Bắc Trung Bộ gắn với biển đảo và văn hoá, lịch sử; Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ gắn với biển đảo.

Đã đầu tư phát triển, công nhận khu du lịch quốc gia Mũi Né (tỉnh Bình Thuận). Các địa bàn khác đang phát triển theo định hướng thành khu du lịch quốc gia gồm: Sầm Sơn (tỉnh Thanh Hóa); Cửa Lò (tỉnh Nghệ An); Kim Liên (tỉnh Nghệ An); Thiên Cầm (tỉnh Hà Tĩnh); Phong Nha - Kẻ Bàng (tỉnh Quảng Bình); Lăng Cô - Cảnh Dương (tỉnh Thừa Thiên - Huế); Sơn Trà (thành phố Đà Nẵng); Bà Nà (thành phố Đà Nẵng); Cù Lao Chàm (tỉnh Quảng Nam); Mỹ Khê (tỉnh Quảng Ngãi); Phương Mai (tỉnh Bình Định); Vịnh Xuân Đài (tỉnh Phú Yên); Bắc Cam Ranh (tỉnh Khánh Hòa); Ninh Chữ (tỉnh Ninh Thuận).

+ Vùng Tây Nguyên gắn với cao nguyên và không gian văn hoá các dân tộc Tây Nguyên (công chiêng Tây Nguyên).

Đã đầu tư phát triển, công nhận khu du lịch quốc gia hồ Tuyền Lâm (tỉnh Lâm Đồng). Các địa bàn khác đang phát triển theo định hướng thành khu du lịch quốc gia gồm: Măng Đen (tỉnh Kon Tum); Biển Hồ - Chư Đăng Ya (tỉnh Gia Lai); Đan Kia - Suối Vàng (tỉnh Lâm Đồng); Yokđôn (tỉnh Đắk Lắk).

+ Vùng Đông Nam Bộ gắn với biển và di tích lịch sử, văn hoá.

Các địa bàn đang phát triển theo định hướng thành khu du lịch quốc gia gồm: núi Bà Đen (tỉnh Tây Ninh); Cần Giở (thành phố Hồ Chí Minh); Long Hải - Phước Hải (tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu); Côn Đảo (tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu).

+ Vùng Đồng bằng sông Cửu Long gắn với hệ sinh thái miệt vườn và sông nước đồng bằng sông Cửu Long.

Đã đầu tư phát triển, công nhận khu du lịch quốc gia Núi Sam (tỉnh An Giang). Các địa bàn khác đang phát triển theo định hướng thành khu du lịch quốc gia gồm: Thới Sơn (tỉnh Tiền Giang); Phú Quốc (tỉnh Kiên Giang); Năm Căn (tỉnh Cà Mau).

- Các địa bàn trọng điểm du lịch, trung tâm du lịch:

Thực tế phát triển du lịch theo lãnh thổ Việt Nam thời gian qua đã hình thành một số địa bàn trọng điểm du lịch, trung tâm du lịch theo định hướng của Quy hoạch, đặc biệt là các quy hoạch vùng như: Lào Cai (vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ); Hà Nội, Quảng Ninh, Ninh Bình (vùng Đồng bằng sông Hồng và Duyên hải Đông Bắc); Thanh Hóa, Nghệ An, Thừa Thiên - Huế (vùng Bắc Trung Bộ); Đà Nẵng, Quảng Nam, Khánh Hòa, Bình Thuận (vùng Duyên hải Nam Trung Bộ); Lâm Đồng, Đắk Lắk (vùng Tây Nguyên); TP. Hồ Chí Minh, Bà Rịa - Vũng Tàu (vùng Đông Nam Bộ); Cần Thơ, Kiên Giang, Cà Mau (vùng Đồng bằng sông

Cửu Long). Đây là tiền đề quan trọng cho việc định hướng phát triển không gian du lịch của Quy hoạch trong giai đoạn tiếp theo để bảo đảm đầu tư phát triển du lịch có trọng tâm, trọng điểm.”.

- Tại phần “3.2.1.1. Quan điểm phát triển” (trang 359), đề nghị bổ sung quan điểm ưu tiên phát triển du lịch biển đảo để phù hợp với các nội dung tại phần “3.2.1.3. Định hướng phát triển du lịch”.

- Điểm “b) Một số mục tiêu cụ thể” (trang 360), đề nghị điều chỉnh lại mục tiêu số lượng khách quốc tế năm 2030, do hiện nay tình hình hoạt động du lịch quốc tế hậu Covid-19 dự kiến năm 2025 mới có thể hồi phục lại số lượng khách du lịch quốc tế đạt bằng năm 2019 (18 triệu lượt).

- Tại phần “3.2.1.3. Định hướng phát triển du lịch” (trang 360), đề nghị chỉnh sửa như sau:

+ Ý thứ 1: Phát triển sản phẩm du lịch đa dạng, chất lượng phù hợp với nhu cầu thị trường trong nước và quốc tế.

+ Ý thứ 2: Phát triển sản phẩm mới, đặc thù có khả năng thu hút khách như phát triển công viên chủ đề, trung tâm vui chơi giải trí, trung tâm biểu diễn nghệ thuật, casino...

+ Bổ sung nội dung “đẩy mạnh phát triển các sản phẩm du lịch gắn với công nghiệp văn hóa”.

- Tiểu phần “3.2.1.4. Định hướng phân bố không gian phát triển hệ thống du lịch quốc gia” (trang 360), đề nghị chỉnh sửa cụ thể như sau:

“a) Phương hướng phân bố không gian phát triển du lịch theo vùng

- Vùng Trung du miền núi phía Bắc.

(1) Tiểu vùng Tây Bắc (gồm 07 tỉnh: Hòa Bình, Sơn La, Điện Biên, Lai Châu, Phú Thọ, Yên Bái Lào Cai): Phát triển sản phẩm chính: du lịch về nguồn, du lịch cộng đồng; du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng núi và chăm sóc sức khỏe; nghỉ cuối tuần; thể thao khám phá...; sản phẩm bổ trợ: du lịch trang trại nông nghiệp công nghệ cao; du lịch biên giới gắn với thương mại cửa khẩu; du lịch hội chợ, sự kiện, du lịch đêm.

(2) Tiểu vùng Đông Bắc (gồm 7 tỉnh: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Bắc Giang): Sản phẩm chính gồm du lịch về nguồn, du lịch cộng đồng; du lịch địa chất; du lịch sinh thái; nghỉ dưỡng núi; nghỉ cuối tuần; thể thao khám phá...; sản phẩm bổ trợ gồm du lịch trang trại nông nghiệp công nghệ cao; du lịch biên giới gắn với thương mại cửa khẩu; du lịch hội chợ, sự kiện, du lịch đêm.

- Vùng đồng bằng sông Hồng.

Hướng khai thác sản phẩm du lịch đặc trưng của vùng với sản phẩm chính là du lịch văn hóa, lễ hội, tâm linh gắn với văn minh lúa nước sông Hồng; du lịch biển, đảo vùng duyên hải Đông Bắc: nghỉ dưỡng, tắm biển; vui chơi thể thao, khám phá trên biển, đặc biệt là tham quan, ngắm cảnh vịnh Hạ Long, Bái Tử Long, quần đảo Cát Bà, các đảo Ngọc Vòng, Quan Lạn, Cô Tô...; du lịch sinh thái, thư giãn cuối tuần tại vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên: Tràng An, Cúc Phương, Xuân Thủy...; du lịch sinh thái nông nghiệp, nông thôn; sản phẩm bổ trợ: du lịch MICE, vui chơi giải trí cao cấp ở khu vực Hà Nội và phụ cận; du lịch biên giới khu vực cửa khẩu Đông Bắc, du lịch đêm.

- Vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung.

(1) Tiểu vùng Bắc Trung Bộ: Sản phẩm chính gồm du lịch biển, đảo: nghỉ dưỡng, tắm biển, khám phá hệ sinh thái biển, vui chơi giải trí thể thao biển, lặn biển...; du lịch văn hóa: tham quan hệ thống di sản văn hóa Thành Nhà Hồ, Cố đô Huế, kết hợp du lịch tham quan, nghiên cứu, giáo dục tại các di tích lịch sử cách mạng; tham quan cảnh quan, nghiên cứu hệ sinh thái hang động Phong Nha - Kẻ Bàng; đầm, phá ven biển; hệ sinh thái vườn quốc gia Đông Trường Sơn; sản phẩm bổ trợ: du lịch MICE; du lịch sinh thái nông nghiệp, nông thôn; du lịch biên giới gắn với cửa khẩu; du lịch về nguồn, thăm lại chiến trường xưa, du lịch đêm...

(2) Tiểu vùng Duyên hải Nam Trung Bộ: Sản phẩm chính gồm du lịch biển, đảo như nghỉ dưỡng, tắm biển, khám phá hệ sinh thái biển, vui chơi giải trí thể thao trên biển, lặn biển...; du lịch văn hóa: tham quan hệ thống di sản Hội An và Mỹ Sơn, di tích kiến trúc tháp Chăm... kết hợp du lịch nghiên cứu bản sắc văn hóa Chăm, văn hóa cư dân biển Nam Trung Bộ, văn hóa các dân tộc thiểu số ở Đông Trường Sơn; tham quan cảnh quan, nghiên cứu hệ sinh thái ven biển; hệ sinh thái VQG Đông Trường Sơn; sản phẩm bổ trợ: du lịch MICE; du lịch sinh thái nông nghiệp, nông thôn; du lịch về nguồn, thăm lại chiến trường xưa, du lịch đêm...

- Vùng Tây Nguyên.

Hướng khai thác sản phẩm du lịch đặc trưng của vùng: Sản phẩm chính gồm du lịch văn hóa tìm hiểu, trải nghiệm bản sắc văn hóa các dân tộc Tây Nguyên; du lịch gắn với hệ sinh thái cao nguyên: nghỉ dưỡng núi; tham quan nghiên cứu hệ sinh thái cao nguyên gắn với các sản vật hoa, cà phê, voi...; du lịch nghiên cứu, giáo dục giá trị địa chất, địa mạo ở Công viên địa chất toàn cầu Đắk Nông; du lịch trang trại, nông nghiệp công nghệ cao; sản phẩm bổ trợ: du lịch biên giới gắn với cửa khẩu và Tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam; du lịch MICE; du lịch đêm.

- Vùng Đông Nam Bộ.

Hướng khai thác sản phẩm du lịch đặc trưng của vùng: Sản phẩm chính gồm du lịch MICE gắn với văn hóa, lễ hội, giải trí; du lịch nghỉ dưỡng biển; du lịch cuối tuần, vui chơi, giải trí, thể thao; du lịch văn hóa: tham quan di tích kiến trúc nghệ thuật, di tích chiến tranh, giáo dục; sản phẩm bổ trợ: du lịch biên giới gắn với cửa khẩu, du lịch đêm.

- Vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Hướng khai thác sản phẩm du lịch đặc trưng của vùng: Sản phẩm chính gồm du lịch sinh thái (miệt vườn, sông nước, đất ngập nước, nông nghiệp nông thôn); du lịch biển, nghỉ dưỡng biển; du lịch văn hóa lễ hội; sản phẩm bổ trợ: du lịch MICE, du lịch biên giới, du lịch đêm.

Tiếp tục tập trung đầu tư, khai thác, phát triển các khu du lịch quốc gia tại các vùng du lịch (danh mục cụ thể được cụ thể hóa cho giai đoạn tới tại Quy hoạch hệ thống du lịch Việt Nam giai đoạn 2021-2020, tầm nhìn 2045).

Ưu tiên tập trung các nguồn lực đầu tư phát triển hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật các khu du lịch trọng điểm quốc gia bao gồm:

- (1) Khu du lịch quốc gia Sa Pa, tỉnh Lào Cai;
- (2) Khu du lịch quốc gia Hạ Long - Bái Tử Long - Vân Đồn (tỉnh Quảng Ninh) - Cát Bà (thành phố Hải Phòng);
- (3) Khu du lịch quốc gia Tràng An, tỉnh Ninh Bình;
- (4) Khu du lịch quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng, tỉnh Quảng Bình;
- (5) Khu du lịch quốc gia Hội An - Cù Lao Chàm, tỉnh Quảng Nam;
- (6) Khu du lịch quốc gia vịnh Vân Phong, tỉnh Khánh Hòa;
- (7) Khu du lịch quốc gia Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

b) Các khu vực động lực phát triển du lịch của quốc gia: Hình thành các khu vực động lực phát triển du lịch, là nơi tập trung nhiều tài nguyên du lịch, trong đó có tài nguyên đặc biệt hấp dẫn và hội tụ đầy đủ các điều kiện để có thể phát triển du lịch trở thành động lực thúc đẩy, lan tỏa sự phát triển du lịch của vùng và cả nước; góp phần lôi kéo các ngành kinh tế khác trên địa bàn cùng phát triển tạo tiền đề thuận lợi để du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

(1) Khu vực động lực phát triển du lịch Lào Cai - Hà Giang - Cao Bằng là khu vực động lực có ý nghĩa quan trọng, thúc đẩy phát triển du lịch toàn vùng Trung du miền núi phía Bắc.

(2) Khu vực động lực phát triển du lịch Hà Nội - Ninh Bình - Hải Phòng - Quảng Ninh: là khu vực động lực đặc biệt quan trọng với nhiệm vụ thúc đẩy phát triển du lịch vùng đồng bằng sông Hồng và cả khu vực miền Bắc.

(3) Khu vực động lực phát triển du lịch Thừa Thiên Huế - Đà Nẵng - Quảng Nam gắn với Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và Hành lang kinh tế Đông Tây, thúc đẩy phát triển du lịch khu vực Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung.

(4) Khu vực động lực phát triển du lịch Khánh Hòa - Ninh Thuận - Lâm Đồng, gắn với hành lang kinh tế Bắc Nam phía Đông, có vai trò quan trọng đối với phát triển du lịch toàn bộ khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

(5) Khu vực động lực phát triển du lịch TP. Hồ Chí Minh - Bà Rịa Vũng Tàu - Bình Thuận: là khu vực động lực hết sức quan trọng với nhiệm vụ thúc đẩy phát triển du lịch toàn bộ vùng Đông Nam Bộ và một phần vùng Nam Trung Bộ, có ảnh hưởng lớn tới lượng khách tới vùng đồng bằng sông Cửu Long, đóng vai trò của trung tâm đón tiếp, trung chuyển khách lớn nhất cả nước.

(6) Khu vực động lực phát triển du lịch Cần Thơ - Kiên Giang - Cà Mau: vị trí khu vực gắn liền với Vùng Kinh tế trọng điểm Đồng bằng sông Cửu Long, có ý nghĩa quan trọng đối với cả vùng Đồng bằng sông Cửu Long.”.

- Riêng đối với các Khu vực động lực nằm trên 2 vùng (Khánh Hòa - Ninh Thuận - Lâm Đồng và TP. Hồ Chí Minh - Bà Rịa Vũng Tàu - Bình Thuận), đề nghị nghiên cứu cân nhắc lại để tránh các khó khăn trong quá trình triển khai tổ chức quản lý theo vùng như các hoạt động của Hội đồng điều phối vùng.

- Điểm “a) Vùng khuyến khích phát triển du lịch” (trang 491) cần thống nhất việc sử dụng khái niệm vùng và khu vực; nên sử dụng khái niệm khu vực ưu tiên phát triển du lịch.

4. Về một số nội dung có liên quan đến văn hóa, thể thao và du lịch:

4.1. Đề nghị nghiên cứu bổ sung nội dung về phát triển mạng lưới cơ sở nghiên cứu và đào tạo chuyên ngành văn hóa nghệ thuật tại trang 373:

Rà soát quy hoạch các cơ sở đào tạo văn hóa, thể thao và du lịch trong toàn quốc nhằm gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo văn hóa, thể thao và du lịch với nhu cầu của người học và nhu cầu của xã hội. Hoàn thiện và nâng cao chất lượng đào tạo của hệ thống các trường văn hóa, thể thao và du lịch; củng cố, nâng cao năng lực của các trường cao đẳng văn hóa, nghệ thuật khu vực Tây Bắc, Việt Bắc, Tây Nguyên, các trường trung cấp văn hóa, nghệ thuật ở các tỉnh, tạo điều kiện để các trường có đủ năng lực đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành văn hóa, thể thao và du lịch.

4.2. Đề nghị nghiên cứu bổ sung tại khoản “III. Định hướng phát triển các ngành hạ tầng kỹ thuật” (tr.394) về nội dung định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật khoa học, công nghệ ứng dụng thành tựu cách mạng công nghiệp 4.0 để phát triển kinh tế - xã hội.

4.3. Về mục “2. Phân vùng môi trường và phương hướng bảo vệ môi trường” (trang 455): Các khu vực bảo vệ của Di sản Thế giới (vùng lõi, vùng đệm); di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia, di tích cấp tỉnh (Khu vực khoanh vùng bảo vệ I và Khu vực khoanh vùng bảo vệ II) được quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa, vì vậy đề nghị không quy định các nội dung này.

4.4. Tại mục I, Bảng “91. Di sản thiên nhiên được các tổ chức quốc tế công nhận” (trang 608), chỉnh sửa thành: “*Khu di sản thiên nhiên thế giới*”; đồng thời, chỉnh sửa chính xác tên gọi của các Di sản Thế giới được UNESCO công nhận “*Di sản Thiên nhiên Thế giới Vườn Quốc gia Phong Nha Kẻ Bàng*” và “*Di sản Văn hóa và Thiên nhiên Thế giới Quần thể danh thắng Tràng An*”.

4.5. Tại mục “I. Các giải pháp, nguồn lực thực hiện Quy hoạch” (trang 526), đề nghị bổ sung giải pháp tăng cường đầu tư kinh phí để triển khai các chương trình, đề án, dự án bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa; tu bổ, tôn tạo, phục hồi các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được Quốc hội, Chính phủ và các Bộ, ngành địa phương phê duyệt.

4.6. Đề nghị rà soát, thay thuật ngữ “*di tích chiến tranh*” bằng “*di tích lịch sử cách mạng*”; thay thuật ngữ “*di tích lịch sử, văn hóa*” bằng “*di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh*” và sử dụng thống nhất trong toàn bộ nội dung Báo cáo.

Trên đây là ý kiến của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, tổng hợp./. 3

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng;
- Các cơ quan QLNN trực thuộc Bộ;
- Các Viện: VHNTQGVN, KHTDĐT, NCPTDL;
- Lưu: VT, KHTC, ĐL.(40).

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG



Đoàn Văn Việt

**BỘ XÂY DỰNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3041 /BXD-QHKT
V/v ý kiến về Hồ sơ dự thảo quy hoạch
tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm
nhìn đến năm 2050

Hà Nội, ngày 08 tháng 8 năm 2022

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Phúc đáp công văn số 4583/BKHĐT-CLPT ngày 07/7/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị góp ý Hồ sơ dự thảo Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây gọi tắt là Dự thảo Quy hoạch), Bộ Xây dựng có ý kiến như sau:

1. Đối với Báo cáo tổng hợp dự thảo Quy hoạch:

- Về đánh giá thực trạng phát triển đô thị, nông thôn tại khoản 6 mục II, phần thứ nhất: Đề nghị bổ sung các phân tích, đánh giá thực trạng các nội dung: Tăng trưởng quy mô, số lượng các đô thị; tổ chức phân bố hệ thống đô thị; vai trò của các đô thị lớn, đô thị vừa, đô thị nhỏ và điểm dân cư nông thôn trên toàn quốc; tỷ lệ đất xây dựng đô thị; không gian kiến trúc cảnh quan và môi trường đô thị; nhà ở đô thị và nông thôn; phân bố dân cư đô thị, nông thôn và vấn đề dịch cư; liên kết đô thị - nông thôn và các vùng ven đô; việc mở rộng, hình thành các đô thị mới; chất lượng hạ tầng kỹ thuật tại các đô thị và khu vực dân cư nông thôn. Trên cơ sở đó, đề nghị làm rõ các vấn đề trong thực tế phát triển đô thị với phạm vi hành chính đô thị; cấu trúc hệ thống đô thị toàn quốc hiện nay.

Đề nghị rà soát cập nhật số liệu thực trạng hệ thống đô thị và nông thôn, tính đến 31/12/2020, toàn bộ hệ thống đô thị Việt Nam có tổng số 862 đô thị trong đó: Loại đặc biệt có 02 đô thị; loại I có 22 đô thị; loại II có 31 đô thị; loại III có 48 đô thị; loại IV có 87 đô thị và loại V có 672 đô thị.

- Về mục tiêu phát triển tại mục IV, phần thứ hai: Hiện nay, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó thể hiện rõ quan điểm chỉ đạo về định hướng phát triển hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2030 với mục tiêu tổng thể là “*Đẩy nhanh tốc độ và nâng cao chất lượng đô thị hóa, phát triển đô thị bền vững theo mạng lưới, hình thành một số đô thị, chuỗi đô thị động lực thông minh kết nối với khu vực và thế giới,...* Chất lượng cuộc sống tại đô thị ở mức cao, đảm bảo đáp ứng cơ bản về

nhu cầu về nhà ở và hạ tầng xã hội cho cư dân đô thị. Phát triển kiến trúc đô thị hiện đại, xanh, thông minh, giàu bản sắc, các yếu tố văn hóa đặc trưng được giữ gìn và phát huy". Do đó, đề nghị làm rõ mục tiêu cụ thể về định hướng phát triển đô thị để đảm bảo sự phù hợp với quan điểm, định hướng, các mục tiêu, chỉ tiêu tại Nghị quyết số 06-NQ/TW.

Đối với các chỉ tiêu liên quan đến hệ thống đô thị: Đề nghị bổ sung thêm chỉ tiêu về đất xây dựng đô thị; số lượng các đô thị; tỷ lệ đất giao thông trên đất xây dựng đô thị và diện tích đất cây xanh bình quân trên mỗi người dân đô thị.

- Về quan điểm phát triển tại khoản 1 mục VI, phần thứ tư: Nghị quyết số 06-NQ/TW đã nêu quan điểm chỉ đạo về định hướng phát triển hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2030 là *"phát triển hệ thống đô thị bền vững theo mạng lưới, phân bố hợp lý, phù hợp với từng vùng, miền, đảm bảo đồng bộ, thống nhất, cân đối giữa các vùng, miền; phát triển các đô thị có chức năng tổng hợp với quy mô và dân số ở mức hợp lý theo hướng đô thị xanh, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai và dịch bệnh; đảm bảo tính kết nối cao giữa các đô thị trực thuộc Trung ương, đô thị trung tâm cấp quốc gia với các đô thị vùng và khu vực nông thôn. Lựa chọn các đô thị có lợi thế đặc biệt để xây dựng thành các trung tâm kinh tế, tài chính, thương mại, dịch vụ, ... có khả năng cạnh tranh khu vực, quốc tế"*. Do vậy, đề nghị rà soát về phát triển đô thị, nông thôn trong thời kỳ quy hoạch để bám sát các quan điểm chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban chấp hành TW.

- Về định hướng tổng thể hệ thống đô thị tại khoản 2 mục VI, phần thứ tư: Đề nghị xác định cụ thể, tổ chức phân bố hệ thống các đô thị trung tâm cấp quốc gia, đô thị trung tâm cấp vùng liên tỉnh; tổ chức mạng lưới đô thị, chuỗi và chùm đô thị tại các vùng kinh tế - xã hội và gắn với các hành lang kinh tế của quốc gia; vai trò, chức năng và mối liên kết giữa các đô thị trọng điểm cấp quốc gia và với các khu vực phát triển kinh tế khác như khu công nghiệp, khu kinh tế, khu du lịch, ... làm cơ sở để đề xuất các định hướng tại quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Bổ sung nội dung đề xuất về tổ chức liên kết giữa các vùng đô thị lớn, giữa đô thị và nông thôn; tổ chức vùng ven đô; tổ chức hệ thống đô thị tại khu vực ven biển; hành lang biên giới, các đô thị hải đảo, đô thị du lịch...

- Về những kinh nghiệm quốc tế được nêu trong lập quy hoạch tổng thể quốc gia, đề nghị báo cáo bổ sung nội dung tổng kết, đánh giá và làm rõ những nội dung cần được nghiên cứu, áp dụng tại dự thảo quy hoạch.

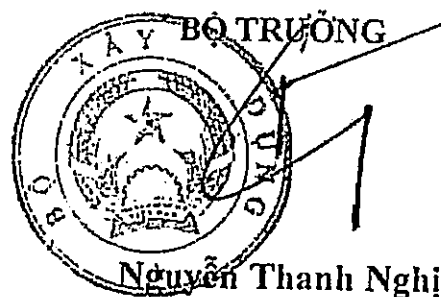
- Dự thảo Báo cáo định hướng quy hoạch tổng thể quốc gia cần bổ sung hệ thống bản đồ, thể hiện đầy đủ nội dung định hướng ngành, lĩnh vực và thực hiện theo quy định tại mục I Phụ lục I của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP.

2. Ngày 13/7/2022, Bộ Xây dựng đã có văn bản số 2575/BXD-QHKT gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan về việc gửi sản phẩm hợp phần quy hoạch tích hợp vào Quy hoạch tổng thể quốc gia. Tại các Điều 29, 30, 31, 32, 33 Luật Quy hoạch và Điều 33, 34, 35, 36, 37, 38 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch chỉ quy định về việc thẩm định quy hoạch, không quy định về thẩm định hợp phần quy hoạch. Do đó, để triển khai thẩm định các hợp phần quy hoạch thuộc Quy hoạch tổng thể quốc gia, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn cụ thể về nội dung thẩm định, trình tự thủ tục tổ chức thẩm định các hợp phần quy hoạch và việc bố trí kinh phí thẩm định để các Bộ, ngành tổ chức thực hiện theo đúng quy định.

Trên đây là ý kiến của Bộ Xây dựng đối với Dự thảo Báo cáo định hướng quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 gửi tới Bộ Kế hoạch và Đầu tư để nghiên cứu./. *TSV*

Nơi nhận:

- Như trên;
- BXD: PTĐT, VLXD, HTKT;
- Lưu VT, QHKT



BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4127 /BYT-KH-TC
V/v tham gia ý kiến đối với Quy hoạch
tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 – 2030,
tầm nhìn đến năm 2050.

Hà Nội, ngày 03 tháng 8 năm 2022

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Bộ Y tế nhận được Công văn số 4583/BKHĐT-CLPT ngày 07/7/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến đối với Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Sau khi nghiên cứu, Bộ Y tế có ý kiến đối với những nội dung liên quan đến lĩnh vực y tế như sau:

1. Bộ Y tế cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo Báo cáo, đã thể hiện được khá đầy đủ nội dung về thực trạng và định hướng quy hoạch đối với các cơ sở y tế đảm nhận vai trò cấp vùng quốc tế, các cơ sở y tế liên vùng và các cơ sở y tế cấp quốc gia.

2. Về thực trạng đất cơ sở y tế (trang 143), đề nghị nêu rõ diện tích đất sử dụng cho các cơ sở y tế tuyến trung ương trong tổng số đất cơ sở y tế theo vùng.

3. Về hiện trạng mạng lưới y tế công cộng và y tế dự phòng thực trạng hạ tầng cơ sở y tế (khoản 7.8.2, trang 228): Đề nghị bổ sung thêm thông tin về tính liên kết quốc tế, kết nối các đơn vị dự phòng và y tế công cộng trong phòng chống dịch bệnh và ứng phó trường hợp khẩn cấp như Bộ Y tế đã cung cấp tại Công văn số 1274/BYT-KH-TC ngày 16/3/2022, cụ thể như sau: "*Hiện nay, Việt Nam có 13 Trung tâm Kiểm dịch y tế quốc tế phụ trách kiểm soát dịch tại 19 cửa khẩu quốc tế và 46 cửa khẩu quốc gia thực hiện phối hợp chặt chẽ với các quốc gia trong lĩnh vực kiểm soát dịch bệnh tại các cửa khẩu. Với vai trò là Chủ tịch ASEAN, Việt Nam đã đề xuất thành lập Kho vật tư y tế ASEAN và hiện đang tham gia tích cực vào quá trình thành lập Trung tâm ASEAN ứng phó khẩn cấp với các vấn đề y tế công cộng và các bệnh mới nổi. Năm 2021, Văn phòng CDC khu vực Đông Nam Á cũng đã được CDC Hoa Kỳ lựa chọn và đặt tại Hà Nội nhằm thực hiện hợp tác toàn diện với CDC, các nước ASEAN và Papua New Guinea.*"

4. Về nội dung đánh giá kết quả đạt được hạ tầng y tế (trang 313): đề nghị bỏ nội dung "*Bệnh viện Đa khoa vùng Tây Nguyên tại Đắk Lắk*" ở đoạn "*Ngoài Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, các bệnh viện đa khoa Trung ương và vùng được phân bố tại các đô thị trung tâm vùng như Bệnh viện đa khoa Trung ương Thái Nguyên tại Thái Nguyên, Bệnh viện Đa khoa Trung ương Huế tại Thừa Thiên - Huế, Bệnh viện Đa khoa vùng Tây Nguyên tại Đắk Lắk, Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ tại Cần Thơ...*". Lý do, mặc dù có tên là Bệnh viện Đa khoa vùng Tây Nguyên nhưng đây là bệnh viện đa khoa cấp tỉnh thuộc quản lý của địa phương, chưa phải là bệnh viện vùng cấp Trung ương do Bộ Y tế quản lý.

5. Về định hướng phát triển mạng lưới cơ sở thể dục thể thao (khoản 2.2.3, trang 382), dự thảo Báo cáo có đề cập đến nội dung về phát triển mạng lưới cơ sở y tế chuyên ngành thể dục thể thao. Bộ Y tế đề nghị đối với cơ sở y tế ngành thể dục thể thao do Trung ương quản lý, có chức năng khám bệnh, chữa bệnh, được phép hành nghề và hoạt động theo Luật khám bệnh, chữa bệnh cần tích hợp vào hợp phần quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế cấp quốc gia, làm rõ phạm vi của quy hoạch và tính liên kết giữa 2 ngành văn hóa – thể thao và y tế trong việc cung cấp các dịch vụ liên quan đến sức khỏe.

6. Về định hướng phát triển vùng (khoản 2.2, trang 508), đối với lĩnh vực y tế dự thảo Báo cáo đã đề cập đến định hướng phát triển các trung tâm y tế chuyên sâu, dịch vụ y tế chất lượng cao tại các vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung (Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng); Vùng Đồng bằng sông Cửu Long (Cần Thơ); Vùng Tây Nguyên (Đắk Lắk), đề nghị bổ sung định hướng này cho 3 vùng còn lại là Đồng bằng Sông Hồng, Trung du và Miền núi phía Bắc, Đông Nam Bộ.

Bộ Y tế không có ý kiến đối với các nội dung khác của dự thảo Báo cáo.

Trân trọng đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Q. Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các đ/c Thứ trưởng;
- Viện CL&CSYT;
- Lưu: VT, KH-TC2.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đỗ Xuân Tuyên

CLPT

BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2603 /BTP-PLDSKT
V/v góp ý hồ sơ lập Quy hoạch
tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030,
tầm nhìn đến 2050

Hà Nội, ngày 22 tháng 7 năm 2022

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	
ĐẾN	Số: 20.515..... Ngày: 25.7.2022
Chuyên:.....	
Số và ký hiệu HS:.....	

Trả lời Công văn số 4595/BKHĐT-CLPT ngày 07/7/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị góp ý Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 (sau đây gọi là Quy hoạch), căn cứ thông tin được cung cấp và trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao, Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

1. Hồ sơ Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 gửi Bộ Tư pháp xin ý kiến gồm: Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050; Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch Quy hoạch tổng thể quốc gia, hệ thống sơ đồ, bản đồ liên quan quy hoạch. Hồ sơ như vậy đã đủ thành phần theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.

2. Đối với Báo cáo tổng hợp Quy hoạch, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư rà soát, bám sát nhiệm vụ lập Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 143/NQ-CP ngày 04/10/2020 của Chính phủ và bảo đảm thể hiện đầy đủ, rõ ràng các nội dung theo yêu cầu tại Điều 22 Luật Quy hoạch năm 2017, Điều 20 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP.

3. Nội dung quy hoạch tổng thể quốc gia không có nội dung định hướng phát triển ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp. Đối với các nội dung chi tiết khác của Quy hoạch là những vấn đề chuyên môn sâu mang tính kinh tế - kỹ thuật; không thuộc chức năng, nhiệm vụ của Bộ Tư pháp theo quy định tại Nghị định số 96/2017/NĐ-CP ngày 16/08/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp. Do đó, Bộ Tư pháp không có (và không thể có) ý kiến cụ thể về các nội dung này. Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư tham khảo ý kiến của các bộ quản lý ngành, lĩnh vực về nội dung phát triển ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý trong quy hoạch tổng thể quốc gia, đảm bảo sự liên kết, tính đồng bộ của hệ thống quy hoạch quốc gia.

4. Đối với nội dung về giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư làm rõ hơn nguồn lực để bảo đảm thực hiện Quy hoạch.

Bên cạnh đó, Báo cáo tổng hợp quy hoạch (mục 2, trang 529) đưa ra giải pháp "*Tăng tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách trung ương và ngân sách các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cho các địa phương tại các vùng động lực để dành cho đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng...*". Theo Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước đã quy định rõ nguyên tắc phân cấp quản lý nguồn thu, nhiệm vụ chi và quan hệ giữa các cấp ngân sách. Đề nghị đánh giá việc đảm bảo tuân thủ Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước.

Trên đây là ý kiến của Bộ Tư pháp liên quan đến Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tham khảo./. *✓*

Nơi nhận:

- Như trên:
- Bộ trưởng (để b/c):
- TT Phan Chí Hiếu (để b/c):
- PVT Lê Đại Hải (để biết):
- Lưu: VT, Vụ PLDSKT (PLKTTH, Thao).


TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ PHÁP LUẬT DÂN SỰ - KINH TẾ
 Nguyễn Thanh Tú

ỦY BAN DÂN TỘC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1153 /UBNDT-KHTC

Hà Nội, ngày 21 tháng 7 năm 2022

V/v tham gia ý kiến đối với Quy
hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ
2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Phúc đáp Công văn số 4595/BKHĐT-CLPT ngày 07/7/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc tham gia ý kiến đối với Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Sau khi nghiên cứu Dự thảo, Ủy ban Dân tộc có ý kiến như sau:

1. Ý kiến chung:

- Về nguyên tắc: Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 là quy hoạch cấp cao nhất của quốc gia, là cơ sở để Quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch ngành, quy hoạch các tỉnh, thành làm căn cứ lập quy hoạch về không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, hệ thống đô thị và phân bố dân cư, kết cấu hạ tầng, phân bố đất đai, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường. Về cơ bản, Ủy ban Dân tộc nhất trí với nội dung dự thảo Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư soạn thảo.

- Đất nước ta có 53 dân tộc thiểu số với trên 14 triệu người chiếm khoảng 14,68% tổng dân số. Trong đó tỷ lệ hộ nghèo 22,2% và hộ cận nghèo 13,2%, vì vậy Quy hoạch chung cần bổ sung đánh giá thực trạng, nguyên nhân và định hướng ưu tiên phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, phù hợp với mục tiêu, tích hợp các chính sách đã được Đảng, Nhà nước xác định trong các văn kiện, các chương trình, chính sách dân tộc; mục tiêu phát triển tổng thể, bền vững về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường.

- Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 cần quan tâm, tích hợp các vấn đề sau:

+ Góp phần vào việc hoàn thành 17 chỉ tiêu đề ra trong mục tiêu phát triển bền vững giai đoạn 2015-2030 quy định tại Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ; theo Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 20/5/2019 của Thủ tướng Chính phủ; theo Nghị quyết số 136/NQ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về phát triển bền vững....;

+ Chú trọng vấn đề khai thác tiềm năng, lợi thế so sánh của vùng đồng bào DTTS&MN để tạo sinh kế, việc làm ổn định cùng với phát huy nội lực của người

dân nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả lao động, tăng thu nhập để giảm nghèo và phát triển bền vững;

+ Công tác tuyên truyền, phổ biến kịp thời các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước nói chung, công tác dân tộc và chính sách dân tộc nói riêng; góp phần phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, xóa đói giảm nghèo, phát triển bền vững; nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận xã hội; ổn định chính trị vùng đồng bào DTTS&MN;

+ Công tác duy trì và phát triển các DTTS rất ít người; cơ bản ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống, góp phần nâng cao chất lượng dân số và nguồn nhân lực; tạo sự chuyển biến tích cực trong thực hiện bình đẳng giới và nâng cao vị thế của phụ nữ ở vùng đồng bào DTTS&MN;

+ Tăng cường cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và dân sinh ở các xã, các thôn, bản ĐBKK;

+ Cần quan tâm đến du canh, du cư tự phát của đồng bào và công tác di dời nhà cửa, ruộng vườn của đồng bào khi xây dựng các công trình trọng điểm....;

+ Phát triển hợp lý mạng lưới, quy mô các trường phổ thông dân tộc bán trú, phổ thông dân tộc nội trú và dự bị đại học;

+ Quy hoạch sắp xếp lại dân cư, nhất là ở các khu vực thường xuyên xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở đất... Quy hoạch và đưa dân cư ra biên giới, xây dựng cụm làng, bản dân cư sát biên giới để giữ đất, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ. Sắp xếp ổn định dân di cư tự phát;

+ Tích hợp công tác giải quyết tình trạng thiếu đất sản xuất, cho đồng bào nghèo, thiếu đất ở, nhà ở cho đồng bào;

+ Quy hoạch, đầu tư hạ tầng dịch vụ viễn thông, thông tin, tín dụng, vận tải... để phát triển kinh tế cửa khẩu giao thương các nước.

2. Một số ý kiến cụ thể đề nghị nghiên cứu sửa đổi, bổ sung:

Trong hồ sơ “Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050”, cần quan tâm, tích hợp, bổ sung các vấn đề sau:

- Phần Mở đầu (tr1): đề nghị bổ sung mục “Phương pháp lập quy hoạch”.

- Mục I, Phần mở đầu (tr6): đề nghị bổ sung phân tích, tổng hợp đánh giá về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, về sông, hồ, vùng động khí, mạch núi, thế đất để có những quy hoạch mang tính tổng thể, lâu dài đón nhận những vận động khí của tự nhiên phục vụ mục tiêu an ninh, an toàn và phát triển bền vững.

- Mục II, Phần thứ hai, “Lợi thế so sánh và cơ hội phát triển, khó khăn và thách thức đối với sự phát triển của quốc gia” (tr325): chưa phân tích đầy đủ nguyên nhân chủ quan, đặc biệt là mối quan hệ về chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với thực hiện các chính sách trên, công tác thu hút đầu tư, phát huy nội lực và thu hút các nguồn lực bên ngoài quốc gia. Cần bổ sung phương pháp dự báo, lưu ý đến những phương pháp dự báo khoa học phương Đông truyền thống của ông cha ta.

- Khoản 2, Mục IV, Phần thứ hai, “Mục tiêu” (tr340): đề nghị bổ sung mục tiêu cụ thể về xóa đói, giảm nghèo, về công bằng, an sinh xã hội, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo, góp phần tạo ra nhiều việc làm, ổn định sinh kế, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân đặc biệt là đồng bào DTTS.

+ Mục tiêu của quy hoạch chưa thấy nêu mục tiêu về quốc phòng, an ninh, văn hóa - xã hội, môi trường và nâng cao năng suất lao động;

+ Đề nghị bổ sung mục: Tầm nhìn đến năm 2050 tuy rằng trong hồ sơ đã trình bày mục tiêu cụ thể đến năm 2050.

- Khoản 1, Mục I, Phần thứ ba, “Công nghiệp” (tr344): đề nghị quy hoạch cần quan tâm tới vấn đề về phát triển nóng, bảo vệ môi trường, đô thị hoá tự phát, y tế - giáo dục, an ninh trật tự và công bằng xã hội. Đề nghị bổ sung đánh giá và đề xuất giải pháp nâng cao năng suất lao động, phát triển các làng nghề truyền thống nhằm tăng thu nhập và thu hút vốn nhân rồi của người dân.

- Khoản 3, Mục I, Phần thứ ba, “Dịch vụ” (tr358): chưa thấy phân tích sâu về thị trường nội địa, về sản phẩm cơ bản cốt lõi, mấu chốt của phương hướng phát triển thương mại - dịch vụ. Thiếu thông tin, số liệu điều tra về thị trường, nhu cầu và đưa ra định hướng trong kỳ kế hoạch cần gắn với nhu cầu, quy mô nền kinh tế, sức mua của người dân...

- Mục II, Phần thứ ba, “Các ngành hạ tầng xã hội” (tr369): chưa thấy phân tích sâu và nêu rõ các giải pháp về bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa, xóa đói giảm nghèo nói chung và khu vực đồng bào dân tộc thiểu số nói riêng. Đặc biệt như đã nêu ở trên, đất nước ta có 53 dân tộc thiểu số với trên 14 triệu người chiếm khoảng 14,68% tổng dân số. Trong đó tỷ lệ hộ nghèo 22,2% và hộ cận nghèo 13,2%. Đề nghị quy hoạch cần bổ sung kế hoạch, giải pháp giảm nghèo mang tính tổng thể, bền vững và tranh thủ được các nguồn lực để nâng cao đời sống của đồng bào cả vật chất và tinh thần. Cần cụ thể hóa các mục tiêu trong Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030. Đề nghị bổ sung quy hoạch hợp lý mạng lưới, quy mô các trường phổ thông dân tộc bán trú, phổ thông dân tộc nội trú và dự bị đại học.

- Mục I, Phần thứ tư, “Định hướng phát triển không gian kinh tế - xã hội” (tr465): đề nghị bổ sung mục “Phương hướng phát triển những khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn”. Để đảm bảo mục tiêu đề ra cần phải có đánh giá chi tiết các chỉ tiêu về hạ tầng, cơ sở vật chất, dân cư, nguồn lao động, giáo dục, y tế, văn hoá, kinh tế, xã hội của khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn làm cơ sở cho phương án quy hoạch:

+ Đề nghị bổ sung phần đánh giá thực trạng những khu vực khó khăn và đặc biệt khó khăn vào Mục II, Phần thứ nhất (tr60) để có số liệu, các chỉ tiêu làm căn cứ cho phương án quy hoạch;

+ Đề nghị cập nhật bổ sung những khu vực đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc

về việc Phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

- Khoản 1, Mục I, Phần thứ năm, “Giải pháp về huy động vốn đầu tư” (tr526): đề nghị tăng cường và cụ thể các giải pháp:

- + Xây dựng cơ chế, chính sách huy động nguồn thu;
- + Huy động nguồn vốn đầu tư từ doanh nghiệp, đón các làn sóng chuyển dịch đầu tư thời kỳ hậu Covid-19;
- + Kiêu hởi và kêu gọi đóng góp đầu tư của Việt kiều.

- Khoản 2, Mục I, Phần thứ năm, “Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển” (tr529), đề nghị bổ sung:

- + Các giải pháp cần gắn với kế hoạch, tiến độ về cải thiện môi trường, quản lý phát triển, tầm nhìn, cải cách hành chính, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp...;
- + Cải cách hành chính, nên có cơ chế hỗ trợ, khởi nghiệp sáng tạo, phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Khoản 3, Mục I, Phần thứ năm, “Giải pháp về môi trường, khoa học và công nghệ” (tr531), đề nghị bổ sung:

- + Hiện đại hóa công nghệ để giảm thiểu hao phí nhiên liệu, tài nguyên;
- + Thực hiện việc chuyển giao và áp dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật về nông nghiệp, nông thôn nhằm tăng năng suất lao động;
- + Đẩy mạnh công tác xã hội hóa và bảo vệ môi trường, xây dựng Hệ thống cảnh báo thiên tai;
- + Xây dựng kế hoạch hành động tăng trưởng xanh và phát triển bền vững.

Trên đây là ý kiến góp ý của Ủy ban Dân tộc, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm UBĐT (để b/c);
- Lưu: VT, Vụ KHTC (02).

**KT. BỘ TRƯỞNG CHỦ NHIỆM
THỨ TRƯỞNG, PHÓ CHỦ NHIỆM**



Lê Sơn Hải

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 804 /UBND-TH
V/v góp ý dự thảo Quy hoạch
tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-
2030, tầm nhìn đến năm 2050

An Giang, ngày 19 tháng 7 năm 2022

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Căn cứ Công văn số 4595/BKHĐT-CLPT ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến đối với Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Qua nghiên cứu nội dung dự thảo Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Tỉnh An Giang có ý kiến như sau:

Quy hoạch tổng thể quốc gia có ý nghĩa rất quan trọng trong việc định hướng phát triển cho đất nước; đồng thời là cơ sở, định hướng để dẫn dắt các cấp, các ngành, địa phương thực hiện các quy hoạch cấp dưới nhằm đảm bảo tính nhất quán, xuyên suốt, thống nhất. Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang nhận thấy dự thảo Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã báo cáo cô đọng, rõ ràng các kết quả đạt được và hạn chế, yếu kém trong tổ chức không gian phát triển đất nước 2011-2020. Từ đó, trên cơ sở các phương pháp tiếp cận cụ thể, khoa học và toàn diện; đánh giá sâu sát bối cảnh quốc tế và trong nước; căn cứ trên các văn bản quy phạm pháp luật, văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, các văn bản, Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị,... dự thảo Báo cáo đã xây dựng quan điểm, mục tiêu phát triển, các chỉ tiêu cụ thể của từng ngành và trong tổng thể của từng thời kỳ 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2050.

Tỉnh An Giang cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050. Tuy nhiên, có một số ý kiến đóng góp như sau:

- Tại trang 593 - 594 dự thảo Báo cáo, bảng số 83. Tổng hợp các tuyến cao tốc đã đưa vào khai thác, đề nghị đơn vị soạn thảo bổ sung thêm tuyến cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận.

- Trong thời gian tới, với lợi thế về đất đai, mặt nước, vùng Đồng bằng sông Cửu Long tiếp tục được định hướng là vùng trọng điểm sản xuất lương thực, thủy sản, hoa quả của cả nước, góp phần quan trọng vào an ninh lương thực quốc gia, đóng góp lớn vào xuất khẩu nông, thủy sản của cả nước. Hiện nay, Đồng bằng sông Cửu Long đang đứng trước nhiều thách thức từ môi trường, biến đổi khí hậu và nước biển dâng diễn ra nhanh hơn dự báo, thời tiết

diễn biến cực đoan, ảnh hưởng đến sinh kế và đời sống của người dân. Vì vậy, để phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng vùng Đồng bằng sông Cửu Long thành trung tâm kinh tế nông nghiệp bền vững, năng động và hiệu quả cao của cả nước, Tỉnh An Giang kiến nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư quan tâm một số vấn đề sau:

(1) Hỗ trợ đầu tư, phát triển mạng lưới giao thông, xây dựng hệ thống giao thông thuận lợi, thông suốt trong vùng cũng như liên kết các vùng lân cận. Hỗ trợ tỉnh An Giang thực hiện đề án đầu tư Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh.

(2) Quan tâm công tác cảnh báo, dự báo thiên tai, giảm thiểu rủi ro thiên tai; thực hiện các giải pháp giảm thiểu tác động của xâm nhập mặn và sạt lở; suy giảm mực nước, cạn kiệt tầng chứa nước; ô nhiễm, nhiễm mặn các tầng chứa nước và nguy cơ sụt lún, biến dạng bề mặt địa hình tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

(3) Tập trung phát triển nguồn nhân lực cho vùng, đồng thời chú trọng phát triển văn hóa, xã hội, xem vốn xã hội - con người là chìa khóa tăng trưởng kinh tế.

(4) Tạo điều kiện phát triển các loại hình du lịch văn hóa gắn với tâm linh và di tích lịch sử, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, du lịch nông nghiệp, du lịch đường sông liên kết các nước trong khu vực tiểu vùng sông Mekong gắn với Trung tâm du lịch biển Phú Quốc.

(5) Hỗ trợ về cơ chế, chính sách đặc thù để thực hiện chủ trương xây dựng vùng Đồng bằng sông Cửu Long là vùng đảm bảo an ninh lương thực quốc gia. Hỗ trợ, hướng dẫn tỉnh An Giang triển khai thực hiện đề án về xây dựng trung tâm đầu mối gắn với vùng nguyên liệu về thủy sản nước ngọt, trái cây, lúa gạo.

(6) Hỗ trợ, hướng dẫn tỉnh An Giang thực hiện đề án xây dựng thành phố Long Xuyên thành trung tâm, tổng hợp chuyên ngành.

Trên đây là ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, kính gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Sở KHĐT;
- Lưu: VT, TH.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Văn Phước

Số: 429 /UBND-TH

Bắc Giang, ngày 17 tháng 7 năm 2022

V/v tham gia ý kiến đối với Quy hoạch
tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030,
tầm nhìn đến năm 2050.

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Thực hiện nội dung Công văn số 4217/BKHĐT-CLPT ngày 07/7/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến đối với Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Sau khi nghiên cứu, UBND tỉnh Bắc Giang cơ bản nhất trí với nội dung dự thảo Quy hoạch tổng thể quốc gia; đồng thời, tham gia một số ý kiến, cụ thể như sau:

1. Về kết cấu dự thảo báo cáo quy hoạch

Kết cấu báo cáo đã cơ bản bám theo quy định của Luật Quy hoạch và Nghị định số 37/2019/NĐ-CP của Chính phủ. Tuy nhiên, để đảm bảo logic của kết cấu, đề nghị nghiên cứu chuyển mục V phần thứ hai (Những vấn đề trọng tâm, trọng điểm thời kỳ quy hoạch) lên trước phần III (Các kịch bản phát triển), do trên cơ sở dự báo tình hình, xác định lợi thế, cơ hội, thách thức, xác định các vấn đề cần giải quyết trong thời kỳ quy hoạch, từ đó xác định các kịch bản phát triển để đảm bảo tích logic.

2. Về nội dung dự thảo báo cáo quy hoạch

Về đánh giá hiện trạng phát triển, đề nghị nghiên cứu thống nhất về kết cấu đánh giá đối với các nội dung (có nội dung chỉ đánh giá những kết quả đạt được, có nội dung đánh giá cả kết quả đạt được, đánh giá chung và tồn tại hạn chế).

Về hiện trạng sử dụng đất: Mới chỉ có những so sánh, đánh giá biến động về diện tích các loại đất, chưa có đánh giá về hiệu quả sử dụng đất. Do vậy, đề nghị bổ sung những phân tích, đánh giá về hiệu quả sử dụng đất; so sánh diện tích các loại đất đã chuyển đổi trong từng giai đoạn với hiệu quả kinh tế mang lại để làm rõ những ngành, lĩnh vực sử dụng đất có hiệu quả.

Tại nội dung đánh giá về các vùng kinh tế - xã hội (Mục 5. Hiện trạng phân vùng và liên kết vùng - trang 153): Đề nghị nghiên cứu có biểu tổng hợp so sánh, đánh giá vai trò giữa các vùng kinh tế để thấy rõ hơn sự phát triển của các vùng.

Việc xác định những vấn đề trọng tâm, trọng điểm thời kỳ quy hoạch ngoài cơ sở là dự báo tình hình, phân tích lợi thế so sánh, cơ hội phát triển, khó khăn và thách thức, cần phải dựa trên việc xác định các “điểm nghẽn” cần phải giải quyết trong thời kỳ quy hoạch.

Tại mục 3.2.1.4 “Định hướng phân bố không gian phát triển hệ thống du lịch quốc gia” trang 361: Tỉnh Bắc Giang định hướng phát triển 03 khu du lịch thành khu du lịch quốc gia (đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 219/QĐ-

TTg ngày 17/02/2022, phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050). Do vậy, đề nghị nghiên cứu bổ sung thêm 03 khu du lịch phát triển thành khu du lịch quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Về việc xác định và lựa chọn các hành lang kinh tế đề nghị nên có các phương án tổ chức không gian kinh tế - xã hội (bổ sung trong phần các kịch bản phát triển), từ đó, xác định phương án chọn và định hướng phát triển tổ chức không gian kinh tế - xã hội của phương án chọn.

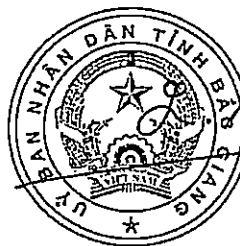
Giải pháp về cơ chế, chính sách: Đề nghị nghiên cứu xác định các vấn đề, các lĩnh vực cần phải có cơ chế, chính sách dựa trên việc xác định các “điểm nghẽn” cần giải quyết và những vấn đề trọng tâm, trọng điểm trong thời kỳ quy hoạch, để đảm bảo các cơ chế, chính sách được xây dựng sẽ tháo gỡ được những khó khăn, vướng mắc để tạo hành lang pháp lý, huy động các nguồn lực cho phát triển.

Trên đây là một số ý kiến tham gia của UBND tỉnh Bắc Giang, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư tham khảo, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP;
- Lưu: VT, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Ánh Dương



Cơ quan: Ủy ban nhân
dân tỉnh Bạc Liêu, Tỉnh
Bạc Liêu
Thời gian ký: 26.07.2022
15:56:04 +07:00

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2648/UBND-TH

Bạc Liêu, ngày 26 tháng 7 năm 2022

V/v góp ý dự thảo Quy hoạch
tổng thể quốc gia thời kỳ
2021 - 2030, tầm nhìn
đến năm 2050

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu nhận được Công văn số 4595/BKHĐT-CLPT ngày 07/7/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến đối với dự thảo Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Qua nghiên cứu, Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, đồng thời có ý kiến góp ý như sau:

Tại điểm 2.2.6. Vùng đồng bằng sông Cửu Long thuộc mục V. Định hướng vùng và liên kết vùng (trang 515), đề nghị điều chỉnh phát triển dự án điện khí (LNG) của tỉnh Bạc Liêu trong giai đoạn 2021 - 2030.

Kính gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tổng hợp.

Nơi nhận: *ch*

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- CVP, PVP UBND tỉnh (VT)
- Lưu VT, CH (CV 82). *hu*



CHỦ TỊCH
Phạm Văn Thiều

Số:1416 /SKHĐT-THQH

Bắc Ninh, ngày 20 tháng 07 năm 2022

V/v: tham gia ý kiến đối với dự thảo
Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ
2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Kính gửi:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- UBND tỉnh Bắc Ninh.

Thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh giao tại văn bản số 1953/UBND-KTTH ngày 12/7/2022 về việc tham gia ý kiến đối với Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo văn bản số 4595/BKHĐT-CLPL ngày 07/7/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Trên cơ sở tổng hợp các ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị có liên quan, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét chỉnh sửa, bổ sung, làm rõ một số nội dung như sau:

1. Đề nghị bổ sung phụ lục để giải thích các khái niệm quan trọng được sử dụng trong Báo cáo quy hoạch như: Vùng kinh tế trọng điểm, vùng kinh tế - xã hội, vùng động lực quốc gia, vùng động lực của tỉnh, hành lang kinh tế, cực tăng trưởng, đô thị động lực ... để tạo cách hiểu thống nhất khi tiếp cận nội dung quy hoạch.

2. Đề nghị cập nhật lại về thực trạng đô thị Bắc Ninh tại mục 5.2.2.5 trang 163: Đến năm 2020, Tỷ lệ đô thị hóa đạt 32,5% (chỉ tính dân số tại các phường, thị trấn – chưa tính dân số tại khu vực nội thị của đô thị loại IV được Bộ Xây dựng công nhận); Toàn tỉnh Bắc Ninh có 01 đô thị loại I (thành phố Bắc Ninh), 01 đô thị loại III (thị xã Từ Sơn), 02 đô thị loại IV (thị trấn Hồ mở rộng, thị trấn Phố Mới mở rộng), 05 đô thị loại V (thị trấn Chờ, thị trấn Thứa, thị trấn Gia Bình, đô thị Nhân Thắng).

3. Làm rõ hơn mối liên hệ giữa 02 Kịch bản phát triển (kịch bản thấp và kịch bản phấn đấu) với các chỉ tiêu cụ thể được đưa ra tại các trang 341-342.

4. Hiện tỉnh Bắc Ninh đang xác định dịch vụ du lịch là một trong 05 ngành ưu tiên cấp 1¹ và được tập trung đầu tư phát triển trong thời kỳ quy hoạch giai

¹ 04 ngành ưu tiên còn lại bao gồm: Sản xuất điện tử, phụ tùng hàng không, dược phẩm và công nghệ y khoa, dịch vụ công nghệ thông tin (nội dung dự thảo Báo cáo Quy hoạch tỉnh Bắc Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050).

đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Theo đó đề nghị nghiên cứu, bổ sung quy hoạch Bắc Ninh nằm khu vực động lực du lịch cùng với Hà Nội – Quảng Ninh – Hải Phòng – Ninh Bình (trang 510 dự thảo).

5. Cần nghiên cứu bổ sung chỉ tiêu về thứ hạng quy mô kinh tế và các chỉ số chất lượng quản trị quốc gia (Chỉ số Năng lực cạnh tranh toàn cầu, Chỉ số Chính phủ điện tử, Chỉ số Đổi mới sáng tạo, Năng suất lao động, cảm nhận tham nhũng...) của Việt Nam vào năm 2030 trên bảng xếp hạng thế giới, từ đó tạo động lực phấn đấu; khả năng rút ngắn khoảng cách so với thế giới, Châu Á, các nước dẫn đầu ASEAN.

6. Trong mô hình phát triển cần phát triển vùng gắn với các cụm ngành có lợi thế cạnh tranh và xu hướng nâng cấp các cụm ngành đó.

7. Tư duy về phát triển đô thị cần thay đổi, ngoài dựa vào các vùng đô thị cũ, cần phát huy các lợi thế động lực vùng công nghiệp – đô thị phát triển mới nổi như Bình Dương, Bắc Ninh đang trong xu thế phát triển trở thành đô thị công nghiệp hiện đại.

8. Nghiên cứu bổ sung thêm một số giải pháp sau:

- Hình thành đồng bộ các chương trình phát triển, công nghiệp hóa, đô thị hóa, thu hút đầu tư FDI; chương trình nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; chương trình nâng cao chất lượng quản trị quốc gia nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia...; hướng tới mục tiêu phát thải bằng 0 vào năm 2050... Trong đó, mỗi vùng đều hình thành các cực tăng trưởng, khu vực động lực và phát huy lợi thế so sánh vùng đó;

- Các giải pháp về chiến lược phát triển kinh tế biển và cơ sở hậu cần nghề cá ở các khu vực biển đảo lưỡng dụng, kết hợp phát triển kinh tế với quốc phòng.

9. Bắc Ninh nằm trên 02 Hành lang kinh tế dọc theo QL.1, QL.18, QL.38 và QL.3, ưu tiên cho phát triển Logistic và thương mại dịch vụ phục vụ hỗ trợ công nghiệp... Vì vậy, đề nghị bổ sung làm rõ thêm các quy hoạch cảng cạn ICD cũng như tính kết nối các loại hình giao thông vận tải (hàng không, đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa...).

Đồng thời đề nghị làm rõ hơn nội dung về Quy hoạch đường sắt Quốc gia, đường sắt liên kết vùng. Trong đó đề nghị lưu ý đến quy hoạch đường sắt chạy dọc theo đường Vành đai IV, vùng thủ đô Hà Nội.

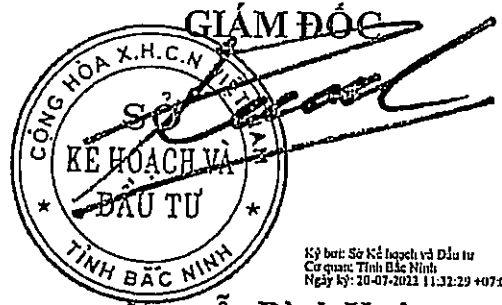
10. Đối với nội dung về mạng lưới cơ sở y tế (từ trang 390 đến trang 393): Đề nghị bổ sung phương hướng phát triển theo từng lĩnh vực đối với tuyến tỉnh, tuyến huyện để các địa phương thống nhất định hướng triển khai thực hiện.

Trên đây là ý kiến tham gia đối với Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 của tỉnh Bắc Ninh.

Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh trân trọng báo cáo./. /v/

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: THQH, VT.



Nguyễn Đình Xuân

Số: 4583 /UBND-TH

Bến Tre, ngày 21 tháng 7 năm 2022

V/v góp ý dự thảo Quy hoạch
tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030,
tầm nhìn đến năm 2050

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Ngày 11 tháng 7 năm 2022, Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre nhận được Công văn số 4595/BKHĐT-CLPT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến đối với Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Qua nghiên cứu, Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre cơ bản thống nhất với dự thảo Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, đồng thời có một số góp ý như sau:

1. Tại điểm 1.3, khoản 1, mục III của Phần III. Định hướng và tổ chức không gian phát triển các ngành, lĩnh vực:

- Về đường bộ: Đề nghị xem xét tích hợp thêm nội dung: i) Nâng cấp, cải tạo các tuyến quốc lộ chính yếu có tính chất kết nối quốc tế, kết nối liên vùng trước năm 2030; sau năm 2030 thực hiện nâng cấp, cải tạo các tuyến quốc lộ chính yếu còn lại và các tuyến quốc lộ thứ yếu; ii) Từng bước đầu tư xây dựng các tuyến đường bộ ven biển có tính chất kết nối liên tỉnh, liên vùng (đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01 tháng 9 năm 2021 về Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050).

- Về đường thủy nội địa: Đề nghị xem xét tích hợp thêm nội dung ưu tiên đầu tư các cụm cảng, nâng cấp luồng tuyến, nâng tầm không cầu trên các tuyến vận tải chính của các tỉnh ven biển vùng Đồng bằng sông Cửu Long, từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo quy hoạch được duyệt (đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 02 tháng 11 năm 2021 về Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050).

- Về đường biển: Đề nghị xem xét tích hợp thêm nội dung từng bước đầu tư phát triển hệ thống cảng biển theo quy hoạch được duyệt, ưu tiên đầu tư các cảng biển có quy mô lớn, các cảng biển chuyên dùng (đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2021 về quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050).

2. Về các chỉ tiêu sử dụng đất

- Đối với chỉ tiêu sử dụng đất lúa là 3,5 triệu ha: Đề nghị xem xét có cơ chế chính sách về đất lúa cho phù hợp, vì hiện nay việc canh tác trồng lúa có giá trị rất thấp so với nuôi trồng thủy sản, trồng cây hàng năm (rau, màu), trồng cây lâu năm (cây ăn trái), tình trạng người dân tự ý chuyển mục đích sử dụng trái

phép diễn ra rất nhiều sẽ làm mất diện tích đất lúa. Bên cạnh đó, do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và nước biển dâng, tình trạng xâm nhập mặn tăng cao nên việc trồng lúa không còn thích hợp ở một số địa phương chịu ảnh hưởng lớn của biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

- *Đối với chỉ tiêu sử dụng đất rừng*: Để đảm bảo độ che phủ rừng ổn định ở mức 42-43%, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên đến năm 2030 diện tích đất rừng đạt 15.849,77 nghìn ha, kính đề nghị Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quan tâm đối với những kiến nghị của tỉnh Bến Tre về chuyển nội bộ trong đất rừng (chuyển từ rừng đặc dụng sang rừng phòng hộ) cho phù hợp với tình hình sử dụng đất rừng của địa phương; cụ thể, Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre xin chuyển từ rừng đặc dụng sang rừng phòng hộ chắn sóng, lấn biển diện tích là 2.413 ha.

- Đề nghị bổ sung vào quy hoạch một số khu vực thêm lục địa (không phải là vị trí chiến lược ảnh hưởng đến quốc phòng an ninh) để các địa phương ven biển có điều kiện triển khai các dự án lấn biển, mở rộng không gian phát triển phục vụ phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ quốc phòng - an ninh, phòng chống biến đổi khí hậu và xói/sạt lở bờ biển...trong điều kiện không gian phát triển trong đất liền ngày càng hạn hẹp.

Ngoài ra trong giải pháp thực hiện, đề xuất bổ sung giải pháp về ban hành chính sách ưu tiên việc sử dụng đất cho việc tích tụ, tập trung đất đai phát triển kinh tế - xã hội, nhất là lĩnh vực nông nghiệp nông thôn; chính sách giao đất lâu dài cho các chủ trang trại và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tạo điều kiện phát triển thị trường đất nông nghiệp, ngăn chặn tình trạng đầu cơ và giữ vững diện tích.

Trên đây là một số nội dung góp ý về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre kính gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh, PCVP UBND tỉnh;
- Sở: KH&ĐT, GTVT, TN&MT, NN&PTNT;
- Phòng: TH, KGVX, KT, TCĐT;
- Lưu: VT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Trúc Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

Số: 4237 /UBND-VX

V/v góp ý Quy hoạch tổng thể
quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm
nhìn đến năm 2050

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Định, ngày 27 tháng 07 năm 2022

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Thực hiện Văn bản số 4595/BKHĐT-CLPT ngày 07/7/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc góp ý đối với Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Sau khi nghiên cứu, UBND tỉnh Bình Định có ý kiến như sau:

1. Cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư soạn thảo.

2. Đề báo cáo hoàn chỉnh hơn, đề nghị bổ sung, điều chỉnh một số nội dung sau:

- Trang 474, mục 2.1.3. “*Vùng động lực Đà Nẵng – Quảng Nam – Quảng Ngãi (vùng động lực miền Trung)*” đề nghị điều chỉnh thành “*Vùng động lực Đà Nẵng – Quảng Nam – **Bình Định** (vùng động lực miền Trung)*”

Bình Định nằm ở trung điểm của trục giao thông đường sắt, đường bộ Bắc – Nam, đồng thời là cửa ngõ ra biển gần và thuận lợi nhất của Vùng Tây Nguyên, Nam Lào và Đông Bắc Campuchia. Bình Định còn là điểm trung chuyển, quá cảnh hàng hóa dịch vụ cảng biển logistics, đồng thời là một trung tâm phát triển du lịch của Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. Cùng với Đà Nẵng, Bình Định được xem là một trong hai đầu tàu thúc đẩy phát triển kinh tế toàn vùng, là cực tăng trưởng phía Nam của vùng. Do đó đề nghị bổ sung Bình Định vào vùng động lực miền Trung.

- Trang 377, mục 3. Mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập: Đề nghị bổ sung nội dung “*Xây dựng thí điểm 01 khu đô thị khoa học tạo tiền đề xây dựng các chính sách nhằm phục vụ cho việc phát triển các khu đô thị khoa học trong tương lai*” vào định hướng phát triển ưu tiên của ngành.

- Trang 395, mục 1.2.1. Đường bộ: Nội dung “*Ưu tiên đầu tư xây dựng, hoàn thành các tuyến cao tốc kết nối liên vùng, các tuyến cao tốc gắn với hình thành các hành lang kinh tế Đông – Tây như Điện Biên - Sơn La - Hòa Bình - Hà Nội, Buôn Ma Thuột - Khánh Hòa, Dầu Giây - Đà Lạt, Biên Hòa - Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh - Chơn Thành - Hoa Lư, Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài, Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng*” đề nghị điều chỉnh thành “*Ưu tiên đầu tư xây dựng, hoàn thành các tuyến cao tốc kết nối liên vùng, các tuyến cao tốc gắn với hình thành các hành lang kinh tế Đông – Tây như Điện Biên - Sơn La - Hòa Bình - Hà Nội, Buôn Ma Thuột - Khánh Hòa, **Pleiku** – Quy Nhơn, Dầu Giây - Đà*

Lạt, Biên Hoà - Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh - Chơn Thành - Hoa Lư, Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài, Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng”

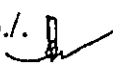
- Trang 471, mục 1.2.6. Hành lang kinh tế Bờ Y – Pleiku – Quy Nhơn: Nội dung “*Nâng cấp, mở rộng các tuyến giao thông kết nối từ cửa khẩu Bờ Y đến cảng Quy Nhơn (Bình Định), bao gồm Quốc lộ 40 (từ cửa khẩu Bờ Y đến Ngọc Hồi, Kon Tum); tuyến đường Hồ Chí Minh (từ Ngọc Hồi, Kon Tum đến Pleiku, Gia Lai), Quốc lộ 19 (từ Pleiku đến Quy Nhơn). Xây dựng cao tốc Pleiku - Quy Nhơn trong giai đoạn 2021-2030*” đề nghị điều chỉnh thành “*Nâng cấp, mở rộng các tuyến giao thông kết nối từ cửa khẩu Bờ Y đến cảng Quy Nhơn (Bình Định), bao gồm Quốc lộ 40 (từ cửa khẩu Bờ Y đến Ngọc Hồi, Kon Tum); tuyến đường Hồ Chí Minh (từ Ngọc Hồi, Kon Tum đến Pleiku, Gia Lai), Quốc lộ 19 (từ Pleiku đến Quy Nhơn). Xây dựng cao tốc Pleiku - Quy Nhơn và cảng biển Mỹ An huyện Phù Mỹ trong giai đoạn 2021-2030*”.

Cảng biển Mỹ An huyện Phù Mỹ đã được bổ sung vào quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ. Cảng Mỹ An có diện tích khoảng 71 ha, gồm 15 bến cảng (07 bến cho tàu 50.000DWT, 04 bến cho tàu 100.000DWT, 02 bến cho tàu 200.000DWT), có năng suất xếp dỡ bình quân ngang với các cảng lớn trong khu vực, đáp ứng nhu cầu bốc xếp khoảng 30-35 triệu tấn hàng hóa tổng hợp/năm.

- Trang 347, nội dung định hướng phân bố không gian phát triển một số ngành công nghiệp ưu tiên: “*Công nghiệp luyện cán thép và sản xuất các sản phẩm thép cho xây dựng, cơ khí chế tạo tập trung tại các trung tâm ở Hải Phòng - Hải Dương, Thái Nguyên, Hà Tĩnh, Quảng Ngãi, Bà Rịa - Vũng Tàu*” đề nghị điều chỉnh thành “*Công nghiệp luyện cán thép và sản xuất các sản phẩm thép cho xây dựng, cơ khí chế tạo tập trung tại các trung tâm ở Hải Phòng - Hải Dương, Thái Nguyên, Hà Tĩnh, Quảng Ngãi, Bình Định, Bà Rịa - Vũng Tàu*”.

Hiện nay, UBND tỉnh Bình Định đã chấp thuận chủ trương đầu tư Khu liên hợp gang thép Long Sơn huyện Phù Mỹ nên đề nghị bổ sung Bình Định vào quy hoạch tổng thể quốc gia để làm cơ sở triển khai thực hiện.

- Trang 606, danh mục các khu bảo tồn thiên nhiên theo dự thảo có khu Quy Hòa – Ghềnh Ráng, tuy nhiên khu Quy Hòa theo định hướng quy hoạch xây dựng là Khu đô thị, khoa học và giáo dục Quy Hòa; thực tế không có khu bảo tồn. Do đó đề nghị không đưa vào định hướng là khu bảo tồn thiên nhiên.

UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tổng hợp./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K1. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH




Nguyễn Tự Công Hoàng



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3876 /UBND-KT

Bình Dương, ngày 29 tháng 7 năm 2022

V/v: ý kiến góp ý đối với Quy
hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ
2021-2030, tầm nhìn đến năm
2050

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Thực hiện theo Công văn số 4595/BKHĐT-CLPT ngày 07/7/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến đối với Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Qua báo cáo tham mưu Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 2124/SKHĐT-TH ngày 26/7/2022; Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương có ý kiến góp ý như sau:

1. Kiến nghị điều chỉnh thống nhất tỷ lệ đô thị hóa của tỉnh Bình Dương đến năm 2020 là: 82%

2. Tại nội dung 1.3 Phương hướng phát triển và phân bổ không gian (trang 395) và 2.2. Định hướng phát triển vùng và liên kết vùng (trang 515): kiến nghị bổ sung vào danh mục các dự án ưu tiên đầu tư xây dựng, hoàn thành các tuyến cao tốc kết nối vùng như: đường Vành đai 3 – TP.HCM (CT.40), đường Vành đai 4 – TP.HCM (CT.41) nhằm đảm bảo phù hợp theo Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Nghị quyết số 57/2022/QH15 về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 3 thành phố Hồ Chí Minh.

3. Tại bản đồ định hướng phát triển ngành hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia: kiến nghị xem xét về tiến độ đầu tư cho phù hợp theo định hướng phát triển của tuyến cao tốc Bắc – Nam phía Tây (CT.02) với tính chất là tuyến Cao tốc quan trọng Quốc gia, cụ thể theo Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, tuyến cao tốc Bắc – Nam phía Tây (CT.02) đoạn Ngọc Hồi – Chơn Thành – Rạch Giá (gồm đoạn qua tỉnh Long An, Đồng Tháp) có tiến trình đầu tư trước năm 2030; tuy nhiên, theo đề án quy hoạch thì đoạn từ Đức Hòa, Long An – Mỹ An, Đồng Tháp dự kiến đầu tư sau năm 2030.

4. Tại bản đồ định hướng phát triển ngành hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia: chưa thể hiện đủ các tuyến đường sắt khu vực đầu mối thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 1769/QĐ-TTg ngày 19/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, cụ thể gồm các tuyến: Đường sắt Dĩ An – Lộc Ninh; đường sắt Biên Hòa – Vũng Tàu,... Đề

ngành đơn vị lập quy hoạch rà soát, cập nhật quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo Quyết định số 1769/QĐ-TTg ngày 19/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

5. Tại nội dung 1. Các cơ sở báo chí, xuất bản, phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử (trang 369): kiến nghị bổ sung nội dung phù hợp với Quyết định số 238/QĐ-BTTTT ngày 21/02/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành Kế hoạch triển khai các nhiệm vụ của Bộ Thông tin và Truyền thông tại Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 20/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án nâng cao hiệu quả hoạt động thông tin cơ sở dựa trên ứng dụng công nghệ thông tin:

“1.5 Đối với thông tin cơ sở

Hiện đại hóa hệ thống thông tin cơ sở nhằm đổi mới phương thức cung cấp thông tin, nâng cao chất lượng nội dung thông tin để cung cấp, trao đổi thông tin theo hướng chủ động, kịp thời, chính xác và hiệu quả.

Thực hiện thông tin hai chiều để người dân tiếp nhận thông tin thiết yếu và phản ánh thông tin về hiệu quả thực thi chính sách, pháp luật ở cơ sở đến các cơ quan quản lý thông qua hệ thống thông tin cơ sở.”

6. Tại nội dung 2. Định hướng phát triển nông nghiệp – mục 2.3.2. Chăn nuôi (trang 350): kiến nghị bổ sung một số chỉ tiêu phù hợp với Quyết định 1520/QĐ-TTg ngày 06/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt “Chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn 2045” như:

- Sản lượng trứng, sữa đến năm 2030: đạt khoảng 23 tỷ quả trứng và 2,6 triệu tấn sữa.

- Bình quân sản phẩm chăn nuôi/người/năm đến năm 2030 đạt từ 58 đến 62 kg thịt xẻ các loại, từ 220 đến 225 quả trứng và từ 24 đến 26 kg sữa tươi.

- Bình quân sản phẩm chăn nuôi/người/năm: đến năm 2030 đạt từ 58 đến 62 kg thịt xẻ các loại, từ 220 đến 225 quả trứng và từ 24 đến 26 kg sữa tươi.

- Tỷ trọng gia súc và gia cầm được giết mổ tập trung công nghiệp đạt tương ứng khoảng 70% và 50% vào năm 2030.

- Tỷ trọng thịt gia súc, gia cầm được chế biến so với tổng sản lượng thịt: từ 40 đến 50%.

7. Tại nội dung 2. Định hướng phát triển nông nghiệp – mục 2.4.3.5. Vùng Đông Nam Bộ (trang 354): kiến nghị điều chỉnh, bổ sung nội dung thành:

Phát triển mạnh cây công nghiệp lợi thế, chủ lực là cao su, điều, hồ tiêu, cà phê, mía, sắn và các loại cây ăn quả tập trung, ứng dụng công nghệ cao kết hợp du lịch sinh thái.

Tập trung phát triển chăn nuôi lợn, gia cầm theo hình thức trang trại, công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao; đẩy mạnh chăn nuôi lợn, gia cầm hữu cơ; cải tiến đàn bò sữa chất lượng cao cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.

Phát triển chế biến gỗ và lâm sản hiện đại, tiếp tục duy trì thế mạnh là trung tâm chế biến gỗ phục vụ xuất khẩu của cả nước. Phát triển lâm nghiệp gắn với du lịch sinh thái, lâm nghiệp đô thị, cảnh quan môi trường.



Phát triển các đối tượng thủy sản nuôi chính chủ yếu nuôi các loài thủy sản nước ngọt hồ chứa và thủy sản nước lợ như cá song, cá giò, cá rô phi, tôm các loại, cá cảnh... Nâng cấp đội tàu khai thác hải sản vùng khơi; chuyển đổi cơ cấu thuyền, nghề phù hợp.

8. Tại nội dung Nội dung 2.4.4. Định hướng phân bố vùng sản xuất tập trung một số sản phẩm chủ lực quốc gia - mục 2.4.4.2. Sản phẩm chăn nuôi (trang 357): kiến nghị điều chỉnh, bổ sung nội dung phù hợp với Quyết định số 1520/QĐ-TTg ngày 06/10/2020 của Thủ tướng chính phủ về việc Phê duyệt "Chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2045" như sau:

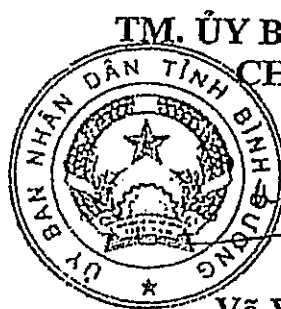
- Thịt lợn: Phát triển chăn nuôi lợn với các giống cao sản theo hướng trang trại công nghiệp; tăng đàn lợn chăn nuôi theo hướng hữu cơ, an toàn sinh học; phát triển các giống lợn bản địa có giá trị kinh tế cao. Dự kiến tổng đàn lợn đến năm 2030 khoảng 29 đến 30 triệu con, trong đó đàn lợn nái từ 2,5 đến 2,8 triệu con, thịt lợn hơi khoảng trên 5 triệu tấn; đàn lợn được nuôi trang trại, công nghiệp chiếm trên 70%. Phát triển hệ thống quản lý đàn chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao, hệ thống giết mổ công nghiệp hiện đại, bảo đảm an toàn dịch bệnh và an toàn thực phẩm gắn với vùng chăn nuôi tập trung. Các vùng sản xuất thịt lợn tập trung ở Đồng bằng sông Hồng, Đông Nam Bộ, Trung du và miền núi phía Bắc.

- Thịt và trứng gia cầm: Phát triển chăn nuôi gia cầm theo phương thức trang trại, công nghiệp, trong đó khoảng 60% đàn gà và 40% đàn thủy cầm được nuôi theo phương thức công nghiệp. Đầu tư, cải tạo giống chất lượng, phát triển các giống gia cầm lông màu, bản địa, có hiệu quả kinh tế cao; tổng đàn gà có mặt thường xuyên từ 500 đến 550 triệu con và tổng đàn thủy cầm có mặt thường xuyên từ 100 đến 120 triệu; tổng sản lượng thịt gia cầm hơi trên 2,2 triệu tấn, khoảng 23 tỷ quả trứng. Các vùng sản xuất thịt và trứng gia cầm tập trung ở Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long.

Trên đây là nội dung góp ý dự thảo Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương./. *lwt*

Nơi nhận:

- CT, PCT;
- Như trên;
- Sở KHĐT;
- LĐVP, km, Thg, TH;
- Lưu VT. 7 2



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Võ Văn Minh

Số: 2134 /UBND-TH

Bình Phước, ngày 09 tháng 8 năm 2022

V/v góp ý Quy hoạch tổng thể
quốc gia thời kỳ 2021-2030,
tầm nhìn đến năm 2050

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Thực hiện Công văn số 4595/BKHĐT-CLPT ngày 07/7/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến đối với Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050,

Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước có ý kiến như sau:

1. Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được lập phù hợp với nhiệm vụ lập quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Chính phủ phê duyệt tại Nghị quyết số 143/NQ-CP ngày 04/10/2020.

Các nội dung định hướng phát triển và phân bố không gian các ngành, lĩnh vực; định hướng tổ chức không gian theo vùng, lãnh thổ... được lập đầy đủ, có tính khoa học và liên kết vùng cao, được thừa kế các quy hoạch trước đây, cụ thể như định hướng phân bố không gian công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ, hạ tầng kỹ thuật, định hướng phát triển không gian kinh tế - xã hội với các hành lang kinh tế, các vùng và đô thị động lực, phù hợp với các điều kiện phát triển từng vùng, địa phương.

2. Một số nội dung Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, bổ sung như sau:

- Phương hướng phát triển và phân bố không gian đường bộ (trang 395): Đề nghị bổ sung ưu tiên đầu tư tuyến đường cao tốc Gia Nghĩa (Đăk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước) theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

- Biểu số 76 - dự kiến các dự án nghiên cứu thành dự án quan trọng quốc gia (trang 543), đề nghị bổ sung các dự án sau:

+ Cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Thủ dầu Một - Chơn Thành;

+ Cao tốc Gia Nghĩa - Chơn Thành (dự án thành phần của đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Tây), giai đoạn thực hiện là 2021-2025;

+ Đường sắt Dĩ An - Hoa Lư theo quy hoạch mạng lưới đường sắt đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1769/QĐ-TTg ngày 19/10/2021.

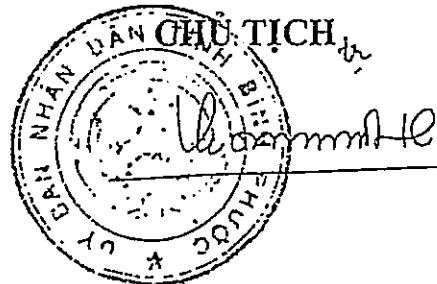
- Bản đồ phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật: Đề nghị bổ sung tuyến đường sắt Dĩ An - Hoa Lư.

Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước kính gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tổng hợp.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTTU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- LĐVP, Phòng: KT, TH;
- Lưu: VT. (172Thg-08/8) ..



Trần Tuệ Hiền

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 2482 /UBND-TH
V/v góp ý dự thảo Quy hoạch
tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-
2030, tầm nhìn đến năm 2050

Bình Thuận, ngày 02 tháng 8 năm 2022

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Thực hiện Công văn số 4595/BKHĐT-CLPT ngày 07/7/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến đối với Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Qua nghiên cứu, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận thống nhất nội dung dự thảo Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư soạn thảo

Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Lưu: VT, TH Hùng



CHỦ TỊCH

[Signature]
Lê Tuấn Phong

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4706 /UBND-TH

Cà Mau, ngày 25 tháng 7 năm 2022

V/v đóng góp ý kiến đối với
dự thảo Quy hoạch tổng thể
quốc gia thời kỳ 2021 - 2030,
tầm nhìn đến năm 2050

HỎA TỐC

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau nhận được Công văn số 4595/BKHĐT-CLPT ngày 07/7/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến đối với dự thảo Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; qua nghiên cứu, Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, đồng thời có ý kiến đóng góp như sau:

- Tại gạch đầu dòng thứ năm, điểm 2.4.2, tiểu mục 2.4, mục 2, Phần II (trang 134): “Phát triển năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới: ... tại Cà Mau, Sóc Trăng, Trà Vinh ...”, **đề nghị điều chỉnh thành:** “Phát triển năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới: Hiện nay, tại Cà Mau và Bạc Liêu đã hoàn thành một số dự án điện gió đưa vào vận hành thương mại. Nhiều dự án điện gió, điện mặt trời đã và đang chuẩn bị đầu tư xây dựng tại Cà Mau, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Trà Vinh ...”.

- Do Mũi Cà Mau là địa đầu cực Nam thiêng liêng của Tổ quốc nên cần được ưu tiên đầu tư phát triển du lịch từ nay đến năm 2030 nên tại điểm c, tiểu mục 3.2.1.4, mục 3, Phần I (trang 364): “Trong giai đoạn từ nay đến năm 2030, định hướng ưu tiên đầu tư phát triển 07 khu du lịch quốc gia”, **đề nghị điều chỉnh bổ sung thành:** “Trong giai đoạn từ nay đến năm 2030, định hướng ưu tiên đầu tư phát triển 08 khu du lịch quốc gia (bổ sung danh mục thứ 8 là Khu du lịch quốc gia Mũi Cà Mau)”.

- Tại gạch đầu dòng thứ nhất, điểm a, tiểu mục 3.2.2.3, mục 3, Phần I (trang 366): “Tại địa bàn nông thôn: Phát triển mạng lưới chợ dân sinh phù hợp nhu cầu trao đổi mua bán hàng hóa của người dân... và nhu cầu chung trên địa bàn huyện”, **đề nghị điều chỉnh thành:** “Tại địa bàn nông thôn: Phát triển mạng lưới chợ dân sinh phù hợp nhu cầu trao đổi mua bán hàng hóa của người dân; đầu tư, nâng cấp hệ thống chợ trên địa bàn đạt tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm, tiêu chuẩn thiết kế hiện hành; phát triển tại mỗi huyện tối thiểu một chợ trung tâm huyện vừa bán buôn vừa bán lẻ, trong đó bán lẻ là chủ yếu, phục vụ nhu cầu tại chỗ và nhu

cầu chung trên địa bàn huyện (chợ hạng I hoặc hạng II)”. *Lý do*, để đảm bảo phù hợp với Chiến lược phát triển thương mại trong nước được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1163/QĐ-TTg ngày 13/7/2021.

- Tại đoạn thứ nhất, điểm 1.3.1, tiểu mục 1.3, mục 1, Phần III (trang 395): **Đề nghị nghiên cứu, bổ sung tuyến cao tốc Cà Mau - Đất Mũi.** *Lý do*, tuyến cao tốc Cần Thơ - Cà Mau quy hoạch có điểm cuối kết thúc tại trung tâm thành phố Cà Mau; trong khi Mũi Cà Mau là điểm cực Nam thiêng liêng của Tổ quốc, có vị trí hết sức quan trọng về quốc phòng, an ninh và tiềm năng rất lớn trong phát triển hệ thống cảng biển, du lịch, năng lượng tái tạo; do đó, tỉnh Cà Mau đề xuất bổ sung danh mục đầu tư kéo dài tuyến cao tốc Cần Thơ - Cà Mau đến Mũi Cà Mau trong giai đoạn 2026 - 2030 vào Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 nhằm phát huy tiềm năng kinh tế biển (theo định hướng Chiến lược biển Việt Nam), kinh tế thủy sản, điểm du lịch trọng điểm của quốc gia, tạo tiền đề để mở cửa, hội nhập và giao lưu quốc tế, kết nối đường bộ với đường biển; đồng thời cũng góp phần sớm hoàn thiện tuyến đường bộ cao tốc của đất nước nối dài từ Ải Nam Quan (tỉnh Lạng Sơn) đến Mũi Cà Mau (tỉnh Cà Mau).

- Tại điểm 1.3.3, tiểu mục 1.3, mục 1, Phần III (trang 396): **Đề nghị bổ sung:** “danh mục dự án ưu tiên đầu tư khai thác các tuyến giao thông thủy nội địa như: tuyến Thành phố Hồ Chí Minh - Cà Mau, tuyến An Giang - Kiên Giang - Cà Mau...”. *Lý do*, đầu tư phát triển hệ thống giao thông đường thủy nội địa phù hợp với lợi thế của vùng đồng bằng sông Cửu Long (hệ thống sông, kênh, rạch nhiều); đồng thời, đây cũng là loại hình giao thông có lợi thế cạnh tranh vượt trội so với các loại hình giao thông khác trong vận chuyển hàng hóa, nhất là vận chuyển với số lượng lớn, chi phí thấp, góp phần giảm tải cho giao thông đường bộ.

- Tại điểm 1.3.4, tiểu mục 1.3, mục 1, Phần III (trang 396): “Hình thành một số Cảng biển, cụm Cảng biển hiện đại,... xây dựng Cảng trung chuyển quốc tế tại Vân Phong (Khánh Hòa)”, **đề nghị bổ sung:** “đầu tư bến Cảng Hòn Khoai (Cảng biển tổng hợp Hòn Khoai, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau)”. *Lý do*, Cảng biển tổng hợp Hòn Khoai nằm trong nhóm Cảng biển số 5 thuộc Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống Cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22/9/2021, có vị trí, vai trò rất quan trọng do gần với các tuyến hàng hải quốc tế; do đó, tỉnh Cà Mau đề xuất cập nhật và sắp xếp thứ tự ưu tiên đầu tư Cảng biển tổng hợp Hòn Khoai (khả năng đón tàu có tải trọng đến 250.000 DWT) trong Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, làm cơ sở để tỉnh Cà Mau xúc tiến thủ tục mời gọi các nhà đầu tư chiến lược đầu tư (thời gian qua có rất nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước tìm hiểu, có ý định đầu tư).

- Tại điểm 1.3.5, tiểu mục 1.3, mục 1, Phần III (trang 396): “Tập trung đầu tư các Cảng hàng không lớn... và Cảng hàng không thứ 2 cho vùng Thủ đô”, **đề nghị bổ sung:** “đầu tư nâng cấp, mở rộng Cảng hàng không Cà Mau”. *Lý do*, để đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh Cà Mau trong thời gian tới (gắn với việc hình thành tuyến cao tốc Cần Thơ - Cà Mau, Cảng biển tổng hợp Hòn Khoai, Khu kinh tế Năm

Căn, Khu du lịch quốc gia Mũi Cà Mau); đồng thời, tỉnh Cà Mau đề xuất đầu tư nâng cấp, mở rộng Cảng hàng không Cà Mau hoàn thành trong giai đoạn 2021 - 2025 (trường hợp ngân sách trung ương chưa có khả năng cân đối bố trí vốn đầu tư trong giai đoạn này, tỉnh sẽ chủ động mời gọi các nhà đầu tư chiến lược, có tiềm lực để đầu tư).

- Tại điểm 2.1.4, tiểu mục 2.1, mục 2, Phần I (trang 475): “Vùng động lực Cần Thơ - An Giang - Kiên Giang ... thúc đẩy khai thác lợi thế của vùng”, **đề nghị bổ sung**: “Vùng động lực Cần Thơ - An Giang - Kiên Giang - Cà Mau ... thúc đẩy khai thác lợi thế của vùng”. Vì Cà Mau là một trong 04 địa phương thuộc vùng kinh tế trọng điểm vùng đồng bằng sông Cửu Long tại Quyết định số 492/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

- Ngày 02/4/2022, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 13-NQ/TW về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; do đó, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Đơn vị tư vấn rà soát, cập nhật Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 cho phù hợp.

Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau kính gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở, ban, ngành tỉnh (iO);
- UBND các huyện, thành phố (iO);
- LĐVP UBND tỉnh;
- Các phòng Khối NC-TH (iO);
- Lưu: VT, TH (Nh232).KL155/7.

CHỦ TỊCH



(Handwritten signature)

Huỳnh Quốc Việt

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3052 /UBND-TH

Cần Thơ, ngày 04 tháng 8 năm 2022

V/v việc góp ý dự thảo Quy
hoạch tổng thể Quốc gia thời kỳ
2021 - 2030, tầm nhìn đến
năm 2050

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Thực hiện Công văn số 4595/BKHĐT-CLPT ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến đối với Quy hoạch tổng thể Quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Qua nghiên cứu nội dung dự thảo báo cáo và các nội dung liên quan, Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia ý kiến đối với dự thảo Báo cáo Quy hoạch tổng thể Quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 như sau:

1. Hồ sơ gửi lấy ý kiến đáp ứng quy định tại Điều 29 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch.

2. Về dự thảo Báo cáo Quy hoạch tổng thể Quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được nghiên cứu, xây dựng tương đối hoàn chỉnh; có thành phần, kết cấu nội dung chính theo quy định của Luật Quy hoạch, Nghị định số 37/2019/NĐ-CP và Nhiệm vụ lập Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 143/NQ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ.

3. Về nội dung quan điểm, mục tiêu, kịch bản phát triển, định hướng và tổ chức không gian phát triển các ngành, lĩnh vực Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ hoàn toàn thống nhất.

Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ kính gửi đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định. *Kol*

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND thành phố (1);
- VP UBND thành phố (2,3);
- Lưu VT. PVC

CHỦ TỊCH



Trần Việt Trường

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4118 /UBND-SKHĐT

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 8 năm 2022

V/v góp ý đối với Quy hoạch
tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-
2030, tầm nhìn đến năm 2050

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

UBND thành phố Đà Nẵng nhận được Công văn số 4595/BKHĐT-CLPT ngày 07/7/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ý kiến đối với Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, sau khi nghiên cứu, UBND thành phố Đà Nẵng có ý kiến góp ý như sau:

I. Đối với báo cáo Tổng hợp Quy hoạch tổng thể Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (gọi tắt là Quy hoạch tổng thể Quốc gia)

1. Phần thứ nhất - I. Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên và các yếu tố phát triển: kết thúc mục I xem xét bổ sung nội dung Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên và các yếu tố phát triển. Mục III. Hiện trạng phát triển quốc gia, trong 1.2.3.3. Vận tải: (trang 120) xem xét cập nhật dữ liệu năm 2020 về khối lượng vận tải cho thống nhất.

2. Phần thứ hai - II. Lợi thế so sánh và cơ hội phát triển, khó khăn thách thức đối với sự phát triển của quốc gia: Sau khi phân tích, xem xét có mục đánh giá và rút ra các định hướng phát triển để đảm bảo tính logic đối với hệ thống các định hướng phát triển ở các mục tiếp theo của quy hoạch.

3. Phần thứ ba - I. Các ngành kinh tế

a) Tại điểm 1.2 khoản 1 Mục I Phần thứ ba - Định hướng và tổ chức không gian phát triển các ngành, lĩnh vực - "Mục tiêu phát triển ngành công nghiệp" (trang 345):

Căn cứ nội dung Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Bổ sung cụm từ "Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP đạt khoảng 30%, trong đó công nghiệp chế tạo đạt trên 20%" sau cụm từ "Phần đầu nâng tỷ trọng công nghiệp trong GDP vào năm 2030 đạt trên 40%";

- Bổ sung thêm một số mục tiêu cụ thể như sau:

+ Tốc độ tăng năng suất lao động công nghiệp đạt bình quân 7,5%/năm;

+ Tỷ lệ lao động trong lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ đạt trên 70%;

+ Xây dựng được một số cụm liên kết ngành công nghiệp, doanh nghiệp công nghiệp trong nước có quy mô lớn, đa quốc gia, có năng lực cạnh tranh quốc tế.

b) Tại điểm 1.3 khoản 1 Mục I Phần thứ ba - Định hướng và tổ chức không gian phát triển các ngành, lĩnh vực - “Định hướng phát triển công nghiệp” (trang 346):

Căn cứ Quyết định số 726/QĐ-TTg ngày 16/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển ngành công nghiệp hóa chất Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2040, đề nghị bổ sung cụm từ “Hình thành chuỗi giá trị, tham gia sâu vào mạng lưới sản xuất ngành công nghiệp Việt Nam và khu vực. Sử dụng hợp lý và tiết kiệm tài nguyên; ứng dụng công nghệ hiện đại, kinh tế số và chuyển đổi số nhằm gia tăng giá trị tăng thêm, nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành, thúc đẩy tích tụ vốn của các tập đoàn kinh tế hoạt động trong lĩnh vực hóa chất” sau cụm từ “Xây dựng ngành CN hoá chất... cao su kỹ thuật, hoá dược.”

c) Trong mục 1.4 - Định hướng phân bố không gian công nghiệp, xem xét bổ sung thành phố Đà Nẵng vào nội dung “Công nghiệp ứng dụng công nghệ cao sản xuất hóa phẩm, dược phẩm, chế phẩm sinh học, sản xuất thuốc, vắc xin các trung tâm tập trung ở khu vực thủ đô Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Thừa Thiên - Huế, Khánh Hòa, Cần Thơ” (trang 347).

d) Trong mục 3.2 - Định hướng phát triển và phân bố không gian các ngành dịch vụ chủ yếu, tại 3.2.1.4. Định hướng phân bố không gian phát triển hệ thống du lịch quốc gia: nội dung “Tiếp tục đầu tư nâng cao chất lượng sản phẩm, khả năng cạnh tranh để khẳng định thương hiệu khu du lịch quốc gia đối với khu du lịch quốc gia đã được công nhận là khu du lịch Mũi Né (tỉnh Bình Thuận). Định hướng phát triển 14 khu du lịch gồm: Sầm Sơn (tỉnh Thanh Hóa); Cửa Lò (tỉnh Nghệ An); Kim Liên (tỉnh Nghệ An); Thiên Cầm (tỉnh Hà Tĩnh); Phong Nha - Kẻ Bàng (tỉnh Quảng Bình); Lăng Cô - Cảnh Dương (tỉnh Thừa Thiên - Huế); Sơn Trà (thành phố Đà Nẵng); Bà Nà (thành phố Đà Nẵng); Hội An - Cù Lao Chàm (tỉnh Quảng Nam); Mỹ Khê (tỉnh Quảng Ngãi); Phương Mai (tỉnh Bình Định); Vịnh Xuân Đài (tỉnh Phú Yên); Bắc Cam Ranh (tỉnh Khánh Hòa); Ninh Chữ (tỉnh Ninh Thuận)” (trang 362): xem xét về khu du lịch Bà Nà của thành phố Đà Nẵng.

đ) Trong mục 4. Mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm, 4.2.2. Mục tiêu cụ thể: xem xét bổ sung “có ít nhất 05 cơ sở giáo dục đại học được xếp hạng trong số 500 trường đại học tốt nhất thế giới, 5 trường đại học vào nhóm 200 trường đại học hàng đầu châu Á” cụm từ “theo các bảng xếp hạng uy tín” (trang 379).

e) Trong mục 6.3 - Phương hướng phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp, nội dung “Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung: hình thành các cơ sở GDNN gắn với các lĩnh vực ngành nghề như: kinh tế biển, thủy hải sản, công nghiệp lọc hóa dầu, luyện kim, sản xuất, lắp ráp ô tô, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, dịch vụ du lịch” (trang 385) xem xét bổ sung các lĩnh vực ngành nghề: “công nghiệp công nghệ cao, công nghệ thông minh, tự động hóa phục vụ công nghiệp chế biến, chế tạo”, nhằm tạo ra giá trị gia tăng cao và khả năng tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu, như vậy phù hợp với nội dung định hướng phân bố không gian phát triển một số ngành công nghiệp ưu tiên, trong đó có công nghiệp chế biến thủy hải sản (lợi thế của Vùng), dệt may... của một số tỉnh thuộc vùng kinh tế Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung được đề cập ở trên (trang 348).

Ngoài ra, thành phố Đà Nẵng (thuộc vùng Duyên hải miền Trung) là nơi tập trung hệ thống cơ sở giáo dục Đại học, giáo dục nghề nghiệp và cung cấp nguồn nhân lực trong các lĩnh vực ngành nghề dịch vụ du lịch, ngân hàng, tài chính, bất động sản, thương mại, logistic, viễn thông, y tế, nghệ thuật, vui chơi và giải trí... cho các tỉnh khu vực miền Trung. Vì vậy có thể xem xét bổ sung trong phần này cho phù hợp.

4. Phần thứ năm, mục II - Các dự án quan trọng quốc gia, bên cạnh nguồn đầu tư công cần bổ sung làm rõ nguồn và hình thức đầu tư.

5. Bổ sung hiện trạng phát triển hạ tầng kỹ thuật hệ thống thoát nước và xử lý nước thải. Trên cơ sở đó đánh giá và định hướng, tổ chức phát triển hạ tầng kỹ thuật hệ thống thoát nước và xử lý nước thải.

6. Mục V. Định hướng bảo vệ môi trường:

- Đề nghị nghiên cứu Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 để bổ sung đầy đủ các nội dung định hướng bảo vệ môi trường cho thống nhất.

- Nghiên cứu bổ sung thêm việc định hướng xây dựng bộ khung tiêu chí môi trường chung về tỉnh, thành, quận huyện để thúc đẩy, phát triển công tác bảo vệ môi trường tại tỉnh thành, quận huyện, điển hình như thành phố Đà Nẵng đã ban hành Quyết định số 1099/QĐ-UBND ngày 02/4/2021 về Đề án “Xây dựng Đà Nẵng - Thành phố môi trường giai đoạn 2021 - 2030”.

7. Về Định hướng khai thác, sử dụng tài nguyên nước (Trang 57):

- Đề nghị bổ sung định hướng ưu tiên nghiên cứu, đưa vào quy định bắt buộc thực hiện các phương án, biện pháp bổ cập nước dưới đất, giảm bê tông hoá;

- Đề nghị bổ sung định hướng về tái sử dụng nước thải để giảm các nguồn nước xả thải vào nguồn nước, giảm khai thác nước dưới đất và nâng cao ý thức, trách nhiệm sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, bảo vệ môi trường.

8. Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị đã đặt ra mục tiêu “Xây dựng thành phố Đà Nẵng trở thành một trong những trung tâm kinh tế - xã hội lớn của cả nước và Đông Nam Á với vai trò là trung tâm về du lịch, trung tâm tổ chức các sự kiện tầm khu vực và quốc tế; thành phố cảng biển, đô thị biển quốc tế với vị trí là hạt nhân của chuỗi đô thị và cực tăng trưởng của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung - Tây Nguyên...” Vì vậy, kính đề xuất Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu có các định hướng chiến lược để hỗ trợ Đà Nẵng đạt được mục tiêu này.

Bên cạnh đó, Điều chỉnh quy hoạch thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Quyết định số 359/QĐ-TTg ngày 15/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ) đã định hướng “phát triển du lịch tại thành phố gắn với các hình thức du lịch biển; du lịch thủy nội địa; du lịch sinh thái, cộng đồng; du lịch văn hóa, lịch sử, tâm linh; du lịch đô thị; du lịch vui chơi giải trí tổng hợp, mua sắm; du lịch thể thao; du lịch chăm sóc sức khỏe”, “hình thành các trung tâm

thương mại tầm cỡ quốc gia, quốc tế; thành lập khu phi thuế quan”, định hướng “đầu tư phát triển du lịch tại huyện Hoàng Sa và hình thành khu du lịch quốc gia Sơn Trà” tại Đà Nẵng, do đó kính đề xuất bổ sung các định hướng quy hoạch:

- Tập trung chuyển đổi Cảng Tiên Sa trở thành cảng du lịch biển, định hướng là cửa ngõ du lịch ven biển lớn của khu vực và cả nước.

- Phát triển du lịch biển đảo gắn với an ninh quốc phòng tại huyện Hoàng Sa, nghiên cứu hình thành Khu du lịch Hoàng Sa.

- Định hướng mạng lưới Vùng hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước để tổ chức các hoạt động thể thao giải trí dưới nước tiêu chuẩn quốc tế tại khu vực biển Đà Nẵng và khu vực lưu trú trên biển tại khu vực Vịnh Đà Nẵng.

- Ưu tiên đầu tư hình thành trung tâm tài chính tầm khu vực, khu phi thuế quan tại thành phố Đà Nẵng.

- Nghiên cứu quy hoạch các địa phương trọng điểm phát triển kinh tế ban đêm tại Việt Nam là các thành phố lớn như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng... và có các cơ chế, chính sách đặc thù để khuyến khích, thúc đẩy phát triển kinh tế ban đêm tại các địa phương này.

9. Mục 1.3.5 Hàng không: điều chỉnh, bổ sung nội dung “*nâng cấp, mở rộng cảng hàng không quốc tế cửa ngõ: Nội Bài, Chu Lai, Cam Ranh, Tân Sơn Nhất*” thành “*nâng cấp, mở rộng cảng hàng không quốc tế cửa ngõ: Nội Bài, Chu Lai, Đà Nẵng, Cam Ranh, Tân Sơn Nhất*” (dòng cuối – trang 396).

10. Mục 1.2 Các hành lang kinh tế Đông – Tây (trang 467): bổ sung thêm hành lang kinh tế Dak Taoók – Quảng Nam – Đà Nẵng.

II. Đối với Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của Quy hoạch tổng thể Quốc gia (ĐMC)

1. Nội dung, cấu trúc Báo cáo ĐMC cơ bản đảm bảo theo quy định tại mẫu số 01b Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Mục 2.1.2. Phạm vi thời gian: đề nghị xác định phạm vi thời gian thực hiện ĐMC tức phạm vi thời gian được nhận dạng, dự báo tác động của các vấn đề môi trường chính trong quá trình thực hiện Quy hoạch, không đưa thời gian số liệu sử dụng để đánh giá hiện trạng KTXH và môi trường phục vụ ĐMC.

3. Mục 1.4.3.5 và mục 4.2.2. phân vùng môi trường:

- Đề nghị nghiên cứu quy định tại Điều 22 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường để định hướng phân vùng môi trường cho phù hợp. Trong đó, phải định hướng rõ các Vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải, vùng khác trong Quy hoạch tổng thể Quốc gia trên cơ sở các yếu tố nhạy cảm về môi trường như thông tin, hiện trạng, danh mục, quy hoạch về các hệ sinh thái tự nhiên, vườn quốc gia, khu bảo tồn loài - sinh cảnh, khu di tích lịch sử

- văn hoá, kinh tế-xã hội...đã nêu ở Chương 2 Báo cáo ĐMC. Đồng thời, thực hiện sơ đồ hoá các phân vùng này để nhận diện, tra cứu.

- Tách riêng việc phân vùng môi trường với các phương hướng bảo vệ môi trường tương ứng với từng vùng. Trong đó, lưu ý việc đề xuất phương hướng bảo vệ môi trường, cấp phép môi trường đối với các dự án đầu tư trong các vùng đã được phân vùng phải tuân thủ theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (ví dụ cơ sở đề xuất việc không cấp phép cho các dự án có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao, có lượng xả thải lớn tại vùng hạn chế phát...) tránh việc đề xuất một cách chưa khách quan, gây tác động đến môi trường đầu tư, phát triển của đất nước.

Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng kính gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư. *Th*

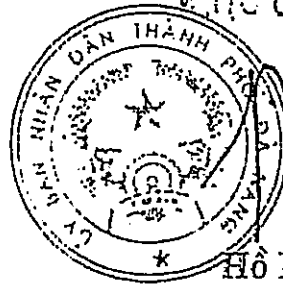
Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND TP;
- VP UBND thành phố;
- Lưu: VT, TH, SKHĐT.

Al

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

Th CHỦ TỊCH
CHỦ TỊCH



Hồ Kỳ Minh

Số: 1917 /SKHĐT-TH
V/v tham gia ý kiến đối với
Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ
2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

Đắk Lắk, ngày 01 tháng 8 năm 2022

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh Đắk Lắk tại Công văn số 5860/UBND-TH ngày 14 /7/2022, trong đó ủy quyền Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan góp ý đối với hồ sơ xin ý kiến Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (theo yêu cầu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 4595/BKHĐT-CLPT ngày 07/7/2022);

Trên cơ sở nghiên cứu hồ sơ và tổng hợp ý kiến tham gia của các đơn vị liên quan, Sở Kế hoạch và Đầu tư cơ bản thống nhất Hồ sơ Quy Hoạch tổng thể Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Ngoài ra, đề nghị điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại dự thảo Báo cáo quy hoạch tổng thể quốc gia, cụ thể như sau:

- Trang 113 về Bảng số liệu chợ đầu mối: Đề nghị bổ sung 01 Chợ đầu mối tại Đắk Lắk (cụ thể: chợ đầu mối Tân Hòa, TP Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk).

- Trang 169, Mục 5.2.4.3 về kết cấu hạ tầng giao thông: Đề nghị bổ sung Quốc lộ 14 vào Mục đường quốc lộ.

- Trang 200, Mục 7.4.2.1 về quy mô sinh viên: Đề nghị chuẩn xác số liệu và nội dung của đoạn “Năm 2021, số lượng SV của ĐH chính quy sắp xỉ 5000 SV chiếm 63%”.

- Trang 441, Mục 4.1.3.4 về định hướng điều tra khoáng sản theo các vùng: Đề nghị bổ sung thêm định hướng điều tra khoáng sản Vùng Tây Nguyên.

- Trang 513, Mục 2.2.4 về vùng Tây Nguyên:

- + Đề nghị điều chỉnh đoạn “... Xây dựng thành phố Buôn Ma Thuột trở thành đô thị trung tâm dịch vụ, tài chính, công nghiệp, khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, y tế vùng Tây Nguyên ...” thành “... Xây dựng thành phố Buôn Ma Thuột là đô thị trung tâm và cực tăng trưởng của vùng Tây Nguyên về du lịch, y tế, giáo dục và đào tạo, khoa học công nghệ; là đô thị xanh, sinh thái, thông minh và bản sắc riêng vùng Tây Nguyên...” cho phù hợp với nội dung định hướng tại Nghị quyết số 103/NQ-CP ngày 09/7/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 67-KL/TW ngày 16/12/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Trang 513-514, Mục 2.2.4 đối với Vùng Tây Nguyên:

+ Đề nghị bổ sung nội dung “*Phát triển Cảng hàng không Buôn Ma Thuột thành cảng hàng không quốc tế*” theo Kết luận số 67-KL/TW ngày 16/12/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

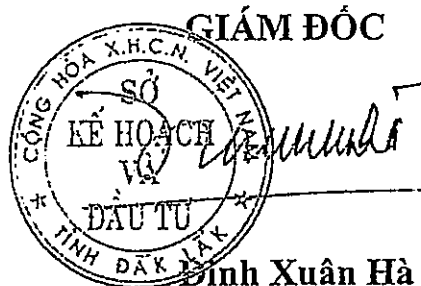
+ Đề nghị xem xét, bổ sung nội dung “*Đầu tư tuyến đường sắt Buôn Ma Thuột - Tuy Hòa phục vụ giao thương, du lịch*”.

- Trang 525, Mục 3 về định hướng phát triển các cửa khẩu: Đề nghị bổ sung nội dung xây dựng cửa khẩu Đăk Ruê (Đăk Lăk) đối với tuyến biên giới Việt Nam – Campuchia đến năm 2030 (theo Kết luận số 67-KL/TW ngày 16/12/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045).

Trên đây là nội dung góp ý của tỉnh Đắk Lắk, kính trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Lãnh đạo Sở;
- Ban Quản lý Quy hoạch tỉnh;
- Lưu VT, TH.



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4072/UBND-TH

Đắk Nông, ngày 21 tháng 7 năm 2022

V/v góp ý dự thảo Quy hoạch tổng
thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm
nhìn đến năm 2050

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông nhận được Công văn số 4595/BKHĐT-CLPT ngày 07/7/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến đối với Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; UBND tỉnh có ý kiến như sau:

1. Cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo Quy hoạch tổng thể Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Đề nghị điều chỉnh, bổ sung một số nội dung như sau:

a) Về định hướng phát triển kết cấu hạ tầng ưu tiên (trang 394-397):

- Đường bộ: Đề nghị bổ sung tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn qua Tây Nguyên, tiến trình đầu tư trước năm 2030 (trong đó: Dự án đường cao tốc Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước) hiện đang trong giai đoạn nghiên cứu báo cáo tiền khả thi và đề xuất chủ trương đầu tư, dự kiến đầu tư hoàn thành trong giai đoạn 2022-2025) vào danh mục các dự án cần ưu tiên đầu tư theo Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch phát triển mạng lưới đường bộ quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Đường sắt: Đề nghị bổ sung tuyến đường sắt qua khu vực Tây Nguyên kết nối với đường sắt xuyên Á (tuyến Kon Tum - Gia Lai - Đắk Lắk - Đắk Nông - Bình Phước) vào danh mục các dự án cần ưu tiên đầu tư theo Quyết định số 1769/QĐ-TT ngày 19/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường sắt quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Đường hàng không: Đề nghị cập nhật, bổ sung quy hoạch Sân bay Nhân Cơ, tỉnh Đắk Nông là sân bay chuyên dụng quốc phòng kết hợp dân sự (đã được Bộ Giao thông vận tải cho ý kiến tại Văn bản số 5517/BGTVT-KHĐT ngày 02/6/2022; Bộ Quốc phòng cho ý kiến tại Văn bản số 2137/BQP-TM ngày 05/7/2022).

b) Về mục tiêu định hướng phát triển Công nghiệp (trang 346):

Đề nghị bổ sung định hướng phát triển công nghiệp khai thác bôxít, chế biến nhôm, luyện nhôm khu vực Tây Nguyên (trung tâm là tỉnh Đắk Nông) vào mục tiêu ưu tiên phát triển trong giai đoạn 2021-2030.

c) Về định hướng phát triển du lịch vùng Tây Nguyên (trang 362):

- Đề nghị chỉnh sửa tên gọi “Công viên địa chất toàn cầu Đắk Nông” thành “Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông”.

- Đối với “định hướng phát triển 04 khu du lịch, gồm: Măng Đen (tỉnh Kon Tum); ...Yok Đôn (tỉnh Đắk Lắk) đề nghị bổ sung thêm 02 khu du lịch thuộc tỉnh Đắk Nông là: (1) Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông; (2) Khu du lịch sinh thái văn hóa Tà Đùng (*Lý do bổ sung*: ngày 07/7/2020, tại trụ sở UNESCO ở thủ đô Paris - Pháp, Ủy ban Chương trình và Quan hệ quốc tế của Hội đồng Chấp hành UNESCO lần thứ 209 đã thông qua Quyết định của Hội đồng Công viên địa chất toàn cầu công nhận Công viên địa chất Đắk Nông của Việt Nam là Công viên địa chất toàn cầu, đây là một trong 03 Công viên địa chất toàn cầu của Việt Nam được UNESCO công nhận. Đồng thời, để bảo đảm sự thống nhất giữa các Quy hoạch ngành từ Trung ương đến địa phương, UBND tỉnh Đắk Nông đã có văn bản đề xuất Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông - Khu du lịch sinh thái văn hóa Tà Đùng và danh mục địa điểm tiềm năng phát triển thành KDL cấp quốc gia).

d) Về định hướng khai thác, chế biến bô-xít (trang 446):

- Nội dung dự thảo: Phát triển khai thác khoáng sản bô-xít sản xuất alumin, nhôm kim loại đồng bộ với phát triển hạ tầng giao thông, cảng biển, cung cấp điện, nước, đảm bảo về môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học. Dự án đầu tư mới phải sử dụng công nghệ, thiết bị hiện đại, trong đó công nghệ xử lý bùn đỏ phải sử dụng phương pháp thải khô và có dự án sản xuất vật liệu xây dựng (gạch không nung, ...) để sử dụng lượng bùn đỏ thải ra. Nhà máy điện phân nhôm mới phải thực hiện theo cơ chế thị trường và khuyến khích sản xuất các sản phẩm chế biến từ nhôm, phát triển các ngành cơ khí chế tạo và công nghiệp hỗ trợ.

- Nội dung đề nghị điều chỉnh: Phát triển khai thác khoáng sản bô-xít sản xuất alumin, nhôm kim loại đồng bộ với phát triển hạ tầng giao thông, cảng biển, cung cấp điện, nước, đảm bảo về môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, an sinh xã hội và nhu cầu sử dụng đất của địa phương. Dự án đầu tư mới phải sử dụng công nghệ, thiết bị hiện đại, trong đó công nghệ xử lý bùn đỏ phải sử dụng phương pháp thải khô và có dự án sản xuất vật liệu xây dựng (gạch không nung, ...) để sử dụng lượng bùn đỏ thải ra. Nhà máy điện phân nhôm mới phải thực hiện theo cơ chế thị trường, gắn với đầu tư đảm bảo nguồn cung cấp điện hoặc mua bán điện trực tiếp (mua bán điện trực tiếp với đơn vị sản xuất điện) và khuyến khích sản xuất các sản phẩm chế biến từ nhôm, phát triển các ngành cơ khí chế tạo và công nghiệp hỗ trợ. Khu vực quy hoạch khai thác chỉ tiến hành trên thân quặng đủ hiệu quả cho khai thác ở quy mô công nghiệp, các khu vực không phải thân quặng thì ưu tiên cho các hoạt động kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng của địa phương”. Định hướng đến năm 2030, xây dựng Đắk Nông trở thành trung tâm công nghiệp bô-xít - nhôm quốc gia.

(*Lý do bổ sung*: Đặc điểm mỏ bô-xít có diện tích phân bố rất rộng, nhưng diện tích khai thác trên diện tích thăm dò lại chiếm tỉ lệ rất nhỏ. Cụ thể, diện tích

cấp phép khai thác mỏ bô xít Nhân Cơ chỉ chiếm 10,7% diện tích thăm dò. Trong khi đó, tính đến thời điểm hiện nay, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) đã tiến hành thăm dò trên địa bàn tỉnh Đắk Nông với diện tích là 1.585,4km², chiếm hơn 24% diện tích tự nhiên toàn tỉnh. Do đó, việc quy hoạch khai thác khoáng sản trên toàn diện tích thăm dò sẽ ảnh hưởng rất lớn đến các hoạt động kinh tế - xã hội của tỉnh, phát sinh nhiều vấn đề khó khăn, vướng mắc cho địa phương trong quá trình phát triển và không nâng cao giá trị sử dụng đất tại các khu vực đã thăm dò nhưng không nằm trên thân quặng).

e) Các Vùng động lực (trang 470):

Đề nghị xây dựng bổ sung Tây Nguyên thành vùng động lực phát triển về công nghiệp bôxít - nhôm, du lịch và nông nghiệp chế biến.

g) Về định hướng tổ chức không gian vùng Tây Nguyên (trang 513-514):

- Nội dung dự thảo: trong giai đoạn đến năm 2030 xây dựng cao tốc Dầu Giây - Đà Lạt, Buôn Ma Thuột - Khánh Hoà, cao tốc Bắc Nam phía tây từ Kôn Tum đến Đắk Nông.

- Đề nghị điều chỉnh như sau: Trong giai đoạn đến năm 2030 xây dựng cao tốc Dầu Giây - Đà Lạt, Buôn Ma Thuột - Khánh Hoà, cao tốc Bắc Nam phía tây từ Ngọc Hồi (Kôn Tum) đến Chơn Thành (Bình Phước).

h) Một số hạ tầng quan trọng liên vùng và biên giới: Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư bổ sung một số nội dung:

- *Bổ sung vào danh mục ưu tiên đầu tư đối với Dự án nâng cấp, cải tạo Quốc lộ 28 đoạn Gia Nghĩa - Quảng Khê trước năm 2030:* Quốc lộ 28 có điểm đầu tại thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận (giao QL1A); điểm cuối tại thị trấn Ea Tling, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông (giao QL14); toàn tuyến dài 310,8 Km, đi qua 3 tỉnh: Bình Thuận, Lâm Đồng và Đắk Nông. Tuyến đường có ý nghĩa hết sức quan trọng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, củng cố an ninh quốc phòng của tỉnh Đắk Nông cũng như khu vực Tây Nguyên; đặc biệt, đoạn tuyến từ Gia Nghĩa đi Quảng Khê, tỉnh Đắk Nông sang tỉnh Lâm Đồng thời gian tới còn thực hiện chức năng phục vụ vận chuyển bô xít - alumin, đi qua khu du lịch trọng điểm Vườn quốc gia Tà Đùng và hồ thủy điện Tà Đùng đang được tỉnh Đắk Nông xúc tiến kêu gọi đầu tư. Do tuyến đường được đầu tư đưa vào khai thác sử dụng từ lâu nên đã xuống cấp, quy mô nhỏ hẹp, không đảm bảo an toàn giao thông và không đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

- *Ưu tiên bổ sung quy hoạch cửa khẩu quốc tế Đắk Peur và phân giới cắm mốc khu vực 49 km²:* Đắk Peur là cửa khẩu kết nối, thông thương kinh tế giữa các tỉnh Tây Nguyên, Duyên hải miền Trung với các tỉnh Đông Bắc của Campuchia. Giao thông giữa hai bên tương đối thuận lợi, cách Quốc lộ 14 khoảng 03km. Phía tỉnh Monduliri, Campuchia đã đầu tư làm đường từ Trung tâm huyện Pét Chan Đa đến cửa khẩu Bu Sara chiều dài khoảng 23km, rộng 10 m thuận tiện cho việc qua lại và lưu thông hàng hóa qua cửa khẩu. Hiện nay, tỉnh Monduliri/Campuchia đang có chủ trương thúc đẩy nâng cấp, mở rộng cửa khẩu Bu Sara và khu kinh tế đặc biệt của tỉnh Monduliri nằm trong chủ trương

của Chính phủ Campuchia trong việc xây dựng tỉnh Mondulakiri thành Trung tâm kinh tế trọng điểm ở Đông Bắc Campuchia. Do đó, kiến nghị Trung ương quy hoạch cửa khẩu Đăk Peur thành cửa khẩu quốc tế để phát triển liên kết vùng và hành lang Đông Tây khu vực Nam Tây Nguyên trong tương lai.

- Hiện nay khu vực cửa khẩu Bu Prăng nằm trong “Khu vực 49 km²” chưa hoàn thành việc phân giới cắm mốc. Để ổn định tình hình an ninh quốc phòng, ổn định khu vực biên giới, tỉnh Đăk Nông kiến nghị Trung ương sớm thống nhất, hoàn thành việc phân giới cắm mốc khu vực này.

Kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tổng hợp././

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH (Hiệu).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Văn Chiến

Số: 266 /UBND-ĐT XD

Đồng Tháp, ngày 26 tháng 07 năm 2022

V/v tham gia ý kiến góp ý dự thảo
Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ
2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Tiếp nhận Công văn số 4595/BKHĐT-CLPT ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến đối với dự thảo Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Qua nghiên cứu nội dung dự thảo Quy hoạch, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia một số ý kiến góp ý như sau:

1. Về góp ý chung:

- Cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư rà soát, cập nhật giữa nội dung dự thảo Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 với nội dung Quy hoạch Vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28/02/2022 để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất trong hệ thống quy hoạch quốc gia.

2. Về góp ý chi tiết:

- Nội dung **định hướng phân vùng, liên kết vùng; định hướng phát triển không gian** đề nghị bổ sung phân tích thêm tính liên kết giữa các vùng động lực trong nước, giữa các Vùng động lực của Việt Nam với các khu vực quốc tế nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế trong quá trình phát triển. Trong đó, Quy hoạch Vùng ĐBSCL đã xác định *“Tăng cường liên kết giữa các địa phương trong vùng đồng bằng sông Cửu Long; với thành phố Hồ Chí Minh và vùng Đông Nam Bộ; mở rộng giao thương với các nước trong khu vực ASEAN, đặc biệt là các nước thuộc Tiểu vùng sông Mê Công”*.

- Trong nội dung xác định các vùng động lực quốc gia; đề nghị xem xét, bổ sung phân tích về các nội dung liên kết các giữa các vùng động lực và tác động lan tỏa của các vùng động lực là cơ sở pháp lý cho việc cụ thể hóa các

tiềm năng, lợi thế của các địa phương vào Quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch Tỉnh. Cụ thể, các địa phương thuộc tiểu vùng như: Long An, Tiền Giang, Đồng Tháp chịu tác động lan tỏa của Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam là vùng phát triển năng động, giữ vai trò quan trọng hàng đầu đối với phát triển kinh tế của cả nước. Tuy nhiên, trong nội dung dự thảo xác định Vùng động lực khu vực ĐBSCL lại không đề cập đến vai trò của tiểu vùng này trong mối liên kết với Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

- Các hành lang kinh tế trong dự thảo được xác định tập trung trên các trục giao thông đường bộ. Đề nghị bổ sung Trục hành lang kinh tế dọc sông Tiền sông Hậu là hành lang kinh tế quan trọng của Vùng ĐBSCL nói riêng và của quốc gia nói chung (đã được xác định trong Quy hoạch Vùng).

Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp phúc đáp Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tổng hợp chung./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT/UBND tỉnh;
- Sở KH&ĐT;
- LĐVP/UBND tỉnh;
- Lưu VT+NC/ĐTXD.nbht

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Thiện Nghĩa

UBND TỈNH GIA LAI
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Số: 2249/SKHĐT-QH,TH-ODA

V/v tham gia ý kiến đối với Quy hoạch
tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030,
tầm nhìn đến năm 2050.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 20 tháng 7 năm 2022

Kính gửi: - Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai.

Thực hiện Công văn số 4595/BKHĐT-CLPT ngày 07/7/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Văn bản giao nhiệm vụ số 2188/VP-KTTH ngày 13/7/2022 về việc góp ý đối với quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050; Sở Kế hoạch và Đầu tư đã có văn bản số 2184/SKHĐT-QH,TH-ODA ngày 13/7/2022 yêu cầu các sở, ngành nghiên cứu, tham gia góp ý về nội dung trên.

Sau khi tổng hợp và nghiên cứu dự thảo các Báo cáo: (1) Dự thảo báo cáo quy hoạch tổng thể quốc gia, (2) Dự thảo báo cáo đánh giá môi trường chiến lược đối với quy hoạch tổng thể quốc gia, (3) Hệ thống sơ đồ, bản đồ quy hoạch; Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai tham gia ý kiến, cụ thể như sau:

I. Đối với Dự thảo báo cáo quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050:

1. Cơ bản thống nhất với bố cục, nội dung, cấu trúc... của dự thảo báo cáo tổng hợp quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư soạn thảo.

2. Đề nghị cơ quan soạn thảo bám sát: Nghị quyết số 39/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 của Quốc hội về Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025; Quyết định số 461/QĐ-TTg ngày 14 tháng 4 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch vùng Tây Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các văn bản pháp luật liên quan để xác định quan điểm, mục tiêu, định hướng... đối với vùng Tây Nguyên, các tỉnh thuộc vùng Tây Nguyên theo đúng quy định.

3. Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, bổ sung một số nội dung liên quan đến vùng Tây Nguyên và tỉnh Gia Lai trong dự thảo Báo cáo như sau:

3.1. Về hiện trạng phát triển vùng và liên kết vùng, mục 5.2.4 Vùng Tây Nguyên (trang 168): đề nghị bổ sung phần đánh giá hành lang kinh tế để làm cơ sở xác định quan điểm, mục tiêu, định hướng trong giai đoạn tiếp theo.

3.2 Về định hướng và tổ chức không gian phát triển các ngành, lĩnh vực:

- Nội dung về Quan điểm, mục tiêu phát triển ngành nông nghiệp (trang 348, 349): xem xét bổ sung mục tiêu nền kinh tế nông nghiệp hướng hữu cơ đảm bảo tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

- Nội dung về Định hướng phát triển nông nghiệp Vùng Tây Nguyên (trang 354): Nghiên cứu bổ sung đẩy mạnh phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã, thực hiện Chương trình “Một xã một sản phẩm” gắn với phát triển kinh tế số, phát triển du lịch nông thôn và xây dựng nông thôn mới.

- Nội dung về Định hướng phân bố vùng sản xuất tập trung, một số sản phẩm chủ lực quốc gia – Sản phẩm trồng trọt (trang 355): Nghiên cứu bổ sung Cây dược liệu vào sản phẩm chủ lực quốc gia.

3.3 Về Định hướng phát triển và phân bố không gian các ngành dịch vụ chủ yếu: Vùng Tây Nguyên (trang 362,363): tại nội dung “Tiếp tục đầu tư nâng cao chất lượng sản phẩm, khả năng cạnh tranh để khẳng định thương hiệu khu du lịch quốc gia đối với khu du lịch quốc gia đã được công nhận là khu du lịch hồ Tuyền Lâm (tỉnh Lâm Đồng). Định hướng phát triển 04 khu du lịch, gồm: Măng Đen (tỉnh Kon Tum); Biển Hồ - Chư Đăng Ya (tỉnh Gia Lai); Đan Kia - Suối Vàng (tỉnh Lâm Đồng); Yokđôn (tỉnh Đắk Lắk)”, đề nghị **bổ sung Khu du lịch sinh thái khu dự trữ sinh quyển thế giới Kon Hà Nừng của tỉnh Gia Lai.** Vì Khu dự trữ sinh quyển Cao nguyên Kon Hà Nừng được UNESCO công nhận vào ngày 15/9/2021 là khu dự trữ sinh quyển đặc trưng cao nguyên, có tổng diện tích 413.511,67ha (bao gồm toàn bộ diện tích Vườn Quốc gia Kon Ka Kinh, Khu Bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng; một phần diện tích của 5 huyện: Đak Đoa, Mang Yang, Kbang, Chư Păh, Đak Pơ và thị xã An Khê), gồm 2 vùng lõi là Vườn Quốc gia Kon Ka Kinh và Khu Bảo tồn Thiên nhiên Kon Chư Răng, có hệ sinh thái rừng thường xanh, có tính đa dạng sinh học cao đặc trưng cho hệ sinh thái rừng, hệ thực vật rừng và hệ động vật rừng của khu vực Tây Nguyên. Khu dự trữ sinh quyển này cũng có vai trò quan trọng trong việc phát triển kinh tế xã hội và duy trì sự cân bằng sinh thái của không chỉ khu vực Tây Nguyên và mà cả khu vực Trung Trung Bộ và Đông Nam Bộ của Việt Nam.

3.4 Về Định hướng phát triển mạng lưới cơ sở thể dục thể thao (trang 376):

Tại nội dung “Hoàn thành cơ bản xây dựng Khu Liên hợp thể thao quốc gia ... (4) Vùng Tây Nguyên: Xây dựng khu liên hợp thể dục thể thao Tỉnh Đắk Lắk...”; đề nghị chỉnh sửa như sau: **Vùng Tây Nguyên: Xây dựng khu liên hợp thể dục thể thao tại tỉnh Gia Lai.** Vì với những tiềm năng, lợi thế sẵn có, định hướng quy hoạch Gia Lai thành trung tâm thể dục thể thao sinh thái; tạo dấu ấn riêng, khẳng định vị trí và thương hiệu Gia Lai với cả nước và quốc tế; Gia Lai có các công trình phục vụ thi đấu thể dục thể thao được xây dựng khá quy mô; có Học viện Bóng đá Hoàng Anh Gia Lai, có các sân tập đạt chuẩn, chuyên đào tạo bóng đá trẻ của Gia Lai và cả nước; là một điểm đến, thu hút khách du lịch đến tham quan trải nghiệm thực tế; tỉnh Gia Lai cũng đã Quy hoạch Khu thể dục thể thao đạt chuẩn quốc gia.

3.5 Về Phương hướng phát triển và phân bố không gian (trang 395)

Mục 1.3.1 Đường bộ: ... Ưu tiên đầu tư xây dựng, hoàn thành các tuyến cao tốc kết nối liên vùng, các tuyến cao tốc gắn với hình thành các hành lang kinh tế Đông – Tây như Điện Biên - Sơn La - Hòa Bình - Hà Nội, Buôn Ma Thuột - Khánh Hòa, Dầu Giây - Đà Lạt, Biên Hoà - Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh -

Chon Thành - Hoa Lư, Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài, Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng: đề nghị bổ sung tuyến cao tốc Pleiku - Quy Nhơn đầu tư trước năm 2030 và Pleiku - Lệ Thanh sau năm 2030 (Thủ tướng Chính phủ đã đồng ý tại Thông báo Kết luận số 173/TB-VPCP ngày 15/6/2022 về Kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại buổi làm việc với Ban Thường vụ Tỉnh ủy Gia Lai).

Mục 1.3.2 Đường sắt (trang 395,396): đề nghị xem xét Tuyến đường sắt kết nối các tỉnh Tây Nguyên đầu tư *trước năm 2030*.

Mục 1.3.5 Hàng không (trang 397) ... đề nghị bổ sung đầu tư nâng cấp cảng hàng không Pleiku (thời gian thực hiện *trước năm 2030*).

3.6 Về Định hướng phát triển chế biến, thương mại gỗ và lâm sản

Nội dung về *Phát triển vùng nguyên liệu* (trang 438): Tiếp tục duy trì các vùng nguyên liệu quan trọng trong khai thác chế biến lâm sản. Thiết lập ít nhất 5 khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại một số vùng như địa điểm dự kiến tại các vùng: Đông Bắc Bộ (Yên Bái); Bắc Trung Bộ (Nghệ An); Nam Trung Bộ (Bình Định); Tây Nguyên (Đắk Lắk) và Đông Nam Bộ (Đồng Nai) để thúc đẩy hoạt động nghiên cứu, ứng dụng công nghệ và đưa vào sản xuất các sản phẩm công nghệ từ khâu giống cây lâm nghiệp công nghệ cao, trồng rừng, khai thác rừng và chế biến gỗ và lâm sản... đề nghị nghiên cứu bổ sung Khu lâm nghiệp ứng dụng Công nghệ cao tại tỉnh Gia Lai.

3.7 Về Định hướng sử dụng đất khu kinh tế (trang 484):

“Quy hoạch, đến năm 2030 ổn định phát triển 26 khu kinh tế cửa khẩu tại 21 tỉnh với tổng diện tích 775,82 nghìn ha (diện tích đất liền 724,02 nghìn ha, diện tích mặt biển 51,80 nghìn ha), giảm 0,21 nghìn ha so với năm 2020, trong đó giữ nguyên 25 khu; điều chỉnh giảm diện tích khu kinh tế cửa khẩu Lệ Thanh (Đường 19), tỉnh Gia Lai còn 41,52 nghìn ha, giảm 0,21 nghìn ha”. Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh được thành lập theo Quyết định số 139/2001/QĐ-TTg ngày 21/9/2001 của Thủ tướng Chính phủ có diện tích tự nhiên 41,515 nghìn ha, do vậy **bỏ nội dung “giảm 0,21 nghìn ha”**.

3.8 Về Đề xuất tối ưu hóa tổ chức vùng trời và phương thức bay các cảng hàng không, sân bay đang khai thác:

Đề xuất trong giai đoạn đến năm 2030 (trang 503 - 505): bổ sung sân bay Pleiku (tỉnh Gia Lai) được nâng cấp, mở rộng và có chuyến bay quốc tế.

3.9 Về Định hướng phát triển vùng và liên kết vùng:

- Vùng Tây Nguyên (trang 513) có nêu: “... Xây dựng thành phố Pleiku trở thành đô thị trung tâm tiểu vùng Bắc Tây Nguyên và một trong những đô thị hạt nhân trong Tam giác phát triển Campuchia - Lào”. Đề nghị bổ sung đầy đủ nội dung: “*Xây dựng tỉnh Gia Lai trở thành trung tâm khu vực Bắc Tây Nguyên và vùng động lực trong tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Campuchia; xây dựng thành phố Pleiku là một trong những đô thị hạt nhân trong tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Campuchia theo hướng đô thị thông minh, với tính chất*

đô thị là cao nguyên xanh, vì sức khỏe con người” theo đúng căn cứ tại điểm đ, khoản 1, mục IV, điều 1 của Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 14/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Nội dung “ ..sau năm 2030 xây dựng các tuyến cao tốc Quy Nhơn – Pleiku...” (tại trang 514) đề nghị chỉnh sửa thời gian *trước năm 2030*. Vì thời gian triển khai dự án này đã được đồng ý tại thông báo Kết luận số 173/TB-VPCP ngày 15/6/2022 về Kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại buổi làm việc với Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Gia Lai. Đồng thời tại Quyết định số 1831/QĐ-TTg ngày 01/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các dự án kêu gọi đầu tư nước ngoài giai đoạn 2021-2025 thì danh mục này được đưa vào danh mục quốc gia; tại Nghị quyết 05-NQ/TU ngày 20/01/2022 Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 BCH Đảng bộ tỉnh khoá XVI về phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, nhất là vùng động lực của tỉnh Gia Lai đến năm 2030, đã xác định trong Mục tiêu đến năm 2025: Phối hợp với tỉnh Bình Định khẩn trương xây dựng đề án khả thi trình Chính phủ sớm đưa vào khởi công và phấn đấu hoàn thành trước năm 2030 tuyến đường cao tốc Quy Nhơn – Pleiku dài 180km (có thể thực hiện theo hình thức đối tác công tư).

- Nội dung Nâng cấp cảng hàng không Liên Khương thành cảng hàng không quốc tế, bổ sung thêm nâng cấp cảng hàng không Pleiku.

3.10 Về định hướng các hành lang kinh tế (trang 465):

Đề nghị bổ sung thêm hành lang kinh tế “Quy Nhơn – Pleiku - Lệ Thanh”, đây là hành lang kinh tế có ý nghĩa quan trọng kết nối phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh của vùng Tây Nguyên, kết nối các tỉnh khu vực Duyên hải miền Trung và khu vực Tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam; Đồng thời theo Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm 2050” đã có định hướng quy hoạch tuyến cao tốc Quy Nhơn – Pleiku – Lệ Thanh.

3.11 Về Định hướng thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản; Mục Đá ốp lát (trang 452) đề nghị bổ sung:

Vùng Tây Nguyên: tỉnh Gia Lai.

Vì hiện nay UBND tỉnh Gia Lai đang đề nghị Bộ Xây dựng bổ sung một số mỏ đá ốp lát tại các huyện: Kbang, Ayun Pa, Krông Pa,... vào Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng ở Việt Nam.

3.12 Đề nghị thống nhất lại tiến trình đầu tư hoàn thành trước năm 2030 đối với các tuyến cao tốc Quy Nhơn – Pleiku và cao tốc Bắc - Nam phía Tây, nội dung này trong các Dự thảo chưa có sự thống nhất (*Dự thảo Báo cáo quy hoạch tổng thể quốc gia: trang 471, trang 395, trang 513, trang 514, bảng 76; Dự thảo báo cáo đánh giá môi trường chiến lược đối với quy hoạch tổng thể quốc gia: trang 273*).

Ngoài ra, đề nghị rà soát, chỉnh sửa lỗi Form chữ, lỗi về câu, từ, lỗi chính tả, một số từ, thuật ngữ chuyên môn sử dụng chưa hợp lý, ví dụ: "... mưa phùn là thời tiết đặc sắc ở mùa đông miền Bắc" nên thay bằng "...mưa phùn là thời tiết đặc trưng ở mùa đông miền Bắc", hay "... Bộ giống cây ăn quả đặc biệt là các giống đặc sắc" (trang 590) nên thay bằng "...Bộ giống cây ăn quả, đặc biệt là các giống đặc sản"; hoặc cần nhất quán cụm từ: "dân di cư, nhập cư" thay vì "dân xuất cư, nhập cư"; hay "... Vùng sản xuất cây hồ tiêu thuộc 8 tỉnh (Quảng Trị, Gia Lai...), diện tích cho sản phẩm năm 2019 là 112,9 nghìn ha chiếm 85% diện tích gieo trồng (trang 585) nên viết là ... "...chiếm 85% tổng diện tích hồ tiêu của cả nước" v.v...

Cần xem lại nhận định "... tỷ lệ 100 bé trai được sinh ra/100 bé gái luôn cao hơn" là chưa chính xác, nên thay bằng "... tỷ lệ % bé trai được sinh ra luôn cao hơn so với bé gái được sinh ra" v.v...

II. Đối với dự thảo báo cáo đánh giá môi trường chiến lược quy hoạch tổng thể quốc gia:

1. Qua nghiên cứu hồ sơ, cơ bản thống nhất như dự thảo báo cáo.

2. Đề xuất một số ý kiến như sau:

2.1 Về phương án phát triển kinh tế - xã hội chung của quốc gia ngành nông nghiệp (trang 42) Nâng diện tích đất trồng trọt hữu cơ đạt trên 2% tổng diện tích đất trồng trọt với các cây trồng chủ lực: lúa, rau đậu các loại, cây ăn quả, chè, hồ tiêu, cà phê, điều, dừa... **bổ sung cây được liệt.**

2.2 Về Định hướng quản lý, bảo vệ và phát triển rừng (trang 58): đề nghị nghiên cứu tăng diện tích rừng phòng hộ nhằm đáp ứng được những diễn biến phức tạp của quá trình biến đổi khí hậu, nhất là diện tích rừng phòng hộ ven biển.

2.3 Về Các chỉ tiêu của ngành lâm nghiệp đến năm 2030 (trang 359): đề nghị nghiên cứu bổ sung thêm tỷ lệ % diện tích rừng tự nhiên được nâng cấp chất lượng, nâng cao hiệu quả bảo tồn vào năm 2050; đồng thời cũng đặt ra những định hướng cho ngành Lâm nghiệp đến năm 2050.

III. Hệ thống sơ đồ, bản đồ:

Không có ý kiến tham gia.

Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai kính báo Bộ Kế hoạch và Đầu tư và UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu VT-QH, TH-ODA, (NTHiệp 01b)



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Quế

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **1855** /UBND-TH

Hà Nam, ngày **20** tháng 7 năm 2022

V/v tham gia ý kiến đối với Dự thảo
Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ
2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Thực hiện công văn số 4595/BKHĐT-CLPT ngày 07/7/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến đối với Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; trên cơ sở ý kiến tham gia của các Sở, Ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam tổng hợp, tham gia ý kiến đối với Dự thảo Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 như sau:

1. Về ý kiến góp ý chung:

- Hồ sơ lấy ý kiến Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 gồm: (1) Dự thảo báo cáo quy hoạch tổng thể quốc gia; (2) Dự thảo báo cáo đánh giá môi trường chiến lược đối với quy hoạch tổng thể quốc gia; (3) Hệ thống sơ đồ, bản đồ quy hoạch về cơ bản đã bám sát quy định của Luật Quy hoạch, Nghị định số 37/2019/NĐ-CP và Nhiệm vụ lập Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Chính Phủ phê duyệt tại Nghị quyết số 143/NQ-CP ngày 04/10/2020. Nội dung các mục được xây dựng công phu, bao trùm và toàn diện. Dự thảo quy hoạch có tầm nhìn dài hạn, mang tính định hướng cao, xác định việc phân bố và tổ chức không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh và bảo vệ môi trường mang tính chiến lược trên lãnh thổ quốc gia, có tầm quan trọng cấp quốc gia và có tính liên vùng; đồng thời bảo đảm sự liên kết, tính đồng bộ và hệ thống giữa các ngành và các vùng trong cả nước; khai thác, sử dụng tối đa kết cấu hạ tầng hiện có nhằm phát huy tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng địa phương.

2. Đề nghị nghiên cứu chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện một số nội dung cụ thể như sau:

2.1. Về các yếu tố, điều kiện phát triển và hiện trạng phát triển quốc gia

- Tại điểm b. Vị trí của nông nghiệp Việt Nam trong nông nghiệp thế giới của mục 1.2.1.1. Vai trò, vị trí của nông nghiệp Việt Nam trong nông nghiệp thế giới (trang 92) đề nghị bổ sung bảng số liệu thống kê về diện tích, sản lượng và kim ngạch xuất khẩu một số nông sản chính tại Việt Nam so với thế giới.

- Tại mục 11.1.2. Môi trường nước (trang 292): Đề nghị đưa ra trong phần đánh giá chính về chất lượng nước tại các lưu vực sông, một số sông, đoạn sông, chất lượng nước không đảm bảo cho mục đích cấp nước sinh hoạt như tại đoạn sông Đáy chịu ảnh hưởng ô nhiễm nguồn nước sông Nhuệ, mức độ ô nhiễm chưa

có dấu hiệu giảm, ảnh hưởng đến sức khỏe và hoạt động sản xuất nông nghiệp trong lưu vực sông.

2.2. Về định hướng và tổ chức không gian phát triển các ngành, lĩnh vực

2.2.1. Về định hướng phát triển công nghiệp (từ trang 344-346):

Đề nghị xem xét bổ sung quan điểm, định hướng phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ, đặc biệt lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ cho công nghiệp công nghệ cao (theo Nghị Quyết số 115/NQ-CP ngày 06/8/2020 của Chính phủ về các giải pháp thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ).

2.2.2. Về định hướng các ngành kinh tế:

Tại điểm b, khoản 3.2.1.2 (trang 360) đặt ra mục tiêu:

“b) Một số mục tiêu cụ thể

- Đến năm 2030, phân đầu đón được ít nhất 35 triệu lượt khách quốc tế và 150 triệu lượt khách nội địa; duy trì tốc độ tăng trưởng bình quân khách quốc tế khoảng 14,2%/năm và khách nội địa khoảng 10,7%/năm; tổng thu từ khách du lịch đóng góp 9 - 11% vào GDP.

- Phân đầu đến năm 2030, tạo ra 6-7 triệu việc làm, trong đó có trên 2 triệu việc làm trực tiếp.”

Đề nghị xem xét điều chỉnh các mục tiêu cụ thể đến năm 2030 cho phù hợp với mục tiêu đề ra tại Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030 (Điều 20 của Luật Quy hoạch quy định Căn cứ lập quy hoạch gồm Chiến lược phát triển KT-XH, chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực trong cùng giai đoạn phát triển); cụ thể mục tiêu tại Quyết định số 147/QĐ-TTg như sau:

“2. Đến năm 2030

Du lịch thực sự là ngành kinh tế mũi nhọn và phát triển bền vững. Việt Nam trở thành điểm đến đặc biệt hấp dẫn, thuộc nhóm 30 quốc gia có năng lực cạnh tranh du lịch hàng đầu thế giới, đáp ứng đầy đủ yêu cầu và mục tiêu phát triển bền vững.

- Tổng thu từ khách du lịch: Đạt 3.100 - 3.200 nghìn tỷ đồng (tương đương 130 - 135 tỷ USD), tăng trưởng bình quân 11 - 12%/năm; đóng góp trực tiếp vào GDP đạt 15 - 17%.

- Tạo ra khoảng 8,5 triệu việc làm, trong đó có khoảng 3 triệu việc làm trực tiếp, tăng trưởng bình quân 8 - 9%/năm.

- Về khách du lịch: Phân đầu đón được ít nhất 50 triệu lượt khách quốc tế và 160 triệu lượt khách nội địa; duy trì tốc độ tăng trưởng bình quân về khách quốc tế từ 8 - 10%/năm và khách nội địa từ 5 - 6%/năm.”

2.2.3. Về định hướng phân bố không gian phát triển hệ thống du lịch Quốc gia:

- Tại mục phương hướng phân bố không gian phát triển du lịch vùng đồng bằng sông Hồng (trang 361): đề nghị điều chỉnh “du lịch sinh thái, thư giãn cuối tuần tại vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên: Tràng An, Cúc Phương” thành “du lịch sinh thái, thư giãn cuối tuần tại vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên: Tràng An, Cúc Phương, Ba Sao”; vì tại Ba Sao dự kiến sẽ thành lập “Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Voọc mông trắng” đồng thời tại Ba Sao đang thực hiện công tác giải phóng mặt bằng để triển khai dự án Khu đô thị nghỉ dưỡng và vui chơi giải trí cao cấp Ba Sao (*Dự án do Công ty cổ phần Mặt trời Hà Nam thực hiện với Quy mô đất thực hiện dự án khoảng 177,41 ha với tổng mức đầu tư 6.225,5 tỷ đồng*).

- Mục c - Tại trang 364: Phương hướng phát triển các khu du lịch quốc gia ưu tiên: Đề nghị bổ sung Khu du lịch quốc gia Tam Chúc theo Quyết định số 526/QĐ-TTg ngày 15/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển Khu du lịch quốc gia Tam Chúc, tỉnh Hà Nam đến năm 2030.

2.2.4. Về định hướng phát triển mạng lưới cơ sở thể dục thể thao (mục 2.2.3 – trang 376)

Xây dựng, nâng cấp các khu liên hợp thể thao các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đóng vai trò là các cơ sở liên kết tổ chức Đại hội thể thao khu vực, châu lục tại Việt Nam, đồng thời thúc đẩy phát triển thể dục, thể thao vùng, liên vùng. Đề nghị **bổ sung Hà Nam** đối với vùng đồng bằng sông Hồng; hiện tại Tỉnh Hà Nam có nhà thi đấu đa năng đạt tiêu chuẩn thi đấu quốc tế.

2.2.5. Về định hướng phát triển mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập (Mục 3 trang 378):

Đề nghị điều chỉnh nội dung “Tiếp tục thu hút đầu tư vào các khu công nghệ cao như Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, các khu công nghệ thông tin tập trung” thành “Tiếp tục thu hút đầu tư vào các khu công nghệ cao như Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, các khu công nghệ thông tin tập trung; **thành lập và phát triển Khu công nghệ cao Hà Nam**”.

Khu Công nghệ cao Hà Nam đã được Thủ tướng Chính phủ bổ sung vào Quy hoạch tổng thể phát triển Khu Công nghệ cao đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 tại Quyết định số 2098/QĐ-TTg ngày 14 tháng 12 năm 2021; Hiện nay, UBND tỉnh Hà Nam đã lấy ý kiến các Bộ, ngành Trung ương, hoàn thiện Hồ sơ và trình Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập và ban hành Quy chế hoạt động của Khu Công nghệ cao Hà Nam.

2.2.5. Về phương hướng phát triển, phân bố không gian mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm (trang 380):

Đề nghị bổ sung chủ trương di dời các cơ sở giáo dục đại học, bệnh viện theo quy hoạch ra khỏi khu vực nội thành Hà Nội theo Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2.2.6. Về định hướng bảo vệ và phát triển rừng

Tại mục 3.3.2. Định hướng phát triển bền vững ba loại rừng (trang 436): “Diện tích đất rừng đặc dụng quy hoạch đến năm 2030 trên cơ sở dự kiến thành lập mới một số khu rừng đặc dụng như Khu bảo tồn loài và Sinh cảnh Voọc móng trắng huyện Kim Bảng – Nam Định,...” **đề nghị sửa thành** “Diện tích đất rừng đặc dụng quy hoạch đến năm 2030 trên cơ sở dự kiến thành lập mới một số khu rừng đặc dụng như Khu bảo tồn loài và Sinh cảnh Voọc móng trắng huyện Kim Bảng – Hà Nam,...”

2.2.7. Về định hướng bảo vệ môi trường:

Tại Trang 454: Đề nghị tăng tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định để đảm bảo mục tiêu bảo vệ môi trường nước, giảm thiểu tác động ô nhiễm nguồn nước do nước thải sinh hoạt, sản xuất đối với các lưu vực sông, đặc biệt đối với các lưu vực sông đang có mức độ ô nhiễm nghiêm trọng cần nâng tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý tại các đô thị thượng nguồn lưu vực lên trên 80%. Đề nghị nghiên cứu không xác định mục tiêu về tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý theo loại đô thị để đảm bảo công bằng về chất lượng môi trường tại các đô thị, nâng cao chất lượng môi trường đô thị nhỏ và khu vực nông thôn. Bổ sung mục tiêu về chỉ tiêu cây xanh tại các đô thị.

2.2.8. Về định hướng phân vùng và liên kết vùng

- Tại Mục V-2.2.2. Định hướng phát triển vùng và liên kết vùng Đồng bằng sông Hồng: Trang 510-511

+ Đối với định hướng phát triển chuỗi sản phẩm tổng hợp về du lịch, dự thảo đề xuất tại khu vực động lực du lịch Hà Nội - Quảng Ninh - Hải Phòng - Ninh Bình, đề nghị tách thành 02 vùng động lực: Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh và Hà Nội - Hà Nam - Ninh Bình.

+ Đối với khu vực Nam Đồng bằng sông Hồng: Đối với định hướng “Tập trung tái cơ cấu nông nghiệp, ưu tiên phát triển các sản phẩm có giá trị cao; phát triển nông nghiệp công nghệ cao, chăn nuôi gia súc, gia cầm, nuôi trồng thủy sản tập trung; đón đầu sự lan tỏa công nghiệp từ vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ để phát triển đa dạng hơn các ngành công nghiệp, nhất là các ngành có chất lượng cao, giá trị gia tăng lớn.” **Đề nghị bổ sung** định hướng phát huy thế mạnh về truyền thống và văn hóa đặc trưng vùng đồng bằng Bắc Bộ, tận dụng lợi thế cửa ngõ phía Nam vùng thủ đô Hà Nội kết nối với các tỉnh Bắc Trung Bộ để phát triển đa dạng các ngành công nghiệp, nhất là công nghiệp công nghệ cao; phát triển du lịch văn hóa - tâm linh và dịch vụ hỗ trợ (*thương mại, y tế*) - dịch vụ logistic; khai thác thế mạnh về vùng sản xuất nông nghiệp, vùng nguyên liệu sản

xuất vật liệu xây dựng, khoáng sản để phát triển một số loại hình công nghiệp đặc thù, tiểu thủ công nghiệp dạng phân tán, thân thiện với môi trường.

+ Phát triển kết cấu hạ tầng vùng: Đề nghị bổ sung ưu tiên phát triển hệ thống giao thông công cộng kết nối nội vùng, trong đó bao gồm xây dựng đường sắt nội vùng thủ đô Hà Nội.

2.2.9. Về định hướng phát triển hệ thống đô thị và nông thôn

- Tại Mục VI. Định hướng phát triển hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia (trang 517):

+ Mục b – 2.1. Đề nghị bổ sung định hướng phát triển đối với các đô thị nhỏ loại V và loại IV (*đối với các thị trấn là đô thị loại IV*) với mục tiêu hình thành các đô thị nhỏ có chất lượng sống tốt, theo hướng đô thị tăng trưởng xanh, sinh thái.

+ Mục 3.1. Về tiếp tục phát huy hiệu quả, tác động lan tỏa của 2 vùng đô thị lớn Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh trong định hướng phân bố các vùng đô thị lớn và mối liên kết giữa các vùng đô thị lớn trong toàn quốc: bổ sung định hướng phát triển cho các đô thị vệ tinh của thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh để giảm bớt việc tập trung quá lớn dân cư vào vùng lõi 02 thành phố loại đặc biệt.

2.3. Về quy hoạch phát triển Khu công nghệ cao quốc gia

Đề nghị bổ sung nội dung về quy hoạch tổng thể phát triển khu công nghệ cao quốc gia; Xác định rõ định hướng phát triển của các Khu công nghệ cao; Thể hiện mạng lưới và sự phân bố các Khu công nghệ cao trong quy hoạch và hệ thống bản đồ quy hoạch; Bổ sung các nội dung liên quan tới Khu Công nghệ cao Hà Nam đã được Thủ tướng Chính phủ bổ sung vào Quy hoạch tổng thể phát triển Khu Công nghệ cao đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 2098/QĐ-TTg ngày 14 tháng 12 năm 2021.

2.4. Về dự án quan trọng quốc gia

Dự thảo báo cáo mới chỉ thể hiện các dự án quan trọng quốc gia trong lĩnh vực giao thông – vận tải, do đó, để hoàn thiện nội dung trên, đề nghị bổ sung danh mục dự án quan trọng quốc gia và thứ tự ưu tiên thực hiện đối với các lĩnh vực kinh tế - xã hội và hạ tầng kỹ thuật khác.

2.5. Phần hệ thống bản đồ

+ Đề nghị sửa lại chú giải “UBND tỉnh” thành “*thành phố tỉnh lỵ*” để phù hợp với các chú thích trên bản đồ.

+ Bản đồ định hướng phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật: Bổ sung vị trí quy hoạch sân bay thứ hai trong vùng thủ đô.

+ Bản đồ định hướng sử dụng đất: Bổ sung ký hiệu quy hoạch đô thị loại I đối với thành phố Phủ Lý; Khu công nghệ cao Hà Nam, các khu công nghiệp quy hoạch trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

+ Bản đồ định hướng phát triển ngành hạ tầng xã hội cấp quốc gia: Bổ sung vị trí cơ sở 2 các bệnh viện Bạch Mai, Việt Đức, Lão Khoa, Đại học Y trên địa bàn tỉnh Hà Nam, vị trí di tích lịch sử quốc gia cấp đặc biệt tại chùa Long Đọi Sơn (*thị xã Duy Tiên*) và đền Trần Thương (*huyện Lý Nhân*).

+ Bản đồ định hướng phát triển hệ thống đô thị và nông thôn: Bổ sung định hướng phát triển đô thị loại I trực thuộc tỉnh đối với thành phố Phủ Lý, đô thị loại III đối với thị xã Duy Tiên (*thành phố Duy Tiên*), huyện Kim Bảng (*thị xã Kim Bảng*).

Trên đây là ý kiến tham gia đối với Hồ sơ Dự thảo Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Ủy ban nhân dân tỉnh trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận: *CS*

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- VPUB: LĐVP, các CV;
- Lưu: VT, TH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Anh Chúc

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2345 /UBND-KH&ĐT
V/v tham gia ý kiến đối với dự thảo
Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ
2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2022

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Ngày 07/7/2022, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản số 4595/BKHĐT-CLPT về việc tham gia ý kiến đối với dự thảo Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây gọi tắt là Quy hoạch); sau khi nghiên cứu, UBND thành phố Hà Nội tham gia ý kiến góp ý như sau:

1. Dự thảo Quy hoạch được xây dựng công phu, bao gồm: (1) Báo cáo tổng hợp quy hoạch (545 trang chưa kể phụ lục); (2) Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược (458 trang); (3) Hệ thống bản đồ, hình vẽ: 25 hình vẽ, 18 hệ thống bản đồ, 91 bảng biểu; (4) Các phụ lục kèm theo. UBND Thành phố cơ bản thống nhất với các nội dung trong dự thảo Quy hoạch. Việc lấy ý kiến để bổ sung, hoàn thiện, sớm tổ chức thẩm định, trình phê duyệt Quy hoạch làm cơ sở để lập quy hoạch vùng, quy hoạch ngành quốc gia và các địa phương hoàn thiện quy hoạch tỉnh là cần thiết và phù hợp với các quy định của Luật Quy hoạch năm 2017.

2. Để tiếp tục bổ sung, hoàn thiện Quy hoạch trước khi triển khai các bước tiếp theo, UBND thành phố Hà Nội xin tham gia đóng góp một số ý kiến, cụ thể như sau:

2.1. Về hiện trạng phát triển và liên kết vùng (trang 155): Đề nghị cập nhật báo cáo tổng kết, đánh giá các Nghị quyết của Trung ương về phát triển vùng. Ví dụ, đối với vùng đồng bằng sông Hồng: đề nghị tham khảo Báo cáo tổng kết tình hình thực hiện Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 14/9/2005 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020; Kết luận số 13-KL/TW ngày 28/10/2011 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 54-NQ/TW do Ban Kinh tế Trung ương đang chủ trì triển khai tổng kết tại 11 tỉnh, thành phố trong Vùng và các bộ, ngành Trung ương.

2.2. Về quan điểm phát triển (trang 339): Đề nghị ban soạn thảo xem xét, cân nhắc giữa quan điểm 1 và quan điểm 6 do cùng đề cập đến tổ chức không gian phát triển quốc gia. Đề nghị xem xét, điều chỉnh lại quan điểm 4 như sau: *“Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng quốc gia đồng bộ, hiện đại, tạo bộ khung tổ chức không gian phát triển cả nước, các vùng và hình thành hệ thống đô thị quốc gia có năng lực cạnh tranh cao, phân bố và phát triển hợp lý, tạo động lực quan trọng cho phát triển”*.

2.3. Về các vùng động lực quốc gia (trang 472): việc phân chia 4 vùng động lực trên cơ sở các vùng kinh tế trọng điểm hiện nay là các địa bàn có vị trí, điều kiện thuận lợi nhất, có hệ thống hạ tầng tương đối phát triển, có sân bay, cảng biển, khu kinh tế ven biển, tiềm lực khoa học công nghệ, nhân lực chất lượng cao... là phù hợp. Tuy nhiên, đề nghị cập nhật, nghiên cứu thêm về vai trò, vị trí của Thủ đô Hà Nội đã được xác định tại Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó Thủ đô Hà Nội ngàn năm văn hiến, anh hùng là *“trung tâm đầu não chính trị - hành chính quốc gia, trái tim của cả nước; trung tâm lớn về văn hóa, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, kinh tế và hội nhập quốc tế”*. Về giải pháp, chính sách phát triển các vùng động lực (trang 329): Đề nghị bổ sung, làm rõ hơn về giải pháp phát triển hạ tầng khung có quy mô lớn, có sức lan tỏa, có tính liên kết, có khả năng tạo động lực phát triển (hệ thống đường cao tốc (đường bộ và đường sắt), sân bay, cảng biển...).

2.4. Về các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất: cần rà soát, đánh giá cụ thể hơn về hiệu quả đóng góp, tiềm năng khai thác và khả năng đáp ứng hiện trạng của hệ thống 403 khu công nghiệp, 26 khu kinh tế cửa khẩu, 18 khu kinh tế ven biển.

2.5. Về không gian phát triển các ngành, lĩnh vực (trang 344): cần bổ sung đánh giá thêm nội hàm “Thành phố sáng tạo” và dự kiến đề xuất cho 01 - 03 thành phố đến năm 2030. Từ năm 2019 đến nay, thành phố Hà Nội vẫn là địa phương duy nhất của Việt Nam được UNESCO công nhận đứng trong danh sách các “Thành phố sáng tạo” (lĩnh vực thiết kế), tuy nhiên theo mục tiêu tại Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1909/QĐ-TTg ngày 12/11/2021 đã xác định: *“Phấn đấu có từ 01 đến 03 thành phố sáng tạo thuộc mạng lưới các thành phố sáng tạo UNESCO ở các lĩnh vực thiết kế, ẩm thực, thủ công và nghệ thuật dân gian, nghệ thuật truyền thống nghe nhìn, điện ảnh, văn học, âm nhạc”*. Do đó, phần đánh giá hiện trạng, cũng như phần đề xuất không gian phát triển, đề nghị nghiên cứu, bổ sung đề xuất không gian phát triển đối với các hạ tầng không gian văn hóa đối với một số thành phố để đạt được mục tiêu phát triển “Thành phố sáng tạo”.

2.6. Về định hướng tổ chức không gian theo vùng, lãnh thổ (trang 465): Dự thảo nêu chi tiết các định hướng, tuy nhiên cần xem xét nghiên cứu và đưa ra nguyên tắc định hướng khung về tổ chức không gian, ví dụ: (1) Phát triển theo hướng bền vững, hướng tới phát triển cân bằng, hài hòa giữa các vùng. Bảo đảm sử dụng đất, tài nguyên tiết kiệm, hiệu quả; bảo vệ môi trường; bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử, văn hóa, đa dạng sinh học; phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; (2) Tổ chức không gian phát triển quốc gia gắn hình thành hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, đáp ứng các yêu cầu phát triển dài hạn; (3) Tổ chức không gian phát triển gắn với hình thành hệ thống đô thị quốc gia có năng lực cạnh tranh cao, phân bố hợp lý trên địa bàn cả nước và

trên các vùng; tăng cường liên kết đô thị và nông thôn, xây dựng nông thôn mới theo hướng văn minh, hiện đại, sinh thái; (4) Tổ chức không gian phát triển quốc gia dựa trên sự gắn kết khu vực nội địa với không gian biển, tham gia các hành lang kinh tế quan trọng trong khu vực, phát triển kinh tế - xã hội các dải biên giới gắn với bảo vệ chủ quyền và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

2.7. Về định hướng phân vùng và liên kết vùng (trang 507): Đây là nội dung quan trọng mang tính chất cốt lõi của quy hoạch; vì vậy cần làm rõ cơ sở lựa chọn phân vùng (điều kiện, tiêu chí) theo các quy định hiện hành hoặc quá trình nghiên cứu để đảm bảo tính khoa học, tính thực tiễn của việc phân vùng. Phương án phân vùng hiện nay còn có mặt chưa phù hợp (ví dụ: bất cập về khoảng cách địa lý vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung (bao gồm 14 tỉnh, thành phố) quá dài, gây khó khăn cho việc tập trung đầu tư, liên kết thành các chuỗi giá trị để phát triển các ngành). Vấn đề bất cập này có thể khắc phục khi định hướng tổ chức phát triển vùng thành theo hai tiểu vùng: Tiểu vùng Bắc Trung Bộ và Tiểu vùng Duyên hải Nam Trung Bộ trong quá trình lập quy hoạch vùng thời kỳ 2021-2030. Đồng thời, đề nghị ban soạn thảo nghiên cứu đề xuất phương án phân vùng để thay thế phương án đã được thể chế hóa tại Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội do Nghị định này hiện nay đã không còn phù hợp, nhiều nội dung quy định đã được thay thế bởi Luật Quy hoạch năm 2017 và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành. Ngoài ra, tại nội dung: Những vấn đề trọng tâm, trọng điểm (trang 342), cần đề cập bổ sung thêm về phương án phân vùng, về liên kết phát triển vùng.

2.8. Về định hướng phát triển hệ thống đô thị và nông thôn (trang 518): Định hướng phát triển hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia cần đưa ra các dự báo cụ thể về việc phát triển mạng lưới đô thị trong tương lai, hình thành các cực tăng trưởng, các vùng đô thị hóa động lực và các hành lang tăng trưởng kinh tế chủ đạo gắn với phát triển hệ thống đô thị và nông thôn. Đề nghị xem xét, rà soát để cập thêm các nội dung về định hướng phát triển các đô thị đặc biệt như thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh: trở thành đô thị thông minh, hiện đại; nông thôn xanh, bền vững. Tại mục VI.3.3. Định hướng phân bố các vùng đô thị lớn và mối liên kết giữa các vùng đô thị lớn trong toàn quốc (trang 521) đề nghị ban soạn thảo nghiên cứu thêm Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 để bổ sung nội dung đảm bảo đầy đủ, đặc biệt là định hướng: Tăng tỉ lệ đất phát triển đô thị; xây dựng mô hình thành phố trực thuộc Thủ đô tại khu vực phía Bắc (vùng Đông Anh, Mê Linh, Sóc Sơn) và phía Tây (vùng Hoà Lạc, Xuân Mai)...

Ngoài ra, cần nghiên cứu, bổ sung nội dung thực hiện phân cấp và phân quyền mạnh mẽ hơn cho chính quyền các đô thị gắn với đề cao trách nhiệm, bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý thống nhất của Trung ương. Phát huy và khai thác tốt các nguồn lực từ chính đô thị và nguồn lực từ xã hội cho phát triển đô thị. Tạo mọi điều kiện và khuyến khích các khu vực kinh tế, nhất là kinh tế tư nhân tham gia đầu tư

phát triển đô thị. Xử lý nghiêm minh đối với các sai phạm trong thực hiện quy định pháp luật về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị...

2.9. Về bảo vệ môi trường: Tại mục 3.1.1. Tăng cường các biện pháp quản lý, cải tạo và phục hồi chất lượng môi trường không khí, nước, đất tại các đô thị lớn, lưu vực sông, biển (trang 521): đề nghị nghiên cứu bổ sung giải pháp các địa phương phải thực hiện quản lý tốt các điểm phát thải tại địa bàn quản lý, tránh để xảy ra hiện tượng khí thải phát thải ra không đạt theo quy chuẩn. Tại mục 3.1.2. Quản lý chất thải rắn (trang 523), trọng tâm là quản lý tốt chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nhựa. Các địa phương sớm xây dựng phương án phân loại chất thải rắn đảm bảo theo tiêu chí phân loại của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, khuyến khích các tỉnh, thành phố có phương án phân loại rác nâng cao, đặc biệt là phân loại được chất thải nhựa tại nguồn.

2.10. Một số nội dung khác:

- Về định hướng sử dụng đất: Đề nghị ban soạn thảo rà soát, cập nhật các chỉ tiêu, định hướng sử dụng đất theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất Quốc gia 5 năm 2021-2025 để đảm bảo thống nhất, đồng bộ.

- Về phát triển đô thị: Đề nghị ban soạn thảo rà soát, kiểm tra lại tỷ lệ đô thị hóa của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đạt 43%, Thủ đô Hà Nội hiện mới đạt 49% (trang 69). Tỷ lệ đô thị hóa vùng đồng bằng sông Hồng (Vùng ĐBSH) năm 2020 là 64,7% (trang 309) phần Đánh giá chung về hiện trạng phát triển) là chưa chính xác và chưa trùng khớp với số liệu ở trang 163 mục 5.2.2.5. Hệ thống đô thị (Vùng ĐBSH 37,1%).

- Về đánh giá lợi thế so sánh và cơ hội phát triển, khó khăn, thách thức đối với sự phát triển quốc gia (trang 325): Mục này có nhiều nhận định, đánh giá đã trùng lặp với các nội dung đã đánh giá ở các phần trên, đề nghị ban soạn thảo cân nhắc, hiệu chỉnh đảm bảo logic và phù hợp.

- Về mạng lưới kết cấu hạ tầng giao thông (trang 394): Cần nghiên cứu bổ sung quan điểm về phát triển hệ thống giao thông theo hướng giao thông xanh, giao thông thông minh nhằm định hướng hệ thống giao thông phát triển bền vững.

- Hiện nay, UBND thành phố Hà Nội đang tổ chức lập đồng thời 02 hệ thống quy hoạch: Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo Luật Quy hoạch và Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 theo Luật Quy hoạch đô thị. Trong quá trình nghiên cứu, UBND Thành phố mong muốn tiếp tục nhận được sự phối hợp, hỗ trợ của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các bộ, ngành liên quan; đồng thời, UBND Thành phố tiếp tục chỉ đạo các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan cập nhật các định hướng quy hoạch ngành quốc gia theo chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực phụ trách, tham gia các ý kiến đối với các phương án quy hoạch ngành, lĩnh vực trong dự thảo Quy hoạch tổng thể Quốc gia.

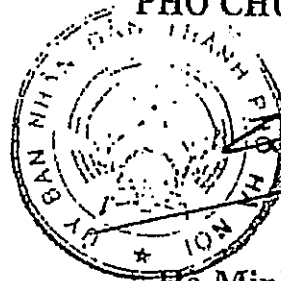
Trên đây là nội dung tham gia ý kiến đối với dự thảo Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. UBND thành phố Hà Nội kính gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để xem xét, tổng hợp chung./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND Thành phố (để b/c);
- PCT UBNDTP Dương Đức Tuấn;
- PCT UBND TP Hà Minh Hải;
- VPUB: CVP, PCVP Đ.Q.Hưng, N.M.Quân;
- Các phòng: TH, ĐT, KTTH;
- Các Sở: KH&ĐT, QHKT;
- Viện NCPTKTXH Hà Nội;
- Viện QHXD Hà Nội;
- Lưu: VT, KTTH_(lưu)

18269 - 4

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hà Minh Hải

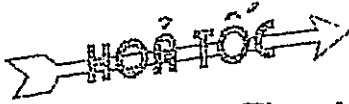
ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4564 /UBND-TH
V/v tham gia ý kiến vào dự thảo
Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ
2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Hải Phòng, ngày 26 tháng 7 năm 2022

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.



Thực hiện Công văn số 4595/BKHĐT-CLPT ngày 07/7/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc tham gia ý kiến đối với dự thảo Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia ý kiến như sau:

1. Cơ bản nhất trí với nội dung dự thảo Quy hoạch tổng thể quốc gia và các tài liệu kèm theo. Nội dung Quy hoạch tổng thể quốc gia cơ bản bám sát Luật Quy hoạch, Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Một số ý kiến đề nghị nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung như sau:

Tại phần I. Về Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

2.1. Về định hướng, quan điểm phát triển công nghiệp, phát triển năng lượng:

Đề nghị bám sát Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 55-NQ/TW của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2.2. Về phát triển hệ thống nguồn và lưới truyền tải:

Đề nghị bám sát theo Dự thảo Quy hoạch Điện VIII hiện Bộ Công Thương đang trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2.3. Nội dung về tài nguyên du lịch biển, đảo (trang 31 Báo cáo):

Đề nghị điều chỉnh: “Hải Phòng (243 đảo)” thành “Hải Phòng (388 đảo)”.

2.4. Nội dung về đánh giá tác động của đại dịch COVID-19 tới phát triển du lịch (trang 119 Báo cáo):

Đề nghị bổ sung số liệu đánh giá để minh họa cho nhận định: “Tác động của đại dịch là hết sức nghiêm trọng tới toàn bộ hệ thống: ... và đặc biệt là đội ngũ lao động du lịch”.

2.5. Về đánh giá hiện trạng các địa bàn trọng điểm du lịch, trung tâm du lịch (trang 231 Báo cáo):

Đề nghị bổ sung Hải Phòng là một trong những địa bàn trọng điểm du lịch, trung tâm du lịch của vùng Đồng bằng sông Hồng và Duyên hải Đông Bắc. Do, năm 2019 Hải Phòng thu hút lượng khách du lịch gấp 1,2 lần và doanh thu du lịch gấp 4,95 lần so với tỉnh Ninh Bình.

2.6. Về định hướng phân bổ không gian phát triển hệ thống du lịch quốc gia (trang 361 Báo cáo):

Đề nghị bổ sung “Khu du lịch Đồ Sơn” vào định hướng phát triển các khu du lịch.

2.7. Về phương hướng phát triển các khu du lịch quốc gia ưu tiên (trang 364 báo cáo):

Đề nghị bổ sung “Khu du lịch quốc gia Hạ Long - Cát Bà” nằm trong định hướng ưu tiên đầu tư phát triển các khu du lịch quốc gia giai đoạn đến năm 2030.

2.8. Về các khu vực di sản thiên nhiên được tổ chức quốc tế công nhận (trang 609 báo cáo):

Đề nghị đính chính thông tin Khu dự trữ sinh quyển Cát Bà thuộc thành phố Hải Phòng (báo cáo đang ghi là tỉnh Quảng Ninh).

2.9. Về hiện trạng phát triển các vùng và liên kết vùng (trang 155 báo cáo):

Đề nghị bổ sung nội dung đánh giá về tính liên kết giữa các vùng.

2.10. Về định hướng quy hoạch mạng lưới hạ tầng giao thông của Quy hoạch tổng thể quốc gia:

Đề nghị rà soát, thống nhất với định hướng của các quy hoạch ngành quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hoặc đang trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2.11. Về hiện trạng mạng lưới y tế công cộng và dự phòng (trang 228 báo cáo):

Đề nghị xem xét lại thuật ngữ “Trung tâm Y tế dự phòng” do hiện tại tất cả các tỉnh/thành phố đều không còn Trung tâm y tế dự phòng mà đã đổi tên thành “Trung tâm Kiểm soát bệnh tật”.

2.12. Về hiện trạng mạng truy nhập băng rộng (trang 246 dự thảo):

Đề nghị chỉnh sửa bổ sung như sau: “Mạng di động 5G cũng đã được cấp phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông tại 08 tỉnh/thành phố (Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Bắc Ninh, Bắc Giang, Bình Phước, Thừa Thiên - Huế, Đà Nẵng”. Do Bộ Thông tin và Truyền thông đã cấp phép và chỉ đạo 02 nhà mạng

Viettel và MobiFone triển khai thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông 5G thành công tại địa bàn thành phố Hải Phòng.

2.13. Đề nghị bổ sung định hướng, quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông (đặc biệt là mạng lưới các trường liên cấp quốc tế) vào nội dung Quy hoạch.

2.14. Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tổng thể quốc gia đã đánh giá được hiện trạng, hạn chế tồn tại, đưa ra quan điểm, mục tiêu, kịch bản và phương án phát triển,... trong đó có lĩnh vực văn hóa và thể thao. Tuy nhiên, hầu hết các nội dung thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao mới chỉ đề cập đến quy mô cấp quốc gia, chưa có nội dung đề cập đến quy mô cấp tỉnh, thành phố.

Vì vậy, đề nghị xem xét bổ sung các nội dung đánh giá và định hướng phát triển lĩnh vực văn hóa, thể thao tại các tỉnh, thành phố, đồng thời bổ sung các biểu số liệu chỉ tiêu phát triển chủ yếu trong lĩnh vực văn hóa, thể thao tại báo cáo quy hoạch.

2.15. Đề nghị thống nhất số liệu đánh giá hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội quốc gia theo giai đoạn 2011-2020 (Hiện trạng ngành du lịch, vận tải... đang đánh giá theo giai đoạn 2011-2019).

2.16. Báo cáo tổng hợp xây dựng 2 kịch bản phát triển là kịch bản thấp và kịch bản phân đầu. Tuy nhiên, Báo cáo không đưa ra phương án chọn để làm căn cứ xây dựng Quy hoạch và chỉ đưa ra nhận định như sau (trang 338 và 339):

"Đối với kịch bản 1, ... Kịch bản này có khả năng xuất hiện cao hơn..."

"Đối với kịch bản 2, ... Khả năng xảy ra kịch bản này cũng khá cao..."

Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, đánh giá cụ thể tính khả thi của 2 kịch bản, thuyết minh rõ và đưa ra phương án lựa chọn 1 trong 2 kịch bản để làm căn cứ xây dựng các mục tiêu, chỉ tiêu, định hướng của Quy hoạch.

2.17. Nội dung "Định hướng phân bố không gian phát triển một số ngành công nghiệp ưu tiên" (trang 347 dự thảo):

Theo Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, một trong những mục tiêu cần đạt là: "Xây dựng và phát triển Hải Phòng trở thành thành phố đi đầu cả nước trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá; động lực phát triển của vùng Bắc Bộ và của cả nước; có công nghiệp phát triển hiện đại, thông minh, bền vững;..."

Theo định hướng Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Hải Phòng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng thông qua tại Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 22/7/2020 và Nghị quyết

số 03/NQ-HDND ngày 12/4/2022 (hiện nay, Đồ án đang trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt), xác định mục tiêu:

- Hải Phòng trở thành thành phố có nền công nghiệp hiện đại giai đoạn 2020 - 2030; Phát triển công nghiệp dựa trên nền tảng kinh tế tri thức, có trình độ khoa học công nghệ và nguồn nhân lực có trình độ cao;

- Giai đoạn 2030 - 2040, phát triển công nghiệp gắn với khoa học công nghệ, các trung tâm nghiên cứu, thiết kế chế tạo thử nghiệm sản phẩm mới và văn phòng của các tập đoàn sản xuất lớn. Tạo nên các sản phẩm có chất lượng và giá trị cao, như công nghệ sinh học, công nghiệp nhiên liệu mới, cơ khí, sản xuất ô tô, công nghiệp vật liệu mới, hóa dược - mỹ phẩm, chế biến nông sản, thực phẩm, dệt may, da, vật liệu xây dựng, nội thất cao cấp, công nghiệp điện... có khả năng cạnh tranh và đáp ứng mọi tiêu chuẩn tiên tiến của các nước phát triển.

- Phát triển bền vững và bảo vệ môi trường.

Như vậy, đề nghị xem xét lại việc định hướng *"Công nghiệp luyện cán thép và sản xuất các sản phẩm thép cho xây dựng, cơ khí chế tạo tập trung tại các trung tâm ở Hải Phòng..."* có phù hợp với định hướng phát triển kinh tế xã hội, định hướng điều chỉnh Quy hoạch chung của thành phố Hải Phòng hay không.

2.18. Về danh mục các dự án nghiên cứu thành dự án quan trọng quốc gia (trang 543):

Đề nghị bổ sung các dự án:

- Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Ninh Bình - Nam Định - Thái Bình - Hải Phòng trong giai đoạn 2021 - 2025. Tại Thông báo số 207/TB-VPCP ngày 17/7/2022 của Văn phòng Chính phủ về Kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Văn Thành tại cuộc họp về công tác chuẩn bị triển khai đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Ninh Bình - Nam Định - Thái Bình - Hải Phòng đã nêu: *"Tuyến đường bộ cao tốc Ninh Bình - Nam Định - Thái Bình - Hải Phòng có vị trí đặc biệt quan trọng, kết nối các tỉnh Ninh Bình, Nam Định, Thái Bình và Hải Phòng - thành phố cửa chính ra biển của Thủ đô và các tỉnh phía Bắc với các cảng biển lớn và cảng hàng không quốc tế"*.

- Dự án xây dựng bến cảng số 5, số 6 Khu bến cảng Lạch Huyện ở Hải Phòng trong giai đoạn 2021 - 2025 và Dự án đầu tư xây dựng cảng biển tại khu bến Nam Đồ Sơn - Văn Úc: Do đây là các cảng biển quan trọng, đã được xác định trong Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2.19. Về định hướng phát triển hệ thống cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá (trang 417) và định hướng tổ chức không gian biển (trang 487):

Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị đã đề ra nhiệm vụ: "...xây dựng đảo Bạch Long Vĩ trở thành trung tâm hậu cần nghề cá và tìm kiếm cứu nạn khu vực phía Bắc".

Đề nghị bổ sung nội dung về xây dựng trung tâm hậu cần nghề cá và tìm kiếm cứu nạn phía Bắc tại đảo Bạch Long Vĩ trong nội dung Quy hoạch tổng thể quốc gia.

Tại phần III. Về hệ thống sơ đồ, bản đồ của Quy hoạch tổng thể quốc gia

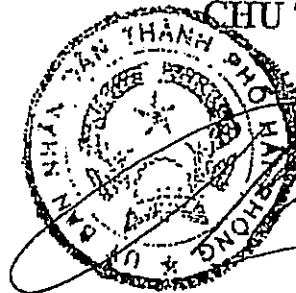
2.20. Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, cập nhật các nội dung thể hiện trên bản đồ, sơ đồ theo nội dung bổ sung, điều chỉnh của Báo cáo tổng hợp.

Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, hoàn thiện nội dung Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. / *vt*

Nơi hạn:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND TP;
- CVP, PCVP;
- Sở KHĐT;
- Phòng TH;
- Lưu: VT *vt*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Tùng

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG

Số: 1061/UBND-NCTH
V/v góp ý Quy hoạch tổng thể
quốc gia thời kỳ 2021 - 2030,
tầm nhìn đến năm 2050

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hậu Giang, ngày 25 tháng 7 năm 2022

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Số: 10222....

ĐẾN Ngày: 27.7.2022

Chuyển:.....

Số và ký hiệu HS:.....

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Thực hiện Công văn số 4595/BKHĐT-CLPT ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến đối với Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, UBND tỉnh Hậu Giang có ý kiến như sau:

1. Về định hướng tổ chức không gian theo vùng, lãnh thổ: Thống nhất định hướng phát triển không gian kinh tế - xã hội, trong đó thống nhất cao việc phát triển mạng lưới giao thông kết nối, định hướng bố trí phát triển theo các hành lang như: Hành lang kinh tế Bắc - Nam phía Đông; Hành lang kinh tế Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng và Hành lang Hà Tiên - Rạch Giá - Cà Mau.

2. Về định hướng phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ: Thống nhất định hướng Quy hoạch tổng thể quốc gia phát triển các đường cao tốc (trang 395). Tuy nhiên, để phát triển đồng bộ hệ thống giao thông đường bộ, tỉnh Hậu Giang kiến nghị bổ sung định hướng phát triển hệ thống đường quốc lộ, các tuyến kết nối cao tốc theo định hướng mục tiêu tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

3. Đề nghị cập nhật số liệu tại số thứ tự 163 (trang 608) trong Bảng 90 Phụ lục IV (trang 602) Các khu bảo tồn thiên nhiên trên toàn quốc đến năm 2022:

Theo dự thảo Khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng, tỉnh Hậu Giang có diện tích 2.805,37 ha, đề nghị điều chỉnh lại là 2.762 ha.

Khu Bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng được thành lập theo Quyết định số 13/2002/QĐ-TTg ngày 14 tháng 01 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ với diện tích khoảng 2.800 ha, có 03 phân khu chức năng, gồm: Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt 1.016 ha; Phân khu phục hồi sinh thái 937 ha và Phân khu hành chính dịch vụ 852 ha. Trong năm 2021, UBND tỉnh Hậu Giang phê duyệt phương án sử dụng đất của Khu Bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng, sau khi bàn giao diện tích 38,5 ha địa phương quản lý; diện tích còn lại Khu Bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng quản lý là 2.762 ha, gồm 03 phân khu: (1) Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt là 1.001 ha; (2) phân khu phục hồi sinh thái là 929 ha; (3) phân khu dịch vụ hành chính là 832 ha.

Trên đây là góp ý Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Kính báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tổng hợp.

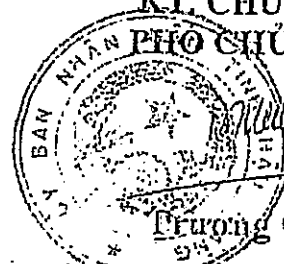
Nơi nhận/

- Như trên;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Lưu: VT, NCTH.TP

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trương Cảnh Tuyên

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1268 /UBND-KTN

Hòa Bình, ngày 21 tháng 7 năm 2022

V/v tham gia ý kiến đối với quy hoạch
tổng thể Quốc gia thời kỳ 2021-2030,
tầm nhìn đến năm 2050

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Thực hiện Công văn số 4595/BKHĐT-CLPT ngày 07/7/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến đối với quy hoạch tổng thể Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050,

Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình có ý kiến như sau:

Cơ bản nhất trí nội dung dự thảo Báo cáo tổng hợp quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Về nội dung dự thảo, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, điều chỉnh một số nội dung sau:

Quy hoạch tổng thể quốc gia là cơ sở để lập quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn trên cả nước. Mục tiêu tổng quát của quy hoạch là kiến tạo một mô hình phân bổ không gian phát triển quốc gia hiệu quả, bền vững, hình thành được các vùng kinh tế động lực, các trung tâm kinh tế, đô thị chiến lược, mạng lưới kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, kết nối giữa các vùng, giữa thành thị và nông thôn, tạo điều kiện cho tăng trưởng kinh tế cao, thúc đẩy thực hiện mục tiêu đến năm 2030 là nước phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2050 trở thành nước phát triển, thu nhập cao, xã hội hài hòa, môi trường có chất lượng tốt, trong lành và an toàn.

Dự thảo đã đưa hành lang kinh tế Điện Biên - Sơn La - Hòa Bình - Hà Nội là tuyến hành lang kết nối tiểu vùng Tây Bắc với vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, liên kết với hành lang kinh tế Bắc - Nam và kết nối với khu vực phía Bắc Lào, có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội tiểu vùng Tây Bắc.

Dự kiến đây sẽ là hành lang tăng trưởng xanh của khu vực miền Bắc, trong đó ưu tiên phát triển nông nghiệp công nghệ cao, phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm sản. Phát triển hạ tầng thương mại, dịch vụ vận tải, hình thành chuỗi liên kết cung ứng - tiêu thụ nông sản trong vùng, liên kết các đô thị với các trung tâm du lịch, kết nối, tạo điều kiện phát triển ở các khu vực khó khăn và đặc biệt khó khăn thuộc tiểu vùng Tây Bắc.

Tuy nhiên, do tính đặc thù về cảnh quan thiên nhiên, tiếp giáp Thủ đô Hà Nội để có cơ sở phát huy thế mạnh của tỉnh Hòa Bình, khai thác hiệu quả mọi lĩnh

vực thúc đẩy kinh tế, xã hội và môi trường đề nghị cần bổ sung thêm phát triển các khu nhà ở nghỉ dưỡng nhằm phát triển tổng hợp, đa ngành, đa lĩnh vực theo chuỗi hành lang kinh tế Điện Biên – Sơn La – Hòa Bình – Hà Nội.

Đối với định hướng phát triển đô thị và nông thôn, phát triển du lịch, dự thảo cần cụ thể hơn để phù hợp với chức năng của từng vùng. Tập trung đầu tư các dự án hạ tầng đô thị trọng điểm, các vùng đô thị động lực để lan tỏa, thúc đẩy khu vực phụ cận, các vùng khác phát triển. Dành nguồn lực phù hợp để đầu tư, phát triển các đô thị trung bình và nhỏ trên cơ sở khai thác các lợi thế, tiềm năng di sản văn hóa lịch sử, kiến trúc, thiên nhiên để phát triển du lịch tại tất cả các vùng, liên kết hỗ trợ để tất cả các vùng đều phát triển. Chú trọng phát triển các đô thị vùng giáp các đô thị lớn như Hà Nội, Hồ Chí Minh nhằm hỗ trợ phát triển nông thôn thông qua các mối liên kết đô thị - nông thôn. Xây dựng tiêu chí và quy hoạch phát triển các mô hình đô thị đặc thù (đô thị du lịch, đô thị đại học, đô thị sáng tạo, đô thị kinh tế cửa khẩu, đô thị đảo...). Tăng mật độ đô thị tại các địa bàn có điều kiện của khu vực miền núi, trung du.

Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư. / *ph*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở KH&ĐT;
- Chánh VP/UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN (Đ).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



[Signature]

Nguyễn Văn Chương

Số: 2700 /SKHĐT-TH

Khánh Hòa, ngày 28 tháng 7 năm 2022

V/v góp ý Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Thực hiện Công văn số 4595/BKHĐT-CLPT ngày 07/7/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; thực hiện phân công của UBND tỉnh Khánh Hòa tại công văn số 6521/UBND-TH ngày 15/7/2022 về việc góp ý Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050.

Trên cơ sở tổng hợp ý kiến của các Sở, ngành, địa phương trong tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa có ý kiến đối với Hồ sơ Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050 như sau:

1. Cơ bản thống nhất theo nội dung của dự thảo Báo cáo Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050.

2. Về một số nội dung góp ý Báo cáo tổng hợp quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

a) Về hiện trạng không gian biển:

Tại mục 2.2.1.2. Vùng ven biển Nam Trung Bộ (Đà Nẵng - Bình Thuận) Trang 127; đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu bổ sung Vịnh Vân Phong và Vịnh Cam Ranh vào phần “Điều kiện tự nhiên và tài nguyên”.

b) Hiện trạng phát triển, phân bố không gian mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao:

Đề nghị Bộ kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu rà soát điều chỉnh đối với một số nội dung chưa chuẩn xác gồm:

- Tại mục 7.2.1 Mạng lưới cơ sở văn hóa (trang 186) có nêu “Trụ sở cơ quan đại diện của Bộ VH-TT-DL được phân bố ở các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác (như các tỉnh Thái Nguyên, Hòa Bình, Vĩnh Phúc, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Khánh Hòa, Lâm Đồng, Bà Rịa - Vũng Tàu, Cần Thơ...)”. Tuy nhiên, trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa không có trụ sở cơ quan đại diện của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Tại mục 7.2.1.5. Mạng lưới cơ sở hỗ trợ sáng tác văn học nghệ thuật (trang 188): “Một số tỉnh, thành phố đã hình thành được một số cơ sở triển lãm ngoài công lập quy mô có thể đáp ứng yêu cầu tổ chức sự kiện triển lãm tác phẩm nghệ thuật cấp vùng, quốc gia và quốc tế như Quảng Ninh, Hà Nội, Quảng Nam, Khánh Hòa, Kiên Giang, thành phố Hồ Chí Minh...”. Tuy nhiên, trên địa

bàn tỉnh Khánh Hòa hiện nay chưa có cơ sở triển lãm ngoài công lập với quy mô có thể đáp ứng được yêu cầu tổ chức sự kiện triển lãm nghệ thuật cấp vùng, quốc gia và quốc tế.

- Tại mục 7.2.1.7. Mạng lưới cơ sở nghệ thuật biểu diễn (trang 189) có nêu: “Một số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, đặc biệt là những địa phương thuộc khu vực biển đảo, trung tâm du lịch lớn của cả nước như Quảng Ninh, Đà Nẵng, Khánh Hòa, Kiên Giang..., đã hình thành các cơ sở trung tâm nghệ thuật biểu diễn công lập”. Tuy nhiên, địa bàn tỉnh Khánh Hòa hiện nay chưa có Trung tâm biểu diễn nghệ thuật công lập. Hiện nay, Sở Văn hóa và Thể thao đang tham mưu, đề xuất và đợi ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

c) Về định hướng phát triển và phân bổ không gian các ngành, lĩnh vực:

Tại mục 1.4. Định hướng phân bổ không gian công nghiệp (trang 347): Đề nghị nghiên cứu, bổ sung ngành công nghiệp năng lượng tái tạo, đóng tàu tại tỉnh Khánh Hòa trong phần Định hướng phân bổ không gian phát triển một số ngành công nghiệp.

d) Về định hướng phân bổ không gian phát triển hệ thống du lịch quốc gia:

Theo Nghị quyết 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; huyện Vạn Ninh được định hướng trở thành đô thị du lịch biển cao cấp. Do đó, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu bổ sung khu vực Bắc Vân Phong (huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa) trong nội dung “Định hướng phát triển 14 khu du lịch...” (trang 362)

e) Về định hướng mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao (trang 370):

Để phù hợp với định hướng phát triển tỉnh Khánh Hòa theo Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị; trong đó có quan điểm: “Xây dựng và phát triển tỉnh Khánh Hòa phải dựa trên cơ sở khai thác, sử dụng hiệu quả và bền vững tài nguyên thiên nhiên, nhất là tài nguyên biển” và mục tiêu đến năm 2030 đặt ra đối với tỉnh Khánh Hòa tại Nghị quyết: “Khánh Hòa là thành phố trực thuộc Trung ương trên cơ sở phát huy cao độ tiềm năng và lợi thế về biển, là đô thị thông minh, bền vững, bản sắc và kết nối quốc tế; là trung tâm dịch vụ, du lịch biển quốc tế”; kính đề nghị xem xét, bổ sung mạng lưới cơ sở Thể dục thể thao với định hướng phát triển Khánh Hòa là **Trung tâm Thể thao giải trí biển Việt Nam**.

f) Về các hành lang kinh tế Đông - Tây (trang 467):

Theo mục 4, phần III, Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị có nêu “Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hệ thống giao thông vận tải đồng bộ, hiện đại; hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số; làm cơ sở để Khánh Hòa phát huy vai trò là trung tâm kinh tế biển, cửa ngõ chính ra Biển Đông, có vai trò trung tâm kết nối vùng Tây Nguyên với duyên hải Nam Trung Bộ với các vùng, miền trong cả nước và quốc tế”.

Do đó, kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu bổ sung Hành lang Kinh tế phụ Khánh Hòa – các tỉnh Tây nguyên (Khánh Hòa – Đắk Lắk – Đắk Nông - Gia Lai – Kon Tum và Lâm Đồng).

g) Định hướng sử dụng không gian biển cho các ngành, lĩnh vực có nhu cầu sử dụng không gian biển:

Theo Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị, Khánh Hòa được định hướng phát triển cảng biển loại I là cảng biển có quy mô lớn, như: Khu bến Bắc Vân Phong, Khu bến Nam Vân Phong, Khu bến Nha Trang, Khu bến Cam Ranh, Bến cảng huyện đảo Trường Sa. Do đó, đề nghị nghiên cứu bổ sung địa điểm Khánh Hòa vào Bảng 71. Vùng khuyến khích phát triển cảng (trang 491).

Kính gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên; (VBĐT);
- UBND tỉnh (b/c);(VBĐT)
- Lưu VP, TH(HĐ).

GIÁM ĐỐC



Tr. KH. HÒA NAM

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG

Số: 1268/UBND-TH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kiên Giang, ngày 27 tháng 7 năm 2022

V/v góp ý dự thảo Quy hoạch
tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-
2030, tầm nhìn đến năm 2050.

HỎA TỐC

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang nhận Công văn số 4595/BKHĐT-CLPT ngày 7/7/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc góp ý dự thảo Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Qua nghiên cứu dự thảo Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các văn bản gửi kèm, Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang có một số ý kiến như sau:

1. Mục 1.4 về định hướng phân bố không gian công nghiệp (trang 347): đề nghị bổ sung định hướng phân bố không gian phát triển ngành **“công nghiệp chế biến”** là một trong những ngành công nghiệp ưu tiên.

2. Mục 2.4.2 về định hướng phát triển nông nghiệp tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long (trang 351), đề nghị xem xét bổ sung **“định hướng phát triển hệ thống các trung tâm đầu mối về nông nghiệp”** gắn với các vùng chuyên canh, kết nối với các đô thị, các đầu mối hạ tầng quốc gia, liên vùng. Trong Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, đã định hướng phát triển các trung tâm đầu mối vùng đồng bằng sông Cửu Long như: trung tâm đầu mối tổng hợp ở thành phố Cần Thơ gắn với phát triển dịch vụ logistics ở Hậu Giang; trung tâm đầu mối ở Kiên Giang, Cà Mau, Sóc Trăng gắn với vùng nguyên liệu về thủy sản khu vực ven biển,...; các trung tâm đầu mối là nơi cung cấp các dịch vụ logistics, nghiên cứu phát triển, đào tạo và chuyển giao công nghệ, thu gom, chế biến sâu, ứng dụng công nghệ cao nhằm nâng cao giá trị và sức cạnh tranh của các sản phẩm nông nghiệp của vùng.

3. Mục 2.4.3.6 về định hướng phát triển nông nghiệp vùng đồng bằng sông Cửu Long (trang 355), đề nghị xem lại từ **“vịt trời”** và điều chỉnh cho phù hợp với vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

4. Mục 1.3.1 về phương hướng phát triển và phân bố không gian đường bộ, trang 395: đề nghị ưu tiên đầu tư xây dựng tuyến cao tốc **“Hà Tiên – Rạch Giá – Bạc Liêu”** để kết nối liên vùng, gắn với hành lang kinh tế Đông – Tây. Đây là

tuyến cao tốc được ưu tiên đầu tư xây dựng hoàn thành đến năm 2030 trong Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

5. Mục 1.3.3 về phương hướng phát triển và phân bố không gian đường thủy nội địa (trang 396) đề nghị điều chỉnh nội dung *“tập trung đầu tư cải tạo, nâng cấp tuyến ven biển kết nối các tỉnh duyên hải Bến Tre – Trà Vinh – Sóc Trăng – Bạc Liêu – Cà Mau” thành “tập trung đầu tư, cải tạo, nâng cấp hệ thống đường ven biển qua các tỉnh Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau, Kiên Giang”* (tổng chiều dài tuyến dự kiến khoảng 788 km). Đồng thời, bổ sung nội dung *“Hành lang vận tải thủy ven biển từ Quảng Ninh đến Kiên Giang”* (khối lượng vận tải khoảng 62,5 – 70 triệu tấn).

6. Mục 3.3.2.1 về mạng viễn thông (trang 404), đề nghị chỉnh lại địa danh *“huyện đảo Phú Quốc” thành “thành phố đảo Phú Quốc”*.

7. Mục 3.3 về định hướng sử dụng không gian biển cho các ngành, lĩnh vực có nhu cầu sử dụng không gian biển (trang 491) đề nghị bổ sung *“Vùng quy hoạch phát triển năng lượng tái tạo”* (điện thủy triều, điện năng lượng mặt trời,...) và *“Vùng quy hoạch phát triển lấn biển”*: vì vùng biển Tây Nam có thêm lục địa nông, được che chắn bởi các nước Đông Nam Á; đồng thời khu vực này có số giờ nắng lớn và thực tế chứng minh phù hợp cho việc xây dựng các dự án lấn biển quy mô lớn và phát triển điện năng lượng mặt trời. Điều này cũng đã được xác định trong Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

8. Mục 3.4 về định hướng phát triển vùng biển và ven biển Tây Nam Bộ (trang 497) đề nghị bổ sung nội dung *“Phát triển Kiên Giang thành trung tâm kinh tế biển của quốc gia”*. Điều này đã được xác định trong Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

9. Mục 2.2.6 về định hướng phát triển vùng và liên kết vùng Đồng bằng sông Cửu Long (trang 516) đoạn “Trong giai đoạn đến năm 2030, tập trung phát triển hành lang đô thị - công nghiệp động lực... Phát triển kinh tế cửa khẩu gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh” đề nghị bổ sung thêm *“vai trò của Thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang”*. Trong Quy hoạch vùng Đồng bằng sông Cửu Long đã xác định Hà Tiên có vai trò khá đặc thù, vừa là *“Khu kinh tế cửa khẩu”* vừa nằm trên trục *“Khu kinh tế ven biển”* và có vai trò là *“trung tâm văn hóa, danh lam thắng cảnh”* và *“vị trí ngay góc Tây Nam của Tổ Quốc”*.

Trên đây là góp ý dự thảo Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp./. *uue*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- LĐVP;
- CVNC;
- Lưu: VT, pxquyet "HT".

CHỦ TỊCH



Thanh

Lâm Minh Thành



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2407 /UBND-KTTH

Kon Tum, ngày 27 tháng 7 năm 2022

Về việc tham gia ý kiến đối
với Quy hoạch tổng thể quốc
gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm
nhìn đến năm 2050

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum nhận được Văn bản số 4595/BKHĐT-QLQH ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến đối với Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Sau khi nghiên cứu, Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum cơ bản thống nhất với dự thảo Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, đồng thời tham gia ý kiến như sau:

1. Tại điểm 1.3.4, khoản 1, mục I, phần thứ nhất (trang 31, 32) và tại khoản 3, mục IV, phần thứ ba (trang 436, 437) các số liệu liên quan đến việc định hướng quy hoạch đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất tại các Bảng 61, 62 và 63 chưa thống nhất với số liệu tại Điều 3, Nghị quyết số 39/2021/QH15 về Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2020, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 -2025 của Quốc hội khoá XV. Vì vậy có sự khác biệt tăng (+), giảm (-) diện tích đất 3 loại rừng giữa kỳ quy hoạch (năm 2030) so với năm 2020. Do đó, đề nghị rà soát, cập nhật lại số liệu cho phù hợp. Cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Nghìn ha

Loại đất	Theo Nghị quyết số 39/2021/QH15			Theo Dự thảo quy hoạch tổng thể quốc gia		
	Hiện trạng năm 2020	Quy hoạch đến 2030	So sánh với 2020	Hiện trạng năm 2020	Quy hoạch đến 2030	So sánh với 2020
Đất rừng đặc dụng	2.293,77	2.455,54	+ 161,77	2.328	2.455	+127
Đất rừng phòng hộ	5.118,55	5.529,59	+ 111,04	5.512	5.230	-282
Đất rừng sản xuất	7.992,34	8.164,64	+172,30	8.508	8.164	-344

2. Tại mục 1.3.2.4. Đối với Vùng Tây Nguyên (trang 429): Đề nghị điều chỉnh nội dung “Tăng cường công tác điều tra, đánh giá tiềm năng bổ cập nước dưới đất, đặc biệt là khu vực ven biển” thành “Tăng cường công tác điều tra, đánh giá tiềm năng bổ cập nước dưới đất”. Vì Vùng Tây nguyên bao gồm 5 tỉnh (Kon Tum, Gia lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng) không giáp biển.

3. Đề nghị nghiên cứu bổ sung cập cửa khẩu “*Bờ Y - Phu Cua⁽¹⁾*” vào mục 9.1.2 Biên giới Việt Nam – Lào tại trang 266 của dự thảo Báo cáo tổng hợp, cụ thể như sau: “*Từ năm 2018 đến năm 2021, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa song phương Việt Nam - Lào đạt 4,5 tỉ USD, trong đó, kim ngạch xuất khẩu từ Lào sang Việt Nam đạt 2,1 tỉ USD và kim ngạch xuất khẩu từ Việt Nam sang Lào đạt 2,4 tỉ USD. Hoạt động xuất nhập khẩu biên giới Việt Nam - Lào chủ yếu thông qua các cặp cửa khẩu quốc tế, trong đó tập trung vào 04 cặp cửa khẩu: Cầu Treo - Nậm Phao, Cha Lo - Na Phạ, Lao Bảo - Đen Sạ Vắn, Bờ Y - Phu Cua*”.

4. Nội dung về Định hướng phân bố vùng sản xuất tập trung, một số sản phẩm chủ lực quốc gia – Sản phẩm trồng trọt (trang 355): Đề nghị nghiên cứu bổ sung Cây dược liệu vào sản phẩm chủ lực quốc gia.

5. Tại mục 1.2.6 Hành lang kinh tế Bờ Y - Pleiku - Quy Nhơn (trang 471): đề nghị điều chỉnh nội dung “*Xây dựng cao tốc Pleiku - Quy Nhơn trong giai đoạn 2021-2030*” thành “*Xây dựng cao tốc Quy Nhơn – Pleiku - Kon Tum trong giai đoạn 2021-2030*” để phù hợp với Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

6. Tỉnh Kon Tum nói riêng và khu vực Tây Nguyên nói chung là khu vực giàu về tài nguyên khoáng sản với nhiều mỏ và điểm quặng. Trong đó, theo số liệu đã điều tra sơ bộ trên địa bàn tỉnh Kon Tum có 214 mỏ và điểm quặng, khoáng hoá, nguồn khoáng sản đa dạng, phong phú, có tới 40 loại với các loại hình nguồn gốc khác nhau: vàng gốc, vàng sa khoáng, quặng nhôm, đá quý và bán quý, rất thích hợp để phát triển công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản. Ngoài ra, theo kết quả điều tra sơ bộ, trên địa bàn tỉnh Kon Tum có 853 loài cây thuốc và nấm làm thuốc, 30/853 loài cây thuốc có nhu cầu lớn cho thị trường và khoảng 27 loài cây thuốc được trồng, sử dụng nhiều trong các cơ sở khám chữa bệnh, Kon Tum có tiềm năng rất lớn về phát triển Dược liệu. Do vậy, tại mục 1.2.6 về Hành lang kinh tế Bờ Y - Pleiku - Quy Nhơn (trang 471), đề nghị bổ sung định hướng về phát triển ngành công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản và ngành công nghiệp chế biến dược liệu.

7. Hiện nay, tỉnh Kon Tum đã hoàn hiện hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, điều chỉnh quy mô diện tích Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y, tỉnh Kon Tum (giảm từ 70.438 ha xuống còn 16.000 ha) và đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ tại Tờ trình số 4107/TTr-BKHĐT ngày 20 tháng 6 năm 2022. Do đó, tại mục 2.4 định hướng sử dụng đất Khu kinh tế (trang 484), đề nghị bổ sung như sau: “*Quy hoạch, đến năm 2030 ổn định phát triển 26 khu kinh tế cửa khẩu tại 21 tỉnh với tổng diện tích 775,82 nghìn ha (diện tích đất liền 724,02 nghìn ha, diện tích mặt biển 51,80 nghìn ha), giảm 0,21 nghìn ha so với năm 2020, trong đó giữ nguyên 25 khu; điều chỉnh giảm diện tích khu kinh tế cửa khẩu Lệ Thanh (Đường 19), tỉnh Gia Lai còn 41,52*

⁽¹⁾ Tổng kim ngạch XNK hàng hóa song phương Việt Nam - Lào từ năm 2018 đến 2021 đạt hơn 1 tỷ USD

nghìn ha, giảm 0,21 nghìn ha; điều chỉnh giảm diện tích Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y, tỉnh Kon Tum còn 16 nghìn ha, giảm 54,438 nghìn ha.”

8. Đề nghị rà soát, biên tập lại tên một số địa danh trên địa bàn tỉnh Kon Tum cho phù hợp với địa danh theo thực tế hiện nay như: Plêy Krông, Laly (trang 26) thành Plei Krông, Ialy...

Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum kính gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư biết, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- VP UBND tỉnh: CVP, các PCVP;
- Lưu VT, NNTN, HTKT, KTTH.PHD.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Ngọc Tuấn

Số: 1137/SKHĐT-THQH

Lai Châu, ngày 25 tháng 7 năm 2022

V/v tham gia góp ý đối với dự thảo
Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ
2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Căn cứ Công văn số 4595/BKHĐT-CLPT ngày 07/7/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến đối với Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu tại Công văn số 2414/UBND-TH ngày 12/7/2022 về việc tham gia ý kiến đối với Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được đăng tải trên Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu về quy hoạch (Tại trang web: <https://quyhoachquocgia.mpi.gov.vn>) ngày 08/7/2022, tỉnh Lai Châu có một số góp ý như sau:

1. Tại mục 1.2.5.1. Các hệ sinh thái (nội dung trang 16):

Đề nghị nghiên cứu, chỉnh sửa cụm từ “một số loại rừng trồng còn triệt tiêu điều kiện sống của các loài động, thực vật khác (ví dụ như rừng cao su, rừng trồng keo, bạch đàn)” thành “một số diện tích rừng trồng hạn chế điều kiện sống của các loài động, thực vật khác (ví dụ như rừng trồng cao su, rừng trồng keo, bạch đàn)”.

2. Tại mục (2). Hệ thống kết cấu hạ tầng chưa đồng bộ, hiệu quả kết nối và chất lượng chưa cao (nội dung trang 330):

Đề nghị nghiên cứu, sửa cụm từ “Hạ tầng công nghệ thông tin ở một số địa phương chưa đồng bộ, nhất là vùng sâu, vùng xa” thành “Hạ tầng công nghệ thông tin ở một số địa phương còn yếu kém, chưa đồng bộ, nhất là vùng sâu, vùng xa, nhiều điểm còn chưa có sóng điện thoại, vô tuyến, internet...” để thể hiện rõ lý do cơ sở hạ tầng thông tin còn gặp nhiều khó khăn trong công tác chuyển đổi số.

3. Tại mục 2.2.2. Một số mục tiêu cụ thể thời kỳ đến năm 2030 (trang 349):

Đề nghị nghiên cứu, bổ sung một số chỉ tiêu sau theo đúng tinh thần của Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn

đến năm 2045, cụ thể:

- Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội dưới 20%; bình quân hằng năm đào tạo nghề cho khoảng 1,5 triệu lao động nông thôn.

- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới trên 90%, trong đó, phần đầu 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; số đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới trên 70%, trong đó phần đầu 35% số đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

- Thu nhập bình quân của người dân nông thôn năm 2030 phần đầu tăng gấp 2,5 - 3 lần so với năm 2020.

4. *Tại mục 2.4.3. Phát triển nông nghiệp theo vùng (trang 352):*

Đối với vùng Trung du miền núi phía Bắc, đề nghị nghiên cứu bổ sung nội dung phát triển các vùng trồng cây mắc ca (chủ yếu tại tỉnh Lai Châu và tỉnh Điện Biên) theo định hướng tại Quyết định số 344/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án phát triển bền vững Mắc ca giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2045.

5. *Tại mục 2.4.4.2. Sản phẩm chăn nuôi (trang 357):*

Đề nghị nghiên cứu, bổ sung định hướng phân bố vùng sản xuất tập trung của sản phẩm chủ lực quốc gia “*Săn và sản phẩm từ săn*” theo Thông tư số 37/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

6. *Tại mục (6). Cảng hàng không Lai Châu (trang 502):*

- Dự thảo ghi: Hệ thống đường HK đi/đến sân bay Lai Châu:

- + Đi/đến Điện Biên: LCH - SINTA - DIB

- + Đi/đến Nội Bài: LCH - FANSI - NOB

Đề nghị nghiên cứu, bổ sung thêm điểm đi/đến sân bay Lai Châu đối với các địa phương khác trong cả nước và một số điểm đến ở một số nước trong khu vực.

7. *Tại mục 2.2. Định hướng phát triển vùng và liên kết vùng (trang 508-509):*

Đối với Vùng trung du miền núi phía Bắc, đề nghị xem xét bổ sung các nội dung sau:

- Định hướng phát triển điện gió, điện mặt trời tại khu vực Tây Bắc (tại các tỉnh Lai Châu, Điện Biên,...).

- Tiếp tục đầu tư các tuyến đường quốc lộ quan trọng kết nối các địa phương trong vùng; các đường vành đai biên giới, đường ra các mốc khu vực biên giới; các dự án sắp xếp, ổn định dân cư gắn với xây dựng kết cấu hạ tầng

đồng bộ tại các xã biên giới.

8. *Tại mục 3. Định hướng phát triển các cửa khẩu (trang 525):*

Đề nghị nghiên cứu bổ sung định hướng mở thêm 01 cửa khẩu quốc gia tại khu vực mốc số 17 - 18 huyện Mường Tè tỉnh Lai Châu.

9. *Tại mục 2. Về thực trạng phát triển và phân bố các sản phẩm nông nghiệp chủ lực (Trang 580):*

Đề nghị nghiên cứu, bổ sung thực trạng phát triển và phân bố các sản phẩm nông nghiệp chủ lực: Sắn và các sản phẩm từ sắn; tôm; cá ba sa.

Trên đây là nội dung tham gia góp ý đối với dự thảo Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu kính gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Các phòng, trung tâm thuộc Sở;
- Lưu: VT, THQH.

GIÁM ĐỐC



Phạm Ngọc Phương

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



Ký bởi: UBND tỉnh Lâm Đồng
Giờ ký: 26/07/2022 07:50:28

Số: 5490/UBND-KH

Lâm Đồng, ngày 26 tháng 7 năm 2022

V/v tham gia ý kiến đối với Quy hoạch
tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030,
tầm nhìn đến năm 2050.

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Thực hiện Văn bản số 4595/BKHĐT-CLPT ngày 07/7/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến đối với Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Qua nghiên cứu, Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng thống nhất nội dung Báo cáo Quy hoạch tổng thể Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Báo cáo Đánh giá môi trường chiến lược Quy hoạch tổng thể Quốc gia do Bộ Kế hoạch và Đầu tư dự thảo. Đồng thời, Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia góp ý thêm một số nội dung như sau:

1. Về phương án phân vùng: Thống nhất với dự thảo Phương án phân vùng và liên kết vùng; trong đó vùng Tây Nguyên gồm 5 tỉnh: Lâm Đồng, Đắk Lắk, Đắk Nông, Gia Lai và Kon Tum.

2. Đề xuất Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, bổ sung một số nội dung sau:

- Về định hướng phát triển không gian theo vùng, lãnh thổ: đề nghị bổ sung nội dung đưa tỉnh Lâm Đồng vào hành lang kinh tế Đông Tây, kết nối với tỉnh Khánh Hòa, Bình Thuận (vùng duyên hải Nam Trung bộ) và Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Đồng Nai, Bình Phước (vùng Đông Nam bộ).

Lý do đề xuất: Tỉnh Lâm Đồng là tỉnh có vị trí đặc biệt quan trọng, giao thoa giữa 3 vùng kinh tế gồm: các tỉnh duyên hải Nam Trung bộ (Bình Thuận, Khánh Hòa, Ninh Thuận), các tỉnh Tây Nguyên và tiếp giáp với vùng kinh tế Đông Nam bộ. Đồng thời, quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Lâm Đồng đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1848/QĐ-TTg ngày 27/12/2018, xác định tỉnh Lâm Đồng sẽ trở thành vùng kinh tế động lực của khu vực Tây Nguyên.

- Chỉnh sửa nội dung “**nâng cấp Cảng hàng không Liên Khương thành Cảng hàng không quốc tế giai đoạn trước năm 2030**” vào định hướng vùng và liên kết vùng Tây nguyên (tại trang 514 của dự thảo Báo cáo).

Lý do đề xuất: Ngày 07/4/2022, Bộ Giao thông vận tải có Văn bản số 3446/BGTVT-KHĐT thống nhất việc nâng cấp Cảng hàng không Liên Khương lên cấp 4E.

- Bổ sung việc phát triển công nghiệp hoá chất (sản xuất phân bón) tại vùng Tây Nguyên vào định hướng phân bố không gian công nghiệp (tại trang 347 của dự thảo Báo cáo).

Lý do đề xuất: Theo số liệu Niên giám Thống kê ngành Công Thương giai đoạn 2016-2020, ngành công nghiệp hoá chất (sản xuất phân bón) là một trong những sản phẩm công nghiệp chủ lực của vùng Tây Nguyên.

- Bổ sung nội dung **“tiếp tục xây dựng và hoàn thiện trung tâm huấn luyện thể thao quốc gia tại thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng”** vào phát triển mạng lưới khu quy hoạch quốc gia và trung tâm huấn luyện quốc gia (tại trang 376 của dự thảo Báo cáo).

Lý do đề xuất: Dự thảo Báo cáo chỉ mới đề cập đến việc xây dựng khu liên hợp thể thao tỉnh Đắk Lắk cho cả vùng Tây Nguyên; trong khi đó, dự án Trung tâm thể dục thể thao quốc gia tại thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch làm chủ đầu tư đang thực hiện các thủ tục liên quan để triển khai xây dựng dự án trong thời gian tới.

- Bổ sung nội dung **“Khu vực động lực du lịch Lâm Đồng - Đắk Lắk: tập trung phát triển sản phẩm du lịch chất lượng cao, du lịch gắn với tìm hiểu văn hóa dân tộc, tham quan, nghỉ dưỡng núi, du lịch sinh thái, du lịch gắn với các trang trại nông nghiệp và cây công nghiệp, du lịch kết hợp hội nghị, hội thảo, triển lãm, tổ chức sự kiện,...(du lịch MICE), du lịch thể thao mạo hiểm”** (tại trang 513 của dự thảo Báo cáo).

Lý do đề xuất: Du lịch là một trong những ngành động lực tăng trưởng của Khu vực Tây Nguyên, nhất là tại tỉnh Lâm Đồng.

- Bổ sung các tuyến Quốc lộ 27C (nối tỉnh Lâm Đồng và tỉnh Khánh Hòa), Quốc lộ 28B (nối tỉnh Lâm Đồng và tỉnh Bình Thuận) vào mạng lưới các tuyến quốc lộ kết nối ngang của kết cấu hạ tầng giao thông (tại trang 169 dự thảo Báo cáo).

Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng kính báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, quyết định. *ng*

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KH1.

CHỦ TỊCH



Trần Văn Hiệp

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ^a830/UBND-KT

Lạng Sơn, ngày 31 tháng 7 năm 2022

V/v tham gia ý kiến đối với
dự thảo Quy hoạch tổng thể
quốc gia thời kỳ 2021-2030,
tầm nhìn đến năm 2050

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	
ĐẾN	Số: ...32083..... Ngày: 05.8.2022
Chuyển:	
Số và ký hiệu HS:	

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Thực hiện Công văn số 4595/BKHĐT-CLPT ngày 07/7/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến đối với Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, sau khi nghiên cứu, Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn cơ bản nhất trí với hồ sơ xin ý kiến Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 bao gồm: (1) Dự thảo báo cáo quy hoạch tổng thể quốc gia, (2) Dự thảo báo cáo đánh giá môi trường chiến lược đối với quy hoạch tổng thể quốc gia và (3) Hệ thống sơ đồ, bản đồ quy hoạch. Đồng thời đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét một số nội dung tại Dự thảo báo cáo quy hoạch tổng thể quốc gia như sau:

1. Tại trang 159, điểm 5.2.1.5. Hệ thống đô thị: Đề nghị bổ sung **thành phố Lạng Sơn** vào danh sách các đô thị loại II vùng TDMNPB.

2. Tại khổ thứ 3 trang 361, ý a) Phương hướng phân bố không gian phát triển du lịch theo vùng, điểm 3.2.1.4. Định hướng phân bố không gian phát triển hệ thống du lịch quốc gia: Về định hướng phát triển khu du lịch: đề nghị **bổ sung Công viên địa chất toàn cầu tỉnh Lạng Sơn**. Lý do: năm 2021, tỉnh Lạng Sơn đã thành lập Công viên địa chất Lạng Sơn, hiện nay UBND tỉnh đang lập hồ sơ trình UNESCO công nhận Công viên địa chất toàn cầu tỉnh Lạng Sơn.

3. Tại trang 364, ý c) Phương hướng phát triển các khu du lịch quốc gia ưu tiên, điểm 3.2.1.4. Định hướng phân bố không gian phát triển hệ thống du lịch quốc gia: đề nghị **bổ sung Khu du lịch quốc gia Mẫu Sơn, tỉnh Lạng Sơn** vào danh mục định hướng ưu tiên đầu tư phát triển giai đoạn từ nay đến năm 2030. Lý do: Khu du lịch quốc gia Mẫu Sơn là một trong 49 khu du lịch quốc gia của cả nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch. Quy hoạch tổng thể phát triển khu du lịch quốc gia Mẫu Sơn, tỉnh Lạng Sơn đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 240/QĐ-TTg ngày 20/2/2017; Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch quốc gia Mẫu Sơn, tỉnh Lạng Sơn đến năm 2040 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1590/QĐ-TTg ngày 16/10/2020; hiện nay đã được khởi công xây dựng và sẽ sớm hoàn thành xây dựng thành khu du lịch quốc gia với đầy đủ hệ thống cơ sở hạ tầng và dịch vụ đáp ứng các tiêu chuẩn về du lịch.

4. Tại trang 467, khoản 1.2. Các hành lang kinh tế Đông - Tây: Đề nghị nghiên cứu, **bổ sung các nội dung về hành lang kinh tế Cao Bằng - Lạng Sơn**

- **Bắc Giang - Hà Nội.** Lý do: tại trang 322, mục 1. Bối cảnh quốc tế có nội dung *"Việt Nam có cơ hội mở rộng các tuyến hành lang kinh tế thuộc "hai hành lang, một vành đai" tới Trung Khánh, đồng thời, có triển vọng hình thành hành lang kinh tế thứ 3 là Hà Nội - Lạng Sơn - Cao Bằng - Bắc Sắc - Quý Châu - Trung Khánh."*, trang 509 điểm 2.2.1. Vùng Trung du và Miền núi phía Bắc khoản 2.2. Định hướng phát triển vùng và liên kết vùng, có nội dung *"Thúc đẩy hình thành hành lang kinh tế Cao Bằng - Bắc Kạn - Thái Nguyên - Hà Nội và Cao Bằng - Lạng Sơn - Bắc Giang - Hà Nội (tham gia hành lang kinh tế Trung Khánh - Quý Châu - Bắc Sắc - Cao Bằng - Hà Nội - Hải Phòng)."*

5. Tại trang 509 điểm 2.2.1. Vùng Trung du và Miền núi phía Bắc khoản 2.2. Định hướng phát triển vùng và liên kết vùng, câu: *"Phát triển các Khu kinh tế cửa khẩu gắn với các cửa khẩu quốc tế như Đồng Đăng (Lạng Sơn), Trà Lĩnh (Cao Bằng), Lào Cai, Thanh Thủy (Hà Giang) để các khu kinh tế cửa khẩu trở thành vùng động lực phát triển cho các tỉnh có khu kinh tế cửa khẩu và khu vực phụ cận."*, đề nghị sửa thành *"Phát triển các Khu kinh tế cửa khẩu gắn với các cửa khẩu quốc tế như ga Đồng Đăng, Hữu Nghị (Lạng Sơn), Trà Lĩnh (Cao Bằng), Lào Cai, Thanh Thủy (Hà Giang) để các khu kinh tế cửa khẩu trở thành vùng động lực phát triển cho các tỉnh có khu kinh tế cửa khẩu và khu vực phụ cận."*

6. Tại trang 509 điểm 2.2.1. Vùng Trung du và Miền núi phía Bắc khoản 2.2. Định hướng phát triển vùng và liên kết vùng, câu: *"Nghiên cứu xây dựng vành đai Bắc Giang - Thái Nguyên - Phú Thọ trở thành vùng động lực tăng trưởng của vùng Trung du và Miền núi phía Bắc."* đề nghị sửa thành *"Nghiên cứu xây dựng vành đai Lạng Sơn - Bắc Giang - Thái Nguyên - Phú Thọ trở thành vùng động lực tăng trưởng của vùng Trung du và Miền núi phía Bắc."*. Lý do: Nghị quyết số 11-NQ/TW, ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị đã xác định xây dựng trở thành một trong các cực tăng trưởng kinh tế của vùng. Vành đai Lạng Sơn - Bắc Giang - Thái Nguyên - Phú Thọ là khu vực có nhiều tiềm năng phát triển công nghiệp (Thái Nguyên, Bắc Giang, Phú Thọ), kinh tế cửa khẩu (Lạng Sơn) và dịch vụ, du lịch, bao quanh và có tác dụng hỗ trợ cho Vùng động lực Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh (Vùng động lực phía Bắc); gắn với Hành lang kinh tế Bắc - Nam phía Đông và hành lang kinh tế Nam Ninh - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, sẽ có vai trò quan trọng trong thúc đẩy tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, hội nhập kinh tế của cả nước nói chung, vùng Trung du và miền núi phía Bắc nói riêng. Hệ thống kết cấu hạ tầng kết nối khu vực vành đai đã và đang được đầu tư tương đối đồng bộ, thúc đẩy khai thác tiềm năng, thế mạnh và thu hút các dòng vốn đầu tư trong nước và nước ngoài.

7. Tại trang 535, mục 3.2. Giải pháp về khoa học công nghệ đưa ra các giải pháp phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Tuy nhiên, còn thiếu những giải pháp như: phát triển nguồn nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có trình độ và năng lực sáng tạo cao; thúc đẩy hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; hợp tác, hội nhập quốc tế; tăng cường các hoạt động tôn vinh, truyền thông, nâng cao nhận thức về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo... Do đó, đề nghị đơn vị xem xét bổ sung

những nội dung phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia tại dự thảo Báo cáo trên cơ sở bám sát Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030.

8. Trang 593, Bảng 76. Dự kiến các dự án nghiên cứu thành dự án quan trọng quốc gia: đề nghị *bổ sung Dự án đường bộ cao tốc Lạng Sơn - Quảng Ninh* (kết nối thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn với huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh)". Lý do: theo quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ: quy mô 4 làn xe, tiến trình đầu tư sau năm 2030. UBND tỉnh Lạng Sơn đề xuất thực hiện dự án theo quy mô 4 làn xe, đầu tư trong giai đoạn 2026-2030 để sớm kết nối đồng bộ các tuyến cao tốc Hữu Nghị - Chi Lăng và Đồng - Đăng - Trà Lĩnh với cao tốc Vân Đồn - Móng Cái, tăng cường kết nối liên vùng Cao Bằng - Lạng Sơn - Quảng Ninh, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội gắn với Hành lang kinh tế Bắc - Nam phía Đông và hành lang kinh tế Nam Ninh - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh. Khái toán vốn đầu tư khoảng 18.500 tỷ đồng, hình thức đầu tư công.

Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn trân trọng báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- C, PVP UBND tỉnh, phòng THNC;
- Lưu: VT, KT(HVTr).

3

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lương Trọng Quỳnh

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3301 /UBND-TH

Lào Cai, ngày 24 tháng 7 năm 2022

V/v tham gia ý kiến đối với Quy
hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ
2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Theo đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 4595/BKHĐT-CLPT ngày 07/7/2022 về xin ý kiến đối với Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; UBND tỉnh Lào Cai tham gia một số nội dung như sau:

1. Tổng quan về Báo cáo Tổng hợp Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050:

- Nội dung dự thảo Báo cáo Tổng hợp Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã bám sát các nội dung chủ yếu được quy định cho quy hoạch quốc gia tại Điều 22 Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14; Điều 20 Nghị định số 37/2017/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.

- Các quan điểm, mục tiêu, kịch bản phát triển của quốc gia đưa ra tương đối rõ ràng, mạch lạc, thuận lợi cho việc triển khai Quy hoạch quốc gia khi được Thủ tướng Chính phủ chính thức thông qua.

2. Một số nội dung tham gia cụ thể:

- Tại nội dung quan điểm và mục tiêu phát triển (trang 339): Đề nghị Quy hoạch quốc gia cập nhật những định hướng, mục tiêu phát triển các Vùng đã được xác định tại các Nghị quyết của Bộ Chính trị (Nghị quyết số 11, 13...) để thể hiện rõ nét hơn về không gian phát triển kinh tế - xã hội của các vùng trong tổng thể Quy hoạch quốc gia.

- Tại nội dung về định hướng phân bố không gian công nghiệp (trang 345): Đề nghị xem xét bổ sung định hướng "chuyển dịch các ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động, không đòi hỏi cao về kỹ thuật như dệt may, da giày, chế biến nông sản, sản xuất vật liệu xây dựng, sản xuất kim loại, kết cấu công trình... từ các tỉnh đồng bằng lên các tỉnh vùng trung du, miền núi". Định hướng này phù hợp với xu thế dịch chuyển các ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động từ đô thị về nông thôn, từ vùng thấp lên vùng cao, đồng thời tận dụng được nguồn nhân lực đông đảo, tại chỗ, các mỏ khoáng sản, tận dụng khả năng hình thành vùng nguyên liệu nông sản của các tỉnh vùng trung du, miền núi. Quá đó:

+ Cho phép các tỉnh vùng TDMNPB mở rộng diện tích đất công nghiệp, thúc đẩy hình thành mới các KCN, CCN và khu vực sản xuất phi nông nghiệp nhằm đẩy nhanh quá trình chuyển dịch hoạt động kinh tế sang sản xuất phi nông nghiệp là khu vực có năng suất cao hơn, qua đó thúc đẩy năng suất chung.

+ Xây dựng chủ trương hình thành một số trung tâm công nghiệp cấp vùng tại các tỉnh có trữ lượng tài nguyên, có tiềm năng phát triển, trong đó tại vùng TDMNPB là Thái Nguyên, Lào Cai, Hòa Bình.

Đồng thời, tại nội dung định hướng không gian phát triển một số ngành công nghiệp ưu tiên (*trang 347*): Đề nghị bổ sung tỉnh Lào Cai là địa phương trọng điểm trong luyện cán thép và bổ sung định hướng phát triển ngành công nghiệp hóa chất, phân bón trong đó Lào Cai là địa phương trọng điểm.

- Tại nội dung định hướng phân bố không gian phát triển hệ thống du lịch quốc gia (*trang 361*): Đề nghị nghiên cứu, bổ sung Khu du lịch Bắc Hà, Khu du lịch Y Tý (Bát Xát) của tỉnh Lào Cai, như sau:

“Tiếp tục đầu tư nâng cao chất lượng sản phẩm, khả năng cạnh tranh để khẳng định thương hiệu khu du lịch quốc gia đối với 02 khu du lịch quốc gia đã được công nhận gồm: Khu du lịch Sa Pa (Lào Cai) và Đền Hùng (Phú Thọ). Định hướng phát triển *12 khu du lịch*: Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn (tỉnh Hà Giang); thác Bản Giốc (tỉnh Cao Bằng); Mẫu Sơn (tỉnh Lạng Sơn); hồ Ba Bể (tỉnh Bắc Kạn); Tân Trào (tỉnh Tuyên Quang); hồ Núi Cốc (tỉnh Thái Nguyên); Thác Bà (tỉnh Yên Bái); Mộc Châu (tỉnh Sơn La); Điện Biên Phủ - Pá Khoang (tỉnh Điện Biên); hồ Hòa Bình (tỉnh Hòa Bình); *Bắc Hà, Y Tý (Bát Xát, tỉnh Lào Cai)*”.

- Tại nội dung về phương hướng phát triển và phân bố không gian đường bộ (*trang 395*): Đề nghị bổ sung ưu tiên hoàn thiện (*đầu tư 4 làn đường đoạn Yên Bái - Lào Cai*) tuyến cao tốc Nội Bài - Lào Cai nhằm tăng khả năng kết nối tuyến hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh.

- Tại nội dung về phương hướng phát triển và phân bố không gian đường sắt (*trang 395*): Đề nghị đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng khổ đường 1.435mm. Lý do: Đây là tuyến đường có ý nghĩa rất lớn đối với việc kết nối vận chuyển, giao lưu, thúc đẩy kinh tế giữa các tỉnh vùng duyên hải Bắc Bộ, khu vực Hà Nội và các tỉnh khu vực Tây Bắc. Đồng thời, kết nối vận tải đường sắt với Trung Quốc và từ đó kết nối với đường sắt các nước Châu Á, Châu Âu khác.

Ngoài ra, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung thêm các nội dung đã được UBND tỉnh Lào Cai tham gia ý kiến tại Văn bản số 5828/UBND-TH ngày 06/12/2021 vào dự thảo Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

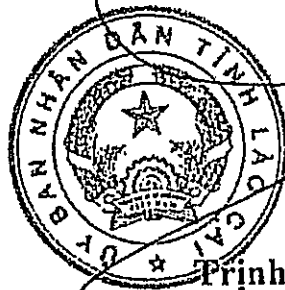
Trên đây là ý kiến tham gia của UBND tỉnh Lào Cai đối với Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp./. *Lg*

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT. UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu VT, QLĐT1, TH4,2.

Tau

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trịnh Xuân Trường

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 6902/UBND-THKSTTHC
V/v góp ý dự thảo Quy hoạch
tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-
2030, tầm nhìn đến năm 2050

Long An, ngày 28 tháng 7 năm 2022

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	
ĐẾN	Số: ... 3.124.1....
Chuyên:	Ngày: 01.8.2022
Số và ký hiệu HS: Bộ Kế...	

Căn cứ Công văn số 4595/BKHĐT-CLPT ngày 07/7/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc góp ý dự thảo Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (gọi tắt là dự thảo quy hoạch).

Sau khi nghiên cứu, UBND tỉnh Long An cơ bản thống nhất nội dung dự thảo quy hoạch và UBND tỉnh Long An có bổ sung một số ý kiến như sau:

1. Đề nghị xem xét bổ sung “Trung tâm đổi mới sáng tạo” tại tỉnh Long An mục 3, trang 377 (Mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập), vì: Trung tâm đổi mới sáng tạo này hình thành góp phần chuyển đổi nguồn nhân lực, mô hình tăng trưởng cho Vùng Đông Nam Bộ và Vùng Đồng bằng sông Cửu Long từ sản xuất công nghiệp qua việc thiết lập chuỗi giá trị gia tăng trên nền tảng công nghệ cao, hạ tầng kỹ thuật hiện đại theo chuẩn quốc tế; phát triển kinh tế dịch vụ, từng bước dịch chuyển và phát triển qua nền kinh tế tri thức. Đồng thời, trong Quy hoạch tỉnh Long An thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, tỉnh Long An đã quy hoạch Trung tâm đổi mới sáng tạo cấp vùng này.

2. Đề xuất xem xét bổ sung tỉnh Long An vào vùng Động lực phía Nam

Trong dự thảo quy hoạch định hướng 04 vùng động lực quốc gia: Trong đó có vùng động lực phía Nam gồm Thành phố Hồ Chí Minh- Bình Dương-Đồng Nai-Bà Rịa-Vũng Tàu (vùng Động lực phía Nam) (trang 473). Đề xuất xem xét bổ sung tỉnh Long An vào vùng Động lực phía Nam vì: Mặc dù tỉnh Long An về địa lý thì tỉnh thuộc 13 tỉnh/thành vùng Đồng bằng sông Cửu Long tuy nhiên về kinh tế, tỉnh có mối liên kết chặt chẽ với thành phố Hồ Chí Minh; trong thời gian gần đây, Tỉnh Long An có sự lan tỏa mạnh mẽ về phát triển công nghiệp và đô thị từ Thành phố Hồ Chí Minh; do đó tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân/năm của tỉnh giai đoạn 2016-2020 đạt khá cao, cao hơn mức bình quân chung của cả nước; đạt 9,07%; tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) năm 2020 theo giá hiện hành đạt 131.906 tỷ đồng, so với quy mô nền kinh tế các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long thì Long An có quy mô nền kinh tế năm 2020 lớn nhất vùng (chiếm trên 13% trên tổng quy mô của vùng).... Bên cạnh đó, khi đường vành 3, 4 thành phố Hồ Chí Minh hình thành (có đi qua địa phận của tỉnh Long An) sẽ đẩy mạnh hơn nữa sự lan tỏa công nghiệp và đô thị từ thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, Đề xuất Bộ Kế

hoạch và Đầu tư xem xét bổ sung tỉnh Long An vào vùng Động lực phía Nam cho phù hợp với xu hướng phát triển kinh tế của Vùng trong thời gian tới.

3. Đề xuất xem xét bổ sung “Khu kinh tế ven biển Long An” vào dự thảo Quy hoạch. Từ đó, điều chỉnh định hướng sử dụng đất khu công nghiệp (trang 504): bổ sung “Khu kinh tế ven biển Long An với diện tích khoảng 18.000 ha”, vì:

Khu kinh tế ven biển Long An có vị trí địa lý thuận lợi, tại huyện Cần Giuộc và Cần Đước, là cửa ngõ kết nối Thành phố Hồ Chí Minh với các tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long; nằm trên tuyến vành đai 4 của Thành phố Hồ Chí Minh và thuận lợi cho giao thương trên cả đường thủy nội địa, đường biển và đường bộ. Khu kinh tế có vị trí quan trọng định hướng phát triển khu vực Tây Nam thành phố Hồ Chí Minh, liên kết chặt chẽ trong chuỗi phát triển kinh tế công nghiệp- đô thị- dịch vụ khu vực phía Tây Nam thành phố Hồ Chí Minh, giảm tải cho cụm cảng Hồ Chí Minh và mở rộng không gian phát triển công nghiệp, đô thị cho Thành phố Hồ Chí Minh.

Đồng thời trang Tại trang 516, đề nghị bổ sung “... Hành lang kinh tế ven biển bao gồm các trung tâm năng lượng, công nghiệp chế biến thủy hải sản phân bố chủ yếu tại tỉnh Cà Mau, Trà Vinh, Long An, Sóc Trăng, Kiên Giang và Bạc Liêu được phát triển gắn với các trung tâm điện lực, trung tâm đầu mối về nông nghiệp và các khu kinh tế biển ở Phú Quốc (Kiên Giang), Định An (Trà Vinh), Long An và Năm Căn (Cà Mau). Hành lang biên giới từ Long An đến Kiên Giang: Phát triển kinh tế cửa khẩu gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh...”.

4. Đề xuất xem xét bổ sung “Quốc lộ 50B (Trục động lực kết nối Thành phố Hồ Chí Minh - Long An - Tiền Giang”: tại định hướng phát triển vùng và liên kết vùng (trang 536): Tại Vùng Đông Nam Bộ, đề xuất bổ sung “Nâng cao khả năng kết nối hạ tầng vùng, tạo động lực liên kết, lan toả thúc đẩy hợp tác và phát triển với đồng bằng sông Cửu Long qua các hành lang N1, N2, cao tốc Bắc - Nam, Quốc lộ 50, cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Tiền Giang - Bến Tre - Trà Vinh - Sóc Trăng; Quốc lộ 50B (Trục động lực kết nối Thành phố Hồ Chí Minh - Long An - Tiền Giang”. Quốc lộ 50B hình thành sẽ nâng cao kết nối hạ tầng vùng Đông Nam Bộ với vùng Đồng bằng sông Cửu Long, thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội của 02 vùng.

5. Tại mục 2.2.5 trang 514 (Vùng Đông Nam bộ): Bổ sung nội dung phát triển vành đai đô thị phía Tây tiếp giáp Thành phố Hồ Chí Minh (Đức Hòa, Bến Lức, Cần Giuộc) để hình thành các đô thị động lực trong tiểu vùng phía tây bắc và tiểu vùng đô thị trung tâm theo quy hoạch xây dựng vùng thành phố Hồ Chí Minh.

Với nội dung trên, UBND tỉnh Long An kính gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh Văn phòng;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Phòng THKSTTHC;
- Lưu: VT. (4)

CVUB-Góp ý, kiến nghị, ý kiến đóng góp

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Út

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 559 /UBND-VP5

Nam Định, ngày 20 tháng 7 năm 2022

V/v tham gia ý kiến Quy hoạch
tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030,
tầm nhìn đến năm 2050

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Thực hiện văn bản số 4595/BKHĐT-CLPT ngày 07/7/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc tham gia ý kiến đối với Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét văn bản số 1423/SKHĐT-TH&QLQH ngày 18/7/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc tham gia ý kiến đối với Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050,

Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định có ý kiến như sau:

1. Thống nhất với nội dung Dự thảo báo cáo Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Có một số ý kiến đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, nghiên cứu:

2.1. Tại mục 8.1.4 Cảng biển (trang 235) đề nghị chỉnh sửa tên cảng biển Hải Thịnh thành cảng biển Nam Định và cập nhật Nhóm cảng biển số 1 gồm 05 cảng biển: Cảng biển Hải Phòng, cảng biển Quảng Ninh, cảng biển Thái Bình, cảng biển Nam Định và cảng biển Ninh Bình để phù hợp với Quyết định 1579/QĐ-TTg ngày 22/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc Quy hoạch hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2.2. Tại nội dung định hướng phân bổ không gian phát triển ngành công nghiệp luyện cán thép và sản xuất các sản phẩm thép cho xây dựng (trang 347) đề nghị bổ sung tỉnh Nam Định do hiện nay trên địa bàn tỉnh Nam Định đang triển khai 02 dự án về sản xuất thép của tập đoàn Xuân Thiện với tổng mức đầu tư gần 100.000 tỷ đồng (Công suất dự kiến khoảng 8,0 triệu tấn/năm). Đây là những dự án lớn, sử dụng công nghệ tiên tiến; dự kiến sẽ chiếm tỷ trọng lớn trong sản lượng thép của cả nước.

2.3. Tại nội dung phương hướng phân bổ không gian phát triển du lịch vùng Đồng bằng sông Hồng (trang 361) đề nghị bổ sung quần thể khu di tích lịch sử Văn hóa thời Trần tỉnh Nam Định vào nội dung du lịch văn hóa, lễ hội, tâm linh gắn với văn minh lúa nước sông Hồng.

2.4. Tại nội dung số 5 mục 6.1 quan điểm phát triển hạ tầng mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia (trang 421) đề nghị bổ sung nội dung về mức độ ưu tiên xây dựng các trạm khí tượng thủy văn cho các khu vực như: Vùng thường xuyên có nguy cơ xảy ra mưa lớn, lũ, lũ quét, sạt lở đất, nước dâng, triều cường; khu vực ven biển, bờ biển, vùng thềm lục địa, các đảo và hải đảo; khu vực biên giới và xuyên biên giới; vùng khí hậu, vùng sinh thái và các vùng kinh tế trọng điểm

quốc gia. Ưu tiên phát triển các trạm khí tượng thủy văn có nhiều yếu tố cần quan trắc, trạm giám sát biến đổi khí hậu, các trạm lồng ghép quan trắc tài nguyên môi trường.

2.5. Tại nội dung Định hướng chính về bảo vệ môi trường (trang 454):

- Tại trang 454 và trang 460 (mục 4. Định hướng quản lý chất thải rắn cấp quốc gia) chưa thống nhất tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị chôn lấp. Cụ thể: trang 454 nêu “tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được xử lý bằng công nghệ lấp trực tiếp trên tổng lượng chất thải thu gom đạt 10% năm 2030”; trang 460 nêu: Đến năm 2030, tỷ lệ chất thải rắn được tiêu hủy, xử lý đạt 98%,.....; 95% chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý, tỷ lệ chôn lấp dưới 30% so với lượng chất thải được thu gom”. Vì vậy đề nghị thống nhất lại.

- Đối với chỉ tiêu “Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất tập trung đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường đạt 100% (năm 2030)”: Tên chỉ tiêu chưa thống nhất với tên chỉ tiêu đã được ban hành tại Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 “Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất có hệ thống xử lý nước thải tập trung vận hành đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường đạt 100 (%)”. Vì vậy đề nghị xem xét, điều chỉnh lại cho phù hợp.

2.6. Tại nội dung định hướng quản lý chất thải rắn quốc gia (trang 459) có nội dung “Ưu tiên xây dựng các nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt hiện đại có thu hồi năng lượng liên vùng, liên tỉnh, liên huyện. Xây dựng các cơ sở xử lý chất thải nguy hại liên vùng, liên tỉnh, áp dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại” đề nghị bổ sung nội dung nghiên cứu, đề xuất những công nghệ, dây chuyền xử lý rác thải sinh hoạt phù hợp với điều kiện của Việt Nam, tạo sự thống nhất về mặt công nghệ, tạo điều kiện thuận lợi cho việc sản xuất thiết bị phục vụ thu gom, xử lý rác thải.

2.7. Tại nội dung Định hướng tổ chức không gian biển (trang 487 - 491):

- Đề nghị điều chỉnh tên của mục III thành “Định hướng phát triển không gian biển” cho phù hợp với điểm đ khoản 2 Điều 22 Luật Quy hoạch năm 2017.

- Tại trang 487, mục 3.1. Không gian biển thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam có thể đưa vào khai thác, sử dụng trong thời kỳ quy hoạch: “...vùng biển của Việt Nam được chia thành 4 nhóm vùng” chưa phù hợp với việc phân vùng biển Việt Nam thành 5 loại vùng sử dụng tại Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Tại trang 488, đề nghị xem xét sửa tên mục 3.2.1 như sau: Vùng cần bảo vệ đặc biệt cho mục đích quốc phòng, bảo vệ môi trường và bảo tồn hệ sinh thái.

- Tại trang 491, bảng 70 Vùng khuyến khích phát triển du lịch: Tên của các vùng chưa phù hợp với bảng phân vùng trong Dự thảo Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Cụ thể trong Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 như sau: Khu vực động lực du lịch Hà Nội - Ninh Bình - Hải Phòng - Quảng Ninh; Khu vực động lực du lịch Thành phố Hồ Chí Minh - Bà Rịa - Vũng Tàu - Bình Thuận; Khu vực động lực du lịch Thành phố Hồ Chí Minh - Bà Rịa - Vũng Tàu - Bình Thuận.

Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định trân trọng báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các đ/c PCT UBND tỉnh;
- Sở KH&ĐT;
- Lưu: Vp1, Vp5.

Handwritten signature

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Handwritten signature

Hà Lan Anh

Số: 5461 /UBND-KT

Nghệ An, ngày 20 tháng 7 năm 2022

V/v góp ý dự thảo Báo cáo Quy
hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ
2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

UBND tỉnh Nghệ An nhận được Công văn số 4595/BKHĐT-CLPT ngày 07/7/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc tham gia góp ý dự thảo Báo cáo Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; sau khi nghiên cứu, UBND tỉnh Nghệ An cơ bản thống nhất với dự thảo và có một số ý kiến góp ý cụ thể như sau:

1. Về phương hướng phát triển các khu du lịch quốc gia ưu tiên (trang 364)

Khu di tích Kim Liên - Nam Đàn (Nghệ An) được xếp hạng là di tích quốc gia đặc biệt (Quyết định số 548/QĐ-TTg ngày 10/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ); thuộc danh mục các địa điểm tiềm năng phát triển Khu du lịch Quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (Quyết định số 201/QĐ-TTg ngày 22/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ). Trong dự thảo Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, tỉnh Nghệ An xác định sẽ đầu tư xây dựng để đủ điều kiện được công nhận là Khu du lịch quốc gia Kim Liên (với vùng lõi là khu di tích Kim Liên) trong giai đoạn 2021-2030. Do đó, kính đề nghị Quý Bộ xem xét, bổ sung “Khu du lịch quốc gia Kim Liên” vào định hướng ưu tiên đầu tư phát triển Khu du lịch quốc gia trong giai đoạn 2021-2030.

2. Về các hành lang kinh tế (trang 465 đến trang 471)

Tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 thì tuyến cao tốc Vinh - Thanh Thủy sẽ được đầu tư xây dựng trước năm 2030, tuyến có chiều dài 85km, quy mô 6 làn xe (quy mô lớn nhất trong các tuyến đường bộ cao tốc khu vực miền Trung - Tây Nguyên). Tại Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 30/7/2013 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2020, trong đó nêu rõ: “Đẩy mạnh phát triển Khu Kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy, nâng cấp cửa khẩu quốc gia Thanh Thủy thành cửa khẩu quốc tế, trở thành đầu mối giao thương quan trọng với Lào, Thái Lan, Myanmar”. Do đó, kính đề nghị Quý Bộ nghiên cứu, bổ sung hành lang kinh tế Thanh Thủy - Vinh - Cửa Lò vào hành lang phụ của hành lang kinh tế Đông - Tây gắn với cao tốc Hà Nội - Vinh Chấn với phương án tuyến đi qua cửa khẩu Thanh Thủy.

3. Về các vùng động lực (trang 472 đến trang 475)

Vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung được chia làm tiểu vùng Bắc Trung Bộ và tiểu vùng Duyên hải miền Trung. Trong đó, tiểu vùng Bắc Trung Bộ với diện tích khoảng 5,15 triệu ha (chiếm 10,5% tổng diện tích cả nước) có khoảng trên 11 triệu dân (chiếm 11,3% tổng dân số cả nước).

Trong những năm qua, khu vực 3 tỉnh: Thanh Hóa - Nghệ An - Hà Tĩnh đã có bước tăng trưởng kinh tế nhanh và từng bước khẳng định vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh của cả nước; với các ngành kinh tế chủ đạo gắn liền với kinh tế biển như: công nghiệp lọc hóa dầu, thép, vật liệu xây dựng, cảng nước sâu, dịch vụ hậu cần biển, du lịch, phát triển nông lâm thủy sản. Đây cũng là vùng có vườn quốc gia và khu vực đa dạng sinh học; có tiềm năng phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng cấp quốc gia, quốc tế gắn liền với cảnh quan thiên nhiên và các di tích lịch sử văn hóa có giá trị. Do đó, ngoài vùng động lực Đà Nẵng - Quảng Nam - Quảng Ngãi (thuộc tiểu vùng Duyên hải miền Trung), kính đề nghị Quý Bộ nghiên cứu, bổ sung thêm vùng động lực "Thanh Hóa - Nghệ An - Hà Tĩnh" (thuộc tiểu vùng Bắc Trung Bộ) để phát huy vai trò của khu vực Bắc Trung Bộ và bảo đảm cân đối giữa 2 tiểu vùng.

4. Về các khu vực động lực phát triển du lịch quốc gia (trang 363)

Kính đề nghị Quý Bộ nghiên cứu bổ sung khu vực động lực du lịch Thanh Hóa - Nghệ An - Hà Tĩnh - Quảng Bình vào dự thảo Quy hoạch; đây là khu vực có vai trò quan trọng đối với phát triển du lịch vùng Bắc Trung Bộ, trong đó tập trung phát triển du lịch biển, du lịch sinh thái, du lịch văn hóa - lịch sử - tâm linh với các địa điểm nổi bật như: Khu di tích Quốc gia đặc biệt Kim Liên, Thành nhà Hồ, Khu lưu niệm Nguyễn Du và di sản văn hóa phi vật thể dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh, Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng, các bãi biển Sầm Sơn - Cửa Lò - Thiên Cầm - Nhật Lệ.

5. Về định hướng sử dụng đất (trang 483)

Trong dự thảo Quy hoạch tỉnh, Nghệ An xác định xây dựng, mở rộng Khu kinh tế Đông Nam để trở thành một trong hai động lực chính phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong thời gian tới (mở rộng tổng diện tích từ 20.776,47ha hiện tại lên 105.585ha) cũng như thành lập Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy phục vụ nhu cầu giao thương của với nước bạn Lào. Do đó, đề nghị Quý Bộ bổ sung nội dung mở rộng khu kinh tế Đông Nam vào dự thảo Quy hoạch tổng thể quốc gia để đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh; xem xét, bổ sung thành lập Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy với diện tích 26,74 ha với mục tiêu phát triển sau năm 2030.

6. Về các nội dung khác

- Tại trang 224 về thực trạng khối bệnh viện tư nhân, đề nghị xem xét cập nhật lại số liệu: "Nghệ An có 11 bệnh viện với 529 giường bệnh" thành "Nghệ An có 15 bệnh viện với 1.861 giường bệnh" (số liệu tính đến cuối năm 2020).

- Tại trang 351: đề nghị bổ sung khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao vùng Bắc Trung Bộ (đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thành lập tại Quyết định số 509/QĐ-TTg ngày 31/3/2021) vào định hướng phân bổ không gian phát triển nông lâm nghiệp).

- Tại trang 396 về đường biển, đề nghị nghiên cứu, bổ sung cụm cảng Nghi Sơn (Thanh Hóa) - Đông Hải (Nghệ An) trở thành cảng cửa ngõ khu vực Bắc Trung Bộ khi có điều kiện.

- Tại trang 428 (Tiểu mục 1.3.2.3): đề nghị bổ sung thêm nội dung: đầu tư, nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi, đặc biệt là các công trình thủy lợi lấy nước từ hệ thống sông lớn như Sông Cả¹.

- Tại trang 488 đến trang 490 (xác định vùng cấm khai thác, vùng khai thác, sử dụng có điều kiện trong phạm vi không gian biển trong thời kỳ quy hoạch), đề nghị bổ sung thêm trong hệ thống bản đồ: (1) Vùng cần bảo vệ đặc biệt: Không gian biển của Đảo Mắt, Nghệ An; (2) Vùng dễ tổn thương và khai thác có điều kiện gồm: Trường bắn biển quốc gia tại huyện Quỳnh Lưu, Nghệ An; khu vực không gian biển Đảo Ngư.

Trên đây là ý kiến góp ý về dự thảo Báo cáo Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; UBND tỉnh Nghệ An kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, hoàn thiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, PCT (TT) UBND tỉnh;
- Chánh VP UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Lưu VT, KT (Binh).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Trung

¹ Công trình đập Sông Lam (công trình điều tiết, nâng cao mực nước sông Lam – kết hợp giao thông).

Số: 1595 /KHĐT-TH

Ninh Bình, ngày 20 tháng 7 năm 2022

V/v tham gia ý kiến đối với Quy
hoạch tổng thể Quốc gia thời kỳ
2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh Ninh Bình tại Văn bản số 96/UBND-VP2 ngày 12/7/2022 về việc góp ý Quy hoạch tổng thể Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, theo yêu cầu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 4595/BKHĐT-CLPT ngày 07/7/2022. Trên cơ sở ý kiến đóng góp của các đơn vị, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Bình cơ bản thống nhất với nội dung báo cáo tổng hợp Quy hoạch tổng thể Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và có một số ý kiến tham gia góp ý như sau:

1. Về thực trạng sử dụng không gian biển (trang 125-126): Đề nghị bổ sung nội dung đánh giá về thực trạng nuôi trồng, chế biến thủy hải sản, gồm: Diện tích nuôi trồng thủy hải sản; sản lượng thủy hải sản; giá trị trên 1 ha nuôi trồng thủy hải sản; chế biến thủy hải sản... Vì dự thảo quy hoạch mới chỉ đánh giá tổng quan về đánh bắt thủy hải sản, trong khi đó các địa phương ven biển (bao gồm tỉnh Ninh Bình) đều phát triển ngành nghề nuôi trồng, chế biến thủy hải sản, đem lại hiệu quả kinh tế.

2. Về quan điểm phát triển (trang 125-126):

- Đề nghị bổ sung vào quan điểm thứ nhất cụm từ “tăng cường liên kết trong nước và quốc tế, chú trọng liên kết giữa ngành du lịch với các ngành, lĩnh vực khác trong chuỗi giá trị hình thành nên các sản phẩm du lịch”. Vì du lịch là ngành kinh tế dịch vụ tổng hợp, có tính liên ngành, liên vùng cao, do vậy cần có sự liên kết chặt chẽ giữa các ngành dịch vụ có liên quan.

- Đề nghị bổ sung thêm quan điểm “Phát huy mạnh mẽ vai trò động lực của doanh nghiệp và cộng đồng dân cư, sự quản lý thống nhất của Nhà nước”. Vì thực tế tại Ninh Bình nói riêng và hầu hết các địa phương trên toàn quốc cho thấy vai trò quan trọng của doanh nghiệp trong phát triển du lịch của các địa phương, đặc biệt là trong việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển đa dạng các sản phẩm du lịch, góp phần quan trọng trong việc định vị thương hiệu du lịch của địa phương.

3. Về định hướng phân bố không gian phát triển một số ngành công nghiệp ưu tiên (trang 347): Đề nghị bổ sung tỉnh Ninh Bình vào cụm liên kết ngành “Công nghiệp cơ khí chính xác, công nghiệp chế tạo máy động lực, máy sản xuất, công nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô với các trung tâm tập trung ở khu vực vùng Thủ đô Hà Nội, vùng Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Hà Tĩnh, Đà Nẵng - Quảng Nam và Ninh Bình”. Vì hiện nay, các nhà sản xuất OEM ô tô (nhà sản xuất phụ tùng gốc) đã lựa chọn 10 tỉnh tại Việt Nam để xây nhà máy sản xuất, phần lớn trong số đó lựa chọn các tỉnh trong vùng đồng bằng sông Hồng như: Toyota và Honda ở Vĩnh Phúc, Hà Nam; Ford ở Hải Dương; Vinfast ở Hải Phòng; Hyundai ở

Ninh Bình... Trong định hướng phát triển một số ngành công nghiệp ưu tiên, tỉnh Ninh Bình định hướng tập trung xúc tiến, thu hút đầu tư, phát triển công nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô, công nghiệp phụ trợ với đầu tàu là Liên doanh ô tô Hyundai và Tập đoàn Thành Công, phấn đấu đưa Ninh Bình trở thành một trong những trung tâm sản xuất ô tô và công nghiệp phụ trợ ô tô của cả nước.

4. Về định hướng phát triển du lịch và định hướng phân bố không gian phát triển hệ thống du lịch quốc gia (trang 347):

- Đề nghị ban soạn thảo xem xét ngoài việc định hướng phát triển du lịch theo các vùng, cần nghiên cứu, bổ sung các tiềm năng, lợi thế, tính chất đặc trưng của các tỉnh để làm căn cứ xây dựng định hướng quy hoạch nhằm phát huy lợi thế riêng có của các tỉnh và có tính kết nối vùng, liên vùng như tỉnh Ninh Bình có khu quần thể Tràng An là di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, tỉnh Quảng Ninh có vịnh Hạ Long là di sản thiên nhiên thế giới, thành phố Hà Nội có khu trung tâm hoàng thành Thăng Long là di sản văn hóa thế giới... để từ đó liên kết trong hợp tác xây dựng, kết nối các tuyến du lịch, tour du lịch, phát triển các sản phẩm du lịch nhất là kết nối “Con đường di sản Thế giới của Việt Nam”, kết nối Vịnh Hạ Long - Hoàng thành Thăng Long - Tràng An - thành Nhà Hồ - Phong Nha Kẻ Bàng - cố đô Huế...

- Đối với vùng đồng bằng sông Hồng, đề nghị bổ sung cụm từ “phát triển du lịch văn hóa tâm linh, du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp và nông thôn”. Vì khu vực đồng bằng sông Hồng có nhiều tiềm năng, thế mạnh phát triển các loại hình du lịch này; ngoài ra thực tế những năm gần đây cho thấy các loại hình du lịch này đang phát triển mạnh, được đông đảo du khách trong và ngoài nước lựa chọn khi về với Ninh Bình.

- Đề nghị bổ sung “Khu du lịch Kênh Gà - Vân Trình” vào định hướng phát triển khu du lịch Quốc gia. Vì hiện Ninh Bình đang xây dựng Quy hoạch chung khu du lịch Kênh Gà - Vân Trình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Đây là quy hoạch có quy mô lớn, dự kiến khi đi vào hoạt động sẽ tạo động lực cho phát triển du lịch, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

5. Về phương hướng phát triển và phân bố không gian (trang 395): Đề nghị bổ sung tuyến đường cao tốc Ninh Bình - Nam Định - Thái Bình - Hải Phòng trong mục ưu tiên xây dựng, hoàn thành các tuyến đường cao tốc kết nối liên vùng.

6. Về lựa chọn Tam giác Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh trở thành vùng động lực chính của khu vực phía Bắc (trang 472): Đề nghị ban soạn thảo nghiên cứu, bổ sung thêm cực tăng trưởng Ninh Bình - Thanh Hóa trong vùng động lực chính của khu vực phía Bắc. Vì hiện nay, trong vùng Đồng bằng sông Hồng, các cực thủ đô Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh vẫn phát triển vượt trội so với cực phía Nam Đồng bằng sông Hồng; tuy nhiên, nếu tỉnh Ninh Bình kết nối hợp tác chặt chẽ với tỉnh Thanh Hóa, với tiềm năng, lợi thế và xu thế tăng trưởng trong tương lai thì Ninh Bình - Thanh Hóa sẽ vươn lên trở thành một cực tăng trưởng mới cùng với 3 cực trên tạo ra tứ giác tăng trưởng tiềm năng của khu vực miền Bắc Việt Nam: Thủ đô Hà Nội, Hải Phòng - Quảng Ninh và Ninh Bình gắn với Thanh Hóa.

7. Về định hướng phát triển vùng biển và ven biển phía Bắc, Quảng Ninh - Ninh Bình (trang 496): Đề nghị ban soạn thảo nghiên cứu, bổ sung nội dung như sau: *"Phát triển nuôi biển ở các tỉnh gắn với bảo tồn thiên nhiên và du lịch quốc gia, xây dựng các vùng sản xuất giống nhuyễn thể tập trung, đáp ứng nhu cầu giống nhuyễn thể cho cả nước. Tiếp tục xây dựng khu vực Hải Phòng - Quảng Ninh trở thành trung tâm kinh tế biển; là cửa ngõ, động lực phát triển vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ gắn với cảng quốc tế Lạch Huyện; phát triển Quảng Ninh trở thành trung tâm du lịch quốc gia kết nối với các trung tâm du lịch quốc tế lớn của khu vực và thế giới. Phát triển Ninh Bình trở thành trung tâm du lịch của cả nước, với 3 điểm nhấn: Khu Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới Tràng An; tổ hợp nghỉ dưỡng du lịch Kênh Gà - Vân Trình; khu du lịch nghỉ dưỡng Cúc Phương, Vân Long và vùng ven biển Kim Sơn dự kiến trở thành liên hiệp khu sinh thái hấp dẫn bậc nhất ở khu vực phía Bắc Việt Nam"*.

8. Về tổng hợp các tuyến đường cao tốc đã đưa vào khai thác sử dụng (trang 593, bảng 83): Đề nghị điều chỉnh từ "Đồng bằng sông Hồng (9): Hà Nội, Bắc Ninh, Bắc Giang, Hà Nam, Nam Định, Hải Dương, Hưng Yên, Hải Phòng, Quảng Ninh" thành "Đồng bằng sông Hồng (10): Hà Nội, Bắc Ninh, Bắc Giang, Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình, Hải Dương, Hưng Yên, Hải Phòng, Quảng Ninh"; đồng thời cập nhật chiều dài tuyến đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình.

Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Bình trân trọng báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh./..

Nơi nhận:

- Như trên;
 - UBND tỉnh (để b/c);
 - Lãnh đạo Sở;
 - Lưu: VT, TH. .
- nkl

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Bùi Minh Đức

Số: 3508 /UBND-KTTH
V/v góp ý Dự thảo Quy hoạch
tổng thể Quốc gia thời kỳ 2021-
2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Ninh Thuận, ngày 12 tháng 8 năm 2022

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Tiếp nhận Công văn số 4595/BKHĐT-QLQH ngày 07/7/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị có ý kiến đối với Dự thảo Quy hoạch tổng thể Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Qua nghiên cứu, UBND tỉnh Ninh Thuận tham gia góp ý một số nội dung cụ thể sau:

1. Về Định hướng phân bố không gian phát triển hệ thống du lịch quốc gia (tại mục 3.2.1.4 trang 362): Đối với Tiểu vùng Duyên hải Nam Trung Bộ: Dự thảo có ghi *“Sản phẩm chính: du lịch biển, đảo như nghỉ dưỡng, tắm biển, khám phá hệ sinh thái biển, vui chơi giải trí thể thao trên biển, lặn biển...; du lịch văn hóa: tham quan hệ thống di sản Hội An và Mỹ Sơn, di tích kiến trúc tháp Chăm... kết hợp du lịch nghiên cứu bản sắc văn hóa Chăm, văn hóa cư dân biển Nam Trung Bộ,...; tham quan cảnh quan, nghiên cứu hệ sinh thái ven biển, hệ sinh thái VQG Đông Trường Sơn...”*. Đề nghị xem xét, bổ sung Vườn Quốc gia Núi Chúa (đã được UNESCO đưa vào Khu dự trữ sinh quyển của Thế giới) vào định hướng phát triển du lịch của Quốc gia; cụ thể sửa lại thành: *“...tham quan cảnh quan, nghiên cứu hệ sinh thái ven biển, hệ sinh thái VQG Đông Trường Sơn, VQG Núi Chúa”*.

2. Về định hướng phát triển đường sắt (mục 1.3.2 trang 396): Dự thảo có ghi *“Đến năm 2050, hoàn thành tuyến đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam; tiếp tục đầu tư hoàn thành các tuyến đường sắt mới tại khu đầu mối Hà Nội, khu đầu mối TP. Hồ Chí Minh, đường sắt kết nối các cảng biển, khu công nghiệp, khu kinh tế, kết nối các tỉnh Tây Nguyên, đường sắt ven biển, đường sắt kết nối quốc tế...”* Đề nghị Quý Bộ xem xét, đưa nội dung *“khôi phục tuyến đường sắt răng cưa Tháp Chàm - Đà Lạt phục vụ du lịch”* và đầu tư tuyến đường sắt kết nối từ ga Cà Ná (mới) đến Cảng tổng hợp Cà Ná vào định hướng phát triển đường sắt quốc gia, đây là dự án có vai trò động lực, nhằm liên kết giữa các tỉnh Nam Trung bộ và Tây Nguyên, khai thác được tiềm năng lợi thế của 2 vùng này và đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 1769/QĐ-TTg ngày 17/10/2021.

3. Về định hướng phát triển hàng không: (mục 1.3.4 trang 396): Sân bay quân sự Thành Sơn được Thủ tướng Chính phủ đồng ý về nguyên tắc chuyển đổi thành sân bay lưỡng dụng để đáp ứng nhu cầu phát triển du lịch và thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Ninh Thuận và các địa phương lân cận tại Thông báo

số 171/TB-VPCP ngày 18/6/2022. Do đó, đề nghị Quý Bộ bổ sung sân bay Thành Sơn vào nội dung phương hướng phát triển hàng không, cụ thể như sau: “*Chuyển đổi, nâng cấp sân bay Quân sự Thành Sơn thành sân bay dùng chung kết hợp giữa quân sự với dân dụng...*”

4. Về định hướng phát triển Khu kinh tế ven biển: Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo số 171/TB-VPCP ngày 18/6/2022, trong đó chỉ đạo UBND tỉnh xây dựng Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam tỉnh với định hướng phát triển thành Khu kinh tế ven biển phía Nam tỉnh và tích hợp vào nội dung Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Do đó, đề nghị Quý Bộ xem xét, bổ sung Khu kinh tế ven biển phía Nam tỉnh Ninh Thuận vào danh mục các Khu kinh tế ven biển của cả nước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

5. Về các vùng khuyến khích phát triển:

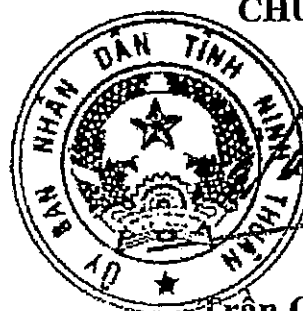
- *Đối với Vùng khuyến khích phát triển Cảng (trang 491):* Ninh Thuận có lợi thế về Cảng biển nước sâu Cà Ná, có tải trọng lên đến 300.000 DWT, đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng Cảng tổng hợp Cà Ná và định hướng trong Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 phát triển thành Cảng trung chuyển Quốc tế. Do đó, đề nghị Quý Bộ bổ sung Ninh Thuận (Cà Ná) vào danh sách các vùng khuyến khích phát triển Cảng.

- *Đối với Vùng khuyến khích phát triển điện gió (trang 495):* Ninh Thuận là tỉnh có điều kiện thuận lợi để phát triển điện gió, điện gió ngoài khơi, đang tập trung xây dựng Ninh Thuận thành Trung tâm Năng lượng, Năng lượng tái tạo của cả nước theo chủ trương của Chính phủ tại Nghị quyết số 115/NQ-CP ngày 31/8/2018 và Quyết định 892/QĐ-TTg ngày 26/7/2022. Do đó, đề nghị Quý Bộ bổ sung Ninh Thuận vào danh sách các vùng khuyến khích phát triển điện gió nhất là điện gió ngoài khơi, tạo điều kiện cho Tỉnh khai thác hết tiềm năng, lợi thế, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

Trên đây là một số ý kiến góp ý về nội dung Dự thảo Quy hoạch Tổng thể Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. UBND tỉnh Ninh Thuận kính gửi đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và ĐT;
- VPUB: CVP, các PVP, KTTH, VXNV;
- Lưu: VT, Hào



CHỦ TỊCH

Trần Quốc Nam

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2864 /UBND-KTTH

Phú Thọ, ngày 27 tháng 7 năm 2022

V/v tham gia ý kiến đối với Quy
hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ
2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Thực hiện Văn bản số 4595/BKHĐT-CLPT ngày 07/07/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến đối với Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Sau khi nghiên cứu, tổng hợp, UBND tỉnh Phú Thọ tham gia một số ý kiến cụ thể như sau:

1. Cơ bản nhất trí với bố cục, nội dung dự thảo báo cáo Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì soạn thảo.

2. Tại Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, tỉnh Phú Thọ được xác định là một trong các trung tâm liên kết vùng, có lợi thế trong kết nối trung chuyển hàng hóa cho các địa phương thuộc khu vực Tây Bắc, Đông Bắc và Vùng Đồng bằng sông Hồng. Để giúp Phú Thọ phát huy tốt tiềm năng lợi thế, đóng góp có hiệu quả vào sự phát triển chung của Vùng và của cả nước, UBND tỉnh Phú Thọ kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu bổ sung một số nội dung, nhiệm vụ quy hoạch cụ thể như sau:

- Về trung tâm logistics: Tại mục 3.2.2.3 về Phương hướng phát triển và phân bố không gian, hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại quốc gia (mục c, Trung tâm Logistics- trang 367): Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư bổ sung quy hoạch hình thành tại Phú Thọ trung tâm trung chuyển, logistics cấp quốc gia, cấp vùng; trung tâm trung chuyển, logistics của vùng, tiểu vùng; trung tâm chế biến nông, lâm sản của Vùng Trung du và Miền núi Bắc Bộ.

- Về nội dung xây dựng các tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng tại các mục: 1.3.2 phương hướng phát triển và phân bố không gian - đường sắt - trang 395; 1.2.1 Hành lang kinh tế Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, trang 467, điểm b; 2.2.1, trang 510, Định hướng phát triển vùng Trung du và Miền núi phía Bắc: Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các bộ, ngành liên quan nghiên cứu định hướng xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng đoạn tuyến tránh thành phố Việt Trì trước năm 2025 (hiện tại quy hoạch đang xác định thực hiện trong giai đoạn 2025-2030); điều chỉnh hướng tuyến qua khu vực Đầm Ao Châu (huyện Hạ Hòa) để đảm bảo việc triển khai dự án trọng điểm Khu dịch vụ đô thị,

văn hóa - thể thao và sân Golf Ao Châu - Hạ Hòa (đang được UBND tỉnh Phú Thọ trình các bộ, ngành thẩm định, báo cáo Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư).

- Về du lịch: Tại mục 3.2.1.4 về Định hướng phân bố không gian phát triển hệ thống du lịch quốc gia (trang 360): Đề nghị bổ sung các khu du lịch của tỉnh Phú Thọ vào định hướng phát triển du lịch quốc gia: Thành phố Việt Trì - thành phố lễ hội về với cội nguồn dân tộc Việt Nam (gắn với bảo tồn, phát huy và khai thác giá trị 02 di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại được UNESCO công nhận là Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương và Hát Xoan Phú Thọ), Khu du lịch Vườn quốc gia Xuân Sơn, Khu du lịch đồi chè Long Cốc, Quần thể Đầm Ao Châu gắn với di tích Đền Mẫu Âu Cơ - Hạ Hòa, Khu du lịch nước khoáng nóng Thanh Thủy,... là những khu vực có tiềm năng du lịch phong phú, hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội đã và đang được quan tâm đầu tư phát triển.

- Về định hướng phát triển vùng và liên kết vùng (Mục 2.2.1. Vùng Trung du và Miền núi phía Bắc - trang 508-509): Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, bổ sung định hướng xây dựng Phú Thọ, Thái Nguyên, Bắc Giang trở thành các động lực tăng trưởng, thúc đẩy phát triển kinh tế của Vùng.

Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ trân trọng đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ngành: KHĐT, GTVT, CT, VHTTDL;
- CVP, các PCVP;
- CV NCTH;
- Lưu VT, TH3.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Trọng Tấn

Ký bởi Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Phú Thọ
Ngày ký: 27-07-2022 (0.03:17 +07:00)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3660 /UBND-TH

Phú Yên, ngày 21 tháng 7 năm 2022

V/v góp ý dự thảo Quy hoạch tổng
thể quốc gia thời kỳ 2021-2030,
tầm nhìn đến năm 2050

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Thực hiện đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến đối với Quy hoạch tổng thể Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (tại văn bản số 4595/BKHĐT-CLPT ngày 07/7/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư);

Qua nghiên cứu hồ sơ dự thảo Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; UBND tỉnh Phú Yên thống nhất các hồ sơ và nội dung tại dự thảo Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì soạn thảo. Để dự thảo được hoàn chỉnh hơn, UBND tỉnh Phú Yên tham gia một số ý kiến như sau:

1. Về một số chỉ tiêu cụ thể (tại trang 341): UBND tỉnh Phú Yên đề xuất bổ sung chỉ tiêu Tổng đầu tư xã hội bình quân giai đoạn 2021-2030: vì đây là chỉ tiêu quan trọng để đánh giá năng lực phát triển của xã hội (theo Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 của quốc gia thì tổng đầu tư xã hội bình quân giai đoạn 2021-2030 đạt 33 - 35% GDP).

2. Về định hướng phát triển đường hàng không (tại trang 396):

Ngoài các định hướng đã nêu trong dự thảo, UBND tỉnh Phú Yên đề xuất bổ sung thêm một số định hướng như sau:

- Đến năm 2030 từng bước nâng cấp và khai thác có hiệu quả 28 cảng hàng không¹. Trong đó, có 15 cảng hàng không quốc nội và 13 cảng hàng không quốc tế, tổng công suất thiết kế hệ thống cảng hàng không đáp ứng khoảng 278 triệu hành khách, bảo đảm trên 95% dân số có thể tiếp cận tới cảng trong phạm vi 100 km.

¹ 28 cảng hàng không, gồm:

- Khu vực miền Bắc có 10 cảng hàng không, gồm: 5 cảng hàng không quốc tế (Nội Bài, Vân Đồn, Cát Bi, Thọ Xuân, Vinh) và 5 cảng hàng không quốc nội (Lai Châu, Điện Biên, Sa Pa, Nà Sản, Đồng Hới).
- Khu vực miền Trung có 8 cảng hàng không, gồm: 4 cảng hàng không quốc tế (Phú Bài, Đà Nẵng, Cam Ranh, Chu Lai) và 4 cảng hàng không quốc nội (Quảng Trị, Pleiku, Phù Cát, Tuy Hoà).
- Khu vực miền Nam có 10 cảng hàng không, gồm: 4 cảng hàng không quốc tế (Tân Sơn Nhất, Cần Thơ, Phú Quốc, Long Thành) và 6 cảng hàng không quốc nội (Buôn Ma Thuột, Liên Khương, Phan Thiết, Côn Đảo, Rạch Giá, Cà Mau).

- Đến năm 2050 hình thành 29 cảng hàng không, bao gồm 14 cảng quốc tế (Vân Đồn, Hải Phòng, Nội Bài, Thọ Xuân, Vinh, Phú Bài, Đà Nẵng, Chu Lai, Cam Ranh, Liên Khương, Long Thành, Tân Sơn Nhất, Cần Thơ và Phú Quốc); 15 cảng quốc nội (Lai Châu, Điện Biên, Sa Pa, Cao Bằng, Nà Sản, Đồng Hới, Quảng Trị, Phù Cát, Tuy Hòa, Pleiku, Buôn Ma Thuột, Phan Thiết, Rạch Giá, Cà Mau, Côn Đảo).

Các định hướng nêu trên phù hợp với định hướng đặt ra tại Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không toàn quốc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (hiện Quy hoạch đang trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt).

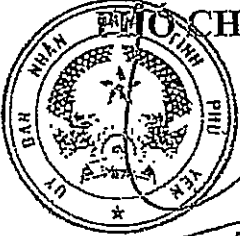
3. Về định hướng phát triển vùng Duyên hải miền Trung (tại trang 512): Dự thảo có nêu: *“Xây dựng thành phố Quy Nhơn, Nha Trang thực sự là các trung tâm dịch vụ, thương mại, du lịch và giao dịch quốc tế của tiểu vùng”*. UBND tỉnh Phú Yên đề xuất chỉnh sửa, bổ sung như sau: *“Xây dựng thành phố Quy Nhơn, Tuy Hòa, Nha Trang thực sự là các trung tâm dịch vụ, thương mại, du lịch và giao dịch quốc tế của tiểu vùng”* vì thành phố Tuy Hòa nói riêng cũng như tỉnh Phú Yên nói chung là một trong những cửa ngõ ra phía Đông của vùng Tây Nguyên. Đồng thời, hiện nay Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp với các Bộ, ngành liên quan báo cáo Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Đề án liên kết vùng Nam Phú Yên - Bắc Khánh Hòa. Trên cơ sở báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư rà soát, đề xuất các nội dung liên quan đến điều phối, liên kết vùng Nam Phú Yên - Bắc Khánh Hòa vào quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và giao Ủy ban nhân dân các tỉnh: Khánh Hòa, Phú Yên tiếp thu ý kiến tham gia của các Bộ, ngành liên quan để hoàn chỉnh Đề án và phê duyệt theo quy định. Hiện nay, hai tỉnh Phú Yên và Khánh Hòa đang nghiên cứu tiếp thu và chỉnh sửa Đề án để hoàn thiện các hồ sơ, thủ tục trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định.

Trên đây là một số ý kiến góp ý về dự thảo quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; UBND tỉnh Phú Yên báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tổng hợp.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Lưu: VT, TH.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Tấn Hồ



Cơ quan: UBND tỉnh Quảng Bình
Giờ ký: 22/07/2022 15:15:50

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 133/UBND-TH

V/v: góp ý dự thảo Quy hoạch tổng
thể quốc gia thời kỳ 2021-2030,
tầm nhìn đến năm 2050.

Quảng Bình, ngày 22 tháng 7 năm 2022

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình nhận được Công văn số 4595/BKHĐT-CLPT ngày 07/7/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến đối với Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Sau khi nghiên cứu, UBND tỉnh Quảng Bình cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo Báo cáo và xin tham gia một số ý kiến để hoàn thiện dự thảo như sau:

1. Tại mục 1.2.5 (trang 470):

Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, chỉnh sửa "Hành lang kinh tế Cầu Treo - Vũng Áng" thành "*Hành lang kinh tế Vũng Áng, Hòn La - Cha Lo, Cầu Treo*", vì các lý do: Khu Kinh tế Hòn La được định hướng phát triển thành Khu kinh tế tổng hợp, trong đó chú trọng các ngành công nghiệp hỗ trợ và kết nối chặt chẽ với Khu kinh tế Vũng Áng theo quy hoạch Nam Hà Tĩnh - Bắc Quảng Bình. Từ Khu kinh tế Vũng Áng và Khu Kinh tế Hòn La kết nối với nước bạn Lào và các tỉnh Đông Bắc Thái Lan thông qua Cửa khẩu Quốc tế Cha Lo (Quảng Bình) và Cửa khẩu Quốc tế Cầu Treo (Hà Tĩnh). Từ khi cầu Hữu Nghị 3 nối giữa Thái Lan và Lào đưa vào sử dụng, tuyến quốc lộ 12A đến cửa khẩu quốc tế Cha Lo được xác định là tuyến đường ngắn nhất, góp phần giảm chi phí cho các doanh nghiệp tham gia hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu từ Myanmar, Thái Lan, Lào về Việt Nam hay qua nước thứ ba; Kim ngạch xuất nhập khẩu qua cửa khẩu Quốc tế Cha Lo có mức tăng trưởng cao, là một trong những cửa khẩu có kim ngạch xuất nhập khẩu lớn nhất trên đường biên giới Việt Lào.

2. Tại mục 2.2.3 "Vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung", (trang 511-513):

- Quảng Bình có di sản thiên nhiên thế giới Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng được UNESCO công nhận là di sản thế giới (theo tiêu chí địa chất, địa mạo năm 2003; và tiêu chí đa dạng sinh học, sinh thái vào năm 2015). Vùng Karst Phong Nha - Kẻ Bàng có trên 1.000 hang động lớn nhỏ (mới khám phá được gần 400 hang động) được mệnh danh là "Vương quốc hang động", với nhiều hệ thống hang động kỳ vĩ, hùng bí như Động Phong Nha; Động Tiên Sơn, hang Sơn Đoòng - hang động lớn nhất trên thế giới, hang En - hang động lớn thứ ba trên thế giới, Hang Pygmy - hang động lớn thứ 4 thế giới ...

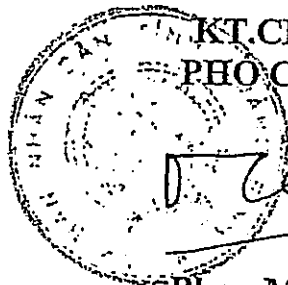
có giá trị toàn cầu đang được đưa vào khai thác phát triển du lịch. Do đó đề nghị bổ sung nội dung "*Xây dựng, phát triển Khu du lịch quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng trở thành trung tâm du lịch sinh thái, khám phá mạo hiểm đẳng cấp khu vực Đông Nam Á và thế giới*".

- Khu vực Bắc Trung Bộ nói chung và Quảng Bình nói riêng là địa bàn có vị trí hết sức quan trọng cả về kinh tế, chính trị, xã hội, quốc phòng an ninh, đặc biệt có vị trí chiến lược trọng yếu trong thế trận phòng thủ chung của Quân khu 4 và cả nước. Với diện tích tự nhiên khoảng 8.000 km², trong đó đồi núi chiếm 85%; đồng bằng chiếm 15%; phía Tây có 222,1km đường biên giới với nước bạn Lào; phía Đông có bờ biển dài 116,04 km (có vùng biển rộng hơn 11.000 km²), Quảng Bình là vị trí chiến lược quan trọng phía nam Vịnh Bắc Bộ; có bề ngang hẹp nhất cả nước (nơi hẹp nhất gần 50 km), đồi núi, sông ngòi nhiều, độ dốc lớn, thời tiết diễn biến phức tạp nên khi có tình huống chiến tranh xảy ra dễ bị chia cắt về mặt chiến lược. Do đó đề nghị đưa Quảng Bình vào địa bàn trọng điểm về Quốc phòng – An ninh của Khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước để có chiến lược xây dựng, củng cố thế trận Quốc phòng – An ninh quốc gia.

Kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở KH&ĐT;
- VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH.



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Mạnh Hùng

Số: 5276/UBND-TH

Quảng Nam, ngày 11 tháng 8 năm 2022

V/v góp ý dự thảo Quy hoạch
tổng thể quốc gia thời kỳ
2021 – 2030, tầm nhìn đến
năm 2050

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Theo đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 4595/BKHĐT-CLPT ngày 07/7/2022 về xin ý kiến đối với Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; qua xem xét dự thảo Báo cáo quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, UBND tỉnh Quảng Nam góp ý một số nội dung như sau:

- Về quan điểm phát triển của Quy hoạch tổng thể quốc gia (trang 339-340): đề nghị điều chỉnh bổ sung mục 4 như sau:

“(4) Tổ chức không gian phát triển quốc gia gắn hình thành hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, đáp ứng các yêu cầu phát triển dài hạn; là định hướng giải pháp huy động, phân bổ, sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư công và nguồn xã hội hoá theo từng giai đoạn đến năm 2050, ưu tiên tập trung nguồn lực cho các địa bàn trọng điểm, các vùng động lực để tạo lan toả cho các vùng lân cận”

- Về phát triển một số hành lang kinh tế (trang 342-343): Hiện nay Cửa khẩu chính Nam Giang, tỉnh Quảng Nam đã được Chính phủ nâng cấp thành cửa khẩu Quốc tế tại Nghị quyết số 183/NQ-CP ngày 22/12/2020; Cảng biển Chu Lai, Quảng Nam được quy hoạch thành Cảng loại I tại Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Sân bay Chu Lai định hướng thành Cảng Hàng không quốc tế đạt cấp 4F giai đoạn 2021-2030,...Theo đó, đề nghị bổ sung tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây 2 (EWEC2) kết nối khu vực tỉnh Quảng Nam, thành phố Đà Nẵng thông qua tuyến đường Cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi, Quốc lộ 14B, 14D qua cặp Cửa khẩu Quốc tế Nam Giang – Đắc Tà Oc kết nối với các tỉnh Trung - Nam Lào, Đông - Nam Thái Lan.

- Về vùng động lực (trang 343): đề nghị bổ sung vùng Khu vực ven biển Đà Nẵng – Quảng Nam – Quảng Ngãi thành vùng động lực chính do đồng bằng khu vực miền Trung hẹp, phù hợp với định hướng về trong Chiến lược phát triển kinh tế biển Quốc gia. Tại khu vực này hình thành trung tâm trọng điểm cấp vùng về Công nghiệp, đô thị, du lịch, dịch vụ (công nghiệp ô tô – phụ trợ ngành

cơ khí; du lịch, đô thị biển, đô thị di sản, kinh tế dược liệu miền núi, dịch vụ cảng biển, sân bay, đào tạo nhân lực).

- **Về định hướng phân bố không gian công nghiệp (trang 346):** đề nghị bổ sung các trung tâm công nghiệp cấp quốc gia tại tỉnh Quảng Nam, gồm: Trung tâm công nghiệp phụ trợ và công nghiệp cơ khí tại Khu kinh tế mở Chu Lai; Trung tâm công nghiệp chế biến sâu các sản phẩm từ Silica tại Quảng Nam; Trung tâm công nghiệp dược liệu gắn với phát triển vùng nguyên liệu dưới tán rừng khu vực miền núi của Quảng Nam.

- **Về định hướng ưu tiên phát triển nông nghiệp (trang 350):** đề nghị bổ sung nội dung định hướng phát triển ngành dược liệu thành ngành kinh tế trọng điểm của khu vực miền núi tỉnh Quảng Nam, với các sản phẩm: thuốc, thực phẩm chức năng, thực phẩm tiêu dùng, hoá mỹ phẩm thiên nhiên,...; xây dựng thành vùng nguyên liệu dược liệu dưới tán rừng, vườn quốc gia về dược liệu, trong đó sâm Ngọc Linh đóng vai trò chủ đạo cùng với phát triển các loài dược liệu bản địa hoặc di thực từ nơi khác về.

- **Về dịch vụ (trang 358):** Với định hướng về Sân bay Quốc tế Chu Lai, Cảng Chu Lai loại I, tuyến Cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi, nhiều tiềm lực để phát triển các ngành dịch vụ, vận tải biển, công nghiệp cơ khí, lắp ráp ô tô, dịch vụ liên quan đến khai thác dầu khí, dịch vụ hậu cần nghề cá,... Theo đó, tỉnh Quảng Nam có đủ điều kiện để hình thành Trung tâm Logistics cấp vùng, đề nghị xem xét bổ sung.

- **Về định hướng phát triển hàng không: (trang 396):** Đề nghị bổ sung nội dung định hướng phát triển Cảng hàng không Chu Lai thành Cảng Hàng không quốc tế đạt cấp 4F giai đoạn 2021-2030; đến năm 2050 thành Cảng Hàng không quốc tế cửa ngõ với công suất 40 triệu hành khách/năm theo Đồ án Quy hoạch tổng thể phát triển Cảng hàng không Sân bay toàn quốc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Bộ Giao thông vận tải xây dựng, đang trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Ngoài vận chuyển hành khách, cảng hàng không Chu Lai còn là trung tâm vận chuyển hàng hoá quốc tế, trung tâm sửa chữa, bảo dưỡng máy bay, sản xuất linh kiện ngành hàng không.

- **Về các hành lang kinh tế Đông – Tây (trang 467):** hiện nay Cửa khẩu Nam Giang tỉnh Quảng Nam được Chính phủ nâng cấp thành khẩu Quốc tế tại Nghị quyết số 183/NQ-CP ngày 22/12/2020; đồng thời hạ tầng khung giao thông cơ bản đã hình thành, như: Cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, Quốc lộ 14B, 14D, 14E và mới đây Thủ tướng Chính phủ ủng hộ chủ trương nghiên cứu đầu tư tuyến đường mới từ Khu kinh tế cửa khẩu Quốc tế Nam Giang đến Cảng biển Quảng Nam theo hình thức đầu tư PPP tại Thông báo số 135/TB-VPCP ngày 06/5/2022,... Với những thuận lợi nêu trên, đáp ứng điều kiện ưu tiên để hình

thành hành lang kinh tế như đã nêu tại mục V.1 – Trang 342 của dự thảo; theo đó, tại khu vực Trung bộ, ngoài tuyến hành lang kinh tế “Lao Bảo - Đông Hà - Đà Nẵng” theo dự thảo (trang 468), đề nghị xem xét bổ sung thêm hành lang kinh tế (EWEC2) “ChàVài – Đà Nẵng – Chu Lai” thông qua cặp Cửa khẩu Quốc tế Nam Giang – Đắc Tà Oc, hình thành tuyến đường bộ ngắn nhất kết nối 04 nước Việt Nam - Lào - Thái Lan - Myanmar.

- **Vùng động lực Đà Nẵng - Quảng Nam - Quảng Ngãi (trang 474):** theo Thông báo số 135/TB-VPCP ngày 06/5/2022 của Văn phòng Chính phủ về nội dung Kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại buổi làm việc với lãnh đạo tỉnh Quảng Nam, thống nhất quy hoạch trung tâm logistics công – ten – nơ tại Cảng Chu Lai; theo đó, đề nghị bổ sung định hướng Phát triển hình thành trung tâm dịch vụ logistics cấp vùng, ưu tiên phát triển hệ thống các doanh nghiệp logistics, đẩy mạnh đào tạo và phát triển nguồn nhân lực logistics... để hình thành chuỗi cung ứng logistics có trình độ tự động hóa, hiện đại hóa đối với vùng động lực Đà Nẵng - Quảng Nam - Quảng Ngãi.

- **Về định hướng phát triển Vùng và liên kết Vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung (trang 511):** đề nghị bổ sung các trung tâm công nghiệp cấp quốc gia tại tỉnh Quảng Nam, gồm: Trung tâm công nghiệp phụ trợ và công nghiệp cơ khí tại Khu kinh tế mở Chu Lai; Trung tâm công nghiệp chế biến sâu các sản phẩm từ Silica tại Quảng Nam; Trung tâm công nghiệp dược liệu gắn với phát triển vùng nguyên liệu dưới tán rừng khu vực miền núi của Quảng Nam và Trung tâm logistics công – ten – nơ tại Cảng Chu Lai.

- **Về về hình thành và phát triển một số vùng đô thị lớn (trang 522):** đề nghị bổ sung: Phát triển hệ thống các khu đô thị tại khu vực duyên hải miền Trung với quy mô lớn, thích ứng với biến độ khí hậu, tạo thành hệ thống Trung tâm đô thị ven biển, ven sông đẳng cấp quốc tế.

Kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- CPVP;
- Lưu: VT, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Trí Thanh



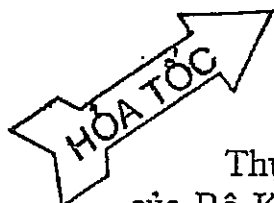
**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3613/UBND-KTTH

Quảng Ngãi, ngày 22 tháng 7 năm 2022

V/v tham gia góp ý dự thảo
Quy hoạch tổng thể quốc gia
thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn
đến năm 2050



Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Thực hiện nội dung Công văn số 4595/BKHĐT-QLPT ngày 07/7/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến đối với Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; sau khi nghiên cứu, UBND tỉnh Quảng Ngãi cơ bản thống nhất với các nội dung dự thảo Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, đồng thời, có một số ý kiến góp ý như sau:

1. Dự thảo báo cáo Đánh giá tác động môi trường chiến lược đối với quy hoạch tổng thể quốc gia

Đối với các giải pháp về công nghệ, kỹ thuật (tại khoản 4.1.2 mục 4.1 Chương 4, trang 404) đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, bổ sung:

- Các giải pháp về tăng cường quản lý CTR (trang 406): Cần nêu cụ thể về nội dung, công nghệ, kỹ thuật thực hiện trong thời gian đến và cần có phân kỳ để tổ chức thực hiện.

- Tính khả thi và phân công thực hiện các giải pháp (trang 408): Các Bộ ngành cần chủ trì trong việc xây dựng lộ trình đầu tư, áp dụng công nghệ để xử lý, tái chế chất thải để các địa phương tổ chức thực hiện.

2. Dự thảo báo cáo tổng hợp Quy hoạch tổng thể quốc gia

- Về hiện trạng khai thác, chế biến dầu khí và các tài nguyên khoáng sản biển (tại điểm 2.2 khoản 2 Mục II, Phần thứ nhất, trang 130) có nêu: "...Trong lĩnh vực lọc hóa dầu có 2 nhà máy lọc dầu là Nghi Sơn và Dung Quất, chuẩn bị khai thác mỏ Cá Voi Xanh và xây dựng các nhà máy điện khí tại Quảng Nam.". Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu chỉnh sửa, bổ sung như sau: "...Trong lĩnh vực lọc hóa dầu có 2 nhà máy lọc dầu là Nghi Sơn và Dung Quất, chuẩn bị khai thác mỏ Cá Voi Xanh và xây dựng các nhà máy điện khí tại Quảng Nam và Quảng Ngãi.". Vì việc chuẩn bị xây dựng các nhà máy điện khí ở khu vực miền Trung theo chủ trương, quyết định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ, ngoài tỉnh Quảng Nam như dự thảo Quy hoạch đã nêu còn có tỉnh Quảng Ngãi.

- Về việc giám sát môi trường đối với các dự án, cơ sở sản xuất có nguy

cơ gây ô nhiễm, sự cố ô nhiễm môi trường cao thuộc nội dung phần công tác quản lý, môi trường (tại điểm 11.5 khoản 11 Mục II Phần thứ nhất, trang 302): Đối với tỉnh Quảng Ngãi ngoài 02 Công ty (Công ty CP Lọc Hóa dầu Bình Sơn và Công ty CP Thép Hòa Phát - Dung Quất), đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, bổ sung thêm Công ty Bột giấy VNT19 (vì hiện nay Bộ Tài nguyên và Môi trường đang tổ chức chương trình giám sát đặc biệt đối với 03 đơn vị này).

- Về quan điểm phát triển công nghiệp (điểm 1.1 khoản 1 Mục I Phần thứ ba, trang 344) có nêu: “Kết hợp hài hoà giữa phát triển công nghiệp theo cả chiều rộng và chiều sâu; gắn kết sản xuất dựa trên năng suất, chất lượng và hiệu quả; từng bước tham gia chuỗi giá trị toàn cầu ở một số chuyên ngành, lĩnh vực có cơ hội và lợi thế”. Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung như sau: “Kết hợp hài hoà giữa phát triển công nghiệp theo cả chiều rộng và chiều sâu, trong đó chú trọng phát triển theo chiều sâu; gắn kết sản xuất dựa trên năng suất, chất lượng và hiệu quả; từng bước tham gia chuỗi giá trị toàn cầu ở một số chuyên ngành, lĩnh vực có cơ hội và lợi thế” để phù hợp với quan điểm phát triển công nghiệp của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 (khoản 4, Mục V, Chiến lược phát triển KT-XH).

- Tại nội dung định hướng phát triển nông nghiệp Vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung (tại tiết 2.4.3 điểm 2.4 khoản 2 Mục I, Phần thứ ba, trang 353): Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, bổ sung thêm nội dung về xây dựng các vùng, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02/12/2019 của Chính phủ về ban hành Danh mục các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch.

- Về nội dung Định hướng phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu (tại gạch đầu dòng thứ 3 khoản 2 Mục VI, Phần thứ ba, trang 463): Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung Quảng Ngãi vào vùng rủi ro thiên tai về nắng nóng, lũ quét, sạt lở đất, rét hại (Khu vực miền núi của Bắc Trung Bộ cho đến tỉnh Quảng Ngãi); vì tỉnh Quảng Ngãi giáp ranh với Quảng Nam và khu vực miền núi của Quảng Ngãi cũng tương đồng với Quảng Nam là có địa hình chia cắt phức tạp, đặc biệt vào mùa mưa thường xuyên xảy ra lũ quét, sạt lở đất nghiêm trọng gây nguy hiểm cho Nhân dân trong vùng. Trong định hướng quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, tỉnh Quảng Ngãi đã phân vùng phòng chống lũ quét và sạt lở đất để xây dựng phương án quản lý rủi ro thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

- Về Vùng khuyến khích phát triển du lịch (tại bảng 70 tiết a điểm 3.3 khoản 3 Mục III Phần thứ tư, trang 491): Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung Quảng Ngãi vào Khu vực DL2 (Quảng Bình - Quảng Trị - Thừa Thiên Huế - Đà Nẵng - Quảng Nam - Quảng Ngãi); vì Quảng Ngãi là địa

phương có nhiều tiềm năng phát triển du lịch, có biển, có núi, có duyên hải đồng bằng, có hệ sinh thái biển độc đáo, hệ sinh thái nông nghiệp, hệ sinh thái rừng đa dạng, là địa phương gắn liền di sản văn hóa Sa Huỳnh, một trong 3 nền văn hóa lớn của Việt Nam. Trong định hướng quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, tỉnh Quảng Ngãi xác định đẩy mạnh phát triển dịch vụ du lịch để từng bước trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh.

- Về nội dung định hướng phát triển vùng và liên kết vùng của Vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung (tại tiết 2.2.3 điểm 2.2 khoản 2 Mục V, Phần thứ tư, trang 511): Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét đưa nội dung thực hiện việc bổ sung, xây dựng cảng hàng không tại đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi trong giai đoạn trước năm 2030 vào Quy hoạch để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ du lịch của địa phương và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- Về giải pháp huy động vốn đầu tư (tại tiết a điểm 1.2 khoản 1 Mục I Phần thứ năm, trang 526), đề nghị bổ sung các nội dung sau:

+ Tập trung vốn cho các công trình trọng điểm, có tính lan tỏa, đặc biệt là những dự án hạ tầng kỹ thuật cho sản xuất, thương mại dịch vụ có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội. Tiếp tục cơ cấu lại ngân sách Nhà nước, bảo đảm tỷ lệ hợp lý giữa chi thường xuyên và chi đầu tư.

+ Tập trung triển khai đồng bộ, quyết liệt các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý thu ngân sách, nhất là các biện pháp chống thất thu.

+ Tích cực đổi mới giải pháp về cơ chế, chính sách, cải cách thủ tục hành chính nhằm cải thiện môi trường đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp, tạo động lực thúc đẩy thu hút đầu tư, phát triển sản xuất, kinh doanh, khuyến khích phát triển sản xuất và tăng trưởng kinh tế, tạo nguồn thu ổn định, bền vững cho ngân sách Nhà nước.

UBND tỉnh Quảng Ngãi tham gia một số ý kiến nêu trên, kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- VPUB: CVP, PCVP, các P. N/c, CBTH;
- Lưu VT, KTTHTHuc337

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Hoàng Tuấn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3971/UBND-KTTH

Quảng Ngãi, ngày 09 tháng 8 năm 2022

V/v tham gia góp ý bổ sung
dự thảo Quy hoạch tổng thể
quốc gia thời kỳ 2021-2030,
tầm nhìn đến năm 2050

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Số: ... 33.257 ...
ĐẾN Ngày: 10.8.2022

Chuyên:

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư hiệu HS:

Thực hiện nội dung Công văn số 4595/BKHĐT-QLPT ngày 07/7/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến đối với Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; ngày 22/7/2022, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã tham gia góp ý một số nội dung liên quan đến Quy hoạch tổng thể quốc gia để Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp tại Công văn số 3613/UBND-KTTH. Tiếp theo Công văn này, UBND tỉnh Quảng Ngãi bổ sung thêm một số nội dung góp ý, đề xuất cụ thể như sau:

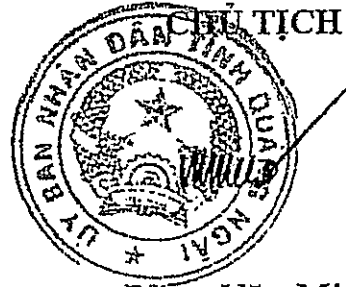
1. Về nội dung ưu tiên phát triển mạng lưới giao thông (*tiết 2.2.3 điểm 2.2 khoản 2 Mục V phần thứ tư, trang 512*): Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, bổ sung thêm nội dung ***"ưu tiên tập trung hoàn thành các đoạn tuyến chưa đầu tư thuộc Tuyến đường ven biển Việt Nam"*** đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021, trong đó có tuyến Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, giai đoạn 2 nhằm kết nối với các tuyến ven biển của Quảng Nam và Bình Định, cũng như gắn kết các địa phương trong Vùng kinh tế trọng điểm ven biển Miền Trung, đặc biệt là kết nối vận tải với Cảng hàng không Chu Lai (Quảng Nam); đồng thời, phù hợp với định hướng ***"ưu tiên phát triển các khu kinh tế ven biển trở thành các địa bàn trọng điểm về thu hút đầu tư, tạo đột phá tăng trưởng cho các địa phương"*** đang được đề cập tại khổ 3 tiết 2.2.3 điểm 2.2 khoản 2 Mục V phần thứ tư (trang 512) của dự thảo Quy hoạch tổng thể quốc gia.

2. Về định hướng bổ sung, thành lập mới các khu bảo tồn thiên nhiên (*Gạch đầu dòng thứ 2 điểm 3.1 khoản 3 mục V phần thứ ba, trang 457*): Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, bổ sung thêm 02 khu dự trữ thiên nhiên là Khu Tây huyện Ba Tơ và Khu bảo tồn loài, sinh cảnh Cà Đam (Trà Bồng) đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 08/01/2014 về Quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học của cả nước đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quy hoạch lâm nghiệp Quốc gia đang trình Hội đồng thẩm định; Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025.

UBND tỉnh Quảng Ngãi tham gia bổ sung một số ý kiến nêu trên, kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- VPUB: CVP, PCVP, các P.N/cứu, CBTH;
- Lưu VT, KTTHthuc362



Đặng Văn Minh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Số: **4630** /UBND-QH2
V/v tham gia ý kiến đối với Dự thảo
Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ
2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

Quảng Ninh, ngày 19 tháng 8 năm 2022

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Trên cơ sở nghiên cứu Dự thảo Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Dự thảo), Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh cơ bản nhất trí với Dự thảo báo cáo Quy hoạch tổng thể quốc gia; báo cáo đánh giá môi trường chiến lược đối với quy hoạch tổng thể quốc gia; hệ thống sơ đồ, bản đồ quy hoạch và có một số ý kiến tham gia bổ sung như sau:

I. Về nội dung chung:

1. Ngày 09/3/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã tham gia ý kiến với dự thảo Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Văn bản số 1417/UBND-QH1 (Văn bản photo gửi kèm theo); kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu xem xét, ghi nhận, bổ sung những quan điểm, ý kiến tham gia của tỉnh tại văn bản nêu trên vào Quy hoạch Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Ngày 29/6/2022, Hội đồng thẩm định Quy hoạch tỉnh đã tổ chức thẩm định Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và nhất trí thông qua Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh với các quan điểm phát triển, mục tiêu định hướng phát triển tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Trên cơ sở đó, ngày 09/7/2022, Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã thông qua Nghị quyết số 108/NQ-HĐND về Quy hoạch tỉnh làm cơ sở trình Thủ tướng chính phủ phê duyệt (dự kiến trong quý III/2022).

Để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ giữa quy hoạch các cấp, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư quan tâm, ghi nhận vị trí, vai trò và các quan điểm mục tiêu, định hướng phát triển của tỉnh Quảng Ninh vào Quy hoạch tổng thể Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, cụ thể như sau:

(1) Về vị trí địa chính trị:

- Quảng Ninh là điểm nút quan trọng trong khu vực hợp tác “Hai hành lang, một vành đai kinh tế Việt – Trung”, hành lang kinh tế Nam Ninh – Singapore, khu vực hợp tác liên vùng Vịnh Bắc Bộ mở rộng và trong khuôn khổ Khu vực mậu dịch tự do ASEAN – Trung Quốc (CAFTA). Quảng Ninh là điểm giao thoa của 03 tuyến hành lang kinh tế trong khu vực Đồng bằng Sông Hồng: (i) Hành lang kinh tế Lào Cai – Hà Nội – Hải Phòng – Quảng Ninh; (ii) Hành lang kinh tế Lạng Sơn – Hà Nội – Hải Phòng – Quảng Ninh; (iii) Hành lang kinh tế ven biển từ Móng Cái (Quảng Ninh) đến Cà Mau.

- Trong mối liên kết vùng: Quảng Ninh trở thành một trong ba cực tăng trưởng của tam giác kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh. Đồng thời là cầu nối giữa vùng Đồng bằng sông Hồng (ĐBSH) với các địa phương phía Đông của vùng Trung du và miền núi phía Bắc (TDMNPB). Quảng Ninh là cửa ngõ ra biển nhanh nhất cho các địa phương vùng TDMNPB, trực tiếp nhất là Bắc Giang và Lạng Sơn, 02 địa phương phát triển kinh tế mạnh nhất của vùng TDMNPB.

- Với vị trí tiếp giáp với Trung Quốc, nằm trong khu vực trung chuyển, giao lưu hàng hóa, khoa học công nghệ lớn giữa Đông Bắc Á - Đông Nam Á, đồng thời với kết cấu hạ tầng mạnh, bao gồm cảng biển, đường cao tốc, sân bay đồng bộ và nền kinh tế phát triển, Quảng Ninh có thể giúp các địa phương trong Vùng ĐBSH và cả vùng Vùng Trung du và Miền núi phía bắc Việt Nam cải thiện kết nối ra biển đối với khu vực Lạng Sơn, Bắc Giang, tiếp cận được với vùng duyên hải Nam Trung Quốc - nơi đang được đầu tư phát triển để trở thành các "cực tăng trưởng" chính trong khu vực quanh Vịnh Bắc Bộ với các cảng biển, các trung tâm kinh tế lớn Đông Hưng, Phòng Thành, Khâm Châu, Bắc Hải (Quảng Tây), Trạm Giang (Quảng Đông) và Tam Á (Hải Nam).

(2) Về phát triển kinh tế xã hội.

- Quảng Ninh đã và tiếp tục khẳng định là một điểm trung chuyển chiến lược giữa Trung Quốc và ASEAN và Việt Nam, giữa các nước trong khu vực Đông Á, Đông Nam Á, đặc biệt là điểm trung chuyển chiến lược trong hợp tác hai hành lang, một vành đai kinh tế Việt Nam - Trung Quốc chính nhờ sự phát triển đồng bộ về thể chế, kinh tế và kết cấu hạ tầng trong giai đoạn vừa qua đem lại (hệ thống đô thị, hệ thống giao thông đường bộ cao tốc Hải Phòng - Hạ Long, Cao tốc Hạ Long - Vân Đồn - Móng Cái kết nối với Trung Quốc đã tạo nên tuyến giao thông liên mạch; Hệ thống cảng biển gồm 04 khu bến trọng điểm (Cái Lân, Cẩm Phả, Yên Hưng, Hải Hà) với hệ thống nhiều bến cảng liên kết và cảng hàng không Quốc tế Vân Đồn giúp Quảng Ninh có ưu thế vượt trội trong phát triển vận tải đa phương thức...). Tiếp tục phát triển Quảng Ninh là trung tâm logistics, cửa ngõ trung chuyển vận tải đa phương thức kết nối với Trung Quốc, Đông Bắc Á và ASEAN; sân bay quốc tế Vân Đồn thành một trung tâm logistics của Việt Nam, hướng tới là điểm trung chuyển cho khu vực Đông Nam Á.

- Quảng Ninh đặt mục tiêu trở thành một trong những trung tâm phát triển năng động, toàn diện với ngành công nghiệp xanh, tiếp tục duy trì là một trung tâm năng lượng của quốc gia (một trong những trung tâm điện gió, điện khí LNG của miền Bắc), chuyển dần sang phát triển năng lượng sạch và năng lượng tái tạo; trở thành đầu tàu du lịch quốc gia, trung tâm du lịch quốc tế với hệ thống dịch vụ chất lượng cao, đẳng cấp quốc tế, giá trị gia tăng lớn; xây dựng Quảng Ninh thành Trung tâm thủy sản Miền Bắc trên cơ sở phát huy lợi thế biển, đảo; hoàn chỉnh hệ thống hậu cần nghề cá, nuôi biển, chế biến đồng bộ, hiện đại; đưa Quảng Ninh trở thành trung tâm chế biến, xuất khẩu đồ gỗ của Miền Bắc dựa trên xây dựng các vùng phát triển rừng bền vững, rừng gỗ lớn, phát triển công nghiệp chế biến lâm sản gắn với quy hoạch các vùng trồng rừng nguyên liệu.

- Về kinh tế biển: xây dựng Quảng Ninh trở thành một trong những trung tâm kinh tế biển, là cửa ngõ trung chuyển của khu vực Đông Nam Á, một động lực phát triển của Vùng và cả nước với hệ thống cảng biển nước sâu đồng bộ, hiện đại gắn với phát triển kinh tế chuỗi khu kinh tế, khu công nghiệp, đô thị biển - ven biển dạng dài.

- Về xã hội: Quảng Ninh đặt mục tiêu nằm trong nhóm 15 tỉnh thành phố dẫn đầu cả nước về trình độ, chất lượng phát triển giáo dục, đào tạo, một trong những trung tâm giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao của Vùng, tỉnh học tập tham gia mạng lưới thành phố/tỉnh học tập toàn cầu UNESCO; trở thành một trong những trung tâm dịch vụ y tế kỹ thuật cao của cả nước để góp phần thúc đẩy phát triển du lịch. Phấn đấu đến năm 2030, Quảng Ninh trở thành một điểm đến triển lãm quốc tế hàng năm về khoa học biển, cảng biển và khoa học bảo vệ môi trường...; thuộc nhóm các địa phương dẫn đầu cả nước về chuyển đổi số toàn diện; trở thành trung tâm văn hóa nghệ thuật cấp vùng; điểm đến hấp dẫn hàng đầu về du lịch di sản văn hóa khu vực châu Á và thế giới được bình chọn hàng năm; là một trong những trung tâm trọng điểm thể thao thành tích cao của cả nước.

- Quảng Ninh định hướng tổ chức các hoạt động kinh tế - xã hội theo mô hình tổ chức không gian phát triển *"một tâm, hai tuyến đa chiều, hai mũi đột phá, ba vùng động lực"*, kiến tạo các hành lang giao thông gắn với các hành lang kinh tế, hành lang đô thị, hướng tới xây dựng thành thành phố trực thuộc Trung ương và thúc đẩy liên kết nội vùng, liên kết vùng, phân công và hợp tác lãnh thổ, bảo đảm các tiềm năng, thế mạnh, lợi thế so sánh, lợi thế cạnh tranh từng địa phương của tỉnh, trong tam giác động lực phía Bắc, Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, Vùng đồng bằng sông Hồng được phát huy tối đa, bổ sung cho nhau, cùng phát triển.

- Về quốc phòng, an ninh: Quảng Ninh xây dựng, củng cố khu vực phòng thủ vững chắc về quốc phòng, an ninh, phòng tuyến hợp tác, cạnh tranh kinh tế quốc tế; giữ vững chủ quyền an ninh biên giới trên đất liền, trên biển đảo.

II. Một số ý kiến cụ thể tham gia bổ sung vào dự thảo:

1. Phần thứ nhất: Các yếu tố, điều kiện phát triển và hiện trạng phát triển quốc gia:

- Tại trang 81, ghi chú chân trang số (33), đề nghị sửa *"Tổ hợp sản xuất sợi-dệt của Tập đoàn Texhong tại KTT Vân đồn, tỉnh Quảng Ninh"* thành *"Tổ hợp sản xuất sợi-dệt của Tập đoàn Texhong tại KTT cửa khẩu Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh"*.

- Về hiện trạng và phân bố không gian phát triển kinh tế:

+ Đề nghị cập nhật các khu kinh tế của tỉnh Quảng Ninh như sau: Tỉnh Quảng Ninh có 05 Khu kinh tế (Khu kinh tế ven biển Quảng Yên; Khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái; Khu kinh tế cửa khẩu Hoành Mô - Đồng Văn; Khu kinh tế cửa khẩu Bắc Phong Sinh; Khu kinh tế Vân Đồn).

+ Nghiên cứu, bổ sung đánh giá tác động đối với các dự án xây dựng trong vùng lõi, vùng đệm di sản thế giới theo Công ước UNESCO về bảo vệ Di sản văn hóa và Thiên nhiên thế giới.

+ Bổ sung thêm đánh giá, định hướng công tác phòng, chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định (IUU) trên tuyến biển.

- Hiện trạng sử dụng không gian biển:

+ Tại mục 2.1.1. Về tiềm năng, thế mạnh (*trang 125*), đề nghị bổ sung hiện trạng di tích lịch sử, văn hóa, lễ hội: Tại tỉnh Quảng Ninh có rất nhiều di tích tiền sử, cũng như di tích lịch sử - văn hóa. Các di tích khảo cổ gặp trong nhiều hang động cũng như tại nhiều thềm biển trên các đảo như Ngọc Vũng, Soi Nhụ... ở các xã đảo Quan Lạn, Ngọc Vũng, Thắng Lợi còn di tích nhiều kho bãi, bến cảng của thương cảng Vân Đồn từ thời Lý - Trần. Các di tích lịch sử có Thành nhà Mạc trên đảo Cát Bà, đồn Ngọc Vũng xây dựng thời nhà Nguyễn... Đình Quan Lạn nằm trong cụm di tích Đình, Chùa, Miếu, Nghè thuộc xã Quan Lạn được công nhận là di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật năm 1990.

+ Tại mục 2.1.2. Thực trạng sử dụng không gian biển (*trang 126*), đề nghị chỉnh sửa, bổ sung: Ngoài 05 khu kinh tế ven biển được nêu trong báo cáo, đề nghị bổ sung Khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái nằm ở ven biển; sửa Khu bảo tồn biển đảo Bái Tử Long thành *Vườn Quốc gia Bái Tử Long*, Khu Di sản thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long - Bái Tử Long thành *Khu Di sản thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long*. Xem xét bổ sung thực trạng công nghiệp ven biển (công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp hỗ trợ ven biển, đóng mới, sửa chữa tàu phục vụ vận tải biển).

- Hiện trạng phát triển ngành hạ tầng xã hội cấp quốc gia (mục 7.3 - Trang 195) mới chỉ đề cập các tổ chức khoa học và công nghệ công lập mà chưa đề cập đến các tổ chức khoa học và công nghệ ngoài công lập, các doanh nghiệp khoa học và công nghệ; các khu công nghệ cao; đề nghị bổ sung đánh giá hoạt động tiếp nhận, chuyển giao, ứng dụng công nghệ, hoạt động thị trường công nghệ và hoạt động các khu công nghệ cao trong giai đoạn 2015 đến nay.

- Về hiện trạng phát triển, phân bố không gian mạng lưới kết cấu hạ tầng giao thông vận tải: bổ sung cao tốc Vân Đồn - Móng Cái (dự kiến vận hành tháng 9/2022) vào cao tốc Hải Phòng - Quảng Ninh để tăng tính liên thông quốc tế (sang Trung Quốc).

- Về hiện trạng phát triển, phân bố không gian hệ thống cảng cá và Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá (*trang 252*), đề nghị:

+ Bổ sung các cảng cá: Cảng cá Cái Rồng là cảng cá loại I kết hợp với khu neo đậu tránh trú bão cấp vùng; Cảng cá Cô Tô là cảng cá loại II kết hợp với khu neo đậu tránh trú bão cấp vùng; Cảng cá Hòn Gai là cảng cá loại II kết hợp với khu neo đậu tránh trú bão cấp tỉnh; Cảng cá Tiến Tới là cảng cá loại III kết hợp với khu neo đậu tránh trú bão cấp tỉnh, trên cơ sở các căn cứ pháp lý như sau:

(1). Cảng cá Cái Rồng là cảng cá loại I kết hợp với khu neo đậu tránh trú bão cấp vùng: Căn cứ Quyết định số 1976/QĐ-TTg ngày 12/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ; hiện tại dự án đang được triển khai thực hiện theo Quyết định số 4374/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 và Quyết định số 730/QĐ-UBND ngày 09/3/2021 của UBND tỉnh Quảng Ninh. Hiện khu neo đậu cấp vùng đang trong danh sách được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị trình Chính phủ;

(2). Cảng cá Cô Tô là cảng cá loại II kết hợp với khu neo đậu tránh trú bão cấp vùng: Căn cứ Quyết định số 1976/QĐ-TTg ngày 12/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ; hiện nay được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đảo Cô Tô tại Quyết định số 3383/QĐ-BNN-KH ngày 27/7/2021. Hiện khu neo đậu cấp vùng đang trong danh sách được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị trình Chính phủ;

(3). Cảng cá Hòn Gai là cảng cá loại II kết hợp với khu neo đậu tránh trú bão cấp tỉnh: Căn cứ Quyết định số 1976/QĐ-TTg ngày 12/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ. Hiện khu neo đậu cấp vùng đang trong danh sách được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị trình Chính phủ;

(4). Cảng cá Tiên Tới là cảng cá loại III kết hợp với khu neo đậu tránh trú bão cấp tỉnh: Căn cứ Quyết định số 4209/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của UBND Tỉnh; Hiện khu neo đậu cấp Tỉnh đang trong danh sách được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị trình Thủ tướng Chính phủ.

+ Bổ sung khu vực neo đậu tránh trú bão cho tàu cá cấp tỉnh (07 khu)

(1). Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Cửa Sông Cái Mất tại Khu Cái Mất, xã Tiên Lãng, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh (theo Quyết định số 1976/QĐ-TTg ngày 12/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ. Hiện khu neo đậu cấp Tỉnh đang trong danh sách được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị trình Chính phủ);

(2). Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Thoi Dây tại Xã Tân Lập, huyện Đàm Hà, tỉnh Quảng Ninh (theo Quyết định số 4209/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của UBND tỉnh Quảng Ninh; hiện nay khu neo đậu tránh trú bão do UBND huyện Đàm Hà quản lý, khai thác sử dụng);

(3). Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Cẩm Thủy tại phường Cẩm Thủy, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh (theo Khu neo đậu đã được quy hoạch tại Quyết định số 4209/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của UBND tỉnh Quảng Ninh; hiện nay khu neo đậu tránh trú bão do UBND thành phố Cẩm Phả quản lý, khai thác sử dụng và được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố Quyết định 1404/QĐ-BNN-TCTS ngày 02/04/2021. Hiện, khu neo đậu cấp tỉnh đang trong danh sách được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị trình Chính phủ);

(4). Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Quảng Hà- Phú Hải tại Sông Hà Cối, thị trấn Quảng Hà và một phần xã Phú Hải, huyện Hải Hà (theo Quyết định

số 1976/QĐ-TTg ngày 12/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ. Hiện khu neo đậu cấp Tỉnh đang trong danh sách được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị trình Chính phủ);

(5). Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Vĩnh Trung tại Xã Vĩnh Trung, thành Phố Móng Cái (theo Quyết định số 1976/QĐ-TTg ngày 12/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ. Hiện khu neo đậu cấp Tỉnh đang trong danh sách được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị trình Chính phủ);

(6). Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Vụng Ô Lợn tại đảo Ba Mùn, xã Minh Châu, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh. Hiện khu neo đậu cấp tỉnh đang trong danh sách được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị trình Chính phủ;

(7). Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá khu vực Bến Xường tại Xã Tiên An, Thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh thay thế cho quy hoạch khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền nghề cá Tân An thị xã Quảng Yên (được phê duyệt quy hoạch tại Quyết định số 1976/QĐ-TTg ngày 12/11/2015). Lý do khu neo đậu tránh trú bão này hiện nằm xen kẹp tại khu vực phát triển dự án Khu đô thị phức hợp Hạ Long Xanh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 529/QĐ-TTg ngày 01/04/2021 đến nay không còn phù hợp để làm khu neo đậu tránh trú bão cho giai đoạn 2022-2025. Mặt khác, UBND thị xã Quảng Yên đã có đề xuất về bổ sung khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá tại Bến Xường, xã Tiên An, thị xã Quảng Yên tại văn bản số 1228/UBND-KT ngày 30/5/2022 (*di chuyển Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền nghề cá Tân An thị xã Quảng Yên sang*); Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Sở Xây dựng khảo sát thống nhất đề xuất bổ sung khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá tại Bến Xường, xã Tiên An, thị xã Quảng Yên vào Quy hoạch hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050 báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Văn bản số 2533/SNN&PTNT-CCTS ngày 10/6/2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Phần thứ ba: Định hướng và tổ chức không gian phát triển các ngành, lĩnh vực:

- Về các ngành kinh tế: Đề nghị xác định tiếp tục phát triển khu du lịch cấp quốc gia Trà Cổ (Quảng Ninh), ưu tiên phát triển khu du lịch quốc gia Vịnh Hạ Long, Khu du lịch quốc gia Vân Đồn, bổ sung khu du lịch Yên Tử (Quảng Ninh) vào trong định hướng phát triển khu du lịch quốc gia.

- Về các ngành hạ tầng xã hội:

Tại mục 3.2: Giải pháp về khoa học và công nghệ (trang 535): Đề nghị xem xét bổ sung giải pháp phát triển mạng lưới hạ tầng khoa học và công nghệ; giải pháp về nguồn nhân lực khoa học và công nghệ; giải pháp phát triển thị trường Khoa học công nghệ; hợp tác quốc tế về Khoa học công nghệ; các lĩnh vực ưu tiên, trọng tâm trong thu hút, tiếp nhận và phát triển công nghệ; giải pháp hoạt động, sử dụng các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, các Trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

Tại mục 4: Đề nghị căn cứ những vấn đề còn tồn tại, hạn chế về giáo dục và đào tạo (đào tạo vẫn thiếu gắn kết với nghiên cứu khoa học, sản xuất kinh doanh và nhu cầu của thị trường lao động.... Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế xã hội...) đã được chỉ ra tại văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII và chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm 2021-2030 để đánh giá, bổ sung làm rõ thêm hiện trạng và định hướng phát triển, phân bổ không gian mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050 cho phù hợp.

- Tại phần các ngành hạ tầng kỹ thuật:

+ Tại trang 399, khổ thứ 3, đề nghị làm rõ, nêu tên cụ thể các dự án nhiệt điện than đã được xác định loại bỏ, thực hiện cơ cấu.

- Về định hướng sử dụng tài nguyên quốc gia: Mục thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản (4.2.2) Đá vôi làm vôi bao gồm cả địa bàn tỉnh Quảng Ninh: Theo định hướng quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021-2030: Quy hoạch thăm dò, khai thác và chế biến các khu, điểm mỏ khoáng sản phải theo quan điểm phát triển bền vững, tăng trưởng xanh, gắn với thực hiện lộ trình dừng các khu vực khai thác lộ thiên, các mỏ đá vôi, các nhà máy xi măng, nhiệt điện trên địa bàn thành phố Hạ Long. Phấn đấu đến năm 2025 dừng khai thác các mỏ đá vôi và chấm dứt khai thác cát, sỏi trên toàn bộ các xã đảo, tuyến đảo. Không cấp mới, gia hạn khai thác các mỏ sét và có lộ trình dừng hoạt động các mỏ sét gây ô nhiễm môi trường trong các khu dân cư, du lịch, Vịnh Hạ Long trước năm 2030. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với công tác quản lý tài nguyên, than, khoáng sản trên địa bàn theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; tận dụng tối đa nguồn đất, đá thải mỏ làm vật liệu san lấp mặt bằng các dự án phát triển hạ tầng đô thị, giảm áp lực lên các bãi thải mỏ.

- Về định hướng kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh: Căn cứ vào những vấn đề tồn tại, hạn chế trong thực hiện nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh đã được chỉ ra tại văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII và Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm 2021-2030 để đánh giá bổ sung làm rõ thêm và đề ra định hướng phát triển các nội dung liên quan đến quốc phòng, an ninh cho phù hợp với thực tế.

3. Phần thứ 4: Định hướng tổ chức không gian theo vùng, lãnh thổ:

- Về định hướng phát triển vùng Đồng bằng sông Hồng:

+ Đề nghị bổ sung Quảng Ninh vào hành lang kinh tế, cụ thể gồm: Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng – **Quảng Ninh** và Nam Ninh - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng – **Quảng Ninh**.

+ Đề nghị bổ sung: Hà Nội- Hải Phòng – Quảng Ninh được xác định hình thành trung tâm dịch vụ lớn mang tầm khu vực và thế giới về thương mại, du lịch, tài chính, logistics. Khu vực Hải Phòng – Quảng Ninh trở thành trung tâm kinh tế biển, cửa ngõ của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, là động lực trụ cột trong tiểu vùng Duyên hải Bắc Bộ.

+ Đề nghị bổ sung định hướng xây dựng Quảng Ninh trở thành thành phố trực thuộc trung ương; là trung tâm du lịch biển đảo chất lượng cao gắn với bảo tồn và phát huy giá trị di sản thế giới Vịnh Hạ Long; là trung tâm trung chuyển logistics khu vực và quốc tế gắn với vận tải đa phương thức; cùng với Hải Phòng trở thành trung tâm kinh tế biển, hạt nhân của cụm liên kết ngành kinh tế biển khu vực Bắc Bộ; đi đầu trong chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế từ "nâu" sang "xanh" dựa trên ứng dụng công nghệ khoa học, chuyển đổi số trong sản xuất công nghiệp và chuyển dần sang nguồn năng lượng sạch hơn, năng lượng tái tạo.

+ Đề nghị bổ sung định hướng phát triển kinh tế biển gắn với quy hoạch không gian biển tại vùng Đồng Bằng sông Hồng. Bố trí sử dụng không gian cho phát triển cụm ngành kinh tế biển gắn với trung tâm kinh tế biển đang được xây dựng, trong đó khu vực vùng biển và ven biển phía bắc (Quảng Ninh – Hải Phòng - Thái Bình - Nam Định – Ninh Bình) trở thành một cụm ngành kinh tế biển; khu vực ven biển Hải Phòng – Quảng Ninh là khu lõi, hạt nhân. Tổ chức lại không gian phát triển kinh tế biển trên cơ sở phân vùng không gian dựa vào hệ sinh thái và theo chức năng sử dụng biển, đảo và vùng ven biển; phân bố không gian biển, vùng ven biển và đảo cho các ngành/lĩnh vực theo nguyên tắc bảo đảm hài hòa lợi ích và giảm xung đột không gian trong khai thác, sử dụng cùng một vùng ven biển, đảo và biển, giữa các tập thể và cá nhân. Phát triển kinh tế biển gắn với bảo vệ nguồn tài nguyên, môi trường sinh thái, đảm bảo vững chắc quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển, đảo; đồng thời giữ gìn giá trị, phát huy truyền thống lịch sử, bản sắc văn hóa biển đặc trưng Quảng Ninh để phát triển du lịch bền vững. Phát triển và quản lý bền vững kinh tế biển của tỉnh theo phương thức quản trị biển dựa vào **không gian, liên ngành** với sự tham gia thực chất của các cộng đồng dân cư và doanh nghiệp.

+ Về Hạ tầng kết nối: đề nghị bổ sung một số trục giao thông chiến lược chính là: (1)- Tiếp tục xây dựng khu vực Hải Phòng - Quảng Ninh trở thành trung tâm kinh tế biển, là cửa ngõ của vùng *gắn với cảng cửa ngõ quốc tế Lạch Huyện và hệ thống cảng biển nước sâu của Quảng Ninh*; (2)- Tập trung hoàn thiện dự án Tuyến đường sắt Yên Viên - Phả Lại - Hạ Long - Cái Lân trong giai đoạn 2021-2025.

- Về định hướng tổ chức không gian biển theo các vùng biển, đề nghị bổ sung về định hướng không gian các vùng biển như sau:

+ Về vùng cần bảo vệ đặc biệt cho mục đích bảo tồn hệ sinh thái: (1) Khu vực di sản thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long; Vườn Quốc gia Bái Tử Long, huyện Vân Đồn; Khu bảo tồn biển đảo Trần – Cô Tô, huyện Cô Tô; (2) Các khu đất ngập nước: Cửa sông Tiên Yên; Thống Nhất, thành phố Hạ Long; Đại Bình, huyện Đàm Hà; Hà Loan, xã Cộng Hòa, thành phố Cẩm Phả; Vạn Ninh, thành phố Móng Cái; (3) Các khu vực bảo vệ nguồn lợi thủy sản: 08 khu bảo vệ nguồn lợi Sá Sùng, tổng diện tích là 2.844 ha tại thị trấn Cô Tô, xã Thanh lân (huyện Cô Tô); xã Đại Bình, xã Tân Bình (huyện Đàm Hà); xã Quảng Minh (huyện Hải Hà); phường Vạn Ninh (thành phố Móng Cái); xã Minh Châu, xã Quan Lạn (huyện Vân Đồn). 06 khu bảo vệ nguồn lợi Ngán tại xã Đài Xuyên (huyện Vân

Đồn); xã Đông Hải, xã Đông Rui, xã Tiên Lãng, xã Đông Ngũ (huyện Tiên Yên) và xã Hoàng Tân (thị xã Quảng Yên); tổng diện tích là 625 ha.

+ Về vùng phát triển các ngành kinh tế biển:

(1) Vùng ưu tiên nuôi trồng hải sản của tỉnh Quảng Ninh (*Bảng 73, trang 494*) đề nghị chỉnh sửa thành: "*Quảng Ninh (Hạ Long, Vân Đồn, Cô Tô, Tiên Yên, Đầm Hà, Hải Hà, Móng Cái); diện tích trên 10.000 ha*". Lý do: Phù hợp với định hướng phát triển kinh tế thủy sản biển của tỉnh Quảng Ninh tại Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 06/5/2014 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh và Chỉ thị số 13-CT/TU ngày 10/8/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tỉnh Quảng Ninh. Về vùng ưu tiên khai thác hải sản (*Bảng 74, trang 495*): Đề nghị bổ sung thêm ngư trường khai thác thủy sản vịnh Bắc Bộ. Lý do: Hoạt động khai thác thủy sản ở vùng biển này còn gắn kết với nhiệm vụ bảo vệ an ninh, quốc phòng biển đảo.

(2) Vùng khuyến khích phát triển cảng: Bao gồm các khu vực cảng biển như: (i) khu bến Yên Hưng, khu bến Cái Lân, khu bến Cẩm Phả, khu bến Hải Hà, bến cảng Vạn Hoa; (ii) khu bến cảng Mũi Chùa, bến cảng Vân Đồn (Đông Bắc đảo Cái Bâu), bến cảng Vạn Ninh, Vạn Gia, bến cảng huyện đảo Cô Tô; (iii) các bến phao, khu neo đậu chuyển tải: vị trí vùng nước hai bên tuyến Hòn Gai – Cái Lân tại khu vực Hòn Gai, Hòn Pháo, Hòn Miều, vị trí vùng nước hai bên tuyến luồng Cẩm Phả tại khu vực Hòn Nét, Hòn Ót, Hòn Con Ong, Khu vực Mũi Chùa, Vạn Gia; (iv) các khu neo tránh, trú bão: Tại Mũi Chùa, Hòn Gai, Cẩm Phả, Hòn Soi Mui, vịnh Ô Lợn, sông Chanh (thị xã Quảng Yên), Hải Hà, Cô Tô và khu vực khác có đủ điều kiện.

+ Vùng ưu tiên khai thác khoáng sản biển: Bổ sung các vùng khai thác khoáng sản ven bờ của tỉnh Quảng Ninh (xã Ngọc Vũng, xã Quan Lạn, xã Minh Châu – Vân Đồn, xã Hải Tiến, xã Bình Ngọc - Móng Cái).

+ Vùng ưu tiên cho phát triển điện gió (*Bảng 75, trang 495*): đề nghị chỉnh sửa thành: *Ven bờ và ngoài khơi Quảng Ninh*. Đề nghị bổ sung định hướng phát triển ngành kinh tế biển mới, đặc biệt là khai thác phát triển năng lượng tái tạo – năng lượng điện gió gần bờ và ngoài khơi tại Vùng biển và ven biển phía Bắc (Quảng Ninh – Hải Phòng), vì đây là một trong 2 khu vực biển của cả nước có tiềm năng về điện gió¹, trong đó xác định *Quảng Ninh là một trong những trung tâm điện gió, điện khí LNG của miền Bắc*.

4. Phần thứ 5: Các giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch và các dự án quan trọng quốc gia.

- Đề nghị bổ sung: xây dựng tiêu chí xác định dự án ưu tiên đầu tư trong thời kỳ quy hoạch; Luận chứng xây dựng danh mục dự án quan trọng cấp quốc gia thời kỳ quy hoạch; đề xuất thứ tự ưu tiên và phân kỳ thực hiện các dự án.

- Đề nghị bổ sung các dự án quan trọng thuộc các lĩnh vực kinh tế, xã hội, các dự án cần thu hút nguồn vốn đầu tư ngoài ngân sách, thu hút vốn FDI và các nguồn vốn khác...

¹ Báo cáo của Ngân hàng thế giới – Lộ trình điện gió ngoài khơi cho Việt Nam

- Đề nghị nghiên cứu, đề xuất xây dựng các cơ chế, chính sách đặc thù cho vùng, trong đó có chính sách đặc thù riêng để xây dựng, phát triển Hải Phòng - Quảng Ninh trở thành trung tâm kinh tế biển; Xây dựng khu hợp tác kinh tế song phương Móng Cái - Đông Hưng tạo động lực thúc đẩy liên kết vùng và hợp tác quốc tế; Cơ chế chính sách đột phá cho phát triển Khu kinh tế Vân Đồn,...

5. Phần phụ lục

- Đề nghị ban soạn thảo chỉnh sửa số liệu tại trang 603, 604 Bảng 90 Các khu bảo tồn thiên nhiên trên toàn quốc đến năm 2022:

+ Vườn quốc gia Bái Tử Long gồm vùng nước và các đảo: Ba Mùn, Trà Ngò Lớn, Trà Ngò Nhỏ, Sâu Nam, Sâu Đông, Đông Ma, Máng Hà Nam, Máng Hà Bắc, Di To, Chầy Chầy, Đá Ấy và hơn 20 đảo nhỏ, cù lao, hòn nổi khác. **Có tổng diện tích là 15.283 ha**; phân loại: hỗn hợp, phân hạng: Vườn quốc gia; phân cấp quản lý: cấp tỉnh;

+ Rừng quốc gia Yên Tử: Nằm trên địa bàn 2 xã: Thượng Yên Công và Phương Đông, thành phố Uông Bí. **Có tổng diện tích là 2.783 ha**; phân loại: trên cạn, phân hạng: Khu bảo vệ cảnh quan; phân cấp quản lý: cấp tỉnh;

+ Khu bảo tồn thiên nhiên Đồng Sơn - Kỳ Thượng Thuộc địa bàn 5 xã Đồng Lâm, Đồng Sơn, Kỳ Thượng, Vũ Oai và Hoà Bình. **Có tổng diện tích là 15.593,81 ha**;

+ Khu bảo tồn biển Cô Tô, Đảo Trần (đang trong quá trình hoàn thiện hồ sơ, **chưa được phê duyệt thành lập Khu bảo tồn**), theo Quyết định số 1614/QĐ-UBND ngày 19/5/2020 của UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch chi tiết khu bảo tồn biển Cô Tô, Đảo Trần, tỉnh Quảng Ninh: Bao gồm 02 phần vùng là Cô Tô và đảo Trần với tổng diện tích ranh giới quy hoạch trên 18.414,92ha. Bao gồm: **Diện tích các phân khu bảo tồn là 13.230,5ha**, diện tích vùng đệm là trên 5.184,42ha. Trong đó, diện tích phân khu bảo vệ nghiêm ngặt là gần 3.220,5ha; phân khu phục hồi sinh thái là 3.245,82ha; phân khu dịch vụ, hành chính là trên 6.765,03ha. Phân loại: khu bảo tồn biển, phân hạng: khu bảo vệ cảnh quan; phân cấp quản lý: cấp tỉnh.

+ Đề nghị sửa Khu dự trữ sinh quyển Cát Bà (2004) thuộc Hải Phòng (*dự thảo đang ghi là Quảng Ninh*).

6. Nội dung đánh giá môi trường chiến lược ĐMC của quy hoạch

- Phạm vi thời gian thực hiện ĐMC của Quy hoạch được đánh giá khoảng thời gian từ năm 2011 – 2021, theo đó, đối với đánh giá các thành phần môi trường đất, nước, không khí, sinh vật..., hiện trạng phát sinh chất thải rắn... đề nghị bổ sung các thông tin, số liệu từ năm 2011 trở lại đây để đánh giá môi trường qua các năm thực hiện quy hoạch (trong nội dung ĐMC chỉ mới cập nhật hiện trạng môi trường Quốc gia theo giai đoạn từ 2016 – 2020); bổ sung đánh giá chất lượng môi trường đất, nước biển trong mục 2.1.1.6. Đánh giá chung

- Tại mục 2.2.2. Di sản thiên nhiên thế giới: Bổ sung nguồn cung cấp số liệu về thống kê các khu bảo tồn, diện tích các khu bảo tồn, vườn quốc gia, khu

dự trữ thiên nhiên, khu bảo tồn và sinh cảnh... Trường hợp số liệu do nhóm ĐMC tự điều tra chưa được cơ quan có thẩm quyền công bố, thì cần bổ sung hồ sơ, tài liệu hoặc phiếu điều tra đính kèm theo ĐMC để chứng minh nguồn gốc và sự tin cậy của số liệu. Tương tự như vậy đối với các nội dung khác về số liệu trong toàn bộ nội dung của báo cáo ĐMC.

+ Rà soát, chỉnh sửa thống nhất số liệu về các khu dự trữ sinh quyển tại bảng 2.9. Danh mục các khu vực bảo tồn, bảo vệ đã được các tổ chức Quốc tế công nhận tại Việt Nam có 11 khu, tuy nhiên tại phần nhận định (trang 149) nêu có 09 khu; bổ sung đánh giá về số lượng các khu di sản ASEAN và công viên địa chất toàn cầu như đã nêu tại bảng 2.9.

- Mục 2.2.3. Điều kiện về kinh tế - xã hội: Đối với các số liệu đưa ra phải có chuỗi thời gian ít nhất là năm (5) năm tính đến thời điểm thực hiện ĐMC.

- Tại Chương 3. Đánh giá tác động của quy hoạch đến môi trường

+ Về phát triển du lịch và phát triển công nghiệp: Với những tiềm năng và lợi thế sẵn có, các dự án giao thông trọng điểm cùng với các dự án lớn về du lịch đưa vào khai thác, về du lịch tỉnh Quảng Ninh hiện đang được đánh giá là điểm sáng của ngành du lịch của cả nước. Mặt khác đối với hoạt động khai thác công nghiệp, Quảng Ninh có nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú, đa dạng, có nhiều loại đặc thù, trữ lượng lớn, chất lượng cao mà nhiều tỉnh, thành phố trong cả nước không có được như: than, cao lanh, đất sét, cát thủy tinh, đá vôi... 90% trữ lượng than của cả nước thuộc về tỉnh Quảng Ninh được phân bố tại các vùng Đông Triều, Uông Bí, Hạ Long, Cẩm Phả... nên đối với bảng 3.2. đề nghị bổ sung nhận định tỉnh Quảng Ninh là một trong các tỉnh có nguồn tác động chính và bổ sung các vấn đề tác động môi trường chính đồng thời phù hợp với các nhận định tại mục đánh giá, dự báo tác động của Quy hoạch đến môi trường.

+ Đối với đánh giá, dự báo xu hướng tích cực và tiêu cực của các vấn đề môi trường chính: Đề nghị có đánh giá cơ chế tác động, phạm vi không gian và thời gian của tác động, mức độ tác động đến các vấn đề môi trường chính.

- Tại Chương 4. Giải pháp duy trì xu hướng tích cực, giảm thiểu xu hướng tiêu cực của các vấn đề môi trường chính: Đối với mạng điểm giám sát môi trường đề xuất, đề nghị tính từ thời điểm lập Quy hoạch.

Trên đây là ý kiến tham gia của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh, kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, tổng hợp.

Nơi nhận:

- Như trên;
 - Thường trực Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
 - CT, các PCT UBND tỉnh (b/c);
 - V0, XD1-5, QLĐĐT1-3, QH3, TH4;
 - Lưu: VT, QH2
- 05b-CV 08.03



Nguyễn Tường Vân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **3465**/UBND-TH
V/v tham gia ý kiến đối với hồ sơ
Quy hoạch tổng thể quốc gia thời
kỳ 2021 - 2025, tầm nhìn đến
năm 2050

Quảng Trị, ngày **22** tháng **7** năm 2022

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Thực hiện Công văn số 4595/UBND-CLPT ngày 07/7/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến đối với Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; sau khi nghiên cứu, UBND tỉnh Quảng Trị có ý kiến như sau:

Trước hết, UBND tỉnh Quảng Trị thống nhất cao với hồ sơ Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2050 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì soạn thảo; đồng thời, xin tham gia một số nội dung cụ thể như sau:

- Tỉnh Quảng Trị là địa phương nằm tại điểm đầu trên tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây, kết nối khu vực Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung với các nước Lào, Thái Lan, Myanmar, là tuyến đường ngắn nhất nối Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương và trong tương lai sẽ kết nối chặt chẽ hơn nữa với khu vực Vân Nam, Trung Quốc. Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, tham mưu bổ sung tỉnh Quảng Trị vào Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung theo Thông báo số 137-TB/VPTW ngày 29/7/2015 của Văn phòng Trung ương Đảng.

- Quảng Trị là địa phương có tiềm năng về phát triển du lịch biển đảo (Bắc Trung Bộ chỉ có 01 đảo có diện tích tương đối rộng là Cồn Cỏ), có hệ thống các di tích lịch sử cách mạng nổi tiếng, trung tâm hành hương La Vang; tỉnh đã xác định phát triển ngành công nghiệp năng lượng là hướng đột phá chiến lược và được Trung ương đưa vào quy hoạch điện VII và dự thảo quy hoạch điện VIII. Vì vậy, tại Báo cáo tổng hợp, trang 511- 512, phát triển vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung: Đề nghị bổ sung dòng 3 trang 512 "Liên kết các địa phương trong vùng để phát triển du lịch biển, du lịch sinh thái và du lịch văn hóa dân tộc" thành "*Liên kết các địa phương trong vùng để phát triển du lịch biển đảo, du lịch sinh thái và du lịch văn hóa, lịch sử, tín ngưỡng*"; bổ sung "ngành công nghiệp năng lượng" vào đoạn 2 trang 512 thành "*Đối với khu vực Bắc Trung Bộ (từ Thanh Hóa đến Thừa Thiên - Huế) đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp ven biển như lọc hóa dầu, thép, vật liệu xây dựng, dịch vụ hậu cần biển, công nghiệp năng lượng, hướng tới hình thành các cụm ngành sản phẩm liên quan*".

- Tại Báo cáo tổng hợp, mục 1.2.2. Hành lang kinh tế Lao Bảo - Đông Hà - Đà Nẵng (trang 468) đề nghị điều chỉnh “nhóm cảng biển số III” thành “nhóm cảng biển số 2 và số 3” để phù hợp với Quyết định số 1579/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 22/9/2021 về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Tại mục 8.1.4. Cảng biển (trang 235) đề nghị xem xét, điều chỉnh phân nhóm cảng biển Việt Nam phù hợp theo Quyết định số 1579/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 22/9/2021 về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Đề nghị chỉnh sửa, bổ sung thành phố Đông Hà là đô thị loại II, thị xã Quảng Trị là đô thị loại III vào Bản đồ định hướng phát triển hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia theo Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021.

- Tuyến cao tốc Cam Lộ - Lao Bảo (CT.19) là dự án ưu tiên đầu tư xây dựng giai đoạn 2021 - 2030 (trang 543, Báo cáo tổng hợp). Do đó, trong Bản đồ định hướng phát triển ngành hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia, đề nghị chỉnh sửa ký hiệu tuyến đường này từ “Đường cao tốc quy hoạch sau năm 2030” thành “Đường cao tốc quy hoạch trước năm 2030”.

Trên đây là một số ý kiến tham gia đối với dự thảo hồ sơ Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2050; UBND tỉnh Quảng Trị báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, hoàn thiện Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH. *ng*



Võ Văn Hưng



Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng
Cơ quan: Tỉnh Sóc Trăng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1578 /UBND-TH
V/v góp ý dự thảo Quy hoạch
tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-
2030, tầm nhìn đến năm 2050

Sóc Trăng, ngày 20 tháng 7 năm 2022

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Thực hiện Công văn số 4595/BKHĐT-CLPT ngày 07/7/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến đối với Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Trên cơ sở ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại buổi làm việc với lãnh đạo tỉnh Sóc Trăng theo Thông báo số 65/TB-VPCP ngày 02/7/2022 của Văn phòng Chính phủ;

Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng đóng góp ý kiến đối với dự thảo Quy hoạch tổng thể quốc gia như sau:

1. Về định hướng chung

Tại Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02/4/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đề ra "*Đến năm 2030... Hoàn thành hệ thống cảng biển theo quy hoạch, trong đó cảng Trần Đề phát triển thành cảng biển đặc biệt và cửa ngõ vùng...*". Do đó, với vị trí tiềm năng phát triển của cảng biển nước sâu Trần Đề (cảng biển đặc biệt và cửa ngõ của vùng đồng bằng sông Cửu Long) và thông qua sự kết nối đồng bộ với các tuyến hành lang Bắc - Nam, Đông - Tây sẽ tạo ra nhiều động lực mới, động lực quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội của vùng đồng bằng sông Cửu Long trong thời gian tới.

Thực hiện ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại buổi làm việc với lãnh đạo tỉnh Sóc Trăng theo Thông báo số 65/TB-VPCP ngày 02/7/2022, trong đó có giao Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng báo cáo, đề xuất với Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét việc bổ sung vùng động lực, khu kinh tế Trần Đề vào Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Do đó, Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, xem xét:

- Bổ sung tỉnh Sóc Trăng (nơi có cảng biển nước sâu Trần Đề) vào vùng kinh tế trọng điểm, vùng động lực của vùng đồng bằng sông Cửu Long trong dự thảo Quy hoạch tổng thể Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (tại mục 2.1.4. trang 474 và trang 475 dự thảo).

- Bổ sung nội dung “*phát triển cảng biển, dịch vụ hậu cần cảng biển...*” vào định hướng phát triển Vùng biển và ven biển Tây Nam Bộ (Tiền Giang – Cà Mau – Kiên Giang) tại trang 497 dự thảo.

- Bổ sung Khu kinh tế ven biển Trần Đề vào dự thảo Quy hoạch nêu trên tại mục 2.2.6 về định hướng phát triển vùng và liên kết vùng đồng bằng sông Cửu Long trang 515-516 và tại mục 2.4 về định hướng sử dụng đất khu kinh tế trang 483 – 484.

2. Về lĩnh vực giao thông vận tải

- Tại nội dung thứ nhất, mục 1.3.4 (Đường biển), trang 396: Kính đề nghị điều chỉnh cụm từ “*Xây dựng cảng cửa ngõ phục vụ xuất nhập khẩu trực tiếp của vùng đồng bằng sông Cửu Long*” thành “*Xây dựng cảng Trần Đề thành cảng đặc biệt và cảng cửa ngõ của vùng đồng bằng sông Cửu Long*” cho phù hợp với Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02/4/2022 của Bộ Chính trị và Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tại điểm b, mục 1.2.7 trang 471: Kính đề nghị điều chỉnh cụm từ “*xây dựng cao tốc Châu Đốc – Cần Thơ – Sóc Trăng song song với Quốc lộ 91*” thành “*xây dựng cao tốc Châu Đốc – Cần Thơ – Sóc Trăng*”, do hiện nay Bộ Giao thông vận tải đang triển khai thực hiện thủ tục đầu tư tuyến này theo Nghị quyết số 60/2022/QH15 của Quốc hội; trong đó, đoạn qua địa bàn tỉnh Sóc Trăng không song song với Quốc lộ 91. Đồng thời, điều chỉnh cụm từ “*Nghiên cứu xây dựng cảng biển phía ngoài khơi cửa Trần Đề*” thành “*Xây dựng cảng biển phía ngoài khơi cửa Trần Đề*” cho phù hợp với nội dung thứ nhất, mục 1.3.4 (Đường biển), trang 396.

- Tại nội dung thứ bảy, mục 2.2.6 (Vùng đồng bằng sông Cửu Long), trang 517: Kính đề nghị điều chỉnh cụm từ “*Châu Đốc – Trần Đề, Hà Tiên – Rạch Giá*” thành “*Châu Đốc – Cần Thơ – Sóc Trăng, Hà Tiên – Rạch Giá – Bạc Liêu*” cho phù hợp với Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ. Đồng thời, điều chỉnh cụm từ “*Nghiên cứu xây dựng cảng biển Sóc Trăng*” thành “*Xây dựng cảng Trần Đề*”.

3. Về lĩnh vực công thương

- Về hiện trạng phát triển chợ: Do năm 2020, chợ đầu mối thủy sản tại khu 5A, thành phố Sóc Trăng đã chuyển thành chợ dân sinh. Do đó, tại trang 113, tiểu mục 6 thuộc Bảng 25 về Số lượng chợ đầu mối phân theo vùng và địa phương năm 2020: Đề nghị bỏ cụm từ “*Sóc Trăng: 1*”, đồng thời, giảm số lượng chợ đầu mối vùng đồng bằng sông Cửu Long từ 11 chợ còn 10 chợ.

- Về định hướng phát triển điện gió: Do Sóc Trăng có đường bờ biển dài và rộng, tốc độ gió tại khu vực ngoài khơi khá tốt (từ 8m/s), đây là tiềm năng, lợi thế để phát triển điện gió; do đó, Sóc Trăng được định hướng phát triển trong vùng phát triển công nghiệp năng lượng tái tạo (trang 347 dự thảo). Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng đã khởi công, thi công 11 dự án điện gió, trong đó, có 4 dự án đã vận hành thương mại trong tháng 10/2021 và 6 dự án đã hoàn thành 100% hạng

mục lắp đặt tuabin và hạng mục phụ trợ khác. Với những tiềm năng trên, tại trang 495, Bảng 75 về Vùng khuyến khích phát triển điện gió: Kính đề nghị bổ sung quy hoạch thời kỳ 2021-2030, phát triển điện gió tỉnh Sóc Trăng với tổng diện tích 91.400 ha, gồm 21 dự án điện gió, tổng công suất 6.358 MW, trong đó, điện gió trên bờ là 1.108 MW và điện gió ngoài khơi 5.250 MW (đây cũng là những nội dung tỉnh đã đăng ký Bộ Công Thương cập nhật vào Quy hoạch điện quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII).

Kính gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp./ *du*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- CT và các PCT;
- Sở KHĐT, GTVT, CT, TNMT, XD;
- Ban Quản lý các KCN;
- Lưu: VT, TH *du*





ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc

Số: 2706/UBND- TH

Sơn La, ngày 20 tháng 7 năm 2022

V/v tham gia ý kiến đối với dự thảo
báo cáo Quy hoạch tổng thể quốc gia
thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến
năm 2050

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Thực hiện Công văn số 4595/BKHĐT-QLQH ngày 07/7/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến đối với dự thảo báo cáo Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Sau khi nghiên cứu, UBND tỉnh Sơn La cơ bản nhất trí với dự thảo dự thảo báo cáo Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 gửi kèm theo Công văn số 4595/BKHĐT-QLQH ngày 07/7/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét nghiên cứu chỉnh sửa, bổ sung một số nội dung, cụ thể:

1. Đối với nội dung đánh giá hiện trạng giai đoạn 2011-2020

- Đối với hiện trạng các Khu công nghiệp: Đề nghị thống nhất số liệu hiện trạng các Khu công nghiệp trên địa bàn vùng Trung du và miền núi phía bắc tại trang 139 (30 khu công nghiệp đã được thành lập với diện tích 7.000 ha) và trang 156 (49 khu công nghiệp đã được thành lập với diện tích trên 7.000 ha).

- Đối với hiện trạng mạng lưới cơ sở nghệ thuật biểu diễn (tiểu mục 7.2.1.7 - Trang 189): Đề nghị xem lại nhận định "Một số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã đầu tư xây dựng mới, nâng cấp cơ sở vật chất nghệ thuật biểu diễn để đáp ứng yêu cầu bảo tồn, phát huy giá trị loại hình nghệ thuật truyền thống, tiêu biểu là Hà Nội (Nhà hát Chèo Việt Nam, Nhà hát Tuồng Việt Nam, Nhà hát Cải lương Việt Nam); Sơn La (Nhà hát ca múa nhạc) ...". Lý do: Hiện nay Nhà hát ca múa nhạc tỉnh Sơn La chưa được xây dựng, đang dự kiến xây dựng Nhà hát 1.200 chỗ ngồi tại Thành phố Sơn La.

2. Đối với định hướng phát triển thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

- Đối với hiện trạng phát triển, phân bố không gian mạng lưới kết cấu hạ tầng giao thông vận tải (trang 231-238): Đề nghị xem xét đánh giá bổ sung thêm đối với hệ thống giao thông đối ngoại, kết nối Việt Nam với các nước lân cận như: Trung Quốc, Lào, Campuchia, nhất là đối với hệ thống đường bộ, làm cơ sở để định hướng quy hoạch đầu tư mở rộng phù hợp nhằm nâng cao năng lực khai thác của các trục đường, bảo đảm các trục đường phát huy tốt vai trò vừa là quốc lộ vừa là đường kết nối ASEAN, AH, góp phần mở rộng thị trường và không gian phát triển cho cả nước nói chung và các tỉnh khu vực biên giới nói riêng.

- Đối với nội dung định hướng phát triển hành lang kinh tế Điện Biên - Sơn La - Hòa Bình - Hà Nội (mục 1.2.4 - trang 469): Về phát triển mạng lưới giao thông kết nối, đề nghị xem xét, bổ sung thêm nội dung sau: "*Đầu tư xây dựng và đưa vào khai thác đối với các cảng hàng không Nà Sản, Điện Biên trước năm 2030 để tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng - an ninh của vùng*". Lý do: Phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã được Bộ Chính trị thông qua tại Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022.

- Đối với nội dung định hướng phát triển công nghiệp (mục 1.4- Trang 347): Về định hướng phân bố không gian phát triển một số ngành công nghiệp: Đề nghị bổ sung nội dung định hướng "*Sơn La trở thành trung tâm chế biến sản phẩm nông nghiệp của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ*" theo Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045 và bổ sung nội dung định hướng "*xây dựng trung tâm chiếu xạ nông sản xuất khẩu vùng Tây Bắc tại Sơn La*" theo tại Quyết định số 174/QĐ-TTg ngày 05/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Thúc đẩy xuất khẩu nông lâm thủy sản đến năm 2030: "*Xây dựng, đầu tư 3 trung tâm chiếu xạ ở các vùng Bắc, Trung, Nam*".

- Đối với nội dung định hướng phân bố không gian nông nghiệp (mục 2.4- trang 350): Đề nghị nghiên cứu, xem xét việc gộp nội dung tiểu mục 2.4.2- Định hướng phát triển nông nghiệp tại các địa bàn với nội dung tiểu mục 2.4.3- Định hướng phát triển nông nghiệp theo vùng. Lý do: Bảo đảm không trùng lặp về nội dung.

- Đối với nội dung định hướng phát triển nông nghiệp theo vùng (tiểu mục 2.4.2- trang 351, 352): Đề nghị nghiên cứu ghi rõ định hướng, quy hoạch phát triển các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn các vùng bảo đảm theo Quyết định số 575/QĐ-TTg ngày 04/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Quy hoạch tổng thể khu và vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 (trong đó: *Vùng Trung du và miền núi phía bắc gồm các tỉnh: Sơn La, Lào Cai, Phú Thọ*).

- Đối với định hướng phân bố không gian phát triển hệ thống du lịch quốc gia (tiểu mục 3.2.1.4): Đề nghị bổ sung Khu du lịch quốc gia lòng hồ thủy điện Sơn La (trên địa bàn 2 huyện Mường La và Quỳnh Nhai) vào định hướng phát triển các Khu du lịch quốc gia tiềm năng của vùng Trung du miền núi Bắc Bộ tại trang 361; bổ sung tỉnh Sơn La vào khu vực động lực phát triển du lịch của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ tại trang 363 "*Sơn La - Lào Cai - Cao Bằng- Hà Giang là khu vực động lực có ý nghĩa quan trọng, thúc đẩy phát triển du lịch toàn vùng Trung du và miền núi phía Bắc*".

- Đối với định hướng phát triển mạng lưới cơ sở thể dục thể thao (tiểu mục 2.2.3 - trang 376): Đề nghị bổ sung tỉnh Sơn La vào định hướng của vùng

Trung du và miền núi Bắc Bộ trong “*Xây dựng, nâng cấp các khu liên hợp thể thao của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đóng vai trò là các cơ sở liên kết tổ chức Đại hội thể thao khu vực, châu lục tại Việt Nam, đồng thời thúc đẩy phát triển thể dục thể thao vùng, liên vùng*”. Lý do: Sơn La có ưu thế phát triển trở thành trung tâm văn hóa thể thao tiêu vùng Tây Bắc; liên kết văn hóa thể thao liên quốc gia với Lào qua các cửa khẩu quốc tế Lóng Sập, cửa khẩu Chiềng Khương; đặc biệt tỉnh Sơn La có Khu du lịch Mộc Châu nằm trong danh mục các khu vực tiềm năng phát triển Khu du lịch quốc gia; định hướng của tỉnh đến 2025 sẽ hoàn thiện công nhận Khu du lịch quốc gia Mộc Châu. Đây là các điều kiện để tỉnh trở thành trung tâm tổ chức các sự kiện văn hóa thể thao cấp quốc gia, khu vực, ... gắn với du lịch.

- Đối với nội dung định hướng quản lý, bảo vệ và phát triển rừng (mục 3- trang 434): Đề nghị xem lại chỉ tiêu trồng rừng hàng năm khoảng 260 nghìn ha/năm. Lý do: Không phù hợp với số liệu diện tích đất chưa có rừng tại Bảng số 60, trong đó: năm 2020 theo thống kê là 1.672 nghìn ha, đến năm 2030 là 1.109 nghìn ha, *giảm 563 nghìn ha so với năm 2030*.

- Đối với nội dung định hướng bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản (tiểu mục 2.3- trang 431): Đề nghị ghi rõ hơn các khu bảo tồn vùng nước nội địa, trong đó: tỉnh Sơn La có Khu bảo tồn Hệ thống hồ chứa trên sông Đà nhằm bảo vệ đường di cư, bãi đẻ trứng của nhiều loài cá quý hiếm như: cá Anh Vũ, cá Rầm xanh, cá Lăng, cá Chiên và bảo vệ hệ thống hồ chứa trên sông Đà với phức hệ thủy sinh vật tiêu biểu cho vùng địa lý Tây Bắc; Khu Bảo tồn Sông Mã nhằm bảo vệ bãi đẻ của nhiều loài cá quý hiếm như: cá Lăng, cá Chiên, cá Rầm xanh.

- Đối với định hướng tổng thể hệ thống đô thị (tiểu mục 2.1- Trang 518, 519): Đề nghị bổ sung rõ hơn định hướng phát triển mạng lưới đô thị trên cả nước và các vùng, trong đó “*Xây dựng các thành phố Thái nguyên, Bắc Giang, Lào Cai, Sơn La, Lạng Sơn trở thành cực tăng trưởng hạt nhân quan trọng trong phát triển kinh tế vùng*”. Lý do: Phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã được Bộ Chính trị thông qua tại Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022.

UBND tỉnh Sơn La trân trọng báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận: *✓*

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- VP UBND tỉnh (LĐ, phòng TH);
- Lưu: VT, TH (V.Hải).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Hoàng Quốc Khánh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *347/L* /UBND-TH

Thái Nguyên, ngày *22* tháng 7 năm 2022

V/v tham gia ý kiến đối với
Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ
2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Thực hiện Văn bản số 4595/BKHĐT-CLPT ngày 07/7/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc đề nghị tham gia ý kiến vào Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, sau khi nghiên cứu, UBND tỉnh Thái Nguyên có ý kiến như sau:

1. UBND tỉnh Thái Nguyên thống nhất với Hồ sơ, bố cục, kết cấu dự thảo Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, điều chỉnh một số nội dung cụ thể như sau:

- Tại trang 222 và 225 báo cáo Quy hoạch ghi tên “Bệnh viện đa khoa Trung ương Thái Nguyên”, đề nghị sửa thành “Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên”.

- Đề nghị điều chỉnh diện tích 03 khu rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên tại Bảng 90 (trang 603) đúng theo chỉ tiêu đất rừng đặc dụng tỉnh Thái Nguyên được phân bổ đến năm 2030 là 35.652ha, cụ thể như sau:

+ Vườn Quốc gia Tam Đảo (Thái Nguyên), diện tích 11.441,65ha theo Quyết định số 1290/QĐ-BNN-TCLN ngày 26/3/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Phương án quản lý, bảo tồn và phát triển bền vững Vườn quốc gia Tam Đảo, giai đoạn 2021 - 2030.

+ Khu dự trữ thiên nhiên Thần Sa - Phụng Hoàng (Thái Nguyên), diện tích 18.704,89ha theo Quyết định số 4143/QĐ-UBND ngày 28/12/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt Dự án “Thành lập lại khu rừng đặc dụng Thần Sa - Phụng Hoàng huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên”.

+ Khu bảo vệ cảnh quan ATK Định Hóa (Thái Nguyên), diện tích 505,46 ha.

Trên đây là nội dung tham gia ý kiến của UBND tỉnh Thái Nguyên đối với Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. *luu*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

CuongLv.348 *luu*



Ký bởi: Văn phòng Ủy ban
nhân dân
Cơ quan: Tỉnh Thái Nguyên
Ngày ký: 22-07-2022 17:48:15
+07:00

Trịnh Việt Hùng

Số: 10895 /UBND-THKH

Thanh Hóa, ngày 27 tháng 7 năm 2022

V/v tham gia ý kiến vào dự thảo
Quy hoạch tổng thể quốc gia thời
kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến
năm 2050.

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa nhận được Công văn số 4595/BKHĐT-CLPT ngày 07/7/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến đối với Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; sau khi nghiên cứu, UBND tỉnh Thanh Hóa có một số ý kiến như sau:

Dự thảo Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây viết tắt là dự thảo Quy hoạch) do Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì xây dựng đã bám sát các nội dung quy định tại Điều 22 Luật Quy hoạch năm 2017; Điều 20 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch và Nghị quyết số 143/NQ-CP ngày 04/10/2020 của Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Do đó, UBND tỉnh Thanh Hóa cơ bản thống nhất với các nội dung của dự thảo Quy hoạch. Tuy nhiên, để hồ sơ dự thảo Quy hoạch được hoàn chỉnh, phù hợp hơn với thực tế phát triển của các địa phương trên phạm vi cả nước, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung một số nội dung sau:

1. Về nội dung Báo cáo tổng hợp dự thảo Quy hoạch

1.1. Về đánh giá hiện trạng

- Tại Bảng 4 Điểm 1.3 Khoản 1 Mục I Phần thứ nhất (trang 25 - 26): Đề nghị bổ sung lưu vực Sông Chu vào lưu vực sông có hồ chứa thủy lợi, thủy điện quan trọng ở Việt Nam, do hồ chứa nước Cửa Đạt (huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa) là một trong 4 công trình hồ chứa thủy lợi thuộc loại đập, hồ chứa nước quan trọng đặc biệt của quốc gia đã được ban hành tại Quyết định số 124/QĐ-TTg ngày 24/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tại Bảng số 25 Tiết 1.2.3 Điểm 1.2 Khoản 1 Mục II Phần thứ nhất (trang 112 - 113): Dự thảo nêu Thanh Hóa có 13 chợ đầu mối là chưa phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh; do đó, đề nghị cập nhật lại như sau: Trên địa bàn Thanh Hóa hiện có 01 chợ đầu mối và 12 chợ hạng 1.

- Tại Tiết 2.2.1 Điểm 2.2 Khoản 2 Mục II Phần thứ nhất (trang 127): Đề nghị bổ sung thêm một số tiềm năng của vùng, như: Có thể phát triển hành lang kinh tế Đông - Tây kết nối vùng kinh tế biển Bắc Trung Bộ với vùng

Trung, Hạ Lào và Thái Lan; có tiềm năng phát triển năng lượng tái tạo; khu vực Bắc Trung Bộ có diện tích lớn, còn nhiều dư địa để phát triển các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo; vùng đồng bằng Thanh - Nghệ - Tĩnh lớn thứ 3 cả nước, có tiềm năng phát triển các ngành nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến nông sản,...

- Tại Tiết 5.2.3 Điểm 5.2 Khoản 5 Mục II Phần thứ nhất (trang 166): Đề nghị bổ sung tuyến Quốc lộ 10 và Quốc lộ 45 vào mạng lưới Quốc lộ trong vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung.

1.2. Về định hướng phát triển

- Tại Điểm 2.3 Khoản 2 Mục I Phần thứ ba (trang 350): Đề nghị nghiên cứu bổ sung nội dung về định hướng phát triển thủy sản.

- Tại Điểm 3.1 Khoản 3 Mục I Phần thứ ba (trang 358): Đề nghị nghiên cứu bổ sung 01 trung tâm logistics cấp vùng tại Khu kinh tế Nghi Sơn của tỉnh Thanh Hóa, nhằm khai thác tiềm năng, lợi thế của Khu kinh tế Nghi Sơn (đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng có tổng diện tích 106.000 ha) là khu kinh tế biển đa ngành, đa lĩnh vực với trọng tâm là công nghiệp nặng, công nghiệp cơ bản; cụm đô thị công nghiệp, dịch vụ, du lịch, đồng bộ và hiện đại; đầu mối giao thông quan trọng, cửa ngõ giao lưu, trao đổi hàng hóa, kết nối vùng Đông Bắc Lào, Đông Bắc Thái Lan, vùng phụ cận Thanh Hóa với các tuyến hàng hải quốc gia và quốc tế thông qua hệ thống đường bộ và cảng biển Nghi Sơn.

- Tại Khoản 2 Mục VI Phần thứ ba (trang 463): Đề nghị nghiên cứu, cập nhật phân vùng rủi ro thiên tai theo phân vùng tại Chiến lược quốc gia phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 379/QĐ-TTg ngày 17/3/2021 (07 vùng rủi ro thiên tai được xác định tại dự thảo Quy hoạch chưa phù hợp với phân vùng tại Chiến lược này).

- Tại Điểm 1.2 Khoản 1 Mục I Phần thứ tư (trang 467 - 472): Đề nghị nghiên cứu bổ sung hành lang kinh tế Điện Biên - Sơn La - Hòa Bình - Thanh Hóa thuộc các hành lang phụ, nhằm kết nối các tỉnh tiểu vùng Tây Bắc (Điện Biên, Sơn La, Hòa Bình) với các tỉnh Bắc Trung Bộ, các nước trong khu vực và trên thế giới thông qua cảng biển Nghi Sơn (có thể đón tàu có tải trọng đến 250.000 DWT theo quy hoạch; hiện đang khai thác 02 tuyến vận tải container quốc tế Nghi Sơn - Hồng Kông và Nghi Sơn - Singapore), nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của cảng Nghi Sơn, thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa của các địa phương trong tiểu vùng (Sơn La, Hòa Bình, Điện Biên); tăng cường liên kết, hợp tác cùng phát triển giữa tỉnh Thanh Hóa với các địa phương nêu trên.

- Tại Tiết 2.1.1 Điểm 2.1 Khoản 2 Mục I Phần thứ tư (trang 472 - 473): Đề nghị nghiên cứu bổ sung tỉnh Thanh Hóa cùng với tam giác động lực phía Bắc (Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh) thành "***Tứ giác Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh - Thanh Hóa***" (Tứ giác động lực phía Bắc) cho phù hợp với mục tiêu xây dựng tỉnh Thanh Hóa trở thành một cực tăng trưởng mới cùng với Hà

Nội, Hải Phòng và Quảng Ninh tạo thành tứ giác phát triển ở phía Bắc của Tổ quốc đã được xác định tại Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị khóa XII về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết số 13/NQ-CP ngày 03/02/2021 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị.

- Tại Tiết 3.3.2 Điểm 3.2 Khoản 3 Mục IV Phần thứ ba (trang 436 - 437) và Điểm 2.2 Khoản 2 Mục II Phần thứ tư (trang 479 - 483): Đề nghị nghiên cứu, chỉnh sửa diện tích quy hoạch các loại đất rừng (rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất) giai đoạn 2021 - 2030 theo chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 về phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025.

- Tại Tiết 2.2.3 Điểm 2.2 Khoản 2 Mục V Phần thứ tư (trang 511 - 512): Đề nghị xem xét không đưa nội dung *“Xây dựng khu vực ven biển ba tỉnh Thanh Hóa - Nghệ An - Hà Tĩnh trở thành vùng động lực phát triển của Bắc Trung Bộ, thành phố Vinh trở thành trung tâm kinh tế, văn hóa của tiểu vùng”* (trang 512) vào dự thảo Quy hoạch, do tại Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã xác định mục tiêu đến năm 2030 *“Thanh Hóa là tỉnh giàu đẹp, văn minh và hiện đại; một trong những trung tâm lớn của vùng Bắc Trung Bộ và cả nước về công nghiệp năng lượng và chế biến, chế tạo; nông nghiệp giá trị gia tăng cao; dịch vụ logistics, du lịch, giáo dục và đào tạo, y tế chuyên sâu và văn hoá, thể thao; một cực tăng trưởng mới cùng với Hà Nội, Hải Phòng và Quảng Ninh tạo thành tứ giác phát triển ở phía Bắc của Tổ quốc”*. Do đó, *đề nghị căn cứ Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị để xác định những trung tâm lớn của vùng cho phù hợp và đảm bảo tính thống nhất*.

- Tại Khoản 3 Mục VII Phần thứ tư (trang 525): Giai đoạn 2021 - 2030, đề nghị nghiên cứu, quy hoạch, nâng cấp cửa khẩu chính Tén Tàn, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa thành cửa khẩu quốc tế; nâng cấp cửa khẩu phụ Khẹo, huyện Thường Xuân thành cửa khẩu chính và nâng cấp 04 lối mở: Cang, Kéo Hươn (huyện Mường Lát), Kham (huyện Quan Sơn) và Yên Khương (huyện Lang Chánh) thành cửa khẩu phụ; tầm nhìn đến năm 2050, đề nghị nghiên cứu, quy hoạch, nâng cấp cửa khẩu phụ Khẹo thành cửa khẩu quốc tế và nâng cấp 04 lối mở: Cang, Kéo Hươn (huyện Mường Lát), Kham (huyện Quan Sơn) và Yên Khương (huyện Lang Chánh) thành cửa khẩu chính. Đồng thời, nghiên cứu bổ sung phụ lục định hướng phát triển hệ thống cửa khẩu biên giới đất liền quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Tại Mục II Phần thứ năm (trang 542 - 544): Đề nghị bổ sung vào danh mục các dự án quan trọng quốc gia Dự án nâng cấp cảng hàng không Thọ Xuân thành cảng hàng không quốc tế theo quy hoạch đã được Bộ Giao thông

Vận tải phê duyệt tại Quyết định số 1136/QĐ-BGTVT ngày 12/6/2020 về phê duyệt Quy hoạch Cảng hàng không quốc tế Thọ Xuân thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Về hệ thống sơ đồ, bản đồ quy hoạch

- Đối với hệ thống sơ đồ, bản đồ quy hoạch: Hệ thống sơ đồ, bản đồ quy hoạch tại hồ sơ xin ý kiến dự thảo Quy hoạch chưa có bản đồ định hướng bảo vệ môi trường quốc gia theo quy định tại Điểm B Mục I Phụ lục I Nghị định số 37/2019/NĐ-CP; do đó, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu bổ sung.

- Về nội dung bản đồ về hiện trạng kết cấu hạ tầng và bản đồ định hướng phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu: Đề nghị bổ sung hệ thống công trình đê điều và hồ Cửa Đạt (Thường Xuân - Thanh Hóa) do hệ thống công trình này là đập, hồ chứa quan trọng đặc biệt liên quan đến an ninh Quốc gia.

3. Một số ý kiến khác: Các nội dung đánh giá hiện trạng và định hướng phát triển về các lĩnh vực, như: Cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, hệ thống cửa khẩu,... trong dự thảo Quy hoạch được trình bày rất ngắn gọn nhưng không có phụ lục kèm theo; các hợp phần cần được tích hợp vào Quy hoạch tổng thể quốc gia theo quy định tại Khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 143/NQ-CP (42 hợp phần) chỉ có danh mục, không có nội dung tích hợp theo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 16 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP; do đó, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu bổ sung, làm cơ sở để các bộ, ngành Trung ương và địa phương tham gia ý kiến đối với các nội dung này.

Trên đây là ý kiến tham gia của UBND tỉnh Thanh Hóa vào hồ sơ Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Lưu: VT, THKH. (366.2022)

CHỦ TỊCH



Đỗ Minh Tuấn

Số: 8123 /UBND-QHXT

Thừa Thiên Huế, ngày 02 tháng 8 năm 2022

V/v tham gia ý kiến đối với
Báo cáo Quy hoạch tổng thể quốc
gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn
đến năm 2050

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

UBND tỉnh Thừa Thiên Huế nhận được Văn bản số 4595/BKHĐT-CLPT ngày 7/7/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc tham gia ý kiến đối với Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Trước đó, tham gia ý kiến đối với Báo cáo định hướng quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đã có văn bản số 2863/UBND-QHXT ngày 24/3/2022; Trên cơ sở nghiên cứu Báo cáo, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo và kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư quan tâm với một số đề xuất của tỉnh Thừa Thiên Huế trong Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, cụ thể như sau:

- Hành lang kinh tế Đông - Tây đi qua các địa phương Quảng Trị, Thừa Thiên Huế và Đà Nẵng, Cảng Chân Mây có khoảng cách ngắn nhất đến Hành lang kinh tế Đông - Tây. Chính vì vậy, đề nghị bổ sung Thừa Thiên Huế vào Hành lang kinh tế Lao Bảo – Đông Hà – Đà Nẵng và điều chỉnh thành “*Hành lang kinh tế Lao Bảo – Đông Hà – Huế - Đà Nẵng (trang 468)*”. Ngoài ra, Cảng Chân Mây – Lăng Cô là cảng biển tổng hợp loại I quốc gia, hiện nay 03 bến cảng đã đi vào hoạt động đáp ứng mức độ phát triển dịch vụ cảng trong giai đoạn tới, vừa đảm bảo phục vụ giao thương hàng hoá vừa phục vụ du lịch tàu biển quốc tế; Cảng hàng không Quốc tế Phú Bài mở rộng dự kiến nâng công suất vận chuyển hành khách lên 9 triệu hành khách/năm và mở rộng các Ga hàng hóa. Vì vậy, đề nghị bổ sung Thừa Thiên Huế vào nội dung hình thành các trung tâm Logistic lớn (*trang 358*); định hướng trở thành cảng cửa ngõ quốc tế tại nội dung phát triển mạng lưới kết cấu hạ tầng giao thông đường biển (*trang 398*); đồng thời, đề xuất xem xét tăng cường tuyến kết nối Đông - Tây từ Chân Mây – Lăng Cô lên Cửa khẩu A Đót sang CHDCND Lào và Thái Lan.

- Thừa Thiên Huế nằm trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và có hơn 128km đường bờ biển; có Khu kinh tế Chân Mây Lăng Cô, có Cảng biển Chân Mây – Lăng Cô (là cảng biển tổng hợp loại I quốc gia), có cảng Hàng không Quốc tế Phú Bài, Quy hoạch Khu du lịch Lăng cô – Cảnh Dương là Khu du lịch Quốc gia. Do đó, đề nghị bổ sung Thừa Thiên Huế vào Vùng động lực Đà Nẵng – Quảng Nam - Quảng Ngãi và điều chỉnh thành **Thừa Thiên Huế - Đà Nẵng – Quảng Nam – Quảng Ngãi** (*Vùng động lực miền Trung - trang 474*).

- Đề nghị điều chỉnh theo Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 10/12/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045: Đến năm 2025, xây dựng Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trên nền tảng bảo tồn, phát huy giá trị cổ đô và bản sắc văn hoá Huế. Đến năm 2030, Thừa Thiên Huế là một trong những trung tâm lớn của cả nước về khoa học và công nghệ, giáo dục - đào tạo và y tế chuyên sâu; Đến năm 2045, Thừa Thiên Huế là thành phố Festival, một trung tâm văn hoá đặc sắc của khu vực và Châu Á, tại nội dung Vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ (trang 513).

- Thừa Thiên Huế được định hướng là một trong những trung tâm lớn, đặc sắc của khu vực Đông Nam Á về văn hóa, du lịch và y tế chuyên sâu; một trong những trung tâm lớn của cả nước về khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao tại Nghị quyết số 54/NQ-TW của Bộ Chính trị. Vì vậy, đề nghị bổ sung Thừa Thiên Huế vào:

+ Định hướng ưu tiên phát triển khu vực dịch vụ (trang 358): đề nghị bổ sung thành “... hình thành các trung tâm dịch vụ lớn mang tầm khu vực và thế giới về thương mại, du lịch, tài chính, logistics tại các thành phố lớn như: Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh và Cần Thơ, Thừa Thiên Huế..., gắn với phát triển các vùng động lực.”

+ Định hướng ưu tiên phát triển hạ tầng y tế (trang 392): Đề nghị hình thành Trung tâm kiểm nghiệm vùng tại tỉnh Thừa Thiên Huế.

+ Định hướng phát triển mạng lưới cơ sở văn hóa (trang 372): đề nghị điều chỉnh thành “Tiếp tục thực hiện chính sách thu hút đầu tư xây dựng cơ sở chiếu phim, trường quay tại thành phố Hà Nội, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh và Thừa Thiên Huế”.

+ Định hướng phát triển mạng lưới khoa học công nghệ (trang 378): đề nghị điều chỉnh thành “Hình thành và phát triển Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia tại Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng và Thừa Thiên Huế”.

- Đề nghị bổ sung tuyến đường ven biển tại các tỉnh miền Trung vào định hướng ưu tiên phát triển mạng lưới kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (trang 394).

- Đề nghị bổ sung Dự án Nhà máy điện khí LNG Chân Mây tại Khu Kinh tế Chân Mây Lăng cô vào Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2045, qua đó, bổ sung vào định hướng phát triển hạ tầng năng lượng (trang 397). Trong đó, giai đoạn 2026 - 2030 cho phép đưa vào vận hành thương mại 02 tổ máy với công suất 1.600MW.

- Trung Tâm Công nghệ Thông tin tỉnh đã chính thức trở thành thành viên Chuỗi Công viên phần mềm Quang Trung theo Quyết định phê duyệt số 1898/QĐ-TTg ngày 25/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ. Hiện nay, tỉnh đang hình thành khu công nghệ thông tin tập trung tại Khu đô thị An Vân Dương

40ha với quy mô đầu tư gần 3.500 tỷ đồng; Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia tại tỉnh. Ngoài ra, tỉnh đang phối hợp với Bộ Khoa học Công nghệ hoàn thiện Đề án Khu công nghệ cao. Chính vì vậy, đề nghị bổ sung Thừa Thiên Huế vào định hướng phát triển công nghiệp công nghệ thông tin và thành lập Khu công nghệ cao Quốc gia tại tỉnh (*trang 409-410*).

- Đề nghị bổ sung Thừa Thiên Huế vào định hướng phát triển các ngành công nghiệp và dịch vụ chất lượng cao, giá trị gia tăng lớn, các trung tâm khoa học và công nghệ, giáo dục, đào tạo, y tế chuyên sâu, hiện đại tại định hướng bố trí phát triển theo hành lang (*trang 466*).

Trên đây là ý kiến tham gia của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đối với dự thảo Báo cáo quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050, kính báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, hoàn thiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các PCT UBND tỉnh;
- CVP và các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, TH.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



[Handwritten signature]

Nguyễn Văn Phương

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3340 /UBND-TH
V/v thống nhất với hồ sơ xin ý kiến
Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ
2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

Tiền Giang, ngày 20 tháng 7 năm 2022

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang nhận được Công văn số 4595/BKHĐT-CLPT ngày 07/7/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến đối với Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ Báo cáo Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang thống nhất với hồ sơ xin ý kiến Báo cáo Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang kính gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT (Trần Văn Dũng);
- VPUB: CVP, P.TH (H);
- Lưu: VT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Dũng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3069/UBND-THNV

Trà Vinh, ngày 21 tháng 7 năm 2022

V/v góp ý dự thảo Quy hoạch tổng thể
quốc gia thời kỳ 2021-2030,
tầm nhìn đến năm 2050

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Căn cứ Công văn số 4595/BKHĐT-CLPT ngày 07/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến đối với Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh có ý kiến, cụ thể như sau:

- Thống nhất với dự thảo Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050,

- Cơ bản thống nhất với dự thảo Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Tuy nhiên, có một số ý kiến góp ý, như sau:

Đề nghị bổ sung tỉnh Trà Vinh vào nội dung:

+ Tại trang 347 (gạch đầu dòng cuối cùng): "*Đối với công nghiệp năng lượng tái tạo, hình thành vành đai công nghiệp năng lượng tái tạo lớn của cả nước ven biển Nam Trung Bộ từ Quảng Ngãi đến Bình Thuận; khu vực ven biển Tây Nam Bộ tập trung ở Trà Vinh – Sóc Trăng – Bạc Liêu – Cà Mau; ...*".

+ Tại dòng thứ 9 trang 517 đề nghị bổ sung thêm: "*..., Hồng Ngự - Trà Vinh – cảng biển Định An hoặc Khu kinh tế Định An, An Hữu – Cao Lãnh...*" nhằm tạo được kết nối mạng lưới cao tốc đến Khu kinh tế Định An.

Xin báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- BLĐ Văn phòng;
- Phòng CNXD;
- Lưu: VT, THNV. 02

CHỦ TỊCH



Lê Văn Hân

Số: 1313 /SKH-THKHQH

Tuyên Quang, ngày 19 tháng 7 năm 2022

V/v tham gia góp ý dự thảo Quy hoạch
tổng thể quốc gia thời kỳ 2021- 2030,
tầm nhìn đến năm 2050

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 2616/UBND-TH ngày 11/7/2022 về việc tham gia góp ý vào dự thảo Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Trên cơ sở các ý kiến tham gia của các cơ quan đơn vị trong tỉnh, sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo, Sở Kế hoạch và Đầu tư cơ bản nhất trí với nội dung dự thảo Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được đăng tải xin ý kiến trên các thông tin khác được đăng tải để xin ý kiến trên Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu về quy hoạch, theo địa chỉ đường dẫn: <https://quyhoachquocgia.mpi.gov.vn/Pages/tinvb.aspx?idTin=451>, ngày 08/7/2022. Để hoàn thiện Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đề nghị cơ quan lập quy hoạch xem xét, bổ sung một số nội dung như sau:

1. Tại Mục 2.2. Định hướng phát triển vùng và liên kết vùng (trang 508), đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung cụm từ "**Tuyên Quang**" vào cuối câu, để trở thành "Tập trung bảo vệ, khôi phục rừng, nhất là rừng đầu nguồn, phát triển lâm nghiệp bền vững, trồng cây công nghiệp, cây ăn quả, cây đặc sản, cây dược liệu, chăn nuôi gia súc gắn với công nghiệp chế biến nông, lâm sản (**Tuyên Quang**).", với lý do: Tuyên Quang có vùng nguyên liệu gỗ tương đối lớn, tổng diện tích rừng sản xuất lên tới trên 250 nghìn ha, sản lượng khai thác hàng năm hiện đã vượt 880 nghìn m³/năm; vùng lâm nghiệp của Tuyên Quang có điều kiện liên thông với vùng nguyên liệu gỗ rừng trồng các tỉnh liên kề như: Bắc Kạn, Hà Giang, Thái Nguyên, Yên Bái, Phú Thọ, Cao Bằng, có tiềm năng hình thành nên vùng gỗ với tổng sản lượng có thể vượt 1 triệu m³/năm, tương lai sẽ trở thành "Trung tâm vùng về công nghiệp chế biến lâm sản, sản xuất đồ gỗ và giấy, có chỗ đứng vững chắc trong chuỗi giá trị ngành gỗ và lâm sản của cả nước và khu vực". Bổ sung nội dung xây dựng Tuyên Quang là Khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao và trung tâm sản xuất, chế biến gỗ vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

2. Đối với khu vực Đông Bắc (trang 509): tỉnh Tuyên Quang đang triển

khai và huy động nguồn lực để đầu tư xây dựng Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tuyên Quang trở thành một trung tâm khoa học, kỹ thuật y tế, chuyển giao công nghệ, bệnh viện tuyến cuối của khu vực Đông Bắc, đảm bảo đáp ứng tốt nhu cầu khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân tuyến Đông Bắc trong mạng lưới cơ sở y tế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung cụm từ "y tế" vào cuối câu để trở thành "Đối với khu vực Đông Bắc, tập trung phát triển kinh tế cửa khẩu, các dịch vụ thương mại, logistics và vận tải, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, khám phá, công nghiệp công nghệ thông tin, chế biến chế tạo, khai khoáng, sản xuất vật liệu xây dựng, nông, lâm nghiệp, y tế".

3. Tại Mục 2.2. Định hướng phát triển vùng và liên kết vùng (trang 509), bổ sung nội dung cụm từ "**Khu di tích Quốc gia đặc biệt Tân Trào**" và "**di sản thiên nhiên thế giới Na Hang (Tuyên Quang) - Ba Bể (Bắc Kạn)**" vào sau cụm từ "Hình thành các trung tâm du lịch, sản phẩm du lịch mang tính đặc trưng riêng của vùng như du lịch về nguồn (**Khu di tích Quốc gia đặc biệt Tân Trào**), tham quan tìm hiểu bản sắc văn hóa dân tộc; hệ sinh thái núi cao, hang động (**di sản thiên nhiên thế giới Na Hang (Tuyên Quang) - Ba Bể (Bắc Kạn)**); nghỉ dưỡng núi; nghỉ cuối tuần.

4. Bổ sung nội dung quy hoạch hình thành hành lang kinh tế "**Hà Nội - Phú Thọ - Tuyên Quang - Bắc Kạn - Cao Bằng**" vào sau cụm từ "Thúc đẩy hình thành hành lang kinh tế Cao Bằng - Bắc Kạn - Thái Nguyên - Hà Nội và Cao Bằng - Lạng Sơn - Bắc Giang - Hà Nội" để phát triển liên kết vùng theo định hướng phát triển được nêu tại Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị. Sau khi bổ sung sẽ là "Thúc đẩy hình thành hành lang kinh tế Cao Bằng - Bắc Kạn - Thái Nguyên - Hà Nội, **Hà Nội - Phú Thọ - Tuyên Quang - Bắc Kạn - Cao Bằng** và Cao Bằng - Lạng Sơn - Bắc Giang - Hà Nội (tham gia hành lang kinh tế Trùng Khánh - Quý Châu - Bách Sắc - Cao Bằng - Hà Nội - Hải Phòng)".

5. Bổ sung tuyến đường Cao tốc nối tỉnh Thái Nguyên - tỉnh Tuyên Quang - tỉnh Yên Bái kết nối với cao tốc Nội Bài - Lào Cai tạo thành trục kết nối ngang Đông - Tây giữa các tỉnh trong vùng Trung du và miền núi phía Bắc nhằm hoàn thiện bộ khung kết cấu hạ tầng trên địa bàn các vùng theo định hướng chung của quy hoạch đã nêu.

6. Tại mục 4. Mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung "**Trường Đại học Tân Trào**" vào định hướng hệ thống cơ sở giáo dục đại học trọng điểm của vùng Đông Bắc (thành 3 cơ sở giáo dục đại học trọng điểm của vùng Đông Bắc). Với chiến lược phát triển Trường Đại học Tân Trào giai đoạn 2018-2025, định hướng đến năm 2030 đảm bảo mục tiêu phấn đấu xây dựng thành trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong khu

vực, trung tâm nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ của khu vực miền núi phía Bắc. Quy mô đào tạo của Trường Đại học Tân Trào đến năm 2025 có trên 30 mã ngành đại học, 8 mã ngành đào tạo sau đại học.

Trên đây là ý kiến tham gia dự thảo Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Sở Kế hoạch và Đầu tư trân trọng báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, THKHQH (P.T.H).

GIÁM ĐỐC



Văn Đình Thảo

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

Số: 4373/UBND-KTNV

V/v góp ý đối với Quy hoạch tổng thể
quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn
đến năm 2050

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Vĩnh Long, ngày 04 tháng 8 năm 2022

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Căn cứ Công văn số 4595/BKHĐT-CLPT, ngày 07/7/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến đối với Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050,

Qua nghiên cứu dự thảo và tổng hợp ý kiến đóng góp của các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long góp ý nội dung Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, cụ thể:

1. Về tổng thể nội dung báo cáo tổng hợp Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050: đề nghị thực hiện đầy đủ nội dung chủ yếu theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 22 của Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017 và Điều 20 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ.

2. Đối với dự thảo báo cáo tổng hợp Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050:

- Tại mục c Cảng biển (trang 177) thuộc mục 5.2.6. Vùng Đồng bằng sông Cửu Long: đề nghị điều chỉnh nội dung “Các cảng loại III: Cảng biển Vĩnh Long (01 bến),...” thành “Các cảng loại III: Cảng biển Vĩnh Long (02 khu bến) vì theo Quyết định số 3383/QĐ-BGTVT ngày 28/10/2016 của Bộ Giao thông vận tải thì hiện trạng cảng biển Vĩnh Long gồm 02 khu bến đang hoạt động gồm khu bến Vĩnh Thái và khu bến Bình Minh.

- Tại nội dung 1.3.1 Đường bộ (trang 395) thuộc “Phương hướng phát triển và phân bố không gian”: Đề nghị bổ sung nội dung “Phấn đấu đến năm 2030 hoàn thành cải tạo, nâng cấp các tuyến Quốc lộ quy mô tối thiểu cấp III, 2 – 6 làn xe và tuyến qua khu vực địa hình khó khăn quy mô tối thiểu cấp IV, 2 làn xe” vì hiện nay vẫn còn nhiều tuyến Quốc lộ nhỏ, hẹp, năng lực khai thác hạn chế.

- Tại số thứ tự 19 thuộc bảng 83 “Tổng hợp các tuyến cao tốc đã đưa vào khai thác” (trang 594): Đề nghị bổ sung thêm “Đoạn tuyến cao tốc Trung Lương – Mỹ Thuận” với chiều dài 51,5Km. Đồng thời điều chỉnh lại tổng chiều dài đường cao tốc ở Đồng bằng sông Cửu Long và các số liệu tương ứng tại bảng 84, trang 594.

Trên đây là nội dung Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT.UBND phụ trách;
- CVP, PVP. UBND tỉnh;
- Phòng KT-NV;
- Lưu: VT, 5.25.05.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Quang Trung

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2284/UBND-TKTH
V/v tham gia ý kiến đối với
Quy hoạch tổng thể quốc gia
thời kỳ 2021-2030, tầm
nhìn đến năm 2050

Yên Bái, ngày 20 tháng 7 năm 2022

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái nhận được Văn bản số 4595/BKHĐT-CLPT ngày 07/7/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến đối với Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Sau khi nghiên cứu, Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái tham gia một số ý kiến như sau:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái cơ bản nhất trí với nội dung dự thảo Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng.

2. Về một số ý kiến tham gia cụ thể

2.1. Về dự thảo Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

- Tại trang 60: Về nội dung “Hệ thống di sản, di tích lịch sử - văn hóa là tài nguyên du lịch quan trọng nhất của Việt Nam với 28 di sản thế giới được UNESCO công nhận, trong đó có 8 di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, 13 di sản văn hóa phi vật thể, 7 di sản tư liệu;...”. Đề nghị sửa lại là: “... với 29 di sản thế giới được UNESCO công nhận, trong đó có 8 di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, 14 di sản văn hóa phi vật thể, 7 di sản tư liệu;...”.

Lý do: Ngày 15/12/2021, tại Phiên họp Ủy ban Liên Chính phủ Công ước 2003 về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể lần thứ 16 của UNESCO diễn ra ở Paris (Pháp), di sản Nghệ thuật Xòe Thái của Việt Nam chính thức được UNESCO ghi danh vào Danh sách Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại, nâng tổng số di sản văn hóa phi vật thể của Việt Nam lên 14 di sản.

- Tại trang 119: Về nội dung: “Các tỉnh vùng núi cũng hình thành các sản phẩm mới như du lịch địa chất cao nguyên đá Đồng Văn, lễ hội hoa Tam giác mạch (Hà Giang, năm 2015), lễ hội hái quả Mộc Châu (Sơn La), Hoa ban (Tây Bắc) thu hút khách du lịch rất lớn”. Đề nghị điều chỉnh, bổ sung thêm là: “Các tỉnh vùng núi cũng hình thành các sản phẩm mới như du lịch địa chất cao nguyên đá Đồng Văn, lễ hội hoa Tam giác mạch (Hà Giang, năm 2015), lễ hội hái quả Mộc Châu (Sơn La), Hoa ban (Điện Biên), lễ hội văn hóa - du lịch Mường Lò và khám phá danh thắng quốc gia đặc biệt Ruộng bậc thang Mù Cang Chải (Yên Bái) thu hút khách du lịch rất lớn.

- Tại trang 215 (Phần 7.7.1. Mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội): Đề nghị sửa đoạn: "...i) Vùng trung du và miền núi phía Bắc có 27 cơ sở đặt tại 15/15 tỉnh, thành phố..." thành: "Vùng trung du và miền núi phía Bắc có 27 cơ sở đặt tại 14/14 tỉnh, thành phố...".

- Tại trang 510 (Phần 2.2. Định hướng phát triển vùng và liên kết vùng):

Về nội dung: "Nghiên cứu xây dựng các tuyến đường sắt điện khí hóa Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng; Đồng Đăng - Hà Nội; Thái Nguyên - Tuyên Quang - Yên Bái." Đề nghị nghiên cứu, chỉnh sửa cho phù hợp với Quyết định số 1769/QĐ-TTg ngày 19/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Lý do: Đường sắt đi qua tỉnh Yên Bái bao gồm tuyến Hà Nội - Lào Cai (hiện có) và Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng (quy hoạch mới). Trong định hướng quy hoạch giao thông chưa có tuyến đường sắt điện khí hóa Thái Nguyên - Tuyên Quang - Yên Bái.

- Tại trang 544 (Bảng 76): Đề nghị xem xét bổ sung thêm giai đoạn đầu tư dự án đường sắt tốc độ cao Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng từ "giai đoạn thực hiện 2021-2025 và 2026-2030" thành "giai đoạn thực hiện 2021-2025, 2026-2030 và sau năm 2030" để đảm bảo thống nhất với quy hoạch mạng lưới đường sắt quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1769/QĐ-TTg ngày 19/10/2021.

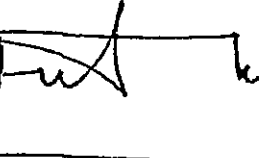
2.2. Về nội dung Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược: Tỉnh Yên Bái nhất trí với dự thảo.

Trên đây là một số ý kiến tham gia đối với Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái kính gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, nghiên cứu, tổng hợp./.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Chánh VP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, XD, TKTH. 




Trần Huy Tuấn